**Trần Trọng Kim**

1883-1953

Là một Học Giả danh tiếng, Thủ Tƣớng của Việt Nam (1945) tác giả cuốn *Việt Nam Sử Lược*.

Trần Trọng Kim, nhà giáo dục, nhà biên khảo văn học và sử học Việt Nam, bút hiệu Lệ Thần, sinh năm 1883 (Quý Mùi) tại làng Kiều Linh, xã Đan Phố, Huyện Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh.

Xuất thân trong một gia đình Nho Giáo, ông học chữ Hán từ nhỏ. Năm 1897, ông học Trƣờng Pháp-Việt Nam Định, học chữ Pháp. Năm 1900, ông thi đỗ vào Trƣờng Thông Ngôn và đến 1903 thì tốt nghiệp. Năm 1904, ông làm Thông Sự ở Ninh Bình. Năm 1905, ông qua Pháp học Trƣờng Thƣơng Mại ở Lyon, sau đƣợc học bổng vào Trƣờng Thuộc Địa Pháp. Năm 1909, ông vào học Trƣờng Sƣ Phạm Melun và tốt nghiệp ngày 31 tháng 7 năm 1911 rồi về nƣớc. Ông lần lƣợt dạy Trƣờng Trung Học Bảo hộ (Trƣờng Bƣởi), Trƣờng Hậu Bổ và Trƣờng Nam Sƣ Phạm.

Ông giữ nhiều chức vụ trong ngành giáo dục thời Pháp thuộc nhƣ: Thanh Tra Tiểu Học (1921), Trƣởng Ban Soạn Thảo Sách Giáo Khoa Tiểu Học (1924), dạy Trƣờng Sƣ Phạm thực hành 1931, Giám Đốc các Trƣờng Nam Tiểu Học tại Hà Nội (1939). Trần Trọng Kim còn là Phó Trƣởng Ban Ban Văn Học của Hội Khai Trí Tiến Đức và Nghị Viên Hội Đồng Dân Biểu Bắc Kỳ. Một năm sau khi ông về hƣu (1943), Nhật Bản kéo vào Đông Dƣơng và bí mật đƣa ông cùng Dƣơng Bá Trạc ra nƣớc ngoài. 1945, ông đƣợc đƣa về nƣớc. Từ thập niên 1910 đến thập niên 1940, ông cũng viết nhiều sách về sƣ phạm và lịch sử.

Ngày 9 tháng 3 năm 1945, Nhật đảo chính Pháp, độc chiếm thuộc địa Đông Dƣơng. Để tranh thủ sự ủng hộ của ngƣời Việt. Nhật tuyên bố trao trả độc lập cho Việt Nam. Ngày 11 tháng 3 năm 1945, triều đình Huế tuyên bố hủy bỏ Hòa ƣớc Patenôtre ký với Pháp năm 1884, khôi phục chủ quyền Việt Nam. Trần Trọng Kim đƣợc giao thành lập Nội Các vào ngày 17 tháng 4 năm 1945. Đây là chính phủ đầu tiên của nƣớc Việt Nam độc lập và Trần Trọng Kim trở thành Thủ Tƣớng đầu tiên của Việt Nam.

Tháng 6 năm 1945, chính phủ Trần Trọng Kim đặt quốc hiệu là Quốc Gia Việt Nam, đặt quốc thiều là bài ‘’Đăng đàn cung’’, quốc kỳ có ‘’nền vàng hình chữ nhật, giữa có hình quẻ Ly màu đỏ thẫm’’.

Chính phủ Trần Trọng Kim thực chất vẫn nằm dƣới sự bảo hộ của quân đội Nhật chiếm đóng Đông Dƣơng, vì vậy có nhiều ngƣời cho rằng đây chỉ là một chính phủ bù nhìn thân Nhật và không có đƣợc sự ủng hộ của dân chúng. Khi quân Nhật đầu hàng Đồng Minh, chính phủ Trần Trọng Kim cũng chỉ tồn tại đƣợc đến ngày 23 tháng 8 năm 1945 thì sụp đổ.

Tuy nhiên, trong thời gian ngắn ngủi, chính phủ này cũng đã làm đƣợc một việc quan trọng là thống nhất về mặt danh nghĩa đất Nam kỳ vào đất nƣớc Việt Nam và thay chƣơng trình học bằng tiếng Pháp sang chƣơng trình học bằng tiếng Việt, do học giả Hoàng Xuân Hãn biên soạn. Bộ Trƣởng Bộ Thanh Niên Phan Anh đã thành lập Đoàn Thanh Niên Tiền Tuyến, Thanh Niên Xã Hội. Trƣờng Thanh niên tiền tuyến đã đào tạo ra nhiều tƣớng lĩnh, Sĩ Quan của Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa sau này.

Sau khi Việt Minh giành đƣợc chính quyền và nƣớc Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa đƣợc thành lập, Trần Trọng Kim lƣu vong ra nƣớc ngoài. Sau nhiều năm tháng long đong ở Quảng Châu và Hồng Kông, ngày 6 tháng 2 năm 1947, ông trở về Sài Gòn và sống tại nhà Luật Sƣ Trịnh Đình Thảo. Năm 1948, ông qua Nam Vang và sống với ngƣời con gái. Sau đó, ông lại trở về Việt Nam sống thầm lặng và mất tại Đà Lạt vào ngày 2 tháng 12 năm 1953, thọ 71 tuổi.

Trần Trọng Kim đƣợc đánh giá là một học giả uyên thâm cả tân và cựu học, là ngƣời tận tụy cho ngành giáo dục Việt Nam đầu thế kỷ 20. Tuy nhiên, ông là ngƣời có tƣ tƣởng bảo thủ và dân tộc-bảo hoàng. Tác phẩm *Việt Nam Sử Lược* đƣợc đánh giá là một trong những quyển sử Việt Nam có phong cách ngắn gọn, súc tích và dễ hiểu, đƣợc tái bản nhiều lần.

**MỘT CƠN GIÓ BỤI**

CHƢƠNG I

CUỘC ĐỜI YÊN LẶNG VÀ VÔ VỊ

Trần Trọng Kim

Sau 31 năm làm việc trong giáo giới, trải làm Giáo Sƣ ở Trƣờng Trung Học Bảo Hộ và Trƣờng Sĩ Hoạn, kế lại sung chức Bắc Kỳ Tiểu Học Thanh Tra, rồi về giữ chức Giám Đốc Trƣờng Nam Tiểu Học ở Hà Nội, đến năm 1942 mới đƣợc về hƣu. Tƣởng thế là đƣợc nghỉ ngơi cho trọn tuổi già. Bởi vì trong một đời có nhiều nỗi uất ức sầu khổ về tình thế nƣớc nhà, về lòng hèn hạ đê mạt của ngƣời đời, thành ra không có gì là vui thú. Một mình chỉ cặm cụi ở mấy quyển sách để tiêu khiển. Ðó là tâm tình và thân thế của một ngƣời ngậm ngùi ở trong cái hoàn cảnh éo le, và trong một bầu không khí lúc cũng khó thở. Ðƣợc cái rằng trời cho ngƣời ta có sẵn cái tính tùy cảnh mà an, cho nên bất cứ ở cảnh nào lâu ngày cũng quen, thành ra thế nào cũng chịu đƣợc.

Năm Quý Mùi (1943) là năm trăng mờ gió thảm, tiếng chiến tranh inh ỏi khắp hoàn cầu, toàn xứ Ðông Dƣơng bị quân Nhật Bản tràn vào, họa chiến tranh mỗi ngày một lan rộng. Dân Việt Nam bị đói kém đau khổ đủ mọi đƣờng, lại căm tức về nỗi nƣớc nhà suy nhƣợc phải bị đè nén dƣới cuộc bảo hộ trong sáu bẩy mƣơi năm, cho nên ai cũng muốn nhân cơ hội ấy mà gây lại nền độc lập đã mong mỏi từ bao lâu.

Tôi là một ngƣời nƣớc Việt Nam, lẽ nào lòng tôi lại không rung động theo với dịp rung động của những ngƣời ái quốc trong nƣớc ? Nhƣng vì hoàn cảnh khó khăn, lòng ngƣời ly tán, nhiều ngƣời lại muốn lợi dụng cái tiếng ái quốc để làm cái mối tƣ lợi cho mình, vì vậy mà tôi chán nản không dự vào đảng phái nào cả, mà cũng không hành động về phƣơng diện chính trị. Ngoài những lúc làm những công việc hàng ngày phải làm, khi rỗi rãi gặp những bạn thân, nói đến chuyện thiên hạ sự và việc nƣớc nhà, thì tôi cũng nói chuyện phiếm và mong cho nƣớc nhà chóng đƣợc giải phóng.

Thƣờng tôi gặp ngƣời Pháp, tôi cũng nói thẳng rằng: Nếu trong cái hoàn cảnh này, ngƣời Pháp hiểu rõ tình thế mà buông tha chúng tôi ra thì không những là nƣớc Pháp không thiệt thòi gì mấy về đƣờng kinh tế, mà về đƣờng văn hóa và thực tế lại có phần lợi vì đã làm một cái ơn lớn cho cả một dân tộc. Mà thực tế nếu đƣợc nhƣ vậy thì dân Việt Nam không bao giờ quên đƣợc cái ơn ấy, mà vui lòng hợp tác với nƣớc Pháp. Song đó là một cái mộng tƣởng không thê có ở trong đời này, là đời đầy những sự tham, sân, si, cho nên nhân loại đã phải chịu bao nhiêu nỗi đau buồn khổ não. Mà còn phải chịu không biết đến bao giờ mới thôi !

Trong khi nƣớc Pháp đang bị cái nạn chiến tranh, ngƣời Pháp đối với ngƣời Việt Nam không đổi thái độ chút nào, mà ngƣời Nhật thì lại muốn lợi dụng lòng ái quốc của ngƣời Việt Nam để quyến dụ ngƣời ta theo mình. Ngƣời Việt Nam không phải là không hiểu cái tâm địa ngƣời Nhật, song có nhiều ngƣời muốn thừa cái cơ hội hiện tại mà phá vỡ cái khuôn khổ bé hẹp nó ràng buộc mình đã bao lâu để gây ra cái không khí mới, rồi sau thế nào cũng tìm cách đối phó. Phần nhiều ngƣời trí thức trong nƣớc đều có cái quan niệm ấy, nhƣng vì thế lực không đủ, cho nên không ai hành động gì cả, trừ một bọn ngƣời hoặc vì lòng nóng nảy, hoặc vì lòng ham danh lợi chạy theo ngƣời Nhật.

Nƣớc Nhật Bản trƣớc vốn là một nƣớc đồng văn đồng hóa ở Á Ðông, nhƣng về sau đã theo Âu Hóa, dùng những phƣơng pháp quỉ quyệt để mở rộng chủ nghĩa đế quốc của họ, trƣớc đã thôn tính Cao Ly và Mãn Châu, sau lại muốn xâm lƣợc nƣớc Tàu và các nƣớc khác ở Á Ðông đã bị ngƣời Âu Châu chiếm giữ. Ngƣời Nhật tuy dùng khẩu hiệu ‘’đồng minh cộng nhục’’ và lấy danh nghĩa ‘’giải phóng các dân tộc bị hà hiếp’’, nhƣng thâm ý là muốn thu hết quyền lợi về mình. Bởi vậy chính sách của họ thấy đầy những sự trái ngƣợc, nói một đàng làm một nẻo. Cái chính sách ấy là chính sách bá đạo rất thịnh hành ở thế giới ngày nay. Dùng lời nhân nghĩa để nhử ngƣời ta vào chòng của mình mà thống trị cho dễ, chứ sự thực thì chỉ vì lợi mà thôi, không có gì là danh nghĩa cả.

Trong hoàn cảnh khó khăn ấy tôi phải nén mình ngồi yên. Song mình muốn ngồi yên mà ngƣời ta không để cho yên. Hết ngƣời này đến nói chuyện lập hội này, ngƣời khác đến nói chuyện lập đảng nọ. Ðảng với hội gì mà tinh thần không có, sự tổ chức chẳng đâu ra đâu thì càng nhiều đảng và hội bao nhiêu lại càng thêm rối việc bấy nhiêu, chứ có ích gì ? Bởi vậy đối với ai, tôi cũng lấy lòng ngay thẳng mà đáp lại, nhƣng không đồng ý với ai cả.

CHƢƠNG II

ĐI CHIÊU NAM ĐẢO (SINGGAPORE)

Vào khoảng cuối năm Canh Thìn (1940) sau khi quân Nhật đã vào đóng ở Ðông Dƣơng rồi, có những ngƣời Nhật nói là Giáo Sƣ ở những Trƣờng Cao Đẳng bên Ðông Kinh sang khảo cứu về văn hóa thƣờng đến tìm tôi hỏi về lịch sử và tôn giáo v.v...Tuy những ngƣời ấy không nói gì đến việc chính trị, nhƣng ai cũng biết là họ đi dò xét tình ý những nhân sĩ trong nƣớc. Vậy nên tôi cũng chỉ nói về mặt văn hóa mà thôi. Sau đó có những ngƣời Nhật khác cũng hay đến nói chuyện, một đôi khi có nói đến việc chính trị, tôi chối ngay rằng tôi không làm chính trị.

Sự đi lại của những ngƣời Nhật làm cho ngƣời Pháp để ý đến tôi. Có khi thấy có ngƣời rất ám muội đến bàn làm những việc bất chánh để giữ tôi vào tròng pháp luật, và thƣờng lại thấy các thám tử đứng rình luôn luôn ở trƣớc cửa.

Trong những ngƣời Việt Nam thỉnh thoảng đi lại nhà tôi, có ông Nguyễn Trác ở Thanh Hóa, vì ông có ngƣời con rể là ông Ðặng Phúc Thông ở bên cạnh nhà tôi và lại là ngƣời vẫn quen tôi. Bởi vậy mà ông Trác quen tôi và đi lại nhà tôi, một đôi khi cũng nói đến hành động của ngƣời Nhật ở Ðông Dƣơng. Tôi thấy ông Trác có nhiệt tâm yêu nƣớc thì cũng vui lòng trò chuyện và dặn ông phải cẩn thận, đừng có hấp tấp mà mắc mƣu gian. Song ông tin ngƣời Nhật có thể giúp đƣợc mình. Việc nhì nhằng nhƣ thế một độ rồi ông đi Sài Gòn và ở trong ấy độ chừng hai tháng mới ra.

Ðã từ mấy tháng trƣớc, có nhiều ngƣời bị bắt vì sự giao thông với ngƣời Nhật, nhƣ Trƣơng Kế An khai với ngƣời Pháp rằng y ra Hà Nội có gặp tôi và ngủ ở nhà tôi một đêm. Ðó thật là một việc bịa đặt, vì tôi không quen biết ngƣời ấy bao giờ và cũng không bao giờ gặp y. Hà Nội thƣờng cũng có sự bắt bớ nhƣ thế, nhất là vào khoảng tháng Mƣời năm 1943 có mấy ngƣời đi làm với phái bộ Nhật Bản bị bắt, ngƣời trong Thành Thị nôn nao cả lên. Lúc ấy ngƣời con gái ông Trác là bạn con tôi ra Hà Nội để chữa mắt, có đến ở nhà tôi. Chợt đến ngày 25 tháng Mƣời, ông Nguyễn Trác ở Sài Gòn ra, có đến thăm con tôi và gặp tôi trong một chốc lát, nói chuyện qua loa vài câu, rồi ông nói vài hôm ông sẽ về Thanh Hóa.

Ðộ ấy, cứ chiều chiều tôi đi đến Phố Hàng Bông vào nhà in Bắc Thành của ông Lê Thăng, chữa những sách in lại. Chữa xong những bản đập, ngồi nói chuyện phiếm đến bẩy giờ, thì tôi lại đi bộ từ Phố Hàng Bông về đến Nhà Rƣợu với vài ngƣời bạn cùng đi một đƣờng.

Chiều ngày 27 tháng Mƣời, cũng nhƣ mọi ngày, tôi về đến đầu Phố Nhà Rƣợu thì thấy ngƣời nhà chạy tất tả đến nói rằng: ‘’Không biết có việc gì mà có mấy ngƣời Nhật bảo tôi đi tìm ông’’. Tôi nghĩ bụng: Lại mấy ngƣời mọi khi đến quấy rối chứ còn việc gì nữa. Tôi về đến nhà thì thấy mấy ngƣời Hiến Binh Nhật với một ngƣời Nhật quen từ trƣớc ngồi chờ. Họ thấy tôi liền hỏi ngay rằng:

* Ông có biết ông Nguyễn Trác và ông Trần Văn Lai đã bị bắt từ lúc bốn giờ rƣỡi rồi không ?
* Tôi không biết.
* Ngƣời Pháp sắp bắt ông đấy.
* Bắt thì bắt, làm thế nào đƣợc.
* Ông nên vào Hiến Binh Nhật mà lánh đi mấy ngày.
* Tôi có làm gì với ngƣời Nhật mà chạy vào Hiến Binh Nhật ?
* Ông không thấy lính mật thám rình chung quanh nhà ông hay sao ?
* Tôi vẫn biết, nhƣng tôi không làm điều gì đáng lo sợ.
* Ông nên nghĩ đến tƣơng lai nƣớc ông mà tạm lánh đi mấy ngày.
* Tôi chẳng đi đâu cả !

Mấy ngƣời Nhật thấy tôi nói thế tỏ vẻ tức giận, đứng dậy ra về. Còn ngƣời Nhật quen ở lại, nói rằng:

* Ông không vào Hiến Binh thì thôi, nhƣng tôi sợ đêm nay ngƣời Pháp sẽ đến bắt ông.

Chi bằng ông hãy sang ở tạm bên nhà tôi gần đây. Nếu mai không có việc gì, thì ông lại về.

Lúc ấy tôi nhìn ra cửa thấy hai ngƣời giống nhƣ mật thám đứng ở ngoài dòm vào. Tôi nghĩ bụng: ‘’Ta hãy lánh đi một đêm cũng không sao’’. Tôi nhận lời sang ngủ bên nhà ngƣời Nhật quen. Sang nhà ngƣời Nhật ấy, tôi dặn đừng cho Hiến Binh Nhật biết. Ngƣời Nhật ấy hứa sẽ giữ lời. Ðêm nằm không ngủ đƣợc, nghĩ xa nghĩ gần: ‘’Mình đã không muốn làm gì cả, mà lại bị ngƣời ta ngờ vực, rồi đây ra sao ? Rõ thật đất bằng nổi trận phong ba’’.

Sáng hôm sau, tôi đang ở trong buồng thấy mấy ngƣời Hiến Binh Nhật đem xe hơi đến bảo có lệnh đón tôi về ở khách sạn của nhà binh Nhật! Nghe hai tiếng có lệnh, biết là mình không sao từ chối đƣợc nữa. Tôi trách ngƣời Nhật quen rằng sao ông đã hứa với tôi không cho Hiến Binh biết, mà lại còn đi báo để Hiến Binh đến ? Ngƣời ấy nói:

* Tôi là ngƣời thƣờng, nhỡ ngƣời Pháp biết mà đến bắt ông, thì tôi làm thế nào bênh vực đƣợc ông. Vì vậy tôi phải cho Hiến Binh biết.

Thôi đành theo số phận, tôi lên xe đi đến khách sạn của Nhật. Ðến năm giờ chiều hôm ấy, thấy Hiến Binh Nhật đem ông Dƣơng Bá Trạc cũng vào đấy.

Ông Dƣơng Bá Trạc là một Nhà Văn Học, đỗ Cử Nhân từ thủa mới 16 tuổi, vì tình nƣớc mà bỏ không ra làm Quan, theo ông Phan Bội Châu đi làm cách mệnh, đã từng phải đày ra Côn Lôn và phải cƣỡng bách lƣu trú mấy năm ở Nam kỳ. Ông cùng với tôi là bạn làm Bộ Việt Nam Tự Ðiển ở Ban Văn Học Hội Khai Trí Tiến Ðức. Tôi trông thấy ông Dƣơng, cƣời bảo:

* Sao bác lại vào đây ? Ông Dƣơng nói:
* Mình đi ra ngoài đƣờng định lui về quê, bị bọn Hiến Binh Nhật mời lên xe đƣa vào đây. Nghe đâu ở ngoài phố họ bắt lung tung cả, chƣa biết rõ những ai.

Sau một lúc chuyện trò về tình cảnh của nhau, ông Dƣơng nói:

* Bây giờ chúng ta lâm vào cảnh này thật là khó quá. Dù rồi ra chúng ta có về nhà nữa, ngƣời Pháp cũng chẳng để yên. Chi bằng chúng ta nói với Hiến Binh Nhật cho chúng ta ra ngoài để gặp ông Cƣờng Ðể, ta sẽ bàn cách làm việc gì có ích lợi cho tƣơng lai nƣớc nhà.
* Ông Cƣờng Ðể thì chỉ có bác quen mà thôi, và nghe nói ông ấy đã ủy quyền cho ông Ngô Ðình Diệm và Huỳnh Thúc Kháng tổ chức mọi việc, tôi chạy theo ông ấy thì có ích gì ?
* Ông Cƣờng Ðể là ngƣời chính phủ Nhật Bản đã giúp đỡ, ta ra cùng làm việc với ông ấy, rồi xin cùng ngƣời Nhật cho cả ông Huỳnh Thúc Kháng và ông Ngô Ðình Diệm ra nữa, ta sẽ lập thành một cơ quan ở hải ngoại, thu thập hết thảy những nhà cách mệnh đã ở ngoài về một chỗ thì sự hành động của ta sẽ có ý nghĩa lắm. Chẳng hơn là cứ lẩn nấp ở trong nƣớc, để cho ngƣời Pháp chực bắt bớ.

Tôi nghe ông Dƣơng nói cũng bùi tai, liền bàn nhau viết thƣ xin ngƣời Nhật giúp chúng tôi ra ngoài. Cách mấy hôm, viên Thiếu Tá Hiến Binh Nhật ở Hà Nội đến thăm chúng tôi và nói: ‘’Việc các ông xin ra ngoài là rất phải, để tôi vào Sài Gòn hỏi ý kiến Tƣ Lệnh Bộ trong ấy, lệnh trên định thế nào, tôi sẽ nói cho các ông biết.

Chúng tôi đợi ở khách sạn đến gần ba tuần lễ, viên Thiếu Tá mới trở về và đến nói cho chúng tôi biết:

* Tƣ Lệnh Bộ cho hay các ông đi đâu bây giờ cũng không tiện, chỉ có ra Chiêu Nam Ðảo là yên ổn hơn cả. Các ông ra đấy rồi ông Cƣờng Ðể cũng sắp về đấy cùng các ngƣời khác nữa sẽ họp nhau làm việc, rất là thuận tiện.

Chúng tôi nghĩ miễn là mình thoát ra khỏi cái cảnh eo hẹp này là đƣợc, vậy có ra Chiêu Nam Ðảo cũng chả sao. Chúng tôi nhận đi.

Từ đó ngƣời Nhật tổ chức đƣa chúng tôi vào Sài Gòn rồi đƣa ra Chiêu Nam Ðảo. Lúc chúng tôi ở Hà Nội đi, có ngƣời giúp cho đƣợc 5.000 đồng giao cho ông Dƣơng giữ cả. Chúng tôi đi xe lửa với một toán lính Nhật vào Sài Gòn. Trƣớc hết đến nhà Hiến Binh Nhật

mất 12 ngày, rồi sau ở nhà của hiệu Ðại Nam công ty 19 ngày. Ðến ngày mùng một tháng Giêng năm 1944 mới xuống tàu thủy sang Chiêu Nam Ðảo.

Sau khi chúng thôi vào Sài Gòn đƣợc tám chín ngày, xem báo biết là cái nhà khách sạn Nhật Bản chúng tôi ở trƣớc, bị tàu bay Mỹ ném bom ngày mồng 9 tháng 12 năm 1943, đúng vào giữa cái phòng chúng tôi ở. Ấy là trong khi nguy nan vẫn có trời tựa, chứ nếu chậm lại độ mƣơi ngày thì cũng đi đời rồi.

Kể chi những nỗi lo sợ ở dọc đƣờng từ Hà Nội sang đến Chiêu Nam Ðảo. Lúc ấy chúng tôi chỉ mong chóng đến nơi để tổ chức công việc làm của mình. Ngƣời ta thƣờng có cái tính lạ, là đang giữa lúc chiến tranh nhƣ thế, mà vẫn tƣởng tƣợng Chiêu Nam Ðảo nhƣ Singapour ngày trƣớc, rồi dự định sẽ mời hết thảy những chính khách lƣu vong ở ngoài về đấy để cùng nhau mà trù tính mọi việc. Ngờ đâu khi đến Chiêu Nam Ðảo rồi, mới biết cái đảo khi xƣa thịnh vƣợng bao nhiêu, thì bây giờ tiều tụy bấy nhiêu. ngoài cảng chỉ có lơ thơ vài chiếc tàu vận tải của Nhật, ở trong Thành Thị, những nhà cửa phố xá không hƣ hỏng mấy nhƣng sự buôn bán đình trệ, sự sinh hoạt mỗi ngày một nghèo ngặt, lúa gạo mỗi ngày một khan, các thực phẩm đắt đỏ không thể tƣởng tƣợng đƣợc. Sự đi lại với các xứ ngoài, ngƣời Nhật kiểm soát nghiêm mật, thành ra không giao thông đƣợc với đâu cả.

Lúc chúng tôi ở Sài Gòn, đã biết có hai chính khách Việt Nam ở Nam Bộ đã sang bên ấy, cho nên khi tàu ghé vào bến chúng tôi cứ rƣớn cổ để trông xem có ai là ngƣời Việt Nam ra đón mình không. Trông chẳng thấy ai đã buồn bực bao nhiêu, lại thấy mấy ngƣời Nhật đƣa chúng tôi đi giữa cái thái độ bí mật. Hỏi họ đƣa chúng tôi đến chỗ nào, họ cũng không nói năng gì. Họ đƣa mình đến đâu cũng chẳng biết, trong bụng chỉ lo họ đem chúng tôi vào nhà Hiến Binh nhƣ ở Sài Gòn thì cực quá. Thôi thì đã liều thì liều cho đến cùng.

Sau khi qua chỗ nọ chỗ kia rồi, ngƣời Nhật mới đem chúng tôi về khách sạn ‘’Quốc Tế Phú Sĩ binh trạm’’ ở con Đƣờng Grame Road. Ðến đấy đƣợc một sự vui mừng trƣớc tiên là sự gặp bạn đồng chí Ðặng Văn Ký và Trần Văn Ân đã nghe nói từ trƣớc. Ði ra chỗ xa lạ, tiếng tăm không biết mà gặp đƣợc ngƣời cùng xứ sở chuyện trò vui vẻ kể sao xiết.

Lúc đầu còn hứng thú đi xem đây xem đó, và gặp mấy ngƣời Việt Nam sang làm việc, hoặc buôn bán hay làm thuyền thợ, rồi vì sự chiến tranh mà mắc nghẽn bên ấy. Ai nấy đều vui mừng đón mời. Gặp nhau nhƣ thế làm cho chúng tôi khuây khỏa ít nhiều, song cũng không làm cho chúng tôi quên đƣợc sự nhớ nhà nhớ nƣớc.

Chiêu Nam Ðảo là Nhật đặt ra để gọi tên Đảo Singapoure (Làng Sƣ Tử) sau khi quân Nhật đã chiếm đƣợc cả Bán Đảo Mã Lai. Ðảo ấy có cái Hải Cảng rất hiểm yếu ở giữa đƣờng hải đạo từ Tây phƣơng sang các xứ bên Thái Bình Dƣơng. Dân cƣ ở đảo ấy có đến 75% là ngƣời Trung Hoa, còn lại là ngƣời Mã Lai, ngƣời Ấn Ðộ và ngƣời Nhật.

Việc điều khiển, phòng bị và cai trị trƣớc đã ở tay ngƣời Anh, sau ở cả ngƣời Nhật. Việc buôn bán và những công nghệ phần nhiều ở tay ngƣời Trung Hoa, còn ngƣời bản xứ chỉ làm những nghề nhỏ mọn nhƣ chài lƣới và trồng trọt rau khoai phía ngoài Thành Thị. Phố xá trong Thành Thị chia làm hai khu: Một khu là nơi bình thời buôn bán phồn thịnh có nhà cửa rộng lớn, ngƣời đông đúc, chỉ ở gần bến tàu và ven bờ biển, một khu ở phía trong có đƣờng xá sạch sẽ, hai bên có những biệt thự của những phú thƣơng ngƣời Anh hay ngƣời Tàu. Những biệt thự ấy thƣờng làm ở sƣờn đồi có cây cối sầm uất và vƣờn tƣợc đẹp đẽ. Ngoài một vài nơi có phong cảnh khả quan, còn là những nơi buôn bán và ăn chơi chứ không có di tích gì đáng xem.

Từ khi chúng tôi vào ở khách sạn Nhật Bản ở Hà Nội cho đến khi sang tới Chiêu Nam Ðảo, trong óc chúng tôi tính toán dự định bao nhiêu công việc phải làm, nào báo chí, nào ủy ban này ủy ban nọ. Hễ lúc nào trong óc nẩy ra một ý tƣởng gì, thì tƣởng nhƣ thấy sự thực đã hiện ra trƣớc mặt rồi. Ðến khi trông rõ sự thực, thì bao nhiêu mộng tƣởng của mình vẫn ngấm ngầm vuốt ve, lại biến đi đâu mất cả.

Ở Chiêu Nam Ðảo hơn một tháng chẳng thấy gì khác, sáng nhƣ chiều, bốn ngƣời lủi thủi với nhau. Những ngƣời mà Nhật hứa hẹn sẽ đƣa ra, cũng chẳng thấy ai, nỗi chán nản ngày một tăng thêm, nghĩ mình mắc vào cái cạm không sao gỡ đƣợc.

Về đƣờng vật chất, thì trƣớc bốn chúng tôi ở hai buồng lớn trong căn nhà hai tầng lên xuống dễ dàng. Từ tháng Tƣ dƣơng lịch trở đi, chủ khách sạn bảo chúng tôi dọn sang nhà lớn ở từng thứ năm, thang máy chỉ chạy có giờ mà thƣờng lại hƣ hỏng, thành ra phần thì nóng nực phần thì trèo thang nhọc mệt phần thì thấy công việc chẳng có gì làm, sự ăn uống lúc đầu ngày ba bữa còn đƣợc sung túc, sau dần thiếu gạo, thiếu đồ ăn, có khi trong ba bữa phải hai bữa ăn mì bột sắn nấu với nƣới sôi.

Sự ăn uống thiếu thốn, hoàn cảnh đìu hiu, tâm tình sầu muộn, lại ngày lên thang xuống thang nhọc mệt, chẳng bao lâu tôi mắc bệnh máu bốc lên đầu. Thuốc thang lại không có, chỉ có mấy ngày lấy bớt máu ra một lần. Thầy thuốc nhà binh Nhật chữa mãi không khỏi, tôi phải chữa thầy thuốc ngoài. Có câu chuyện tự nhiên mà thành ra buồn cƣời: Tôi đến nhà Y Sĩ ngƣời Trung Hoa. Ông xem xong rồi bảo tôi về ăn ít cơm và rau. Ông nói thế, thật là đúng phép, nhƣng cơm đã không có đủ ăn, còn rau thì tìm đâu ra. Thôi thì việc sống thác phó mặc trời xanh ta cứ ‘’cƣ dị dĩ sĩ mệnh’’. Ấy là trong bụng tôi nghĩ nhƣ vậy, rồi ngày ngày tôi lấy Ðƣờng thi dịch ra Việt thi để làm việc tiêu khiển.

Bệnh tôi chƣa khỏi thì đến lƣợt ông Dƣơng Bá Trạc bắt đầu đau. Trƣớc thì mỗi khi tôi có cơn chóng mặt, ông trông nom thuốc thang, sau dần ông thấy trong ngƣời mỏi mệt, và một đôi khi có ho năm ba tiếng. Tôi hỏi ông nói không việc gì. Tôi tin ở lời ông biết thuốc, và thƣờng ai đau yếu ông vẫn bốc thuốc cho ngƣời ta. Ông vẫn gƣợng đi chơi, hoặc ngồi dịch Ðƣờng Thi với tôi, cho nên ai cũng tƣởng là bệnh xoàng.

Chúng tôi thấy từ năm 1944 trở đi, quân Nhật đánh ở các nơi thƣờng cứ bại trận, ở Chiêu Nam Ðảo lại là nơi chiến địa, lƣơng thực cạn khô, mà ở bên Xiêm thì gạo thóc nhiều và nhiều ngƣời Việt Nam ở bên ấy. Ông Dƣơng bàn với tôi rằng: ‘’Đây có nhiều điều nguy hiểm, chi bằng ta xin ngƣời Nhật cho chúng ta về Băng Cốc để dù xảy ra việc bất ngờ gì, ta còn có chỗ lui’’. Chúng tôi liền làm cái thƣ xin quân đội Nhật cho về Băng Cốc.

Thƣ gửi đi đƣợc mấy ngày, bấy giờ vào khoảng tháng Chín dƣơng lịch, chủ khách sạn không hiểu duyên cớ gì lại bảo chúng tôi dọn về ở hai cái buồng cũ rộng rãi và mát mẻ hơn. Một hôm ông Dƣơng đang ngồi dịch thơ với tôi, tự nhiên thấy ông lên cơn nấc. Nấc mãi không thôi, uống thuốc gì cũng không khỏi. Chúng tôi khuyên ông nên đi đến thầy thuốc nhà binh Nhật xem rõ bệnh tình ra sao. Ông cho là bệnh thƣờng, không chịu đi. Sau cơn nấc cứ luôn mãi cả ngày và đêm, nhọc mệt vô cùng, ông mới chịu đi đến bệnh viện cho thầy thuốc xem.

Thầy thuốc ở bệnh viện đem chiếu điện xem phổi, thì ra ông mắc bệnh phế nham, là bệnh ung thƣ ở trong phổi. Ngƣời Nhật bảo ông phải vào nằm bệnh viện, ông không muốn vào, nói rằng: Sống chết có mệnh, nay vào bệnh viện ngôn ngữ không biết, có nhiều sự bất tiện. Ông Trần Văn Ân nói: ‘’Cụ cứ vào, tôi vào bệnh viện ở với cụ’’. Trong bốn ngƣời chúng tôi, có ông Ân biết ít nhiều tiếng Anh và tiếng Nhật. Chúng tôi nói mãi, ông Dƣơng mới chịu vào bệnh viện.

Ðịnh đến ba giờ chiều ngày mồng 5 tháng Một dƣơng lịch thì Tƣ Lệnh Bộ Nhật Bản cho xe đến đƣa ông Dƣơng vào bệnh viện nhà binh. Bữa cơm trƣa hôm ấy ông Dƣơng với tôi đi ăn cơm, bữa ăn chỉ có mỗi ngƣời một bát mì làm bằng bột sắn. Tôi nuốt không trôi, phần thì thƣơng bạn, phần thì ngậm ngùi về số phận. Lúc mới đi tuy có nhiều điều cực khổ, nhƣng lòng còn chứa nhiều hy vọng về công việc làm, thành ra vẫn hăng hái. Nay bao nhiêu hy vọng ấy đã thành ra ngọn khói bay tan, lại nhớ những lúc đi đƣờng, đói no, lo sợ có nhau, giúp đỡ lẫn nhau, bây giờ chẳng may tôi đau yếu chƣa khỏi mà bạn lại mắc phải cái bệnh nguy hiểm tính mệnh chƣa biết ra sao. Hai ngƣời ngồi đối diện không nói năng gì mà tôi chắc rằng cũng đồng một ý nghĩ nhƣ nhau thành ra trƣớc hai bát mì bột sắn, chỉ có bốn dòng lệ tuôn mƣa. Tôi nói:

* Bệnh bác tuy nặng, nhƣng chƣa đến nỗi thất vọng, bác chịu khó vào bệnh viện cho ngƣời ta chữa, trời nào phụ lòng bác. Thỉnh thoảng tôi lại vào thăm bác.

Ông Dƣơng nói:

* Còn một ít tiền đây, bác giữ lấy phòng khi có việc gì mà tiêu.

Từ khi ở Hà Nội đi ra đến bây giờ, tiền nong có bao nhiêu ông Dƣơng vẫn giữ tôi không biết. Anh em dặn dò nhau xong thì xe hơi đến, ông Trần Văn Ân đƣa ông Dƣơng vào bệnh viện.

Lúc ấy tôi vẫn nằm một mình trong phòng khách sạn, tình cảnh mới thê thảm làm sao, lại nhớ bài thơ thất ngôn tứ tuyệt của Vi Trang đời Ðƣờng tôi vừa dịch xong:

*Than thân xa lạ quê người*

*Lại cùng người cũ bên trời chia tay Trăng tàn quán khách sớm mai Tỉnh say ai cũng lệ rơi ướt đầm.*

Khi ấy có một ngƣời Việt Nam khá giả ở Chiêu Nam Ðảo đã lâu, thƣờng đem xe hơi đến đƣa tôi đi chơi cho đỡ buồn. Một hôm ăn cơm tối rồi ngƣời ấy đƣa tôi ra bờ biển ngồi xem trăng lên, tôi thấy cảnh động lòng thơ, mới vịnh một bài ngũ ngôn rằng:

*Chiêu Nam ngụ đất khách Hà Bắc nhớ quê hương Mặt biển lô nhô sóng*

*Góc trời chênh chếch gương Thân già đau đã nản*

*Bạn cũ bệnh càng thương Tạo hóa chơi khăm quá*

*Trung trinh cũng đoạn trường!*

Tôi ít làm thơ, khi cao hứng làm một vài bài, nghe nó vẫn thật thà nhƣ thế, nên không hay làm. Dù sao nó cũng biểu lộ đƣợc chút tâm tình sầu muộn lúc bấy giờ.

Khi mới vào bệnh viện, ngƣời Nhật để ông Dƣơng ở nhà bệnh viện chung, nằm buồng riêng của các tƣớng hiệu, và đối đãi rất tử tế. Ông nằm ở đó đƣợc mấy ngày thì phải đem sang nằm ở nhà bệnh truyền nhiễm. Bệnh nấc tuy có đỡ, nhƣng bệnh phổi thì mỗi ngày một nặng thêm. Ngày 13 tháng một, tôi cùng mấy ngƣời bạn khác vào thăm ông Dƣơng vừa đúng ngày ông phải dọn sang phòng riêng rộng rãi mát mẻ. Chúng tôi thấy ông phải sang phòng rộng nhƣ thế ai nấy đều lo, nhƣng không dám nói ra. Dọn sang phòng mới rồi, chúng tôi ngồi chơi một lúc, tôi hỏi ông Dƣơng rằng:

* Tôi nghe bác có ngƣời con làm Y Sĩ ở Sài Gòn tên là gì và địa chỉ ở đâu ? Ông nói:
* Nó làm ở nhà thƣơng Chợ Quán gần Sài Gòn nhƣng không nên cho nó biết làm gì.

Tôi biên tên và địa chỉ ngƣời con ông Dƣơng để phòng khi có xảy ra sự gì chẳng may tôi có thể báo tinh cho biết.

Khi đang bối rối lo buồn nhƣ thế, vào khoảng đầu tháng Chạp dƣơng lịch, Tƣ Lệnh Bộ Nhật cho viên Trung Úy đến nói rằng có lệnh bên Ðông Dƣơng sang cho ông Dƣơng và tôi đi Băng Cốc. Tôi nói ông Dƣơng đang đau nặng nằm ở bệnh viện, đi làm sao đƣợc. Ðể hỏi trong bệnh viện xem ông Dƣơng có đi đƣợc không, thì cùng đi cả hai ngƣời. Nếu ông Dƣơng đi không đƣợc, thì hãy đình việc ấy lại. Thế là chuyện đi Băng Cốc ao ƣớc mãi nay lại không thành.

Ông Trần Văn Ân, từ ngày ông Dƣơng sang ở nhà bệnh truyền nhiễm thì không ở trong bệnh viện nữa, chỉ ngày ngày vào thăm mà thôi. Mỗi lúc ông ở bệnh viện về cho chúng tôi biết bệnh tình nguy lắm. Qua đến ngày mồng 10 tháng Chạp hồi 14 giờ rƣỡi, một ngƣời lính ở Tƣ Lệnh Bộ Nhật đến tìm ông Ân, bảo ông phải vào ngay bệnh viện, ông Dƣơng nguy lắm.

Nghe nói chúng tôi biết là tin dữ. Ông Trần Văn Ân và ông Ðặng Văn Ký đi vào bệnh viện, tôi thì lên cơn chóng mặt, nằm quay ra giƣờng. Hai ngƣời vào đến nơi thì biết ông Dƣơng đã mất từ lúc 12 giờ rƣỡi, giờ Nhật Bản tức là hồi 10 giờ rƣỡi thƣờng. Thế là xong một đời ngƣời Chí Sĩ Việt Nam, đã lăn lộn trong cuộc cách mệnh mƣu sự độc lập cho nƣớc nhà.

Ðộ hơn một tháng trƣớc, một hôm ngồi nói chuyện, ông Dƣơng nói:

* Tôi thƣờng không tin sự bói toán, nhƣng tôi nghiệm thấy bói Kiều lắm lúc hay lắm. Khi xƣa tôi có đi thi Hƣơng, bói một quẻ, biết là đỗ, mà rồi đỗ thiệt. Sau phải đầy ra Côn Lôn, lại một hôm bói một quẻ, đoán là sắp đƣợc về, cách mấy ngày quả đƣợc về thiệt.

Chúng tôi nói:

* Bây giờ ông thử bói một quẻ xem. Ông nói:
* Ðể sáng mai.

Sáng ngày hôm sau, ông vui mừng bảo chúng tôi:

* Về, chúng ta sắp đƣợc về.
* Sao ông biết ?
* Tôi vừa bói một quẻ Kiều đƣợc hai câu nầy:

*Việc nhà đã tạm thong dong, Tinh kỳ dục dã đã mong độ về.*

Theo cái nghĩa cái câu ấy là chúng ta sắp đƣợc về.

Thấy ông nói thế, ai nấy đều vui vẻ mừng rỡ lắm. Kể ra đối với ông Dƣơng thì không đúng, mà đối với cả bọn chúng tôi thì chỉ cách có mấy tháng là đƣợc về cả. Việc tin hay không tin ở quẻ bói là chuyện khác, đây tôi cốt lấy một chuyện cỏn con đó mà chứng thực cái lòng mong mỏi của chúng tôi lúc ấy là ai cũng muốn chóng đƣợc về.

Trƣớc ba ngày khi ông sắp mất, ông có viết một bức thƣ rất dài bằng chữ Nho đƣa cho Tƣ Lệnh Bộ Nhật, nói ông chết thì xin ngƣời Nhật cho hải táng, nghĩa là đem ném thây xuống biển. Ðến khi mất rồi, Tƣ Lệnh Bộ Nhật cho ngƣời đến bảo tôi rằng: Lễ hải táng phải có tàu bè mà nay đang lúc chiến tranh, tàu bè bận việc khác, rất không tiện. Vậy xin theo lễ nhà binh Nhật làm lễ hỏa táng ông Dƣơng nhƣ một ngƣời chiến sĩ tử trận. Tôi nói rằng:

* Ông Dƣơng một đời vì nƣớc tranh đấu, tuy không tử trận cũng nhƣ tử trận. Nay nhà binh Nhật đãi ông Dƣơng nhƣ thế, chúng tôi rất cảm tạ.

Sáng ngày 12 tháng Chạp, làm lễ hỏa táng ông Dƣơng Bá Trạc ở Chiêu Nam Ðảo, đến chiều đem di hài đựng vào cái hộp, ngoài đề danh hiệu, rồi đƣa thờ tại Chùa Bản Nguyên Tự của Nhật Bản. Ðịnh đến ngày 16 tháng Chạp tức là ngày mùng 2 tháng Một năm Giáp Thân làm lễ cầu kinh ở tại Chùa, có gần hết thảy ngƣời dân Việt Nam ở tại Chiêu Nam Ðảo đến dự lễ.

Riêng về phần tôi, thì thật là sầu thảm. Lúc đi thì hai ngƣời với nhau, nay một mình tôi, lại đau yếu chƣa biết sau này ra sao.

*Kể sao xiết nỗi thảm sầu.*

*Ðoạn trường ai có qua cầu mới hay.*

CHƢƠNG III

ĐI BANKOK VÀ VỀ SÀI GÒN

Việc ông Dƣơng xong rồi tôi nghĩ ở lại Chiêu Nam Ðảo càng đau đớn thêm, tôi bèn viết thƣ về Tƣ Lệnh Bộ Nhật ở Sài Gòn xin cho tôi và ông Ðặng Văn Ký đi về Băng Cốc còn để ông Trần Văn Ân ở lại Chiêu Nam Ðảo.

Chúng tôi chờ mất 15 ngày mới đƣợc tin bên Ðông Dƣơng sang cho chúng tôi đi Băng Cốc. Trƣớc định chờ có tàu bay thì đi ngay. Sau nói tàu bay không có phải đi xe lửa. Chúng tôi nghĩ đi lối nào cũng đƣợc, cứ đi cho xong. Ngày khởi hành đã định là mùng 5 tháng Giêng năm 1945, rồi lại lần lữa đến ngày 16 mới đi đƣợc.

Trƣa ngày 16, cơm xong thì xe hơi đến đƣa ra nhà trạm xe lửa, chờ đến 3 giờ chiều xe mới chạy. Thảm cảnh của tôi là phải mang cái hộp đựng hài cốt của ông Dƣơng đi theo. Tôi đau phải nằm trên những thùng hàng xếp trong những toa bọc sắt, nóng nhƣ cái lò đốt lửa. Khổ thì khổ thật, nhƣng nghĩ đƣợc ra khỏi cái địa ngục Chiêu Nam Ðảo là mừng rồi. Vả lại chúng tôi thấy những tƣớng hiệu của Nhật cũng đi nhƣ thế cả, thì mình cũng an ủi mà vui lòng.

Một ngƣời Hạ Sĩ Quan và ba ngƣời lính Nhật đƣa chúng tôi đi, đều hết lòng trông nom, đi đến đâu họ lo cơm nƣớc không thiếu thốn gì. Dọc đƣờng lại hay có báo động, mỗi khi nhƣ vậy phải chạy nấp vào trong rừng dừa thành ra dự định trƣớc chỉ độ 4 ngày đến nơi, mà chuyến chúng tôi đi phải đến 10 ngày.

Ðất Mã Lai từ Tân Gia Ba đến biên giới nƣớc Xiêm, thấy những Thành Thị ở dọc đƣờng xe lửa khi xƣa rất phồn thịnh, còn ở thôn quê thấy dân cƣ rất lƣa thƣa, trông bộ nghèo khổ lắm. Ðất Mã Lai phần nhiều là rừng hoang ít đồng ruộng, chỉ thấy có nhiều khu trồng cao su và dừa. Có một điều lạ, là ở bên ta thấy nói khi quân Nhật đánh lấy đất Mã Lai có nhiều chỗ bị tàn phá, thế mà dọc đƣờng chúng tôi không trông thấy vết chiến tranh đâu cả, chỉ trừ những chỗ bị tàu bay Mỹ mới sang ném bom mà thôi. Thì ra quân Anh lúc đầu không chống giữ gì mấy, chỉ đánh qua loa rồi rút lui.

Xe lửa đi đến chỗ cách Băng Cốc độ 200 cây số, có cái cầu lớn bị tàu bay Mỹ bắn vỡ tan, xe lửa phải dừng lại rồi dỡ hàng hóa xuống để xe cam-nhong chở về Băng Cốc. Ði đến chỗ ấy, ngƣời Đội và mấy ngƣời Nhật ở lại, để một Trung Úy đƣa chúng tôi đi. Ðến trƣa ngày 24 tháng Giêng thì đến. Xe cam nhong đƣa chúng tôi đến Tƣ Lệnh Bộ Nhật ở Xiêm. Chúng tôi vào đấy, ngồi uống chén nƣớc, rồi có ngƣời Nhật đi xe hơi khác đƣa chúng tôi đến nhà riêng ở ngoại ô kinh thành.

Cái nhà riêng ấy rộng rãi, mát mẻ, và đã có hai ngƣời con của ông Cƣờng Ðể là Tráng Liệt và Tráng Cử ở bên Ðông Dƣơng sang ở đấy từ trƣớc với một Sĩ Quan Nhật. Từ khi chúng tôi về ở đấy, ăn uống đầy đủ, khác hẳn với cảnh ở Chiêu Nam Ðảo. Sau lại có ông Nguyễn Văn Sâm là một chính khách Việt Nam cũng chạy sang ở Băng Cốc, ngày ngày đi lại chơi với chúng tôi.

Cái hộp đựng di hài của ông Dƣơng Bá Trạc thì để trong phòng ngày đêm hƣơng đèn thờ phụng. Song đƣợc độ chừng mƣơi ngày, ngƣời Trung Úy ở với chúng tôi về Sài Gòn. Tôi nghĩ mình ở đây chƣa biết ra thế nào, chi bằng nhờ ngƣời Nhật ấy đem hài cốt của ông Dƣơng về Sài Gòn, rồi sẽ giao lại cho con ông ấy ở Chợ Quán để chôn tạm chỗ nào đó, sau này sẽ hay. Tôi ngỏ lời với ngƣời Trung Úy Nhật, ông ấy vui lòng nhận giúp ngay. Thế là việc ông Dƣơng tạm yên.

Khi chúng tôi còn ở Chiêu Nam Ðảo định xin đi Băng Cốc, ông Dƣơng Bá Trạc nói ông có hai ngƣời bạn đồng chí ngƣời Bắc là ông Vũ Mẫn Kiến, chủ một đồn điền lớn, và ông Phạm Ðình Ðối đi tu làm Sƣ coi một cái Chùa. Ðến Băng Cốc, tôi liền nhờ ông Sâm đi tìm hai ngƣời ấy để gặp nói chuyện. Ðƣợc mấy ngày, ông Sâm đƣa tôi đến một tiệm trà gặp ông Vũ Mẫn Kiến. Ông là ngƣời trạc ngoài 60 tuổi. Ngồi nói chuyện mới rõ ông không phải là chủ đồn điền nhƣng có thuê đƣợc mƣơi mẫu ruộng để vợ con lần hồi làm ăn. Tôi trông ông Vũ Mẫn Kiến giống ông lão nhà quê ta. Ông nói có theo ông Cƣờng Ðể và ông Phan Bội Châu ra

ngoài, rồi sau về Xiêm tìm cách sinh nhai. Nói đến việc chính trị thì ông chẳng có ý kiến gì. Hỏi tin ông Phạm Ðình Ðối thì nói ông ấy đi tu ở một Chùa và nay đã mất rồi.

Vậy mà ở xa nghe nói, tƣởng là các ông ấy có tổ chức, có thế lực, kỳ thực chẳng có gì đáng kể. Cũng nhƣ là sau tôi thấy những ngƣời cách mệnh Việt Nam ta ở bên Tàu, nghe tuyên truyền thì tƣởng là họ có cơ sở chắc chắn, lúc biết rõ sự thực, thật là buồn. Tôi kể câu chuyện ra đây cốt để ngƣời ta biết rõ sự thực, đừng có nghe nhảm tin lầm. Mình là ngƣời một nƣớc hèn yếu, ra ngoài không biết nƣơng tựa vào đâu, thành ra thƣờng hay bị cực khổ mà không làm đƣợc việc gì ra trò.

Thành Băng Cốc, xƣa kia thƣờng gọi là Thành Vọng-Các là kinh đô của nƣớc Xiêm, một Thành Thị rất lớn, có thể lớn gấp năm gấp bảy lần Hà Nội, dân cƣ rất trù mật có đủ các thứ ngƣời, nhƣng phần nhiều là ngƣời Tàu ở lâu đã nhập tịch nƣớc Xiêm. Hạng ngƣời ấy rất hoạt động về đƣờng kinh tế và chính trị.

Trừ khu nhà Vua, các cung điện làm theo lối cổ, nhà một tầng, mái dốc, nóc nhọn, có các kiểu trang sức đặc biệt của Xiêm. Còn phố xá ở ngoài thành nhà Vua trông giống nhƣ Thành Quảng Châu hay Thành Thƣợng Hải bên Tàu.

Cả nƣớc Xiêm, hình nhƣ chỉ ở Kinh Đô là có sự sinh hoạt rất náo nhiệt mà thôi, ngoài ra ở vùng thôn quê, theo dọc đƣờng xe lửa đi từ Tân Gia Ba đến Băng Cốc, không thấy có Thành Thị lớn nào cả. Ði đến đâu cũng thấy rặt những đồng áng mênh mông cùng những ruộng vƣờn và rừng cây. Thỉnh thoảng thấy những hàng dừa lƣa thƣa với những đàn trâu ở ruộng, hoặc ở nơi ven rừng cây thì thấy năm bảy con trâu kéo gỗ.

Ngƣời Xiêm cùng một nòi giống với ngƣời Tàu, tiếng nói cũng hơi giống nhau. Vì ngƣời Xiêm và ngƣời Tàu xƣa kia ở mé tây Tỉnh Vân Nam và mé Đông Tây Tạng, đã từng lập thành nƣớc Nam Chiếu vào khoảng đệ thất đệ bát thế kỷ. Sau vì ngƣời Tàu xâm lăng mới theo sông Cửu Long xuống miền Nam, lập ra các bộ lạc ở xứ Tàu và nƣớc Xiêm ngày nay. Tính ngƣời Xiêm cũng gần nhƣ ngƣời Tàu, đàn ông ƣa hoạt động lắm, làm gì đƣợc đủ ăn rồi thì thích chơi bời, cờ bạc chớ ít cố gắng làm lụng. Gần hầu hết dân trong nƣớc theo Phật Giáo tiểu thặng nhƣ Cao Miên và Tàu.

Ở vùng thôn quê có nhiều ngƣời Xiêm gốc tích là ngƣời Việt Nam. Phần nhiều theo Đạo Gia Tô rồi, vì xƣa bên ta có sự cấm đạo họ chạy sang bên Xiêm. Ðã mấy đời nay lập thành làng thành ấp ở với nhau, giữ phong tục của ta và vẫn nói trọ trẹ tiếng Việt Nam, họ tự xƣng là An Nam cũ. Những ngƣời Xiêm An Nam cũ ấy có đến ba bốn vạn ở rãi rác các miền gần biên giới chớ không có mấy ngƣời ở Kinh Đô.

Hiện nay ở mé ngoại ô Thành Băng Cốc có một khu gọi là làng Gia Long, tức là chỗ Chúa Nguyễn Phúc Ánh bị Tây Sơn đánh chạy sang trú ngụ ở đây. Chỗ ấy nay có cái Chùa và có một pho tƣợng rất lớn để lộ thiên.

Vì chúng tôi sang Băng Cốc một cách bí mật, thƣờng phải ở trong nhà ít khi đi ra ngoài, nên chỉ biết qua loa thế thôi.

Chúng tôi ở Băng Cốc, bốn ngƣời ở một nhà đang vui vẻ, đến ngày mùng 6 tháng hai thì xảy ra một việc không ngờ, làm chúng tôi lại phải chạy vào bệnh viện nhà binh của Nhật. Số là ông Nguyễn Văn Sâm từ khi ngƣời Nhật đem sang ở Băng Cốc, có tụ hợp những thiếu niên Việt Nam chạy sang đó, lập thành một tổ chức tiểu công nghệ làm đinh để bán cho nhà Ðại Nam công ty của ngƣời Nhật, lấy tiền chi dụng. Cái tiểu công nghệ ấy đang tiến hành, thì có một thiếu niên Việt Nam tên là Tân, nhập tịch dân Xiêm, cũng làm đinh nhờ ông Sâm đem bán hộ. Mỗi khi đến cuối tháng có tên Thuận đi lãnh tiền, rồi về của ai bao nhiêu thì đến lấy. Lần cuối cùng số tiền của tên Tân có hơn ba vạn bạc, tên Thuận lĩnh món tiền đƣợc hơn bốn vạn rồi mang cả trốn đi mất. Chuyện ấy, mấy hôm trƣớc đã thấy ông Sâm nói nhỏ cho chúng tôi biết, nhƣng vẫn tƣởng là tên Thuận đi chơi đâu chƣa về, chứ nó không nỡ lấy tiền của cả bọn. Ðến khi tên Tân đi tìm mãi không thấy tên Thuận, lại có ý ngờ cho ông Sâm đồng tình với tên Thuận rồi đem dấu chỗ nào. Tên Tân thấy ông Sâm đang đi lại chỗ chúng tôi ở, nó tƣởng là tên Thuận trốn vào đó mới đi trình Hiến Binh Xiêm đến bắt tên Thuận. Song cứ nhƣ

chúng tôi biết thì ông Sâm không có dính dáng gì đến việc tên Thuận lấy tiền trốn đi, mà tên Thuận cũng không bao giờ đến nhà chúng tôi.

Chiều ngày mùng 6 tháng Hai, bốn chúng tôi với ông Sâm đang ngồi nói chuyện, có cả viên Đại Úy Nhật ở nhà, thấy mấy ngƣời Hiến Binh Xiêm vào xin phép tìm tên Thuận. Viên Đại Úy Nhật ra tiếp một lúc rồi thấy hai ngƣời Hiến Binh Xiêm và tên Tân vào chỗ chúng tôi ngồi, nói đi tìm tên Thuận. Họ nói thế rồi đi ra.

Việc ấy xảy ra xong, chúng tôi có bảo viên Đại Úy Nhật rằng chúng tôi ở đây là phải dấu kín mà nay cho Hiến Binh Xiêm vào trông thấy nhƣ thế, nhỡ có việc gì thì sao. Ông nên đi đến Tƣ Lệnh Bộ mà nói rõ nhƣ thế. Viên Đại Úy Nhật ngồi nghĩ một lúc, rồi mặc quần áo ra đi, nói đến 6 giờ về ăn cơm. Ðến bữa cơm chúng tôi ngồi chờ không thấy về. Mãi đến 9 giờ tối mới thấy viên ấy về với ba ngƣời Hiến Binh Nhật đến canh nhà. Chúng tôi thấy thế bảo nhau: Có một tí việc nhƣ thế làm gì mà phải cho lính đến canh nhà. Ðoạn đến giờ chúng tôi đi ngủ.

Vào khoảng 2 giờ sáng ngày mùng bảy chúng tôi đang ngủ, chợt nghe tiếng xe hơi và tiếng nói xì xào, không biết rõ việc gì. Một lát thấy viên Đại Úy ở với chúng tôi vào đánh thức cả dậy, nói có sự nguy cấp, phải đi ngay. Hỏi đi đâu, viên ấy không nói. Ai nấy mắt nhắm mắt mở vội vàng mặc quần áo, rồi lên xe hơi, đi một cách bí mật đến Sở Hiến Binh. Nghỉ ở đấy đến 8 giờ tối, họ đem chúng tôi đến bệnh viện nhà binh của Nhật ở ngoại ô. Bấy giờ ngƣời Nhật đem cả ông Sâm vào ở với chúng tôi trong một cái phòng khá rộng.

Từ đó, năm chúng tôi ở đấy cho đến khi về, không đƣợc đi ra ngoài phố nhƣ trƣớc. Chúng tôi không hiểu tại sao ngƣời Nhật lại dùng cách phòng bị bí mật nhƣ thế. Chúng tôi ở đấy với một đời sống tẻ ngắt, quanh quẩn trong phòng riêng, chiều chiều ra vƣờn dạo chơi một lúc rồi lại về nằm, hễ có báo động tàu bay thì chạy ra chui xuống hố.

Ðến sáng ngày 10 tháng Ba năm 1945 đƣợc tin ngƣời Nhật đã đánh quân Pháp ở Ðông Dƣơng. Chúng tôi lúc ấy chẳng nghĩ gì cả, chỉ mong ngƣời Nhật cho chúng tôi về nƣớc.

Nhƣng mãi chẳng thấy tinh tức gì khác. Chúng tôi thấy cách ngƣời Nhật đối đãi với ngƣời bản xứ làm chúng tôi thất vọng. Ai cũng mong chóng đƣợc về nhà cho yên phận mà thôi.

Vì cớ gì sau cuộc xung đột ở Lạng Sơn ngƣời Nhật đã vào đóng đô ở Ðông Dƣơng từ cuối năm 1940 đến bây giờ, và đã đƣợc ngƣời Pháp giúp đỡ cho mọi sự tiện lợi mà lại đánh quân Pháp ? Chúng tôi xét ra là lúc đầu theo kế hoạch của ngƣời Nhật muốn bắt ép ngƣời Pháp ở Ðông Dƣơng phải hợp tác với họ để thu mọi điều tiện lợi về việc chiến tranh. Họ tính rằng nếu lúc cuối cùng mà họ đƣợc thắng lợi, thì tình hình chính trị ở Ðông Dƣơng tự nhiên sẽ giải quyết theo ý định của họ. Vì thế cho nên trong hơn bốn năm quân Nhật đóng ở Ðông Dƣơng vẫn không khiêu khích gì với quân Pháp. Song từ khi quân Anh, Mỹ ở Thái Bình Dƣơng đã tấn công lấy lại đƣợc các đảo mé ngoài biển và đất Phi Luật Tân, tình thế nƣớc Nhật đã nguy ngập lắm rồi. Ngƣời Nhật lúc ấy phải tìm cách đề phòng quân Ðồng Minh có đổ bộ lên Ðông Dƣơng chăng. Vả bấy giờ ngƣời Pháp ở Ðông Dƣơng ngấm ngầm tổ chức sự kháng chiến để tiếp ứng quân Ðồng Minh. Ngƣời Nhật biết mƣu ấy, bèn quyết ý đánh quân Pháp để thu quyền phòng giữ cả dãy đất Ðông Dƣơng là địa thế rất quan trọng về đƣờng hành binh ở cả vùng Nam Á.

Quân Pháp lúc ấy cũng đã dự bị cả mọi đƣờng, nhƣng vì thế lực không đủ và lòng dân bản xứ không theo Pháp, nên thành ra thất bại. Quân Nhật lại biết xếp đặt mọi việc chu đáo hơn, nên việc tấn công của họ đƣợc thắng lợi chỉ trong khoảng mấy ngày toàn thể đất Ðông Dƣơng vào tay họ.

Chúng tôi lúc ấy cứ chờ đợi ở Băng Cốc, chợt đến ngày 29 tháng Ba có một viên Trung Úy ở Sài Gòn sang Băng Cốc, đến bảo chúng tôi rằng có tàu bay sang đón về. Sau hỏi ra thì chỉ có một mình tôi về. Tôi ngạc nhiên hỏi:

* Sao chỉ có một mình tôi ? Viên Trung Úy nói:
* Tƣ Lệnh Bộ ở Sài Gòn mời ông về hỏi việc gì về lịch sử.

Chiều hôm ấy Tƣ Lệnh Bộ Nhật ở Băng Cốc đặt tiệc đãi tất cả mấy ngƣời chúng tôi và mới nói chuyện hôm mùng 7 tháng Hai trƣớc phải đƣa chúng tôi đến ở bệnh viện là vì có tin đồn có thích khách định đến giết chúng tôi. Nghe nói thế chúng tôi cho là một sự tƣởng tƣợng thôi, chứ chúng tôi có làm gì mà ngƣời ta phải dùng đến thủ đoạn ấy.

Tiệc xong về ngủ, sáng sớm dậy, đi ra trƣờng bay đến 9 giờ 15 máy bay cất cánh. Mƣời ba giờ 15 tới trƣờng bay Tân Sơn Nhất rồi về Sài Gòn vào hàng cơm ăn cơm trƣa, chờ đến giờ vào Tƣ Lệnh Bộ của Nhật gặp viên Đại Tá coi về việc chính trị. Ngồi nói chuyện một lúc rồi sang gặp bên Trung Tƣớng Tham Mƣu Trƣởng của Bộ Tƣ Lệnh Nhật.

Trung Tƣớng nói:

* Ông Phạm Quỳnh và các ông Thƣợng Thƣ cũ đã từ chức cả rồi. Vua Bảo Ðại điện mời mấy ngƣời này về Huế để hỏi ý kiến.

Trung Tƣớng đƣa tôi xem tờ giấy kê tên những ngƣời ấy là ông Hoàng Trọng Phu, Vũ Ngọc Oánh, Trịnh Bá Bích, Hoàng Xuân Hãn, Cao Xuân Cẩm và tên tôi mà lại không thấy tên ông Ngô Ðình Diệm. Tôi lấy làm lạ sao lại có tên tôi đứng vào đấy.

Tôi nói với Trung Tƣớng rằng:

* Tôi không có hoạt động gì, và không có phe đảng nào cả. Gọi tôi về Huế không có ích lợi gì. Xin cho tôi ra Hà Nội thăm nhà và uống thuốc.

Lúc ấy tôi còn đau, ngƣời gầy ốm, chỉ mong về nhà yên nghỉ, dƣỡng bệnh. Trung Tƣớng nói:

* Ðó là ý của Vua Bảo Ðại muốn hỏi ông về việc lập chính phủ mới, ông cứ ra Huế rồi

sẽ biết.

Tôi thấy trong những ngƣời gọi về Huế có tên ông Hoàng Xuân Hãn, tôi quen lâu, có

thể rõ sự tình, vả lại ra Huế rồi ra Hà Nội cũng một con đƣờng. Tôi bèn nhận lời ra Huế. Ngồi nói chuyện với Trung Tƣớng và Đại Tá Nhật, có ngƣời Trung Úy Nhật thông ngôn bằng tiếng Pháp, độ hơn một giờ về tình thế nƣớc Việt Nam. Tôi cứ thành thực nói thẳng, không kiêng dè, vì tôi không có mƣu cầu gì thành ra trong lòng thản nhiên.

Trung Tƣớng hỏi tôi rằng:

* Ông có quen ai ở Sài Gòn về ở tạm vài ngày trƣớc khi đi ra Huế không ? Tôi nói:
* Đây tôi không có quen ai. Khi tôi ở Hà Nội vào có đến ở nhà của Ðại Nam công ty, nếu không có điều gì bất tiện, thì cho tôi ra ở đấy vài hôm.

Trung Tƣớng bảo Trung Úy đƣa tôi đến nhà Tùng Hạ, chủ nhà Ðại Nam công ty. Ðến đấy gặp ông Tùng Hạ, nói tôi mới về và muốn phiền ông cho ở nhờ vài hôm. Ông ta nói:

* Trƣớc cửa nhà tôi có Đảng Quốc Xã Việt Nam, có cái phòng rộng ở trên lầu, cụ sang nghỉ đấy tiện lắm.

Tôi hỏi thăm ông Ngô Ðình Diệm và ông Nguyễn Xuân Chữ là những ngƣời mấy tháng trƣớc Nhật đã đƣa vào ở Chợ Lớn. Ông nói rằng:

* Ông Diệm về Vĩnh Long ở với anh. Ông Chữ thì về Hà Nội đƣợc vài hôm nay rồi.

Tôi nghĩ bụng ông Diệm và ông Chữ là hai ngƣời Tƣ Lệnh Bộ Nhật đã chú ý lâu ngày, và các ông ấy lại có tổ chức và đảng phái, sao ngƣời Nhật lại không nói gì hết ? Ðang nghĩ ngợi nhƣ thế, thì chợt thấy ông Ngô Ðình Diệm đến. Ấy là lần đầu tôi gặp mặt ông Diệm vì trƣớc kia tôi chỉ nghe nói thôi chứ không bao giờ gặp.

Ông Diệm hỏi tôi:

* Cụ mới về đây à ? Cụ có biết tin gì không ? Tôi đáp:
* Tôi mới về, chƣa biết gì cả, chắc có tin gì thì ông biết trƣớc tôi. Ngƣời Nhật lạ quá, họ chẳng cho chúng tôi biết gì cả. Tôi vừa thấy trong Bộ Tƣ Lệnh nói ở Huế các Bộ Thƣợng Thƣ đã từ chức rồi. Vua Bảo Ðại gọi ông Hoàng Trọng Phu vào bàn việc lập chính phủ mới.
* Thế à ? Sao ngƣời Nhật không cho tôi biết ?

Ngồi nói chuyện qua loa vài câu, rồi ông Diệm đứng dậy nói:

* Tôi phải vào Tƣ Lệnh Bộ có chút việc, sáng sớm mai tôi lại về Vĩnh Long.

Cho đến ngày nay, tôi vẫn chƣa hiểu rõ tại sao bọn ông Diệm là ngƣời của ông Cƣờng Ðể ủy quyền cho tổ chức việc lập chính phủ khi có đảo chính ở Ðông Dƣơng, và lại có một số ngƣời Nhật Bản ủng hộ mà chính phủ Nhật lại bỏ rơi. Chỉ có một cách giải thích cái thái độ ấy là những ngƣời Nhật cầm quyền lúc đó, sau khi đánh quân Pháp rồi họ sợ đem ông Cƣờng Ðể về có điều bất tiện, để Vua Bảo Ðại về đƣờng chính trị lại có lợi hơn. Ðã không dùng quân cờ Cƣờng Ðể thì tất nhiên phải để bọn ông Diệm ra ngoài cuộc. Ðó là theo ý tôi hiểu, còn lẽ gì khác nữa, tôi không biết.

Tôi ở lại Sài Gòn ba ngày, biết có ông Cử Bùi Khải, anh nhà tôi, nhƣng tôi quên mất địa chỉ. Ði tìm ngƣời hỏi thăm đến nhà Luật Sƣ Trịnh Ðình Thảo là ngƣời Bắc hỏi xem có biết nhà ông Cử ở đâu. Ông Thảo hết lòng tử tế đánh xe hơi đƣa tôi đi tìm. Tìm đƣợc nhà ông Cử lại gặp cả cậu Bùi Nam và mấy ngƣời cháu ở đấy, thật vui vẻ vô cùng. Tôi nhờ cậu Nam đi đánh điện về Hà Nội báo tin tôi đã về cho nhà tôi biết.

Từ hôm ở Băng Cốc về Sài Gòn, chiều nào viên Đại Úy ở Bộ Tƣ Lệnh Nhật cũng mời đến nhà ông Tùng Hạ, chủ Ðại Nam công ty ăn cơm và nói chuyện, có khi nói chuyện đến một hai giờ khuya. Mấy ngày nhƣ thế đến chiều hôm mùng 2 tháng Tƣ, Đại Úy đƣa tôi ra xe lửa còn ngồi nói chuyện đến lúc xe chạy.

CHƢƠNG IV

RA HUẾ LẬP CHÍNH PHỦ

Sự đi từ Sài Gòn ra Huế, Tƣ Lệnh Bộ Nhật nói rằng tôi đau đầu và nhiều tuổi, đi tàu bay không đƣợc, vì phải bay cao, để đi xe lửa tiện hơn. Tôi bảo đi cách nào cũng đƣợc, miễn là đi đƣợc mà thôi. Xe lửa lúc bấy giờ chỉ có những toa hạng ba và hạng tƣ, chứ không có những toa hạng nhất và hạng nhì nữa. Song ngƣời Nhật lấy một toa hạng nhất cũ để hai cái ghế dài cho tôi đi với viên Thiếu Úy và một ngƣời Nhật làm thông ngôn tiếng Việt Nam. Khi xe lửa nghỉ ở Nha Trang, tôi ghé vào nhà ông Ðặng Phúc Thông coi xe lửa vùng ấy, và ăn cơm ở đấy. Tôi vào đấy là cốt hỏi tin tức nhà vì bà Thông là bạn với nhà tôi. Ðến sáng ngày mùng 5 tháng Tƣ, vào hồi 10 giờ rƣỡi thì tới Huế.

Xe lửa vừa đậu xong, thấy một ngƣời Nhật ra đón, xƣng tên là Urabé, làm Lãnh Sự Nhật ở Huế, rồi về cả nhà ông Yokohama, Tối Cao Cố Vấn Nhật. Ðến tối gặp ông Hoàng Xuân Hãn mừng quá, ngồi uống chén nƣớc và nói vài câu chuyện hàn huyên. Rồi tôi xin về nhà ông Hãn nghỉ. Vừa về đến nhà chƣa đƣợc năm phút, thấy ông Urabé trở lại báo tin cho tôi biết là vợ con tôi ở Hà Nội đã vào đến Huế rồi.

Tính ông Urabé rất vui vẻ, ông nói rằng:

* Kỳ quá, khi tôi trở về, đi qua Sở Hiến Binh Nhật, nhân có tí việc ghé vào đấy thấy có một ngƣời con gái biết nói tiếng Nhật, nói định qua Xiêm tìm cha. Tôi hỏi thì chính là con cụ. Tôi liền đến khách sạn đón bà cụ về nhà tôi.

Ngay lúc ấy con và rể tôi ở ngoài chạy vào, mừng rỡ khóc lóc.

Hỏi ra mới biết vợ và con tôi ở Hà Nội, nghe tin tôi ở Băng Cốc, thấy Nhật Bản đảo chính rồi mà mãi không thấy tôi, mới mầy mò xin phép đi sang Xiêm tìm. Ði đến Huế nghe ngƣời ta nói mang máng là tôi đã về Huế, nhân khi xe lửa nghỉ ở đấy đến tối mới chạy, bèn vào Hiến Binh Nhật hỏi xem tin ấy có đúng không. Ấy là cùng một ngày không hẹn mà tôi và vợ con tôi gặp nhau ở Huế.

Vua Bảo Ðại biết tin ấy, cho dọn cái nhà của viên Đại Úy Bon ở trƣớc trong thành cho chúng tôi ngụ tạm. Lúc ấy tôi cũng chƣa biết rõ tình thế ra sao, chỉ đinh ninh chờ sau khi vào yết kiến Vua Bảo Ðại rồi xin về Hà Nội dƣỡng bệnh.

Từ trƣớc tôi không biết Vua Bảo Ðại là ngƣời nhƣ thế nào. Vì trong thời bảo hộ của nƣớc Pháp, hình nhƣ ngài chán nản không làm gì cả, chỉ săn bắn và tập thể thao. Hôm mùng 7 tháng Tƣ tôi vào yết kiến thấy có vẻ trang nghiêm và nói những điều rất đúng đắn. Ngài nói:

* Trƣớc kia nƣớc Pháp giữ quyền bảo hộ nƣớc ta, nay đã không giữ đƣợc nƣớc cho ta, để quân Nhật đánh đổ, vậy những điều trong hiệp ƣớc năm 1884 không có hiệu quả nữa, nên Bộ Thƣợng Thƣ đã tuyên hủy hiệp ƣớc ấy. Trẫm phải đứng vai chủ trƣơng việc nƣớc và lập chính phủ để đối phó với mọi việc.

Tôi tâu rằng:

* Việc lập chính phủ, ngài nên dùng những ngƣời đã dự định từ trƣớc, nhƣ Ngô Ðình Diệm chẳng hạn, để có tổ chức sẵn sàng. Tôi nay thì phần già yếu bệnh tật, phần thì không có đảng phái và không hoạt động về chính trị, tôi xin ngài cho tôi về nghỉ.

Ngài nói:

* Trẫm có điện thoại gọi cả Ngô Ðình Diệm về, sao không thấy về. Tôi tâu:
* Khi tôi qua Sài Gòn, có gặp Ngô Ðình Diệm và ông ấy bảo không thấy ngƣời Nhật nói gì cả. Vậy hoặc có sự gì sai lạc chăng. Ngài cho điện lần nữa gọi ông ấy về. Còn tôi thì xin ngài cho ra Bắc.

Ngài nói:

* Vậy ông hãy ở đây nghỉ ít lâu, xem thế nào rồi hãy ra Bắc.

Lúc ấy tôi mệt nhọc lắm, và có mấy ngƣời nhƣ bọn ông Hoàng Xuân Hãn đều bảo tôi trở lại. Tôi chờ đến gần mƣời ngày. Cách độ ba bốn hôm tôi lại đi hỏi ông Tối Cao Cố Vấn

Nhật xem có tin gì về ông Diệm chƣa. Trƣớc thì Cố Vấn Nhật nói chƣa biết ông Diệm ở đâu, sau nói ông Diệm đau chƣa về đƣợc. Ðó là lời Tối Cao Cố Vấn, chứ tự ông Diệm không có điện riêng xác định lại.

Vua Bảo Ðại thấy tình thế kéo dài mãi cũng sốt ruột, triệu tôi vào bảo tôi chịu khó lập chính phủ mới.

Ngài nói:

* Trƣớc kia ngƣời mình chƣa độc lập. Nay có cơ hội, tuy chƣa phải độc lập hẳn, nhƣng mình cũng phải tỏ ra có đủ tƣ cách để độc lập. Nếu không có chính phủ thì ngƣời Nhật bảo mình bất lực, tất họ lập cách cai trị theo thể lệ nhà binh rất hại cho nƣớc ta. Vậy ông nên vì nghĩa vụ cố lập thành một chính phủ để lo việc nƣớc.

Tôi thấy Vua Bảo Ðại thông minh và am hiểu tình thế, liền tâu rằng:

* Nếu vì quyền lợi riêng tôi không dám nhận chức gì cả, xong ngài nói vì nghĩa vụ đối với nƣớc, thì dù sao tôi cũng cố hết sức. Vậy xin ngài cho tôi vài ngày để tôi tìm ngƣời, hễ có thể đƣợc tôi xin tâu lại.

Tôi ra bàn với ông Hoàng Xuân Hãn để tìm ngƣời xứng đáng làm Bộ Trƣởng. Nguyên tắc của tôi định trƣớc là lựa chọn những ngƣời có đủ hai điều kiện.

Một: Phải có đủ học thức và tƣ tƣởng về mặt chính trị. Hai: Phải có đức hạnh chắc chắn để dân chúng kính phục.

Cách lựa chọn nhƣ thế cũng khó, vì từ lâu nay chỉ có những ngƣời mềm lƣng khéo thù phụng mới đƣợc ngôi cao, quyền cả, còn những ngƣời ngay chính ẩn nấp ở đâu đâu, ít khi biết đƣợc. Ngƣời xu danh trục lợi thì rất nhiều, nhƣng không phải là ngƣời đƣơng nổi những việc trong thời kỳ khó khăn nhƣ ngày hôm nay.

Có một điều nên nói cho rõ, là trong khi tôi chọn ngƣời lập chính phủ lúc ấy, ngƣời Nhật Bản không bao giờ hỏi tôi chọn ngƣời này ngƣời kia. Tôi đƣợc hoàn toàn tự chủ tìm lấy ngƣời mà làm việc. Và tôi đã định từ trƣớc rằng nếu ngƣời Nhật can thiệp vào việc trong nƣớc thì tôi thôi ngay, không làm nữa.

Ðến ngày cuối cùng tôi chọn đƣợc đủ ngƣời rồi kê rõ danh sách các Bộ Trƣởng nhƣ

sau:

Trần Trọng Kim, Giáo Sƣ, Nội Các Tổng Trƣởng. Trần Ðình Nam, Y Sĩ, Nội Vụ Bộ Trƣởng.

Trần Văn Chƣơng, Luật Sƣ, Ngoại Giao Bộ Trƣởng Trịnh Ðình Thảo, Luật Sƣ, Tƣ Pháp Bộ Trƣởng

Hoàng Xuân Hãn, Toán Học Thạc Sĩ, Giáo Dục và Mỹ Nghệ Bộ Trƣởng Vũ Văn Hiền, Luật Sƣ, Tài Chánh Bộ Trƣởng

Phan Anh, Luật Sƣ, Thanh Niên Bộ Trƣởng

Lƣu Văn Lang, Kỹ Sƣ, Công Chính Bộ Trƣởng Vũ Ngọc Anh, Y Khoa Bác Sĩ, Y Tế Bộ Trƣởng

Hồ Bá Khanh, Y Khoa Bác Sĩ, Kinh Tế Bộ Trƣởng Nguyễn Hữu Thi, cựu Y Sĩ, Tiếp Tế Bộ Trƣởng.

Chừng mƣời giờ sáng ngày 17 tháng Tƣ năm 1945, tôi đem danh sách ấy vào trình

Vua Bảo Ðại. Vào đến nơi, tôi thấy ông Yokohama, Tối Cao Cố Vấn Nhật, đã ngồi đó rồi. Ông thấy tôi vào liền hỏi:

* Cụ đã lập thành chính phủ rồi à ? Tôi nói:
* Vâng, hôm nay tôi đem danh sách các Bộ Trƣởng vào tâu trình Hoàng Thƣợng để ngài chuẩn y.

Tôi đệ trình Vua Bảo Ðại, ngài xem xong phán rằng:

* Ðƣợc.

Khi ấy ông Yokohama nói:

* Xin cho tôi xem là những ai.

Ông xem rồi, trả lại tôi và nói:

* Tôi chúc mừng cụ đã chọn đƣợc ngƣời rất đứng đắn.

Sự thực là thế, chứ không nhƣ ngƣời ta đã tƣởng tƣợng là ngƣời Nhật Bản bắt tôi phải dùng những ngƣời của họ đã định trƣớc.

Sau khi lập xong chính phủ, họp Hội Đồng Chính Phủ, tôi muốn đặt chức Nội Các Phó Tổng Trƣởng để phòng khi tôi nhọc mệt, hay đi đâu vắng có ngƣời thay tôi làm việc. Tôi xem các ông Bộ Trƣởng lúc ấy trừ ông Lƣu Văn Lang ở Sài Gòn không ra nhận chức, có ông Trần Văn Chƣơng, Bộ Trƣởng Bộ Ngoại Giao, là ngƣời nhiều tuổi hơn, tôi xin cử ông Chƣơng xung chức ấy.

Cả Nội Các đều ƣng thuận. Việc ấy là tôi định, chứ không phải do ngƣời Nhật can thiệp. Tôi nói rõ việc ấy là vì sau này tôi thấy có ngƣời nói: Ngƣời Nhật bắt tôi phải để ông Chƣơng làm Nội Các Phó Tổng Trƣởng. Ðó cũng là một sự tƣởng lầm.

Khi tôi đứng ra lập chính phủ, không phải không hiểu tình thế rất khó của nƣớc Việt Nam đối với nƣớc Pháp, và nƣớc Pháp với các nƣớc Ðồng Minh. Sự biến xảy ra ở nƣớc Việt Nam, nguyên là một nƣớc có văn hóa có chế độ phân minh, nhân khi trong nƣớc suy nhƣợc, ngƣời Pháp sang lấy võ lực bắt phải chịu cuộc bảo hộ của ngƣời Pháp. Dù có hiệp ƣớc của triều đình Việt Nam đã ký với ngƣời Pháp, chẳng qua cũng chỉ là một tờ hiệp ƣớc cƣỡng bách mà thôi. Và chính ngƣời Pháp về sau cũng đã không giữ đúng những điều ký trong hiệp ƣớc ấy. Nay nƣớc Pháp thất bại, để ngƣời Nhật chiếm giữ mất cả quyền lợi, Vua Bảo Ðại đã đứng lên tuyên bố độc lập thì nghĩa vụ của ngƣời Việt Nam là ai nấy đều phải cố sức làm việc giúp nƣớc, rồi sau tình thế thay đổi thế nào sẽ có cuộc điều đình cho đúng công lý và đúng phong trào hiện thời.

Theo lý tƣởng ấy, nên ngay từ lúc đầu trong lời tuyên bố của chính phủ, tôi đã nói những công việc quốc dân phải lo để gầy lại nền tự chủ nƣớc nhà mà thôi, chứ không nói về việc chiến tranh của nƣớc Nhật với các nƣớc Ðồng Minh, chủ ý muốn tránh sự ngƣời Nhật có thể lôi kéo ngƣời mình vào cuộc chiến tranh của họ. Lúc chính phủ chúng tôi mới lập ra, bao nhiêu chính quyền của ngƣời Pháp giữ trƣớc và việc cai trị ở các Tỉnh đều do viên Tối Cao Cố Vấn Nhật tạm thời quyết định. Những văn thƣ và tờ trình báo, các cơ quan ở Tỉnh đều gửi qua bên Phòng Tối Cao Cố Vấn.

Những dinh thự của các Bộ Trƣởng, Thƣợng Thƣ cũ đều chật hẹp, dột nát, dơ bẩn, không ở và làm việc đƣợc. Vậy trƣớc hết, phải lo tìm nhà và các sở làm việc.

Khi còn chính phủ bảo hộ thì có hai chính phủ, mọi việc quan hệ đến chính trị trong nƣớc thì do chính phủ bảo hộ định đoạt. Chính phủ Nam Triều có Vua và triều đình, nhƣng chỉ đặt ra để thi hành những mệnh lệnh của chính phủ bảo hộ mà thôi, chứ không có quyền hành gì cả. Nay phải hợp nhất cả hai chính phủ này, bắt các Quan ở các Tỉnh chỉ đƣợc trực tiếp với chính phủ Việt Nam mà thôi, và cấm không cho gửi văn thƣ về Sở Tối Cao Cố Vấn Nhật nữa.

May lúc đó đƣợc viên Tối Cao Cố Vấn Nhật là ông Yokohama, một ngƣời am hiểu tình thế và nhã nhặn, cho nên mọi việc cũng giải quyết đƣợc dễ dàng.

Ðem lại sự thống nhất trong việc cai trị nhƣ thế mà cũng mất hơn một tháng mới xong. Ấy là chỉ nói việc sửa đổi cai trị thôi, còn các cơ quan trọng yếu nhƣ công an, sở tuyên truyền công văn hãy còn ở trong tay ngƣời Nhật cả.

Quan lại ở các Tỉnh, phần nhiều là những tham quan ô lại chỉ quen sự thi hành mệnh lệnh của ngƣời Pháp, chứ không mấy ngƣời có đủ tƣ cách làm ngƣời công chức một nƣớc tự chủ. Muốn thay đổi các Quan lại là một chuyện rất khó. Những ngƣời làm chính trị nói huyên thuyên thì nhiều, song những ngƣời chín chắn biết suy nghĩ và biết cách đối lại với dân chúng cho êm ái thì ít. Việc chính trị là một việc rất phức tạp, cần phải có nhiều lịch duyệt và tài cán mới làm đƣợc. Nay muốn thay đổi các Quan lại, thì phải từ từ lựa chọn nhân viên cho xứng đáng, chứ đem ngƣời mới làm việc lại dở hơn ngƣời cũ, thì chỉ làm rối việc chứ không có ích gì. Tuy thế, nhƣng chỗ nào có viên Tỉnh Trƣởng bất lực lắm, chúng tôi cố tìm trong những

nhân vật mới, xem ai có thể làm đƣợc đem ra thay. Hãy làm thử nhƣ thế một vài nơi xem hiệu quả thế nào. Nhƣng xét ra hiệu quả mong đợi cũng không đƣợc mỹ mãn lắm.

Chính sách của chúng tôi lúc bấy giờ, vì tình thế chƣa đƣợc vững chắc nên phải đi từ từ, không làm điên đảo hết cả, sợ gây ra rối loạn.

Việc quan hệ nhất về đƣờng nội trị lúc ấy là phải lo sự vận tải để tiếp tế miền Bắc, dân tình đói khổ ngƣời chết đói hàng ngàn hàng vạn. Vì vậy chúng tôi ra Bộ Tiếp Tế chuyên coi việc vận tải thóc gạo trong Nam ra Bắc. Bộ ấy không đạt đƣợc mục đích của chính phủ vì sự vận tải khó khăn quá, đƣờng xe lửa bị hƣ hỏng, thuyền bè đi ngoài bể bị tàu ngầm đánh và bị cƣớp bóc mất cả.

Việc binh bị trong nƣớc là việc quan trọng đến vận mạng cả nƣớc, mà lúc ấy quân lính và súng ống không có. Kinh Đô Huế có tất cả hơn một trăm lính Bảo An, tức lính khố xanh cũ, và sáu bảy chục khẩu súng cũ đạn cũ, bắn mƣời phát thì năm sáu phát không nổ.

Các Tỉnh cũng vậy, mỗi Tỉnh có độ 50 lính Bảo An, các Phủ Huyện thì độ chừng vài chục ngƣời. Việc phòng bị do quân Nhật đảm nhiệm hết. Vì lẽ đó và các lẽ khác nữa mà lúc đầu chúng tôi không đặt Bộ Quốc Phòng. Một là trong khi quân Nhật đang đóng ở trong nƣớc, nếu mình đặt Bộ Quốc Phòng thì chỉ có danh không có thực, và ngƣời Nhật có thể lợi dụng bắt ngƣời mình đi đánh giặc với họ. Hai là trƣớc khi mình có đủ binh lính và binh khí, ta hãy nên gây cái tinh thần binh bị, thì rồi quân đội mình mới có khí thế.

Nhiều ngƣời ở ngoài không hiểu ý chúng tôi buông lời bài xích rằng sao có chính phủ mà không có Bộ Quốc Phòng. Học không biết rõ tình thế lúc bấy giờ bắt chúng tôi phải trù tính mọi việc cho chu đáo, tránh làm những việc hớ hênh có hại cho dân cho nƣớc. Không có Bộ Quốc Phòng, nhƣng lại có Bộ Thanh Niên, lập ra các đạo thanh niên tiền tuyến, để một ngày kia thành những đội quân có tinh thần mạnh mẽ.

Nói về chƣơng trình chính trị của chính phủ lúc ấy, chúng tôi đã có chƣơng trình dự định trƣớc. Theo ý tôi, bất cứ trong một chính thể nào, việc của chính phủ là phải lấy sự dân sinh làm trọng, nghĩa là phải làm cho dân an cƣ lạc nghiệp, rồi tìm cách giáo hóa nâng cao trình độ dân chúng về đƣờng tinh thần và đƣờng vật chất cho hợp thời để tiến thủ với các dân tộc khác, mà vẫn giữ đƣợc đặc tính của mình. Song trong tình thế của nƣớc Việt Nam mới bƣớc đầu đi vào con đƣờng tự chủ, có nhiều sự cản trở khó khăn, chúng tôi phải lo làm những việc cần kíp có thể làm ngay đƣợc, nhƣ việc tiếp tế đã nói ở trên, việc mời các chính khách còn phiêu lƣu nƣớc ngoài trở về nƣớc, và xóa bỏ những hình ảnh bất công để những ngƣời ái quốc còn đang bị giam cầm trong các lao ngục có thể tùy tài ra tham dự việc kiến thiết quốc gia. Chúng tôi lại muốn gây nuôi lòng hy sinh vì nƣớc mà dựng đài kỷ niệm ở các nơi đô thị lớn để ghi những sự nghiệp của các bậc anh hùng chí sĩ đã quên mình vì nòi giống, vì tổ quốc trong khoảng bảy tám mƣơi năm vừa qua.

Ðối với Quan lại cũ, có nhiều ngƣời đã quen thói tham nhũng, chúng tôi định sẽ tìm cách trừng trị rất nghiêm. Nhƣng lúc đầu chúng tôi muốn mở rộng con đƣờng cải thiện để ai biết hối quá cải tà qui chính, thì đƣợc yên ổn làm việc, cốt để gây lại lòng biết liêm sĩ của ngƣời đã đi lầm đƣờng lạc lối. Những công việc ấy, chúng tôi đã khởi đầu làm cả.

Về đƣờng cải tổ chính thể, là những việc quan trọng, cần phải có thì giờ suy nghĩ kỹ. Trƣớc hết chúng tôi lập ra những Tƣ Vấn Hội Nghị ở các địa phƣơng theo phƣơng pháp của chúng tôi đã định, để chọn lấy những ngƣời lịch duyệt và có học thức ra giúp các Cơ Quan Hành Chính địa phƣơng, lo việc cai trị trong Hạt. Những Tƣ Vấn Hội Nghị địa phƣơng ấy sẽ chọn lấy những ngƣời xứng đáng lập thành một Tƣ Vấn Hội Nghị toàn quốc, giúp chính phủ trong việc cải tổ quốc gia và thảo một dự án về Hiến Pháp, đợi đến khi có Quốc Hội lập hiến sẽ đem ra thảo luận.

Ðó là chƣơng trình những việc chính phủ dự định để tùy tình thế và phƣơng tiện mà thi hành. Nhƣng vì thời gian eo hẹp quá, nên chƣa thực hiện đƣợc.

Nƣớc Việt Nam đã là một nƣớc tự chủ thì phải có Quốc Kỳ và Quốc Ca. Bài Quốc Ca thì từ trƣớc vẫn dùng bài ‘’Ðăng Ðàn’’ là bài ca rất cổ, mà âm điệu nghe nghiêm trang. Chúng tôi nghĩ: Trƣớc khi có bài nào hay hơn và có nghĩa lý hơn thì hãy cứ dùng bài ấy.

Còn lá Quốc Kỳ, mỗi ngƣời bàn một cách, chúng tôi định đem hỏi mọi ngƣời trong nƣớc và ai có ý kiến gì, thì vẽ kiểu gửi về. Có kiểu lá cờ vàng có quẻ ly ở giữa là có ý nghĩa hơn cả. Chúng tôi định lấy kiểu ấy làm Quốc Kỳ.

Lá cờ vàng là từ xƣa nƣớc ta vẫn dùng. Trong sách *Quốc Sử Diễn Ca* nói khi bà Triệu Ẩu nổi lên đánh quân Tàu, đã dùng lá cờ ấy khởi nghĩa, nên có câu rằng ‘’Ðầu voi phất ngọn cờ vàng’’. Vậy lấy sắc cờ vàng là hợp với cái ý cách mệnh của tổ quốc, lấy dấu hiệu quẻ ly là vì trong lối chữ tối cổ của ta có tám chữ viết bằng vạch liền (dƣơng) và những vạch đứt (âm) để chỉ tám quẻ, chỉ bốn phƣơng chính và bốn phƣơng bàng, nói ở trong kinh dịch, mà quẻ ly chủ phƣơng Nam. Chữ LY còn có nghĩa là lửa, là văn minh, là ánh sáng phóng ra bốn phƣơng.

Lấy sắc vàng là hợp với lịch sử, lấy quẻ ly là hợp với vị trí nƣớc nhà lại có nghĩa chỉ một nƣớc văn hiến nhƣ ta thƣờng tự xƣng. Nhƣ thế là lá cờ vàng quẻ ly có đủ các ý nghĩa. Song có ngƣời nói: Cờ quẻ ly là một điềm xấu cho nên thất bại, vì ly là lìa. Ly là lìa là một nghĩa khác chứ không phải nghĩa chữ ly là quẻ. Và việc làm của một chính phủ là cốt ở cái nghĩa lý, chứ không phải sự tin nhảm vô ý thức.

Việc thất bại là vì tình thế chứ không phải vì lá cờ. Giả sử dùng lá cờ khác mà trong hoàn cảnh lúc ấy có thể thay đổi đƣợc gì không ?

Việc chính trị ở Trung Bộ dần dần đã rõ rệt, nhƣng ở Bắc Bộ và Nam Bộ còn trong tay ngƣời Nhật. Chính phủ trƣớc phải lo thu lại hết toàn thể nƣớc Việt Nam về một mối. Nƣớc Việt Nam từ Bắc chí Nam vốn là một nƣớc duy nhất về lịch sử, về phong tục và về ngôn ngữ. Tuy về địa dƣ thì hình thể nƣớc chạy dài hơn hai ngàn cây số, nhƣng tính cách duy nhất thật rõ rệt, ít nƣớc nào trong thiên hạ đƣợc nhƣ thế. Sau vì có sự lấy thuộc địa và sự bảo hộ của nƣớc Pháp, đem chia nƣớc làm ba đoạn là Nam kỳ, Trung kỳ và Bắc kỳ. Mỗi một kỳ có một chính sách khác nhau nhƣ ba nƣớc vậy. Sự chia ngắt ra nhƣ thế là một lối chính trị dùng phƣơng pháp ‘’chia ra để thống trị’’. Song sự chia ngắt ấy lấy áp bức mà đặt ra, chứ về phƣơng diện ngƣời bản quốc thì chữ ‘’kỳ’’ chỉ có nghĩa là khu, xứ, bộ, phận, nhƣ ta nói: Xứ Bắc, xứ Trung, xứ Nam mà thôi, không có nghĩa gì là một nƣớc. Ngƣời Pháp cũng biết thế nên mới dựng tiếng tàu là Tông Kinh (Ðông Kinh) gọi Bắc kỳ, và dùng tiếng Cochinchine là tiếng gì chẳng biết để gọi Nam kỳ cho ra vẻ ba nƣớc khác nhau. Nhƣng khi ai hỏi một ngƣời Việt Nam, bất cứ ở Nam hay Bắc, là ngƣời nƣớc nào, thì ngƣời Việt Nam ấy tự nhiên đáp lại rằng: ‘’Tôi là ngƣời An Nam’’. Tiếng An Nam là tiếng ngƣời ta đã quen dùng từ đời Lê thành ra phổ thông hơn.

Vậy việc thu cả ba kỳ về quyền trung ƣơng để thống nhất đất nƣớc nhƣ khi chƣa bị sự bảo hộ của nƣớc Pháp là việc rất trọng yếu của chính phủ tôi. Trong sự điều đình với ngƣời Nhật để thu lại lãnh thổ nƣớc Việt Nam gặp nhiều sự khó khăn. Trƣớc hết ngƣời Nhật bằng lòng trả đất Bắc Bộ cho chính phủ Việt Nam, song những đất thuộc ba thành: Hà Nội, Sài Gòn, Ðà Nẵng và Nam Bộ là đất Vua Việt Nam ngày trƣớc đã ký kết cho nƣớc Pháp thì ngƣời Nhật đòi tạm giữ đến khi nƣớc Việt Nam hoàn toàn độc lập sẽ trả sau.

Chính phủ Việt Nam viện lẽ quân Nhật đánh quân Pháp để giải phóng cho Việt Nam và Vua Bảo Ðại đã tuyên bố bỏ hết những hiệp ƣớc đã ký với nƣớc Pháp, thì lẽ tất nhiên là ngƣời Nhật phải trả toàn lãnh thổ cho Vua Việt Nam. Nay nếu ngƣời Nhật cứ giữ lấy những đất ấy là trái với lời hứa hẹn trƣớc.

Trong khi còn đang điều đình về việc thu toàn lãnh thổ, chúng tôi đã định áp dụng dự án của chúng tôi về đƣờng chính trị, là chính phủ trung ƣơng nhiếp thống hết cả những cơ quan quan hệ đến cuộc chính trị chung cả nƣớc nhƣ quốc phòng, ngoại giao, tài chánh, giáo dục v.v...Còn về đƣờng cai trị thì chia nƣớc ra mấy địa phƣơng, đại khái nhƣ Bắc Bộ Ðịa Phƣơng, Trung Bộ Ðịa Phƣơng và Nam Bộ Ðịa Phƣơng. Mỗi địa phƣơng đƣợc quyền tự trị về

phƣơng diện cai trị và kinh tế. Các Cơ Quan Hành Chính các địa phƣơng do chính phủ trung ƣơng chọn ngƣời bản xứ cử ra và có các nhân vật Hội Nghị kiểm duyệt. Khi còn chờ có hiến pháp và sự tuyển cử phân minh, các Cơ Quan Hành Chính ở các địa phƣơng hãy tạm cử những nhân vật xứng đáng ra xung chức địa phƣơng Tƣ Vấn Nghị Viên. Chúng tôi cho chính sách địa phƣơng tự trị nhƣ thế có nhiều điều tiện lợi và hợp với tình thế từng xứ về đƣờng cai trị và đƣờng kinh tế, mà không hại gì cho sự thống nhất của nƣớc nhà.

Khi ngƣời Nhật đã trả lại đất Bắc Bộ, chính phủ cử ông Phan Kế Toại, đã làm chức Tổng Đốc và có tiếng là ngƣời thanh liêm hơn cả, ra xung chức Bắc Bộ Khâm Sai. Nhật trả đất Bắc Bộ, nhƣng vẫn giữ những Thành Thị Hà Nội, Hải Phòng, Ðà Nẵng và xứ Nam Bộ. Nhật lại giữ hết những cơ quan trọng yếu nhƣ Sở Công An, Sở Tuyên Truyền và các công sở thuộc Phủ Toàn Quyền cũ của Pháp, nhƣ Nha Học Chính, Nha Tƣ Pháp, Sở Bƣu Điện, Sở Công Chánh, Sở Tài Chính v.v...

Trong khi chúng tôi phải lo làm mọi việc và còn phải điều đình với ngƣời Nhật để thu lại những lãnh thổ nƣớc nhà, thì ở Huế có ngƣời phát truyền đơn nói thế nọ thế kia, nhất là nói ông Ngô Ðình Diệm không về là vì chƣa lấy lại đất Nam Bộ. Lại có một ngƣời Nhật nói ra nói vào rằng: Trong Nội Các chỉ có những ngƣời chuyên môn chứ không có ngƣời chính trị. Cái ý của bọn ấy là muốn đƣa những ngƣời thân với họ vào Nội Các. Song chúng tôi nghĩ: Ngƣời làm việc nƣớc lúc ấy cần phải là những ngƣời ngay chính và có học thức, chứ không cần những ngƣời xảo trá, xƣng danh trục lợi, gió chiều nào theo chiều nấy. Vì vậy thành ra có nhiều chuyện mè nheo rất khó chịu.

Tôi phần bị nhọc mệt, phần thấy nhiều sự trắc trở đã mấy lần muốn từ chức về nghỉ. Song nghĩ nƣớc mình mới lần đầu lập một chính phủ có quyền tự trị, công việc chƣa xong gì cả mà bỏ về, thì đối với nghĩa vụ không trọn vẹn. Vả trƣớc khi lui bƣớc, tôi cần biết rõ sự thực. Thà ra Hà Nội trực tiếp với viên Tổng Tƣ Lệnh Nhật, kiêm chức toàn quyền cũ nƣớc Pháp, xem tình ý thế nào rồi sẽ liệu. Trƣớc tôi đã nhờ ông Trần Văn Chƣơng, Bộ Trƣởng Bộ Ngoại Giao, ra Hà Nội điều đình mọi việc, nhƣng không xong. Tôi định phen này ra, nếu công việc thực hiện đƣợc thì lấy ngay ba Thành Thị: Hà Nội, Hải Phòng, Ðà Nẵng và đất Nam Bộ, thế là làm tròn nhiệm vụ thu đƣợc toàn lãnh thổ nƣớc Việt Nam. Nhƣợc bằng không xong thì tôi về xin từ chức cũng không sao. Tôi nghĩ thế nên trƣớc khi đi đã nhờ ngƣời thuê cho cái nhà ở làng Lại Thế gần Huế, để có thôi việc tôi ra nghỉ đây ít lâu trƣớc khi về Hà Nội.

Trong khi tôi dự định ra Hà Nội thì ở ngoài Hà Nội xảy ra việc ngƣời Nhật bắt bọn thanh niên Việt Nam theo đảng Việt Minh chống Nhật.

Tôi cần phải ra ngay để hiểu rõ tình thế.

Ðảng Việt Minh là gì và do đâu mà ra ? Trƣớc thì ít ngƣời biết rõ căn nguyên, sau đi đây đó xét hỏi kỹ càng mới biết rõ nguồn gốc. Thoạt đầu vào khoảng năm 1938 ở Bắc Việt đã nghe nói có đảng Việt Minh hành động ở mạn Thƣợng Du, nhƣng lúc ấy ai cũng tƣởng là một đảng cách mệnh mới nào đó nên không để ý đến mấy.

Nguyên từ khoảng 1925-1926 trở đi, ở Việt Nam đã có ngƣời nói đến chủ nghĩa cộng sản. Lúc ấy có một thiếu niên tên Nguyễn Tất Thành, sinh năm 1894, con nhà thi lễ, quê làng Kim Liên Huyện Nam Ðàn thuộc Tỉnh Nghệ An. Trƣớc học Trƣờng Trung Học ở Huế rồi bỏ sang Pháp theo Xã Hội Ðảng, lấy tên là Nguyễn Ái Quốc. Sau lại sang Nga vào đảng Cộng Sản, đến khoảng 1929-1930 ông trở về gây phong trào cộng sản cách mệnh ở vùng Nghệ Tĩnh. Lúc ấy chính phủ bảo hộ Pháp dùng võ lực đàn áp một cách tàn nhẫn. Việc ấy thất bại, đảng cộng sản tuy phải im hơi lặng tiếng, nhƣng vẫn ngấm ngầm tuyên truyền trong đám dân gian và thợ thuyền, theo đúng phƣơng pháp đã định ở Mạc Tƣ Khoa bên Nga.

Trong khoảng thời gian ấy, Nguyễn Ái Quốc lánh sang Hƣơng Cảng, bị ngƣời Anh bắt. Ngƣời Pháp muốn đòi ngƣời Anh giao trả cho chính phủ Ðông Dƣơng, song theo tục lệ Anh, ngƣời Anh không giao trả những ngƣời can phạm vào việc chính trị, vì vậy ông phải giam ít lâu rồi đƣợc tha và bị đuổi ra khỏi Hƣơng Cảng.

Ông Nguyễn Ái Quốc sang Quảng Châu và phao tin rằng ông đã chết trong ngục khi bị bắt ở Hƣơng Cảng, và lại đổi tên là Lý Thụy rồi chen lẫn với những ngƣời cách mệnh Việt Nam ở bên Tàu. Vào khoảng 1936-1937 ông lập ra đảng cộng sản gọi là Việt Nam Ðộc Lập Ðồng Minh, gọi tắt là Việt Minh, và cho ngƣời về hoạt động ở miền Thƣợng Du Bắc Việt. Vì vậy thuở ấy ngƣời ta mới biết là có đảng Việt Minh.

Ðến cuối năm 1940 nhân khi quân Nhật Bản ở Quảng Tây đánh vào Lạng Sơn, những ngƣời nhƣ bọn ông Trần Trung Lập trong đảng Việt Nam Quang Phục Hội của ông Phan Bội Châu lập ra khi trƣớc, theo quân Nhật về đánh quân Pháp hồi tháng Chín năm 1940. Sau vì ngƣời Nhật ký hiệp ƣớc với ngƣời Pháp rồi trả lại Thành Lạng Sơn cho ngƣời Pháp, ông Trần Trung Lập bị quân Pháp bắt đƣợc đem xử tử. Toán quân phục quốc vỡ tan, có một số độ 700 ngƣời, trong số ấy có độ 40 nữ đảng viên theo ông Hoàng Lƣơng chạy sang Tàu.

Vậy các đảng của ngƣời Việt Nam ở bên Tàu vào khoảng năm 1942 trở đi, có Việt Nam Phục Quốc Ðồng Minh Hội, Việt Nam Quốc Dân Ðảng và những ngƣời cách mệnh không có đảng phái v.v...

Thuở ấy, chính phủ Trung Hoa thấy những đảng viên Việt Nam Ðộc Lập Ðồng Minh Hội hành động theo chủ nghĩa cộng sản, bèn xuống lệnh giải tán đảng ấy và bắt Lý Thụy giam trong hang đá ở Liễu Châu, ủy cho Tƣớng Trƣơng Phát Khuê chủ trƣơng việc tập hợp các đảng phái cách mệnh Việt Nam lập thành một đảng để hành động cho có hệ thống. Trƣơng Phát Khuê giao cho ông Hoàng Lƣơng trù liệu việc ấy.

Ngày mùng 1 tháng Mƣời năm 1942, ông Hoàng Lƣơng chiêu tập ở Liễu Châu những ngƣời trong các đảng phái hay không có đảng phái để lập ra một đảng duy nhất gọi là Việt Nam Cách Mệnh Ðồng Minh Hội, gồm đại biểu các đảng sau đây:

1. Việt Nam Phục Quốc Ðồng Minh Hội, có Hoàng Lƣơng và Hồ Học Lãm làm đại

biểu.

1. Việt Nam Quốc Dân Ðảng, có Vũ Hồng Khanh và Nghiêm Kế Tổ làm đại biểu.
2. Vô đảng phái, có Trƣơng Bội Công, Nguyễn Hải Thần, Trần Báo, Trƣơng Trung

Phụng làm đại biểu.

Các đại biểu trƣớc hết lập thành một ủy ban trừ bị do Nguyễn Hải Thần chủ tọa để xếp đặt mọi việc.

Lúc ấy Lý Thụy còn phải giam, ủy ban trừ bị đứng ra bảo đảm với chính phủ Trung Hoa, xin lĩnh ra để cùng làm việc. Theo lời một ngƣời Việt Nam có mặt trong Hội Nghị ấy đã nói: Lý Thụy có kết nghĩa với một ngƣời cộng sản Tàu tên là Hầu Chí Minh, làm chức Thiếu Tƣớng trong quân đội thuộc quyền chỉ huy của Trƣơng Phát Khuê. Khi ở nhà ngục ra, ông muốn tỏ tình thân ái với bạn mới lấy tên là Hồ Chí Minh. Khi ông đƣợc tha ra, liền tuyên thệ xin hết lòng trung thành với Việt Nam Cách Mệnh Ðồng Minh Hội mà làm việc.

Việt Nam Cách Mệnh Ðồng Minh Hội đã thành lập, đổi ủy ban trừ bị ra làm ủy ban chấp hành. Khi ấy ông Hoàng Lƣơng vì có sự gì xích mích với chính phủ Trung Hoa nên bị bắt đem về Trùng Khánh. Bởi vậy ủy ban chấp hành chỉ có những ngƣời này:

Trƣơng Bội Công, chủ tọa. Trần Ðình Xuyên.

Nguyễn Hải Thần.

Vũ Hồng Khanh, ủy viên. Bồ Xuân Luật.

Trƣơng Trung Phụng.

Nông Kính Du.

Hồ Chí Minh đƣợc cử làm hậu bổ ủy viên và Trần Báo làm Tổng cán sự.

Việt Nam Cách Mệnh Ðồng Minh Hội vừa thành lập chƣa đƣợc bao lâu thì đã có sự bất hòa trong nhóm ủy viên, nên chủ tọa là Trƣơng Bội Công từ chức và bỏ về Vân Nam rồi mất ở đấy. Hội cử ông Nguyễn Hải Thần lên làm chủ tọa.

Trong những ngƣời cách mệnh Việt Nam hoạt động bên Tàu thuở ấy, ta có thể biết những ngƣời này:

Trƣơng Bội Công, ngƣời Thanh Hóa, có nghị lực và cƣơng quyết, trƣớc học Trƣờng Võ Bị và làm đến chức Thiếu Tƣớng trong quân đội Tàu.

Nguyễn Hải Thần, chính tên là Vũ Hải Thu, ngƣời Tỉnh Hà Ðông. Ông là ngƣời lão thực, trƣớc đã thi đỗ Tú Tài, thƣờng gọi ông Tú Ðại Từ. Khi ông Phan Bội Châu xƣớng lên việc xuất dƣơng vào quãng năm 1905-1906, ông ra ngoài vào học Trƣờng Võ Bị Hoàng Phố gần Quảng Châu. Ông quen biết Tôn Dật Tiên, Tƣởng Giới Thạch, Ngô Thiết Thành, Trần Lập Phu v.v...Vì có sự quen biết ấy, nên khi ông Tƣởng Giới Thạch làm Giám Đốc Trƣờng Hoàng Phố, có đƣa ông vào làm một chức Giáo Sƣ ở Trƣờng, dạy về chính trị, mỗi tháng đƣợc sáu bảy chục tiền Tàu, lúc ấy cũng đủ ăn tiêu. Một năm ở Nam Ðịnh có cuộc xƣớng danh khoa thi Hƣơng, Toàn Quyền Sarraut về chứng cuộc ấy, ông về ném quả tạc đạn định giết viên Toàn Quyền. Nhƣng tạc đạn không nổ, ông chạy thoát, đổi tên là Nguyễn Cẩm Giang. Một lần nữa sau cuộc chiến tranh 1914-1918 ông đem một toán quân thổ phỉ về đánh Châu Ðà Long, ta thƣờng gọi là Châu Ðà Lùng thuộc Cao Bằng. Việc thất bại ông sang ở luôn bên vùng Nam nƣớc Tàu và đổi tên là Nguyễn Hải Thần. Sự nghiệp cách mệnh của ông chứng rõ trong bài thơ sau này, ông gửi cho tôi khi tôi ở Quảng Châu vào khoảng cuối năm 1946:

*Bốn chục năm nay vị nước nòi*

*Nước nòi chưa mạnh, quyết chưa thôi Ðà Long phất trận gươm ba tấc*

*Nam Ðịnh tương bom lửa một mồi Cha đứa cắn gà toan cõng rắn Mẹ thằng giày mã dám đem voi*

*Nào ai mãnh sĩ mưu thần đó Góp sức đun tay để cứu đời*

Vũ Hồng Khanh, tức là Giáo Giản, trƣớc làm Giáo Học ở một Trƣờng Tiểu Học Bắc Việt, sau theo Nguyễn Thái Học vào Quốc Dân Ðảng khởi nghĩa ở Yên Bái, rồi chạy sang Tàu ở bên Vân Nam.

Nguyễn Tƣờng Tam, có bằng khoa học Cử Nhân, trƣớc đứng chủ trƣơng báo *Phong Hóa* rồi *Ngày Nay* ở Hà Nội và lập ra Đảng Ðại Việt Dân Chính. Ðến khi quân Nhật vào đóng ở Ðông Dƣơng, vì sự hành động của bọn ông, ngƣời Pháp toan bắt, ông nhờ quân đội Nhật đƣa sang ở Quảng Châu rồi sang Quảng Tây, nhập vào Việt Nam Cách Mệnh Ðồng Minh Hội.

Những ngƣời ấy tuy nói là đảng nọ phái kia, nhƣng kỳ thực không có sự tổ chức gì ra trò. Bọn ông Hồ chí Minh biết nhƣ thế nên mới lợi dụng danh hiệu Việt Nam Cách Mệnh Ðồng Minh Hội để che đậy công việc làm.

Ðảng Việt Minh cộng sản có tổ chức rất chu mật và theo đúng phƣơng pháp khoa học. Trong khi ông Hồ chí Minh ở bên Tàu để chờ đợi thời cơ, ở trong nƣớc đâu đâu cũng có cán bộ, ngấm ngầm hành động và tuyên truyền rất khôn khéo. Họ lợi dụng lòng ái quốc của dân chúng mà tuyên truyền Việt Minh không phải là đảng cộng sản, chỉ là một mặt trận gồm tất cả các đảng phái lấy lại độc lập cho nƣớc nhà, vậy nên từ Bắc chí Nam đâu cũng có ngƣời theo. Cách hành động của họ thì bất cứ công sở hay tƣ sở, hễ đâu có một tổ chức làm việc là có ngƣời của họ chen lấn vào, hoặc để tuyên truyền, hoặc để hoạt động theo chủ nghĩa họ. Ðảng viên cộng sản lại biết giữ kỷ luật rất nghiêm và rất chịu khó làm việc. Xem nhƣ Hội Truyền Bá Quốc Ngữ khi mới thành lập ở Hà Nội là có ngay những ngƣời cộng sản vào hội rồi, và những ngƣời nhận việc đi dạy học rất chăm, không quản công lao gì cả. Một tổ chức có kỷ luật và chịu khó làm việc nhƣ thế, làm gì mà không mạnh.

Sự tổ chức của đảng cộng sản đã mạnh và nhất là từ khi quân Nhật Bản vào đóng ở Ðông Dƣơng, rồi xem hình nhƣ ngƣời Pháp lại ngấm ngầm dung túng họ, có ý để họ quấy nhiễu quân Nhật may ra có xảy biến đổi gì chăng. Cho nên ngƣời ta thấy lúc ấy chính phủ bảo

hộ vẫn bắt bớ những ngƣời làm thuyền thợ theo cộng sản, song ngƣời cộng sản nào có chút thế lực thì bắt rồi lại thả ra, hoặc dùng để làm việc với mình. Cái tình thế đảng cộng sản ở trong nƣớc trƣớc khi có cuộc đảo chính của quân Nhật là thế.

Trong khi ấy ông Hồ chí Minh ở bên Tàu vẫn cộng tác với Việt Nam Cách Mệnh Ðồng Minh Hội, không có tranh dành địa vị nhƣ những ngƣời khác, cứ làm việc của một đảng viên có kỷ luật. Cái khôn khéo của ông lúc ấy không để lộ cho ai biết ông là lãnh tụ đảng cộng sản Ðông Dƣơng.

Việt Nam Cách Mệnh Ðồng Minh Hội ở Liễu Châu đƣợc ít lâu rồi vì sự tấn công của quân Nhật, hội phải dời về Bách Sắc và đặt thêm hai chi bộ, một chi bộ ở Côn Minh do Vũ Hồng Khanh quản lý, và một chi bộ ở Tỉnh Quảng Tây do Trƣơng Trung Phụng quản lý. Về khoảng cuối năm 1944, Việt Nam Cách Mệnh Ðồng Minh Hội lại dời về Tỉnh Quảng Tây và cho ông Hồ chí Minh về Bách Sắc để trù liệu kế hoạch nhập Việt. Sau đó hội cho ông Hồ chí Minh cùng 22 đảng viên phần nhiều là ngƣời trong đảng Phục Quốc về nƣớc để khởi sự hành động. Trong số 22 ngƣời ấy có một nữ đảng viên tên là Ðỗ Thị Lạc là ngƣời sau có đứa con gái với Hồ chí Minh. Về sau thấy ngƣời ta nói khi về đến địa hạt Bắc Giang, có ba đảng viên trong 22 ngƣời ấy bị giết vì không chịu theo cộng sản.

Lúc đầu bọn ông Hồ chí Minh chia ra làm hai đoàn. Một đoàn có ông Ðặng Văn Ý, cựu Trung Úy trong quân đội Pháp trƣớc về Lạng Sơn đánh lấy đồn Bảo Lạc, thuộc Hà Giang. Một đoàn đi với Hồ chí Minh có Vũ Nam Long, sau thƣờng gọi là Tƣớng Nam Long, đánh lấy đồn Ðồng Mu ở Sóc Giang thuộc Cao Bằng. Việc ấy xảy ra vào khoảng tháng Hai năm 1945.

Từ đó bọn ông Hồ chí Minh bỏ danh hiệu Việt Nam Cách Mệnh Ðồng Minh Hội mà dùng danh hiệu cũ là Việt Nam Ðộc Lập Ðồng Minh, tức Việt Minh, và dùng cờ đỏ sao vàng của cộng sản. Rồi đến quảng đầu tháng Ba năm 1945 thì về đến vùng Văn Lãng, thuộc Thái Nguyên giáp Tuyên Quang và lập trụ sở bí mật ở đó. Từ bấy giờ trở đi, đảng Việt Minh hành động rất mạnh, nhƣng cái tên Hồ chí Minh vẫn giữ rất kín cho đến gần cuối tháng Tám, sau khi cƣớp đƣợc chính quyền ở Bắc Bộ, ngƣời ta mới nghe nói.

Các chi bộ cộng sản ở Trung và Nam Bộ đã sẵn sàng đâu đấy cả rồi, song cứ phải giữ bí mật, đợi khi có mệnh lệnh mới đƣợc ra mặt hành động. Bắc Bộ, một mặt họ sai những ngƣời táo tợn đi đánh phá các nơi, hễ đâu có ai ra mặt chống họ, họ bắt đi hay giết chết, làm cho dân chúng khiếp sợ. Một mặt họ cho ngƣời đi diễn thuyết và tuyên truyền rằng đảng Việt Minh đã có các nƣớc Ðồng Minh là Tàu, Nga, Mỹ ủng hộ và giúp cho binh khí để đánh bọn độc tài Pháp và Nhật. Họ lại nói rằng quân Việt Minh đã đánh lấy đƣợc mấy tỉnh ở mạn Thƣợng Du Bắc Bộ rồi.

Vào khoảng tháng 5 năm 1945, ngƣời Nhật thấy Việt Minh có thế mạnh, tƣởng là một đảng theo chủ nghĩa quốc gia, bèn cho ngƣời đi tìm cách điều đình. Ðến ngày mùng 9 tháng Năm, hai ngƣời Nhật và một ngƣời Việt Nam làm thông ngôn lên đến Ký Phú gần Huyện Ðại Từ thuộc Thái Nguyên, đều bị quân Việt Minh giết cả. Việt Minh lại sai ngƣời về ám sát mấy ngƣời Sĩ Quan Nhật ở giữa Hà Nội và cho ngƣời đi đánh Phủ nọ Huyện kia. Các Quan Phủ Huyện, ngƣời thì bị bắt, ngƣời thì chạy trốn, dân tình nôn nao cả lên. Những thanh niên Việt Nam lúc ấy phần nhiều cũng theo Việt Minh và đi tuyên truyền rầm rĩ. Ngƣời Nhật thấy vậy bèn ra lệnh bắt các thanh niên và những ngƣời họ ngờ theo Việt Minh đem giam và tra tấn rất cực khổ.

Khi tôi đƣợc tin ngƣời Nhật bắt các thanh niên ở Hà Nội, lập tức tôi thu xếp ra Bắc. Hôm sau tôi nói chuyện với ông Yokohama, Tối Cao Cố Vấn Nhật, rằng hai ngày nữa tôi ra Hà Nội. Ông ấy bảo tôi:

* Cụ đang nhọc mệt ra Hà Nội làm gì, mọi việc dần dần rồi đâu ra đấy cả.

Tôi nói thật ý định của tôi, ông Yokohama không nói gì. Ðến sáng hôm sau ông nói

rằng:

* Nếu cụ đi Hà Nội, thì tôi cùng đi với cụ.

Tôi bảo đƣợc thế càng hay.

Tôi ra Hà Nội, cùng đi có các ông Hoàng Xuân Hãn Bộ Trƣởng Bộ Giáo Dục, ông Vũ Văn Hiền Bộ Trƣởng Bộ Tài Chính, ông Phan Anh Bộ Trƣởng Bộ Y Tế, đề phòng khi điều đình ổn thỏa, sẽ lấy lại các công sở.

Ði lúc bấy giờ rất khó khăn, ngày đêm tàu bay Mỹ sang đánh phá, phải đêm đi ngày nghỉ. Ra đến Hà Nội đƣợc mấy ngày ông Vũ Ngọc Anh đi về Thái Bình thăm nhà và xem những bệnh viện vùng ấy, rồi đến khi trở về gần Bần Yên Nhân, bị tàu bay Mỹ bắn chết. Thế là trong Nội Các mất một ông Bộ Trƣởng rất tận tâm về việc nƣớc, và chúng tôi mất một ngƣời bạn hòa nhã và trung thành.

Tôi đến Hà Nội hôm trƣớc, hôm sau đến gặp ông Tsuchi-Hashi Yuitsu, Tổng Tƣ Lệnh Nhật, quyền chức Toàn Quyền của Pháp ở Ðông Dƣơng, rồi bắt đầu nói chuyện. Trong cuộc nói chuyện chỉ có viên Tổng Tƣ Lệnh, viên Cố Vấn và tôi. Viên Tối Cao Cố Vấn phiên dịch tiếng Việt ra tiếng Pháp. Nói câu nào, trƣớc khi phiên dịch ra tiếng Pháp hay tiếng Nhật, viên ấy biên lấy những câu hỏi và những câu đáp lại.

Trƣớc hết tôi nói:

* Quân đội Nhật đã đánh quân đội Pháp và công nhiên hứa hẹn trả quyền tự chủ cho nƣớc Việt Nam. Bởi vậy tôi không quản tuổi già và sự khó khăn của hoàn cảnh mà đứng ra lập chính phủ. Tôi làm việc một lòng giúp nƣớc tôi, cũng nhƣ các ông lo việc giúp nƣớc Nhật, thế mà thấy nhiều ngƣời nói nọ nói kia rất khó chịu. Nếu các ông cho tôi là ngƣời làm việc cho nƣớc Nhật, việc ấy không phải là phận sự của tôi, tôi sẵn lòng xin lui.

Tổng Tƣ Lệnh Nhật nói:

* Bao giờ ngƣời Nhật cũng giữ lời hứa hẹn nên những việc nội trị trong nƣớc Việt Nam là không can thiệp đến. Còn những việc chƣa giải quyết đƣợc là vì cần phải có thì giờ để thu xếp cho ổn thỏa. Cụ đừng nghe ngƣời Nhật hay ngƣời Việt Nam nói nhảm không có căn cứ gì. Vả tôi phụng mệnh Thiên Hoàng sang đây, việc gì cũng trách cứ ở tôi, cụ đừng ngại.
* Ngài đã nói thế, phận sự của chính phủ chúng tôi là phải thu lại mấy Thành Thị Hà Nội, Hải Phòng, Ðà Nẵng và toàn hạt đất Nam Bộ cho nƣớc Việt Nam. Nếu việc ấy không xong, thì chúng tôi đối với quốc dân không có nghĩa lý gì cả.
* Chúng tôi bao giờ cũng định trả lại các lãnh thổ Việt Nam cho chính phủ Việt Nam. Nhƣng vì sợ các ông chƣa xếp đặt đƣợc sẵn sàng, nên còn trì hoãn lại ít lâu.
* Chúng tôi vẫn sẵn sàng về việc ấy, chỉ còn đợi sự quyết định của các ông mà thôi.
* Vậy thì cụ định bao giờ lấy lại ba Thành Thị kia ?
* Nếu ngài bằng lòng, thì tôi xin lấy ngay tự bây giờ. Viên Tổng Tƣ Lệnh Nhật nghĩ một lúc rồi nói:
* Vậy xin để đến sáng ngày kia, vào 11 giờ cụ cho làm lễ thu nhận ba Thành Thị ấy. Còn Nam Bộ thì có nƣớc Cao Miên còn lôi thôi về mấy Tỉnh ở biên giới.

Tôi nói:

* Việc ấy hiện bây giờ không thành vấn đề đƣợc, vì địa giới Nam Bộ ngày nay với địa giới Nam Bộ ngày trƣớc không có gì thay đổi. Vậy phận sự chúng tôi là phải lấy lại toàn lãnh thổ của tổ quốc. Còn nhƣ Cao Miên có muốn nói chuyện gì về việc ấy, thì sẽ nói chuyện với chúng tôi về sau. Vả theo ý tôi, thì nƣớc Cao Miên muốn thừa cơ chiếm lấy một ít đất của Nam Bộ, nhƣ thế làm mất cái tinh thần thân thiện của hai nƣớc lân bang, và không đời nào dân Việt Nam chịu.

Tổng Tƣ Lệnh Nhật cứ viện hết lý do nọ đến lý do kia, thành ra cứ bàn cãi đến một ngày mới chịu nhận lời trả lại Nam Bộ. Có một điều nên biết, là từ ngày tôi ra Hà Nội, ngƣời Nhật nói chuyện rất hòa nhã và có vẻ cung kính, chứ không có điều gì trịch thƣợng hay gai ngạnh. Khi họ đã nhận lời trả lại đất Nam Bộ, có hỏi tôi rằng:

* Bao giờ cụ định vào nhận lấy đất Nam Bộ, hay cụ định cho ai đi thay cụ. Tôi nghĩ trong cái việc khó khăn này, mình phải đi mới đƣợc, và tôi nói:
* Tôi về Huế vài ngày để tâu bày mọi việc với Hoàng Thƣợng, rồi độ chừng ngày mùng 8 tháng Tám là tôi đã ở Sài Gòn rồi.

Tổng Tƣ Lệnh Nhật nói:

* Cụ định vào thì hôm ấy tôi cũng vào, để xếp đặt mọi chuyện cho chóng xong. Tôi nói:
* Cám ơn ngài. Ðƣợc nhƣ thế thì có thể tránh đƣợc mọi sự khó khăn lặt vặt.

Việc lấy lại toàn lãnh thổ Việt Nam nhƣ thế là quyết định xong. Tôi nói đến việc lấy lại các công sở trƣớc thuộc về chính phủ Ðông Dƣơng toàn quyền. Tổng Tƣ Lệnh Nhật nói việc ấy có nhiều sự phức tạp vì các công sở ấy quan hệ đến các nƣớc lân bang nhƣ Cao Miên và Ai Lao nữa.

Tôi nói:

* Các ông đã đánh đổ các thuộc địa của Pháp, đã nhận cho Việt Nam, Cao Miên và Ai Lao đƣợc tự chủ thì các công sở ấy theo lẽ tất nhiên là phải trả lại cho các nƣớc ấy. Còn sự giao thiệp về quyền lợi riêng của mấy nƣớc chúng tôi, sẽ theo tình thân thiện mà bàn với nhau.

Có một điều tôi nhất định đòi cho đƣợc, là phải bỏ chế độ phủ toàn quyền cũ, mới hợp cái nghĩa tự chủ của ba nƣớc trong xứ Ðông Dƣơng.

Sau cuộc đàm phán hơn một ngày bàn về chi tiết việc giao trả lại chính phủ Việt Nam hết thảy các công sở, nhƣ sở hỏa xa, sở công an, vì còn chiến tranh, ngƣời Nhật xin để riêng mấy phòng cho họ hợp tác với ngƣời Việt Nam. Tôi nghĩ: Trong lúc đầu còn lắm sự khó khăn, ta phải tạm nhƣợng bộ ít nhiều, để cho êm chuyện. Tôi ƣng thuận. Còn ngày thu nhận các công sở ấy định vào ngày 15 tháng Tám mà bấy giờ là ngày mùng 2 tháng Tám dƣơng lịch.

Nhƣng công việc và mấy vấn đề trên xong đâu đấy rồi, tôi xin Tổng Tƣ Lệnh Nhật tha và trả lại cho chính phủ Việt Nam hết thảy những Sĩ Quan và Quân Lính Việt Nam mà quân đội Nhật còn giam giữ ở các nơi, để chúng tôi tổ chức lại Quân Đội Bảo An. Và nhân vì súng ống không có, tôi lại xin cho chúng tôi đủ súng ống đạn dƣợc để những đội Bảo An ấy dùng. Tổng Tƣ Lệnh Nhật nhận lời và tạm cho Bắc Bộ 2000 khẩu súng và đạn dƣợc. Tôi về lập tức cho gọi Đại Úy Thu và một Trung Úy đã đƣợc tha từ trƣớc làm chƣơng trình cải tổ các đội Bảo An.

Tôi xin tha cho những thanh niên bị Hiến Binh Nhật bắt vì theo Việt Minh. Lúc ấy phần nhiều thanh niên hăng hái quá thƣờng hay bạo động. Tổng Tƣ Lệnh Nhật gọi viên Đại Tá coi Hiến Binh Nhật đem sổ cho tôi xem, thì chỉ thấy độ 300 ngƣời bị bắt, chứ không nhƣ ngƣời ta đồn có tới hàng ngàn ngƣời, và có non một trăm ngƣời đã đƣợc tha rồi. Những ngƣời còn phải giữ lại là vì có chứng cớ, nhƣ cho tiền hay đã đi hội họp ở chỗ nào.

Tôi lấy mọi lẽ giải thích sự hành động của thanh niên, và bảo ngƣời Nhật rộng lƣợng mà tha hết cả ra, để khỏi làm náo động lòng ngƣời. Hiến Binh Nhật hứa sẽ xét chóng mà tha dần ra. Ngày hôm sau họ tha ra đƣợc năm, sáu chục ngƣời.

Nói rút lại, chúng tôi ra Hà Nội, điều đình với Tổng Tƣ Lệnh Nhật đƣợc kết quả nhƣ là: Lấy lại toàn lãnh thổ của nƣớc Việt Nam, thu hết các công sở thuộc phủ toàn quyền cũ của Pháp, lấy hết các binh sĩ Việt Nam để tổ chức đội quân Bảo An, lấy đƣợc 2000 khẩu súng mới và đạn dƣợc, và xin tha đƣợc một số thanh niên bị bắt.

Sự điều đình của chúng tôi đƣợc ổn thỏa dễ dàng, có lẽ vì ngƣời Nhật tự biết họ sắp thua nên họ đổi thái độ để mua chuộc lòng ngƣời. Hay là họ có ý gì khác nữa, ta không thể biết đƣợc.

Lúc ấy chúng tôi còn dự định làm nhiều việc khác, nhất là chƣơng trình cải tổ quân đội, luyện tập quân lính đề phòng khi hữu sự. Nếu có thì giờ thi hành đƣợc, thì độ năm bảy tháng, hay độ một năm, sẽ có kết quả khả quan lắm. Song ý ngƣời định thế, mà trời không cho làm thì sao ?

Chúng tôi phải thu xếp về Huế. Giá lúc ấy có một ngƣời làm Khâm Sai ở Bắc Bộ cƣơng quyết và hiểu việc, thì các việc tổ chức có thể mau chóng hơn, nhƣng ông Phan Kế Toại là ngƣời chuyên làm việc trong thời bảo hộ của Pháp, tuy trong sạch hơn cả, song chỉ là một ông Quan biết thừa hành mệnh lệnh, chứ về đƣờng chính trị thì không thông thạo lắm, và tính lại nhát. Ông thấy một đƣờng thì ngƣời Nhật làm khó dễ, một đƣờng thì bọn Việt Minh bạo động, nay đánh chỗ này, mai đánh chỗ nọ, ông sợ hãi và chán nản, chỉ nói chuyện xin từ chức.

Phàm những ngƣời cầm quyền bính trong tay mà có những ngƣời tế nhị tài giỏi, biết quyền biến, giúp việc thì dù việc dở cũng hóa hay, mà không thì việc hay cũng hóa dở. Ðó là điều các nhà làm chính trị nên chú ý.

Trƣớc tôi thấy cách làm việc của ông Toại rất lộn xộn, tôi đã muốn tìm ngƣời thay, nhƣng tìm ai ? Ngƣời nói giỏi thì nhiều, mà ngƣời làm đƣợc việc thì ít. Nếu ở trong quan trƣờng cũ có ngƣời tài cán và hiểu việc thì hơn, vì chức khâm sai là một chức kiêm cả việc chính trị và cai trị. Việc cai trị không có lịch duyệt không làm đƣợc. Ông Toại là ngƣời làm Quan có tiếng hơn cả mà còn nhƣ thế, huống ngƣời khác rồi ra sao. Vì thế nên tôi cứ trù trừ mãi. Sau ông Toại cứ nài. Tôi nghe nói ông Nguyễn Tƣờng Long là ngƣời biết chính trị và có nghị lực hơn cả, nhƣng lúc ấy ông đang bị bệnh thƣơng hàn. Tôi nghĩ đến ông Nguyễn Xuân Chữ là ngƣời trong Việt Nam Ái Quốc Ðảng, có tính cƣơng quyết và đứng đắn. Tôi gặp ông Chữ nói chuyện, ông đã nhận lời, nhƣng hôm sau ông về bàn tính thế nào lại đổi ý, nói xin để thong thả.

Tôi thì vội về mà ngƣời thì không có. Tôi phải bảo ông Toại phải cố ở lại mà làm việc cho đến khi tôi thu xong đất Nam Bộ, tôi sẽ tìm ngƣời thay. Ông Toại nể tôi mà ở lại.

Ðảng Việt Minh lúc ấy rất hoạt động, đánh Huyện này, phá Phủ kia. Lính Bảo An ở các nơi phần nhiều bị Việt Minh tuyên truyền, tuy chƣa theo hẳn, nhƣng không chống cự nữa. Dân gian bấy giờ rất hoang mang, một đƣờng có chính phủ quốc gia, nhƣng vì thời gian eo hẹp, chƣa kịp sắp đặt gì cả. Công việc thấy có nhiều sự khốn khó mà thƣờng nghe sự tuyên truyền của Việt Minh, nói họ đã có các nƣớc Ðồng Minh giúp đỡ cho nƣớc Việt Nam đƣợc hoàn toàn độc lập. Dân ta từ khi bị ngƣời Pháp sang cai trị, cứ khao khát độc lập, nay nghe Việt Minh nói thế, lại nghe nói đảng Việt Minh lên cầm quyền, dân không phải đóng thuế nữa, đƣợc hoàn toàn tự do và có nhiều hạnh phúc, thành ra ai cũng tin theo. Ngay những đạo thanh niên tiền tuyến do Bộ Thanh Niên lập ra, cũng có ý ngã về Việt Minh.

Tôi thấy tình thế ấy, tôi bảo ông Phan Kế Toại đi tìm một vài ngƣời Việt Minh đến nói chuyện, vì lúc ấy tôi còn tƣởng đảng Việt Minh dù theo chủ nghĩa cộng sản, nhƣng chắc cũng nghĩ đến tƣơng lai nƣớc nhà. Hôm sau ông Toại đƣa một thiếu niên Việt Minh đến, tôi nói:

* Chúng tôi ra làm việc chỉ vì nƣớc mà thôi, chứ không có ý cầu danh lợi gì cả, tôi chắc đảng các ông cũng vì nƣớc mà hành động. Nếu vậy chúng ta tuy đi con đƣờng khác nhau, nhƣng cũng một mục đích nhƣ nhau, các ông thử xem ta có thể hợp tác với nhau, kẻ ở trong ngƣời ở ngoài, để cứu nƣớc đƣợc không ?

Ngƣời ấy nói:

* Sự hành động của chúng tôi đã có chủ nghĩa riêng và có chƣơng trình nhất định để đem nƣớc đến chỗ hoàn toàn độc lập. Chúng tôi có thể làm lấy đƣợc.
* Sự mƣu cầu cho nƣớc đƣợc độc lập cũng là mục đích của chúng tôi, nhƣng vì đi đƣờng thẳng có nhiều sự khó khăn nên chúng tôi phải uyển khúc mà đi từ từ có lẽ chắc chắn hơn.

đƣợc.

* Chúng tôi chỉ có một con đƣờng thẳng đi đến hoàn toàn độc lập chứ không có hai.
* Theo nhƣ ý các ông nhƣ thế, tôi sợ rất hại cho dân, mà chƣa chắc đã thành công
* Chúng tôi chắc thế nào cũng thành công. Nếu có hại cũng không cần, có hại rồi mới

có lợi. Dù ngƣời trong nƣớc mƣời phần chết mất chín, chúng tôi sẽ lập một xã hội mới với một thành phần còn lại, còn hơn với chín phần kia.

Rồi ngƣời ấy ngồi đọc một bài hình nhƣ đã thuộc lòng để kể những công việc của đảng Việt Minh. Tôi thấy thái độ ngƣời ấy nhƣ thế, tôi biết không thể lấy nghĩa lý nói chuyện đƣợc.

Tôi nói:

* + Nếu các ông chắc lấy đƣợc quyền độc lập cho nƣớc nhà, các ông không vào chính phủ làm việc, cần gì phải đánh phá cho khổ dân ?
  + Chúng tôi sẽ cƣớp lấy quyền để tỏ cho các nƣớc Ðồng Minh biết chúng tôi mạnh, chứ không chịu để ai nhƣờng.
  + Các ông chắc là các nƣớc Ðồng Minh tin ở sức mạnh của các ông không ?
  + Chắc lắm. Chắc trăm phần trăm.
  + Tƣơng lai còn dài, các ông nhận lấy trách nhiệm đối với quốc dân và lịch sử.

Xong việc ấy rồi cách hai hôm sau chúng tôi về Huế. Ông Phan Anh và ông Vũ Văn Hiền cùng về với tôi, còn ông Hoàng Xuân Hãn ở lại Hà Nội đợi đến ngày thu nhận sở Ðông Dƣơng Học Chính và Sở Công Chính.

Về đến Huế chúng tôi tâu bày mọi việc cho Vua Bảo Ðại biết. Ngày tỏ ý vui vẻ lắm. Ðến khi họp hội đồng chính phủ trình bày công việc và kết quả việc chúng tôi ra Hà Nội, tôi vừa nói xong, ông Trần Văn Chƣơng Bộ Trƣởng Ngoại Giao nói:

* + Cụ ra Hà Nội lần này thành công là nhờ sự điều đình của tôi, khi tôi ra Hà Nội lần

trƣớc.

Tôi nghe lời ông Chƣơng nói, rất ngạc nhiên, vì lúc ấy tôi không nghĩ đến công cán gì

cả. Lời ông Chƣơng nói tỏ ra cái ý tranh công. Ngày trƣớc tôi vẫn thƣờng nói với các Bộ Trƣởng: ‘’Chúng ta cùng nhau hết lòng làm việc giúp nƣớc, xin đừng ghen tị gì cả. Nếu ai làm đƣợc việc gì ích lợi là công chung tất cả của chúng ta. Hễ tôi làm không nổi và có ai sẵn lòng thay tôi, tôi xin nhƣờng ngay’’. Sự tôi muốn nhƣờng đó, ông Chƣơng biết rõ hơn mọi ngƣời khác.

Tôi đáp lại ông Chƣơng:

* + Việc tôi nói đây để trình bày những việc đã làm để Nội Các biết. Nếu có đƣợc một chút hiệu quả nhờ sự điều đình của ông Chƣơng khi trƣớc, càng hay. Thế tỏ ra công chung của mọi ngƣời trong Nội Các.

Sự thật sau khi ông Trần Văn Chƣơng ra Hà Nội, có viên Trung Tƣớng Tham Mƣu Trƣởng của Tƣ Lệnh Bộ Nhật ở Ðông Dƣơng tôi đã gặp khi trƣớc, lúc mới ở Băng Cốc về Sài Gòn, viên ấy ở Hà Nội trở vào Nam, đi qua Huế có viết cho tôi lá thƣ bằng tiếng Nhật, nhờ ông Yokohama dịch ra tiếng Pháp đƣa tận tay cho tôi. Ðại ý trong thƣ nói: ‘’Việc ông Bộ Trƣởng Ngoại Giao ra Hà Nội không có kết quả, vì ông ấy không biết giao thiệp, làm mếch lòng ngƣời Nhật’’. Tôi đƣa thƣ ấy cho ông Hoàng Xuân Hãn và ông Phan Anh xem, để rõ tình thực.

Xong việc ấy, nói đến việc đi vào Nam Bộ. Thấy ý kiến các ông Bộ Trƣởng phân vân.

Ông Trần Ðình Nam, Bộ Trƣởng Bộ Nội Vụ, nói:

* + Nếu cụ đi Nam, ở Huế nếu có xẩy ra việc gì, không ai chịu trách nhiệm.

Ông Hồ Tá Khanh, Bộ Trƣởng Bộ Kinh Tế, đƣa thƣ nói đại ý: ‘’Phong trào Việt Minh mạnh lắm, Nội Các Trần Trọng Kim nên thôi đi, để họ làm việc may ra họ cứu đƣợc nƣớc’’.

Tôi nói:

* + Sự tôi thôi, thì tôi đã dự định rồi, nhƣng để lấy lại đất Nam Bộ cho trọn công việc của mình, tôi thôi ngay.

Tôi thấy việc đi Nam có nhiều sự cản trở, trong Nội Các không có hòa khí nhƣ lúc đầu, và có lắm chuyện nhỏ mọn không muốn nói ra, làm tôi mất cả lòng hăng hái làm việc, thành ra đến ngày mùng 8 tháng Tám tôi vẫn không đi Nam đƣợc. Tổng Tƣ Lệnh Nhật ở Hà Nội vào Sài Gòn không thấy tôi, điện ra dục. Tôi điện vào xin cứ cho lấy lại Nam Bộ, tôi không phải vào Nam nữa.

Ðƣợc tin ngƣời Nhật ƣng thuận, và lúc ấy có ông Nguyễn Văn Sâm lãnh tụ đảng Quảng Xã, vừa ở Sài Gòn ra Huế. Tôi vào tâu Vua Bảo Ðại, xin cử ông Sâm làm Nam Bộ Khâm Sai. Ngày 14 tháng Tám năm 1945, ông Sâm đƣợc sắc chỉ bổ vào Nam.

Ông Nguyễn Văn Sâm đi rồi, tôi cho công việc làm của tôi nhƣ thế tạm xong. Tôi nói tạm xong, vì lúc ấy tôi tƣởng Nhật khéo léo lắm cũng chỉ đƣợc năm bảy tháng nữa là cùng, rồi ra quân Ðồng Minh kéo lên Ðông Dƣơng, những việc đã làm đó, ai kể vào đâu. Song dù sao nó cũng thành cái hằn, cái nếp, thành một việc đã có rõ ràng, theo tình thế chính trị, ngƣời ta không thể xóa bỏ hẳn đi đƣợc.

Việc lấy lại đất Nam Bộ xong, tôi vào tâu Vua Bảo Ðại, xin cho tôi từ chức. Ngài nói:

* + Ông đang làm đƣợc việc, sao lại xin thôi, và ông thôi lấy ai thay. Tôi tâu trình lên mấy ngƣời, ngài tỏ vẻ không thuận, bảo:
  + Các ông hãy tạm làm việc, chờ đến khi tìm đƣợc ngƣời ra lập Nội Các hãy thôi.

Lúc ấy tôi nhƣ cất đƣợc gánh nặng, nhƣng tìm ai thay ? Tôi nghĩ nên tìm những ngƣời thuộc về các đảng phái nhƣ Ngô Ðình Diệm, Nguyễn Xuân Chữ, Lê Toàn, Tạ Thu Thâu, Hồ Hữu Tƣờng, Ðặng Thái Mai v.v...đã có tiếng hoạt động về chính trị, để vào lập Nội Các mới. Tôi điện đi các nơi mời những ngƣời ấy vào Huế, nhƣng sợ một bức điện không đƣợc rõ, tôi nhờ ông Phan Anh ra Bắc và ông Hồ Tá Khanh vào Nam gặp mọi ngƣời và nói chuyện cho rõ đuôi đầu. Nhƣng ông Phan Anh ra đến vùng Phủ Diễn bị quân Việt Minh bắt giữ lại, ông Hồ Tá Khanh vào đến Quảng Ngãi cũng bị giữ lại. Ðang lúc ấy đƣợc tin nƣớc Nhật Bản bị bom nguyên tử không chịu nổi phải xin hàng.

Vua Bảo Ðại gọi tôi vào nói:

* + Trong lúc rối loạn nhƣ thế này, các ông hãy lập ra lâm thời chính phủ để đợi xem tình thế biến đổi ra sao đã.

Tôi bất đắc dĩ phải tạm ở lại. Lâm thời chính phủ vừa làm việc mấy ngày, ông Phan Kế Toại điện vào xin từ chức. Lúc ấy bọn ông Nguyễn Xuân Chữ, Trần Văn Lai xin lập Ủy Ban Cứu Quốc. Chính phủ nhận lời. Cách hai ngày sau, ngày 19 tháng Tám, các công chức ở Hà Nội nghe bọn Việt Minh xúi tổ chức cuộc biểu tình. Ðảng Việt Minh nhân cơ hội ấy chiếm lấy Bắc Bộ. Ðƣợc mấy ngày ông Hồ chí Minh về làm Chủ Tịch chính phủ lâm thời. Các đoàn thể thanh niên và các ngƣời trí thức ở Bắc Bộ điện vào Huế xin Vua Bảo Ðại thoái vị và nhƣờng cho Hồ chí Minh.

Trong tình thế nguy ngập nhƣ thế, ở Huế còn có ngƣời bàn sự chống cự. Tôi muốn biết rõ sự thực, liền gọi Trung Úy Phan Tử Lăng ngƣời đứng coi đoàn thanh niên tiền tuyến ở Huế, hỏi xem có thể trông cậy bọn ấy đƣợc không. Trung Úy Trƣơng Tử Lăng nói:

* + Tôi có thể nói riêng về phần tôi thì đƣợc. Còn về phần các thanh niên tôi không dám

chắc.

Bọn thanh niên tiền tuyến trƣớc rất nhiệt thành nay còn thế, huống chi những lính Bảo

An và lính hộ thành tất cả độ vài trăm ngƣời, những lính để canh giữ công sở, súng ống không ra gì, đạn dƣợc không đủ, còn làm gì đƣợc, cũng bị Việt Minh tuyên truyền xiêu lòng hết cả rồi. Lúc ấy chỉ còn cách lui đi là phải hơn cả.

Tôi vào tâu Vua Bảo Ðại:

* + Xin ngài đừng nghe ngƣời ta bàn ra bàn vào. Việc đã nguy cấp lắm rồi, ngài nên xem lịch sử của Vua Louis XVI bên Pháp và Vua Nicholas II bên Nga mà thoái vị ngay là phải hơn cả. Vì dân ta đã bị bọn Việt Minh tuyên truyền và đang hăng hái về việc cách mệnh nhƣ nƣớc đang lên mạnh, mình ngăn lại thì vỡ lở hết cả. Mình thế lực đã không có, bọn Việt Minh lại có dân chúng ủng hộ, nên để cho họ nhận lấy trách nhiệm bảo vệ nền độc lập của nƣớc.

Vua Bảo Ðại là ông Vua thông minh, hiểu ngay và nói:

* + Trẫm có thiết gì ngôi Vua đâu, miễn là bọn Việt Minh giữ đƣợc nền tự chủ của nƣớc nhà là đủ. Trẫm muốn là ngƣời dân của một nƣớc độc lập còn hơn làm Vua một nƣớc nô lệ.

Nhờ ngài có tƣ tƣởng quảng đại nên có tờ chiếu thoái vị. Khi tờ chiếu ấy tuyên bố ra, nhân dân có nhiều ngƣời ngậm ngùi cảm động, nhƣng lúc ấy phần tình thế nguy ngập, phần

sợ hãi, còn ai dám nói năng gì nữa. Ðến bọn thanh niên tiền tuyến, ngƣời chính phủ tin cậy cũng bỏ theo Việt Minh, bọn lính hộ thành của Nhà Vua cũng không nghĩ đến nữa. Còn các Quan cũ lẫn nấp đâu mất cả. Thật là tình cảnh rất tiều tụy. Nếu không mau tay lui đi, tính mệnh nhà Vua và hoàng gia chƣa biết ra thế nào.

Lúc bấy giờ ngƣời Nhật có đến bảo tôi:

* + Quân đội Nhật còn trách nhiệm giữ trật tự cho đến khi quân Ðồng Minh đến thay. Nếu chính phủ Việt Nam công nhiên có lời mời quân Nhật giúp, quân Nhật còn có thể giữ trật tự.

Tôi nghĩ quân Nhật đã đầu hàng, quân Ðồng Minh sắp đến, mình nhờ quân Nhật đánh ngƣời mình còn nghĩa lý gì nữa, và lại mang tiếng ‘’cõng rắn cắn gà nhà’’. Tôi từ chối không nhận.

Sau thấy những ngƣời ở ngoài không biết rõ tình thế nói: Lúc ấy giá chính phủ không lui vội, tìm cách chống cự lại, Việt Minh không làm gì đƣợc, vì họ không có binh lực gì cả. Về đƣờng binh lực, lúc ấy Việt Minh không không có gì thật. Nhƣng cái phƣơng lƣợc của họ đánh bằng tuyên truyền, bằng lối quỉ quyệt lừa dối để lôi kéo dân chúng đi theo, chứ không đánh bằng binh khí. Sự tuyên truyền của họ đã có ngấm ngầm từ lâu trƣớc khi quân Nhật đảo chính chứ không phải bây giờ mới có. Mình đem một vài trăm ngƣời trông cậy đƣợc ra chống với mấy vạn ngƣời toàn thanh niên thuyền thợ và đàn bà trẻ con, lại có những ngƣời Việt Minh táo tợn đứng sau lƣng xui khiến, chống sao đƣợc ? Chẳng qua chỉ gây một cuộc đổ máu vô ích, cốt chỉ bảo cho Việt Minh chớ có cƣớp phá. Mình đã mở cửa mời họ còn đánh phá gì nữa. Lúc bấy giờ chúng tôi nghĩ: Họ đã thắng thế, dù sao họ cũng lo đến sự kiến thiết của nƣớc nhà, nên chúng tôi mong ít có sự phá hại.

Việt Minh đã lên cầm quyền, Vua Bảo Ðại đã thoái vị, tôi ra ở nhà đã thuê từ trƣớc tại làng Vĩ Dạ gần Huế. Ðƣợc mấy ngày, Việt Minh vào đƣa Vua Bảo Ðại, bấy giờ gọi là công dân Vĩnh Thụy, ra làm Tối Cao Cố Vấn ở Hà Nội để dễ quản thúc.

Sau thấy có ngƣời, hoặc vì tuyên truyền, hoặc vì không biết rõ sự thực nói: Chính phủ Trần Trọng Kim là một chính phủ bù nhìn, ý nói là chúng tôi ra làm việc để bọn Nhật sai khiến. Tôi dám cả tiếng bác lời nói đó.

Ngay từ lúc đầu, khi mới lập xong Nội Các, tôi đi với ông Hoàng Xuân Hãn sang phòng làm việc của viên Tối Cao Cố Vấn Nhật, gặp ông Yokohama để đòi lại Dinh Khâm Sai, Dinh Khâm Sứ cũ của Pháp, để làm Dinh Nội Các Tổng Trƣởng. Ông Yokohama lúc đầu còn do dự và thấy những công chức Nhật muốn cản trở. Tôi quả quyết nói:

* + Nếu các ông không trả chúng tôi dinh ấy và các phòng làm việc của viên khâm sứ thì chúng tôi thôi ngay. Vì không phải chúng tôi muốn ở dinh lớn, nhƣng đó là biểu hiệu quyền tự chủ của nƣớc Việt Nam theo lời hứa hẹn của ngƣời Nhật sau cuộc đảo chính ngày mùng 9 tháng Ba. Những dinh thự ấy bây giờ là của Việt Nam.

Ông Yokohama thấy tôi nói thế, liền nhận lời trả ngay, và xin để riêng mấy phòng trên lầu của Phủ Khâm Sứ cũ cho nhân viên Sở Tối Cao Cố Vấn làm việc, vì ở ngoài phố không có nhà khác.

Từ đó về sau, khi có việc gì, tôi gọi điện thoại mời viên Cố Vấn sang bên Dinh Nội Các Tổng Trƣởng nói chuyện chứ tôi không sang bên ấy. Việc ấy ở Huế ai cũng biết. Lúc đầu ngƣời Nhật có ý muốn đòi khi chính phủ Việt Nam có việc làm gì quan hệ, phải hỏi trƣớc viên Tối Cao Cố Vấn, có thuận mới đƣợc làm. Tôi bác đi, viện lẽ việc nội trị là việc chúng tôi, lẽ nào lại phải xin phép rồi mới đƣợc làm. Ngƣời Nhật đã đứng vào địa vị Cố Vấn, khi nào có việc hệ trọng, chúng tôi sẽ thông báo cho biết là đủ. Lúc ấy cũng đƣợc ông Yokohama là ngƣời thạo việc ngoại giao và am hiểu tình thế, nên mọi việc đều đƣợc êm ái và ổn thỏa. Các Tỉnh có những ngƣời quen thói cũ, hễ có việc gì, chạy đi cầu cứu ngƣời Nhật.

Tôi còn nhớ, có một ngƣời con ngƣời bạn cũ của tôi, làm Y Sĩ trong cuộc y tế của một Tỉnh khác, chạy đi nhờ một viên Sĩ Quan Nhật can thiệp để xin ở lại. Tôi thấy thế, liền bảo

ông Bộ Trƣởng Y Tế bắt ngƣời Y Sĩ ấy phải đi ngay, để tỏ cho biết chính phủ Việt Nam không phải dƣới quyền sai khiến của ngƣời Nhật.

Nhƣ thế chúng tôi có phải là một chính phủ bù nhìn, cứ luồn cúi dƣới quyền đàn áp của ngƣời Nhật không ? Chính Vua Bảo Ðại đã hiểu rõ sự ấy, nên khi ngài ở Hƣơng Cảng có nói chuyện với một phóng viên của một tờ báo bên Pháp: ‘’Ngƣời Nhật thấy chúng tôi cƣơng ngạnh quá, tỏ ý tiếc đã để chúng tôi làm việc’’.

Còn những công việc chúng tôi đã làm trong mấy tháng tôi đã kể rõ ở trên. Ðối với dân chúng tôi đã tìm cách nâng cao dân trí lên. Ngƣời nào làm bậy có chứng cớ rõ ràng thì theo luật pháp mà trừng trị rất nghiêm. Chúng tôi lấy lại toàn lãnh thổ của tổ quốc và làm mọi việc không có điều gì nhục đến quốc thể. Ðó là chỗ chúng tôi tự hào, trong khi làm việc, không để cho ai lấy uy quyền đè nén, và đối với lƣơng tâm không có gì đáng hổ thẹn.

Tôi ra ở làng Lại Thế. Lúc đầu ông Trịnh Ðình Thảo, nguyên Bộ Trƣởng Bộ Tƣ Pháp, đến ở với chúng tôi hơn một tháng mới trở về Sài Gòn. Chúng tôi ở đấy ngày ngày nghe tiếng trống mõ của dân làng, đàn bà trẻ con và dân đinh vác dao vác gậy đi biểu tình. Một hôm lại thấy đồn rầm lên rằng: ‘’Trong bốn nƣớc Ðồng Minh Mỹ, Anh, Nga và Tàu, mỗi nƣớc đƣợc hai phiếu, mà Mỹ và Nga đã bỏ bốn phiếu, Tàu bỏ một phiếu tức là đƣợc năm phiếu cho nƣớc Việt Nam hoàn toàn độc lập. Vậy các dân làng phải sửa soạn ăn mừng độc lập’’. Rồi sau lại thấy mở cuộc quyên vàng khắp cả nƣớc. Ai có vòng xuyến hoa tai hoặc đồ gì bằng vàng phải đem nạp chính phủ để tổ chức việc nƣớc. Hết cuộc quyên vàng đến cuộc quyên đồng, đủ mọi thứ.

Trong hoàng thành, Việt Minh cho ngƣời vào lấy những bảo vật và y phục của các Vua Chúa đời trƣớc đem ra chợ bán. Khi quân Nhật sắp hàng có đƣa trả lại chính phủ Việt Nam bốn tấn bạc bằng thoi chở vào để trong cung, số bạc ấy không biết về sau ai lấy mất. Bấy giờ tôi không có tiền, may nhờ chính phủ Việt Minh ở Huế trả tôi 1.600 đồng, tiền lƣơng quá nửa tháng cuối cùng của tôi, tôi mới có tiền chi tiêu. Trong khi đó tôi cho con ra Hà Nội thu xếp rồi vào đem chúng tôi ra. Nhƣng ra Hà Nội con tôi lo tiền chƣa đƣợc, thành ra chúng tôi phải ở lại Huế hơn ba tháng. Ðất khách quê ngƣời hiu quạnh buồn bã, chỉ một mình vui với trăng, gió mát, với trời mƣa nƣớc lụt, ngồi nghe chim hót, ngắm cò bay, khi hứng thì đem Ðƣờng thi ra dịch, nhờ thế khuây khỏa đƣợc qua ngày.

Chờ mãi không thấy con vào, may nhờ có một ngƣời đến chơi, biết rõ tình thế của tôi, tự nhiên giúp tôi món tiền, chúng tôi mới thuê mấy chỗ trên xe hơi chở hàng đi Hà Nội.

Ấy thế là xong một giấc mộng Nam Kha, bận rộn hơn bốn tháng trời, nghĩ lại thấy nực cƣời. Khi ở Băng Cốc về, tôi vẫn định bụng không làm gì cả, mà thành ra phải làm việc này đến dự định làm việc nọ, rút cục tay không lại hoàn tay không.

CHƢƠNG V VỀ HÀ NỘI

Cuối tháng Một dƣơng lịch, chiều bảy giờ lên xe hơi chạy ra nghỉ ở Ðông Hà. Sáng hôm sau ra đến Nghệ, vào nghỉ nhà ngƣời cháu, trƣa hôm sau xe mới ra Thanh Hóa, rồi hôm sau nữa mới đến Hà Nội. Dọc đƣờng nhờ trời đƣợc bình an. Khi xe đến bến đò sông Gianh, sông rộng, gió to, sóng lớn, tôi thấy gần đó có chiếc tàu con kéo phà chở xe hơi sang sông, tôi hỏi:

* + Tàu có chạy không ? Ngƣời ta nói:
  + Tàu hết dầu xăng.

Tôi hỏi:

* + Có đò nào có mui cho thuê một chiếc để đƣa chúng tôi sang trƣớc.
  + Ngƣời ta nói chỉ có chiếc đò không mui thôi.

Chúng tôi đang lo nghĩ không biết tính sao, thì thấy ngƣời tài xế chạy đi nói thì thầm gì với mấy ngƣời chở phà, rồi một lát thấy chiếc đò có mui đến mời chúng tôi xuống. Khi chiếc đò chở chúng tôi ra ngoài, thấy chiếc tàu đốt máy kéo phà đi. Sang bên kia hỏi ngƣời lái đò lấy bao nhiêu, ngƣời ấy nói:

* + Cụ cho bao nhiêu cũng đƣợc.

Sau tôi mới biết ngƣời tài xế biết chúng tôi, đi nói với mấy ngƣời chở đò nên họ mới đi lấy đò và cho tàu chạy. Ðây là một việc tỏ ra nhân dân Trung Bộ đối với tôi vẫn có chút cảm tình, không ai ta oán gì trong khi chúng tôi vẫn làm việc. Chỉ có khi đến Thanh Hóa bị lính Tàu và Lính Việt Minh khám xe đâm thủng nát cái bồ đựng sách của tôi.

Tôi về đến Hà Nội, mừng quá, định bụng mình già yếu rồi, không có gì làm nữa và cũng chẳng đi đâu cả, chỉ vui với mấy quyển sách cổ và mấy ngƣời bạn cũ, trò chuyện tiêu khiển. Tƣởng thế là yên, ngờ đâu tình thế phải phiêu lƣu lần nữa.

CHƢƠNG VI

CHÍNH PHỦ VIỆT NAM VÀ TÌNH THẾ TRONG NƢỚC

Lúc bấy giờ tình thế trong nƣớc bối rối lắm, quân Anh và quân Pháp lên chiếm giữ Nam Bộ và các Thành Thị phía Nam Trung Bộ từ vĩ tuyến 16, tức là Quảng Nam trở vào. Còn từ vĩ tuyến 16 trở ra quân Tàu đóng giữ các Thành Thị. Việt Minh lên cầm quyền trƣớc hết lập ủy ban giải phóng, rồi cho ngƣời lên Bắc Giang đón ông Hồ chí Minh về lập lâm thời chính phủ gồm có những ngƣời này:

Hồ chí Minh, Chủ Tịch kiêm Bộ Ngoại Giao

Võ nguyên Giáp, Bộ Trƣởng Bộ Nội Vụ, kiêm chức Phó Bộ Trƣởng Bộ Quốc Phòng. Chu văn Tấn, Bộ Trƣởng Bộ Quốc Phòng.

Trần huy Liệu, Bộ Trƣởng Bộ Thông Tin Tuyên Truyền Dƣơng Ðức Hiền. Bộ Trƣởng Bộ Thanh Niên Quốc Dân Nguyễn mạnh Hà, Bộ Trƣởng Bộ Quốc Dân Kinh Tế Vũ đình Hòa, Bộ Trƣởng Bộ Giáo Dục.

Vũ ngọc Khánh, Bộ Trƣởng Bộ Tƣ Pháp Phạm ngọc Thạch, Bộ Trƣởng Bộ Y Tế Ðào trọng Kim, Bộ Trƣởng Bộ Giao Thông Lê văn Hiến, Bộ Trƣởng Bộ Lao Động Phạm văn Ðồng, Bộ Trƣởng Bộ Tài Chánh

Nguyễn văn Tố, Bộ Trƣởng Bộ Cứu Tế Xã Hội Cù huy Cận, ủy viên không giữ bộ nào

Nguyễn văn Xuân, ủy viên không giữ bộ nào

Võ nguyên Giáp ngƣời Quảng Bình, rất lanh lợi và táo tợn, một tay trọng yếu trong đảng cộng sản Việt Nam. Trƣớc đã sang ở bên Côn Minh, thƣờng viết báo ký tên là Lâm bá Kiệt, bấy giờ giữ chức Bộ Trƣởng Bộ Nội Vụ và kiêm chức Phó Bộ Trƣởng Bộ Quốc Phòng. Nói là kiêm chức Phó Bộ Trƣởng Bộ Quốc Phòng, nhƣng kỳ thực là kiêm cả Bộ Quốc Phòng, vì Chu văn Tấn là ngƣời Thổ ở mạn Thƣợng Du, trƣớc đã làm châu đoàn coi lính dõng, sau theo cộng sản, nên đảng Việt Minh đƣa vào giữ địa vị ở Bộ Quốc Phòng để khuyến khích những ngƣời Thổ đã theo mình.

Việt Minh đem một số ngƣời ở ngoài đảng của họ vào trong chính phủ nhƣ Nguyễn Mạnh Hà, Nguyễn Văn Tố, Ðào Trọng Kim v.v...để tỏ ra là một chính phủ liên hiệp có cả các hạng ngƣời. Song những cơ quan trọng yếu nhƣ quốc phòng, nội vụ, tài chính, tuyên truyền đều ở tay những ngƣời chính thức Việt Minh, tức là cộng sản nhƣ Võ nguyên Giáp, Trần huy Liệu, Lê văn Hiến, Phạm văn Ðồng v.v...

Ngày 11 tháng một năm 1945 chính phủ lâm thời lại xuống lệnh giải tán đảng cộng sản Ðông Dƣơng, đó là một việc lý thú, cộng sản giải tán cộng sản. Sở dĩ chủ ý họ làm nhƣ vậy là vì lúc đó có các ủy viên của các nƣớc Ðồng Minh đi lại trong nƣớc, Việt Minh muốn tỏ cho những ngƣời ngoại quốc biết Việt Minh không phải là cộng sản.

Chính phủ lâm thời tổ chức cuộc tổng tuyển cử để triệu tập Quốc Hội. Cuộc tuyển cử đƣợc ấn định vào ngày 23 thán Chạp, sau hoãn đến ngày mồng 6 tháng Giêng năm 1946. Khi ấy tôi đã về ở Hà Nội rồi, thấy cuộc tuyển cử rất kỳ cục. Mỗi chỗ để bỏ phiếu, có một ngƣời của Việt Minh trông coi, họ gọi hết cả đàn ông đàn bà đến bỏ phiếu, ai không biết chữ thì họ viết thay cho. Việt Minh đƣa ra những bản kê tên những ngƣời họ đã định trƣớc, rồi đọc những tên ấy lên và hỏi anh hay chị bầu cho ai ? Ngƣời nào vô ý nói bầu cho một ngƣời nào khác thì họ quát lên: ‘’Sao không bầu cho những ngƣời này ?’’, ‘’Có phải phản đối không ?’’. Ngƣời kia sợ mất vía nói: ‘’Anh bảo tôi bầu cho ai, tôi xin bầu ngƣời ấy’’. Cách cƣỡng bách ra mặt nhƣ thế, lẽ dĩ nhiên những ngƣời Việt Minh đƣa ra đƣợc đến tám chín mƣơi phần trăm số ngƣời đi bầu. Ðó là một phƣơng pháp rất mới và rất rõ để cho mọi ngƣời đƣợc dùng quyền tự do của mình lựa chọn lấy ngƣời xứng đáng ra thay mình làm việc nƣớc.

Trƣớc Việt Minh đã định lấy có 300 ghế đại biểu, sau họ muốn làm cho êm dƣ luận nên lấy thêm 70 ghế nữa, cho Việt Nam Quốc Dân Ðảng đƣợc 50 ghế và Việt Nam Cách Mệnh Ðồng Minh Hội đƣợc 20 ghế để hai đảng ấy tự cử ngƣời mình ra.

Mấy ngày trƣớc kỳ họp quốc hội, Việt Minh và Quốc Dân Ðảng công kích nhau kịch liệt. Những Tƣớng Tàu nhƣ Lƣ Hán và Tiêu Văn muốn làm tiền, tỏ ra có ý bênh vực Việt Nam Quốc Dân Ðảng, sau hình nhƣ bọn Tƣớng Tàu ấy đƣợc số vàng lớn mới đứng ra dàn xếp, họp các lãnh tụ hai đảng ở nhà Lƣ Hán, có Hồ chí Minh, Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh v.v...đến bàn định cách chia các ghế Bộ Trƣởng trong chính phủ mới.

Sau tôi sang Tàu gặp Nguyễn Dân Thanh là một ngƣời cách mệnh Việt Nam đã làm Sĩ Quan trong quân đội Tàu và đã đi lính Nhật ở mặt trận Diến Ðiện. Lúc ấy có theo quân Tàu về nƣớc, biết rõ đầu đuôi việc ấy, kể lại cho tôi nghe thái độ mấy lãnh tụ Việt Minh và Quốc Dân Ðảng hôm họp ở nhà Lƣ Hán để dàn xếp hai bên đoàn kết với nhau.

Ðộ ấy ở Hà Nội, tôi cũng biết có một hôm ông Bảo Ðại cho đi tìm ngƣời trƣớc làm việc ở Huế, đến nói rằng: ‘’Ông Hồ chí Minh nhƣờng cho ông ra lập chính phủ’’. Sau chuyện ấy thấy im bẳng không ai nói đến nữa.

Khi ở Hƣơng Cảng tôi có hỏi lại việc ấy. Ông Bảo Ðại nói:

* + Việc ấy có thật. Một hôm cụ Hồ có vẻ mặt lo nghĩ đến bảo tôi rằng cụ muốn để tôi đứng ra lập chính phủ, tôi từ chối. Hôm sau cụ Hồ lại đến năn nỉ về việc ấy. Tôi nói: Nếu cụ muốn lập chính phủ, thì cụ kê cho tôi biết danh sách những ngƣời trong đảng cụ có những ai ra giúp việc. Cụ Hồ nói để ngày mai cụ sẽ đƣa. Nhƣng đến ngày hôm sau cụ Hồ có vẻ mặt vui vẻ, đến nói rằng: Việc ấy hãy hoãn lại, để cụ ở lại làm việc ít lâu nữa. Cho nên việc ấy mới im.

Theo ý tôi hiểu, thì mƣu mô do bọn Tƣớng Tàu muốn làm tiền, một mặt làm ra bộ có ý ép ông Hồ chí Minh phải lui đi để ông Bảo Ðại ra lập chính phủ, một mặt xui bọn Quốc Dân Ðảng không chịu nhƣợng bộ, để Việt Minh muốn im chuyện thì phải bỏ tiền ra. Ðến khi bọn tƣớng Tàu đƣợc tiền đút lót mới đứng ra dàn xếp cho xuôi chuyện. Ðó là một việc rất bí ẩn, khó lòng biết đích xác đƣợc, chẳng qua chỉ là sự xét đoán theo tình trạng hiện ra bên ngoài mà thôi. Vả tôi thấy những ngƣời biết qua việc ấy đều đồng ý kiến nhƣ thế cả.

Khi việc dàn xếp của các Tƣớng Tàu xong rồi, đến ngày mùng 2 tháng Ba thì mở cuộc họp quốc hội. Quốc hội này có cái đặc sắc hơn cả quốc hội của các nƣớc trên thế giới là chỉ họp có một ngày xét qua bản lập hiến của Việt Minh đã định, và thừa nhận một chính phủ liên hiệp do ông Hồ chí Minh làm Chủ Tịch. Quốc hội lại giao toàn quyền cho một ủy ban thƣờng trực có 15 ngƣời do chính phủ đề cử, và để ông Nguyễn văn Tố làm trƣởng ban. Ðoạn quốc hội giải tán. Nếu quốc hội các nƣớc mà biết làm việc lanh lẹ nhƣ thế thì đỡ đƣợc bao nhiêu thì giờ và tiền chi phí!

Chính phủ liên hiệp quốc gia thành lập nhƣ sau:

Hồ chí Minh (cộng sản) làm Chủ Tịch

Nguyễn Hải Thần (Việt Nam Cách Mệnh Ðồng Minh Hội) Phó Chủ Tịch Huỳnh Thúc Kháng (không đảng phái) Bộ Trƣởng Bộ Nội Vụ

Nguyễn Tƣờng Tam (Ðại Việt Dân Chính) Bộ Trƣởng Bộ Ngoại Giao Phan Anh (không đảng phái) Bộ Trƣởng Bộ Quốc Phòng

Vũ Ðình Hòe (Xã Hội Dân Chủ Đảng) Bộ Trƣởng Bộ Tƣ Pháp Ðặng thai Mai (cộng sản) Bộ Trƣởng Bộ Giáo Dục

Lê văn Hiến (cộng sản) Bộ Trƣởng Bộ Tài Chính

Trần Ðăng Khoa (Dân Chủ Đảng) Bộ Trƣởng Bộ Công Chánh Chu Bá Phƣợng (Dân Chủ Đảng) Bộ Trƣởng Bộ Kinh Tế

Trƣơng Ðình Chi (Việt Nam Cách Mệnh Ðồng Minh Hội) Bộ Trƣởng Bộ Xã Hội Y

Tế

Bồ Xuân Luật (Việt Nam Cách Mệnh Ðồng Minh Hội) Bộ Trƣởng Bộ Canh Nông

Xét thành phần chính phủ liên hiệp lúc ấy, kể cả những ngƣời không đảng phái, có thể gọi là năm đảng nhƣng chỉ có đảng Việt Minh cộng sản là có chƣơng trình chính trị rõ ràng và có thế lực hơn cả. Còn các đảng khác thì chỉ có tên nêu ra mà thôi, chứ không có chƣơng trình phân minh. Xã hội đảng và Dân chủ đảng là những đảng phụ thuộc của Việt Minh và không có thế lực gì. Việt Nam Quốc Dân Ðảng và Việt Nam Cách Mệnh Ðồng Minh Hội tuy có thế lực là nhờ có quân đội Tàu bênh vực, nhƣng không có tính cách thống nhất và không có kỷ luật chặt chẽ. Bởi vậy đảng cộng sản chỉ có ba ngƣời trong chính phủ nhƣng quyền bính vẫn ở cả Cộng sản.

Về phƣơng diện cai trị Việt Minh vẫn để ba khu nhƣ trƣớc, là Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ. Mỗi Bộ có một nhân dân ủy ban dƣới quyền một Chủ Tịch do chính phủ trung ƣơng cử ra.

Ở các Tỉnh, Huyện, Xã hay Phố ở các Thành Thị, mỗi nơi đều có một nhân dân ủy ban và một Chủ Tịch do nhân dân ủy ban chọn lấy.

Về phƣơng diện quân sự thì quân của Việt Minh có giải phóng quân là quân đã đƣợc huấn luyện chính trị cộng sản, Vệ quốc quân và Tự vệ quân tức là công dân do các ủy ban xã, phố cắt để canh gác và giữ trật tự.

Quân của Quốc Dân Đảng thì có từng khu riêng. Tuy bề ngoài nói các quân đội thuộc về Bộ Quốc Phòng, nhƣng thực ra Bộ ấy không có quyền hành gì cả. Việc gì cũng quyết định ở quân sự ủy viên hội có Võ nguyên Giáp, cộng sản, làm Chủ Tịch và Vũ Hồng Khanh, Việt Nam Quốc Dân Đảng, làm Phó Chủ Tịch.

Lúc ấy khẩu hiệu của chính phủ là ‘’thống nhất quân đội’’ mà ba tháng sau khi chính phủ liên hiệp đã thành lập, quân đội vẫn không thống nhất đƣợc. Bộ Quốc Phòng không biết rõ thực trạng quân đội của hai bên có bao nhiêu.

Quân Việt Minh và quân Quốc Dân Đảng tuy nói là đoàn kết, nhƣng không có lòng thành thật. Quân Việt Minh chỉ có rình cơ hội là đánh quân Quốc Dân Đảng, hay bao vây để tiêu diệt lực lƣợng của đối phƣơng, thành ra hai bên cứ kình địch nhau mãi. Ngƣời không biết phƣơng sách của đảng cộng sản thì lấy thế làm lạ, nhƣng ai đã hiểu bí quyết của họ là phải đi đến chỗ độc tài, chỉ có những ngƣời phục tùng theo mệnh lệnh của mình, chứ không thể có những ngƣời đứng ngang với mình mà hợp tác với mình đƣợc.

Ở các địa phƣơng và những nơi Đô Thị nhƣ Hà Nội, Hải Phòng, ngƣời bên nọ bắt ngƣời bên kia. Có ngƣời giữa ban ngày đang đi giữa đƣờng bị mấy ngƣời ở đâu đến lấy mền trùm đầu rồi bắt đi mất tích. Sở công an, Việt Minh bắt những ngƣời Việt Nam Quốc Dân Đảng hay những ngƣời bị tình nghi vào tra tấn cực hình, có khi họ dùng những cách tàn nhẫn ghê gớm hơn thời Pháp và Nhật cai trị. Ai trông thấy những cảnh tƣợng ấy cũng bùi ngùi tủi giận vì gà một nhà mà lại đá nhau dữ bằng mấy gà lạ. Ngƣời một nƣớc với nhau mà đối xử vô nhân đạo nhƣ thế, thật là thê thảm.

Theo chính sách của Việt Minh, lập ra một chính phủ, đem những ngƣời các đảng phái hay không đảng phái vào làm Bộ Trƣởng là cốt làm cái bình phong che mắt ngƣời ngoài, chứ không có thực quyền làm đƣợc việc gì cả.

Khi tôi còn ở Hà Nội, Cụ Huỳnh Thúc Kháng ra nhận chức Bộ Trƣởng Bộ Nội Vụ, có đến thăm tôi. Ngồi nói chuyện, tôi hỏi:

* + Cụ nay đứng đầu một Bộ rất quan trọng trong chính phủ, chắc là bận việc lắm. Cụ Huỳnh nói:
  + Bây giờ việc gì cũng do địa phƣơng tự trị cả, thành ra không có việc gì mấy, và khi có việc gì, thì họ làm sẵn xong cả rồi, tôi chỉ có vài chữ ký mà thôi.
  + Những khi có hội đồng chính phủ thì bàn định những gì ?
  + Cũng chƣa thấy có việc gì, thƣờng thì họ đem những việc họ đã làm rồi nói cho chúng tôi biết.

Xem nhƣ thế thì các ông Bộ Trƣởng chỉ đứng để làm vị mà thôi, chứ không có quyền quyết định gì cả.

Có ngƣời hỏi ông Nguyễn Tƣờng Tam rằng:

* + Khi ông nhận chức Bộ Trƣởng Bộ Ngoại Giao của cụ Hồ giữ trƣớc, ông thấy có việc gì quan trọng lắm không ?

Ông trả lời:

* + Tất cả giấy má trong Bộ Ngoại Giao của cụ Hồ giao lại cho tôi, tôi chỉ thấy có ba lá đơn của mấy ngƣời Sĩ Quan Tàu nhờ tìm cho mấy cái nhà, và tìm cái ví đựng tiền bị kẻ cắp lấy mất.

Câu chuyện có thể là ông Tam nói khôi hài, nhƣng đủ rõ việc các ông Bộ Trƣởng không có gì. Tôi đem những câu chuyện đó nói ra đây để chứng thực là các Bộ Trƣởng chỉ giữ hƣ vị chứ không có thực quyền. Cái thực quyền trong chính phủ lúc ấy là ở mấy ngƣời nhƣ ông Hồ chí Minh, Võ nguyên Giáp và ở tổng bộ cộng sản điều khiển hết cả.

Tổng bộ cộng sản theo ngƣời ta nói, có những ngƣời sau đây:

Hà bá Cang, nhất danh là Quận Thọt, ngƣời Hƣng Yên Nguyễn lƣơng Bằng, nhất danh là Sao Ðỏ, ngƣời Hải Dƣơng Bùi Lâm, ngƣời Trung Bộ Ðặng xuân Khu, ngƣời làng Hành Thiện, Nam Ðịnh Bùi công Trừng, ngƣời Quảng Bình, Trung bộ Pô, ngƣời Trung Hoa Tiêu Sung, ngƣời Nhật

Những ngƣời ấy ở đâu không ai biết, hội họp chỗ nào chẳng ai hay, rất bí mật, song phàm việc gì trong chính phủ cũng phải qua tổng bộ. Tổng bộ có ƣng thuận mới đƣợc thi hành. Ðó mới thực là chính phủ, một chính phủ bí mật mà có quyền thế vô hạn.

CHƢƠNG VII

TÔN CHỈ VÀ HÀNH ĐỘNG CỦA CỘNG SẢN ĐẢNG

Cộng sản đảng, theo cách tổ chức và hành động của họ, là một thứ tôn giáo mới, giống nhƣ các tôn giáo cũ cốt lấy sự mê tín mà tin, chứ không hoài nghi hay đi trệch ra ngoài. Song các tôn giáo cũ nói có cõi trời, có thiên đƣờng là nơi cực lạc. Cộng sản giáo ngày nay thì hoàn toàn duy vật, nghĩa là ngoài vật chất ra, không có sự tin tƣởng nào khác nữa, cho thiên đƣờng không phải ở cõi trời mà chính ở cõi trần gian này. Ai tin theo đạo ấy là phải tin lý thuyết của Các Mác và Lê Nin là tuyệt đối chân chính, đem áp dụng là đƣợc sung sƣớng đủ mọi đƣờng, tức thực hiện đƣợc cảnh thiên đƣờng ở cõi đời. Còn về đƣờng tín ngƣỡng, thì đạo cộng sản là đạo hoàn toàn duy vật, tất không ai thờ phụng thần thánh nào khác nữa, nhất thiết phải nghĩ sùng bái những ngƣời nhƣ Các Mác, Lê Nin, Sử Ta Lin để thay những bậc thần thánh cũ đã bị truất bỏ.

Ðã tin mê cái đạo ấy và đã coi lý thuyết ấy là chân lý tuyệt đối, thì ngoài cái lý thuyết ấy ra, là tà giáo, là tả đạo. Ai không tin theo và phản đối những ngƣời đứng đầu đảng, tức là những bậc giáo chủ, thì là ngƣời phản đạo, tất phải trừng trị rất nghiêm. Vì vậy mới có sự tàn sát những ngƣời trong đảng cộng sản theo Trotsky, chủ Cộng Sản Ðệ Tứ Quốc Tế, là một chi cộng sản phản đối Sử Ta Lin, chủ Cộng Sản Ðệ Tam Quốc Tế.

Vậy những tín đồ cộng sản phải là những ngƣời cuồng tín và chỉ biết có đời sống vật chất mà thôi, ngoài ra không có gì nữa. Sống có một đời rồi hết, nên ai nấy chỉ lo làm cho mình đƣợc mọi điều thắng lợi, sá chi những điều phúc họa thiện ác.

Về đƣờng thực tế, các đặc sắc của cộng sản là không nhận có luân thƣờng đạo lý, không biết có nhân nghĩa đạo đức nhƣ ngƣời ta vẫn tin tƣởng. Ngƣời cộng sản cho cái điều đó là hủ tục của xã hội phong kiến thời xƣa, đặt ra để lừa dối dân chúng, nên họ tìm cách xóa bỏ hết. Ai tin chỗ ấy là ngƣời sáng suốt, là ngƣời giác ngộ, ai không tin là ngƣời mờ tối, là ngƣời mê muội. Vì có tƣ tƣởng nhƣ thế, cho nên cha con, anh em, bè bạn không có tình nghĩa gì cả, chỉ biết tôn trọng chủ nghĩa của cộng sản và phục tòng những ngƣời cầm quyền của đảng, ngoại giả, giết hại lẫn nhau, lừa đảo nhau: Hễ ai làm những việc mà lợi cho đảng là ngƣời giỏi, ngƣời tốt. Gia đình, xã hội, phong tục, chế độ cũ đều bỏ hết, bỏ đến tận cội rễ, để thành lập xã hội mới. Cái xã hội mới ấy không tranh đấu cho quốc gia hay cho dân tộc. Dù có nói tranh đấu cho quốc gia hay cho dân tộc nữa, cũng chỉ là cái phƣơng pháp dùng tạm thời trong một cơ hội nào để cho đƣợc việc mà thôi, chứ mục đích cốt yếu là tranh đấu cho giai cấp vô sản. Khi ở đâu sự tranh đấu cho giai cấp ấy đƣợc thắng lợi, thì cứ tranh đấu mãi để bảo vệ quyền lợi của giai cấp ấy và xóa bỏ hết những cƣơng giới nƣớc nọ với nƣớc kia để thực hiện một thế giới đại đồng, đặt dƣới quyền chỉ huy của giáo chủ cộng sản ở bên Nga. Vì vậy cho nên bất kỳ nƣớc nào đã theo cộng sản là phải phục tùng mệnh lệnh bên Nga, còn nƣớc nào tuy theo chế độ cộng sản, nhƣng còn muốn giữ tƣ tƣởng quốc gia nhƣ nƣớc Nam Phu Lạp Tƣ (Yougoslavie) bên Ðông Âu là bị trục xuất ra ngoài Hội Nghị của các nƣớc cộng sản.

Cái phƣơng thuật của đảng cộng sản bên Nga không khéo chỗ ở ấy, tuy nói là bài trừ đế quốc chủ nghĩa và tiêu diệt những chế đô độc tài áp chế đời xƣa, nhƣng lại áp dụng chế độ độc tài áp chế hà khốc và tàn ác hơn thời xƣa, và gây ra một thứ đế quốc chủ nghĩa theo một danh hiệu khác, để tự mình thống trị hết thiên hạ. Thành ra các nƣớc đã theo cộng sản đều phải là những nƣớc phụ thuộc nƣớc Nga, cũng nhƣ bên Tàu ngày xƣa các nƣớc chƣ hầu phải phục tùng mệnh lệnh thiên tử. Thì ra trong thế gian này chẳng có gì là mới lạ. So chế độ cộng sản ở nƣớc Nga ngày nay có khác gì chế độ nhà Tần thời chiến quốc bên Tàu. Có khác là ở những phƣơng tiện theo khoa học và những mánh khóe hiện thời mà thôi, còn thì cũng tàn bạo gian trá nhƣ thế, và cũng dùng những quyền mƣu quỉ quyệt để thống trị hết cả các nƣớc. Ðảng cộng sản đã có cái tổ chức rất đúng khoa học, đảng viên lại giữ kỷ luật rất nghiêm, rất chịu khó làm việc và có tín lực rất mạnh. Ai theo đảng là đắm đuối vào chủ nghĩa của đảng, có lâm nguy nan gì thì cho là một vinh hạnh đƣợc tuẫn tử vì đảng. Về sự hành động thì đảng cộng sản chuyên dùng những thủ đoạn quỉ quyệt, nên tuy có thắng lợi mà những ngƣời trí

thức ít ngƣời theo. Cũng vì vậy mà họ bài trừ trí thức và chỉ ƣa dùng đàn bà, trẻ con và những ngƣời lao động là hạng ngƣời dễ khuyến dụ, dễ lừa dối.

Ngƣời cộng sản, khi đã hành động, hay dùng đến chữ giải phóng. Theo việc làm của họ, tôi vẫn chƣa hiểu rõ nghĩa hai chữ ấy. Có phải trƣớc kia có cái cũi giam ngƣời, bây giờ họ đem cái cũi kiểu mới đến bên cạnh rồi bảo ngƣời ta chạy sang cái cũi mới ấy, thế gọi là giải phóng không ? Nếu cái nghĩa giải phóng là thế, thì cũi cũ hay cũi mới cũng vẫn là cái cũi, chứ có hơn gì ?

Cứ nhƣ ý tôi, thì giải phóng phải theo đúng cái lẽ công bằng, làm cho ngƣời ta đƣợc ung dung thƣ thái, đƣợc hành động trong một cái khuôn khổ rộng rãi, ai nấy biết trọng quyền lợi của mọi ngƣời theo pháp luật đã định, không bị đàn áp và lừa dối, không bị bắt bớ và giết hại một cách ám muội, oan ức.

Ðàng này tôi thấy chế độ các nƣớc cộng sản giống nhau nhƣ in cái chế độ chuyên chế thuở xƣa. Ngƣời nào nói xấu hay công kích những ngƣời cầm quyền của đảng là phải tội bị đày, bị giết. Ai không sốt sắng theo mình thì bị tình nghi, phải chịu mọi điều phiền khổ. Nhân dân trong nƣớc vẫn bị đàn áp lầm than khổ sở, riêng có một số ít ngƣời có địa vị to lớn là đƣợc sung sƣớng. Nhƣ thế thì giải phóng ở đâu ? Giải phóng gì mà cả chính thể một nƣớc phải nƣơng cậy ở những đội trinh thám để đi rình mò và tố cáo hết thảy mọi ngƣời. Hễ ai vô ý nói lỡ một câu là bị tình nghi có khi bị bắt, bị đày v.v...thành ra nhân dân trong xã hội ấy lúc nào cũng nơm nớp lo sợ, không biết ai là bạn là thù, mất hẳn sinh thú ở đời, thật trái với lời nói thiên đƣờng ở cõi trần.

Trong những lời tuyên truyền của Việt Minh, thấy luôn luôn nói nào là hạnh phúc, nào là tự do, bình đẳng, mà sự thật thì trái ngƣợc tất cả. Những lối họ dùng là nói dối, đánh lừa cƣớp bóc, giết hại tàn phá, không kiêng dè gì cả, miễn làm cho ngƣời ta mắc lừa hay sợ mà theo mình là đƣợc. Xem nhƣ lúc đầu Việt Minh tuyên truyền rầm rĩ lên rằng: ‘’Nƣớc Việt Nam đã đƣợc các nƣớc Ðồng Minh cho hoàn toàn độc lập, và dân đƣợc tha hết các thứ thuế’’. Thôi thì chỗ dân gian nghe nói thế chạy ùa ùa theo. Sau chẳng thấy độc lập đâu cả và dân lại phải đóng góp nặng hơn trƣớc. Khi Việt Minh đã nắm quyền binh rồi, lại định các ngạch thuế, có ngƣời hỏi họ: ‘’Sao trƣớc kia các ông bảo tha hết các thứ thuế rồi kia mà ?’’ Họ trả lời: ‘’Ấy trƣớc nói tha thuế, nhƣng bây giờ chính phủ cần có thuế để làm mọi việc’’. Nói thế thì uy tín của chính phủ để đâu ?

Cái thủ đoạn của Việt Minh là dùng mọi cách bạo ngƣợc, tàn nhẫn, giả dối, lừa đảo để cho đƣợc việc trong một lúc. Ngay nhƣ họ đối với Việt Nam Quốc Dân Đảng nay nói là đoàn kết, mai nói đoàn kết, nhƣng họ vẫn đánh úp, vẫn bao vây cho tuyệt lƣơng thực. Khi họ đánh đƣợc thì giết phá, đánh không đƣợc thì lại đoàn kết, rồi cách ngày lại đánh phá. Dân tình thấy thế thật là ngao ngán chán nản, nhƣng chỉ ngấm ngầm trong bụng mà không dám nói ra. Nên dân gian thƣờng có câu ‘’nói nhƣ Vẹm’’. Vẹm là do hai chữ Việt Minh viết tắt VM, đọc nhanh mà thành ra.

Chính phủ Việt Minh đối với ông Bảo Ðại rất là đơn bạc, nhƣng bề ngoài vẫn làm ra bộ thân thiện. Họ để ông ở nhà của viên Đốc Lý Hà Nội ở trƣớc, song đồ đạc không có, chỗ nằm ngủ, đến cái mùng ông cũng phải đi mƣợn. Cơm nƣớc thì họ cử một ngƣời hào phú trù liệu cho ông. Song mỗi khi ông đến chỗ dân chúng, nhân dân rất hoan nghinh và các phái viên ngoại quốc nhƣ Tàu và Mỹ rất kính trọng và thƣờng chú ý đến ông.

Việt Minh thấy dân chúng kính mến ông Bảo Ðại và ngƣời ngoại quốc để ý đến ông, họ bèn đem ông vào ở Sầm Sơn trong Thanh Hóa, rồi sau lại đem ông lên Phủ Thọ Xuân, thành ra ông mắc phải bệnh nóng lạnh ngã nƣớc, sang Hƣơng Cảng chữa mãi không khỏi. Sau cuộc tổng tuyển cử vào quảng tháng Giêng năm 1946, Việt Minh mới để ông trở về Hà Nội. Khi Việt Minh lập xong chính phủ do quốc hội chuẩn y rồi, họ thấy dân chúng và ngƣời ngoại quốc có nhiều cảm tình đối với ông Bảo Ðại và lại biết quân Pháp sắp vào Bắc Trung Bộ, họ sợ để ông ở Hà Nội có xảy ra sự biến gì chăng, mới bày ra cách lập một phái đoàn sang Trùng Khánh tỏ tình thân thiện với nƣớc Tàu.

Cứ nhƣ ý riêng của tôi, thì việc ấy ông Hồ chí Minh có thể mƣu với những Tƣớng Tàu là bọn Lƣ Hán và Tiêu Văn, nói rằng Chủ Tịch Tƣởng Giới Thạch có điện mời ông Bảo Ðại sang Trung Hoa chơi. Vì lúc ấy bọn Tƣớng Tàu đã lấy tiền của ông Hồ, nên bảo gì chẳng đƣợc. Hãy xem nhƣ sau khi ông Hồ đã ký hiệp ƣớc với Pháp, ông Phó Chủ Tịch Nguyễn Hải Thần bỏ sang Tàu, Tƣớng Tiêu Văn cứ chạy theo cụ Nguyễn để cố mời cụ trở về Hà Nội làm việc, thì biết dù sao đi nữa, việc lập một phái đoàn để đƣa ông Bảo Ðại sang Tàu có tính cách vội vàng và bí mật lắm. Phái đoàn ấy để ông Bảo Ðại đứng đầu, có mấy ngƣời Việt Minh và mấy ngƣời Quốc Dân Đảng đi theo. Hôm tôi đến thăm ông lần đầu, ông nói qua việc ấy tôi nghe. Tôi cũng khuyên ông đi ra ngoài, vì ở trong nƣớc có nhiều sự nguy hiểm cho ông. Song tôi tƣởng còn lâu mới đi, nào ngờ cách bốn hôm sau tôi đến thì ông đã đi hôm trƣớc rồi. Sang đến Trùng Khánh, Chủ Tịch Tƣởng Giới Thạch có tiếp ông tử tế. Song mấy ngƣời Việt Minh và Quốc Dân Đảng bỏ ông ở bên ấy không để tiền nong gì cho ông, ông phải vay mà tiêu. Còn Hoàng Hậu và mấy ngƣời con, ông Hồ có hứa rồi sẽ cho sang sau, nhƣng rồi cũng không cho sang. Lúc ấy chính phủ Trung Hoa đang dọn về Nam Kinh, có mời ông về đấy, nhƣng ông từ chối rồi về ở Hƣơng Cảng.

Sau chính phủ Việt Minh gửi thƣ sang bảo ông cứ ở bên Tàu đừng về nữa. Xem thế cũng rõ cái ý chính phủ Việt Minh là muốn đƣa ông Bảo Ðại ra ngoài để họ dễ làm việc và khỏi lo ngại về việc có thể xảy ra đƣợc. Ðó là mƣu sự của ngƣời, nhƣng biết đâu lại không phải là ý trời xui khiến ra nhƣ thế, để ông ra khỏi chỗ nguy hiểm ở trong nƣớc.

CHƢƠNG VIII

SỰ GIAO THIỆP CỦA CHÍNH PHỦ VIỆT NAM VỚI NƢỚC PHÁP

Việc khó khăn lúc bấy giờ là việc đối phó với nƣớc Pháp, mà tôi cho là cách ngoại giao của chính phủ có nhiều chỗ hớ hênh. Lúc đầu mới có lâm thời chính phủ, có ngƣời phái viên Mỹ đến bảo ông Bảo Ðại rằng:

* + Chính phủ Việt Nam có cần tiền để kiến thiết thì ngƣời Mỹ sẵn sàng cho vay. Ông liền đến bảo ông Bộ Trƣởng Tài Chính thì ông ấy chối phắt đi, nói rằng:
  + Chính phủ Việt Nam không cần tiền ngƣời Mỹ.

Trƣớc khi nƣớc Pháp đem quân vào Bắc Bộ, chính phủ Pháp mở cuộc điều đình với chính phủ Trung Hoa ở Trùng Khánh để nƣớc Tàu rút hết quân về và để nƣớc Pháp thu lại chính quyền. Lúc ấy ngƣời ta nói rằng chính phủ Trung Hoa có điện sang cho chính phủ Việt Minh cho đại biểu sang dự thính trong khi đàm phán. Chính phủ Việt Minh làm thinh không trả lời.

Khi chính phủ Pháp ký kết hiệp ƣớc với chính phủ Trung Hoa rồi, mới trù tính đem quân ra Bắc Bộ, Cao cấp ủy viên nƣớc Pháp lúc bấy giờ là Hải Quân Trung Tƣớng D’Argenlieu có ra vịnh Hạ Long mời ông Hồ chí Minh xuống nói chuyện. Ông đi với ông Nguyễn Tƣờng Tam, Bộ Trƣởng Bộ Ngoại Giao và mấy ngƣời khác nữa. Xuống đến tàu, chỉ có mình ông Hồ đƣợc mời vào buồng nói chuyện, còn mọi ngƣời đứng ở ngoài. Xong việc nói chuyện với chiếc tàu chiến rồi, cao cấp ủy viên ông Sainteny thay mặt để lên Hà Nội cùng với ông Hồ chí Minh và Vũ Hồng Khanh, đại biểu chính phủ Việt Nam ký tờ hòa ƣớc ngày mùng 6 tháng Ba năm 1946. Bản hiệp ƣớc sơ bộ có ba khoản:

Khoản thứ nhất: Chính phủ nƣớc Pháp nhận nƣớc Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa là một nƣớc tự do có chính phủ có quốc hội, có quân đội và có tài chính, dự vào liên bang Ðông Dƣơng và Liên Hiệp Pháp. Về việc hợp nhất ba kỳ thì chính phủ Pháp cam đoan thừa nhận sự quyết định của dân chúng sau cuộc trƣng cầu ý kiến.

Khoản thứ hai: Chính phủ Việt Nam phải lấy tình thân thiện mà đón tiếp quân đội Pháp chiếu theo những thỏa hiệp quốc tế, vào thay những quân Pháp đã đóng trong nƣớc. Có bản phụ ƣớc đính theo hiệp ƣớc này định rõ cái thể cách về việc luân chuyển quân đội ấy.

Khoản thứ ba: Sau khi hai bên đã ký tên rồi, thì phải thi hành ngay những điều đã định trong tờ hiệp ƣớc này và mỗi bên phải tìm các phƣơng tiện để đình hết thảy cuộc xung đột ở các nơi, quân đội hai bên ở đâu cứ đóng ở đấy, và phải gây ra một không khí hòa hảo để mở cuộc thƣơng thuyết theo tình thân thiện và chân thật. Cuộc thƣơng thuyết ấy sẽ bàn về:

Việc ngoại giao của nƣớc Việt Nam với các nƣớc ngoại quốc Quyền pháp tƣơng lai của Ðông Dƣơng

Những quyền lợi kinh tế và văn hóa của Pháp ở Việt Nam. Về mặt quân sự thì có bản phụ ƣớc sau này, cùng ký một ngày với bản hiệp ƣớc sơ bộ vừa nói trên:

Quân đội thay thế quân đội Trung Hoa (tức là từ vĩ tuyến 16 trở ra) gồm có:

10.000 quân Việt Nam có Sĩ Quan Việt Nam chỉ huy, để tùy tƣ lệnh Pháp sử dụng, nhƣng vẫn thuộc quyền chính phủ Việt Nam.

15.000 quân Pháp, kể cả quân Pháp hiện đang đóng trong xứ từ phía Bắc vĩ tuyến 16 trở ra. Quân đội ấy quê quán ở nƣớc Pháp, trừ quân sang canh giữ tù binh Nhật Bản không kể.

Hết thảy những quân đội ấy thuộc dƣới quyền chỉ huy của Pháp, có đại biểu Việt Nam tham dự, sự đóng trại và cách dùng những quân đội ấy sẽ định sau, khi quân Pháp đã đổ bộ, ở hội đồng của Tham mƣu bộ Pháp và Việt. Các ủy ban Pháp và Việt sẽ đặt trong các giai cấp để giữ cái tinh thần về sự hợp tác thân thiện trong sự liên lạc giữa quân Pháp và Việt.

Những toán quân đội của Pháp đi lại luân chuyển chia làm ba hạng:

Những toán quân canh giữ tù binh Nhật Bản. Những toán quân ấy hạn không quá sáu tháng sẽ rút về, khi tù binh đã đem đi hết.

Những toán quân có phận sự phải hợp tác với quân Việt Nam để giữ trật tự và an ninh trong lãnh thổ Việt Nam. Hạng quân này cứ mỗi năm triệt hồi 1% (một phần trăm) và thay

bằng quân Việt Nam, hạn trong năm năm không còn quân Pháp thuộc hạng này đóng tại Việt Nam nữa.

Những toán quân phải giữ những nơi căn cứ ở Việt Nam thì đóng ở đấy, chỗ đồn trại phải định giới hạn rõ ràng.

Chính phủ Pháp cam đoan không dùng lính Nhật Bản về việc binh bị. Ký tên: Sainteny-Salan, Võ nguyên Giáp.

Ðó là những Hiệp ƣớc ký ngày mùng 6 tháng Ba năm 1946 của chính phủ Việt Minh do ông Hồ chí Minh làm Chủ Tịch đã thỏa thuận với Pháp. Lúc bấy giờ ngƣời Pháp gọi nƣớc Việt Nam là kể từ Trung Bộ trở ra mà thôi, còn đất Nam Bộ thì phải đợi khi nào trƣng cầu dân ý rồi mới định đƣợc.

Xem những bản Hiệp ƣớc, thì chẳng thấy đâu là thống nhất và đâu là hoàn toàn độc lập nhƣ Việt Minh đã tuyên truyền rầm rĩ từ lúc đầu.

Tại sao chính phủ Việt Minh lại chịu ký những tờ Hiệp ƣớc ấy ? Ðó là câu hỏi ở đầu lƣỡi mọi ngƣời. Việt Minh tự biết chƣa có đủ thế lực chống với Pháp, và quân Tàu đến đóng từ vĩ tuyến 16 trở ra, ở trong lại có Quốc Dân Đảng nhờ quân Tàu binh vực, hoạt động rất mạnh. Họ nghĩ hãy ký với nƣớc Pháp để tạm yên, rồi chờ quân Tàu rút xong, sẽ trừ hết Quốc Dân Đảng, thống nhất hết thảy các lực lƣợng, lúc ấy sẽ xoay sang với quân Pháp. Vả lại lúc ấy Việt Minh còn có cái hy vọng là đảng cộng sản Pháp sẽ thắng lợi trong cuộc tuyển cử bên Pháp. Hễ bên Pháp mà đảng cộng sản lên cầm quyền, thì công việc bên Việt Nam sẽ giải quyết dễ dàng mau chóng hơn.

Sau Hiệp ƣớc sơ bộ ngày mùng 6 tháng Ba, khi quân Pháp đã vào Bắc Bộ và Trung Bộ rồi, còn có hội đồng bộ tham mƣu ngày mùng 3 tháng Tƣ năm 1946, định các chi tiết về những điều đã nói ở bản phụ ƣớc.

Bên ngƣời Pháp thì cái kế hoạch là muốn từ từ, trƣớc hết cắt đứt Nam Bộ ra ngoài nƣớc Việt Nam. Vậy nên vừa ký bản Hiệp ƣớc sơ bộ ngày mùng 6 tháng 3 thì đến ngày 26 tháng Ba đã họp Tƣ Vấn Hội Nghị có độ mƣời ngƣời, gồm cả Pháp và Việt để lập ra Nam kỳ Cộng Hòa Quốc và cử Đại Tá Nguyễn Văn Xuân làm Phó Chủ Tịch.

Bác Sĩ Nguyễn Văn Thinh làm đƣợc mấy tháng, thấy ngƣời Pháp không cho mình đƣợc quyền tự chủ và lại bị ngƣời trong nƣớc thóa mạ, mới thất vọng tự tử. Ngƣời Pháp lại đem Y Sĩ Lê Văn Hoạch lên thay, Đại Tá Nguyễn Văn Xuân bỏ sang Pháp, rồi đƣợc thăng chức Lục Quân Thiếu Tƣớng.

Hiệp ƣớc mùng 6 tháng Ba chỉ là một Hiệp ƣớc sơ bộ mà thôi, tất phải có một Hội Nghị chính thức giữa nƣớc Pháp và Việt để định rõ cái địa vị của hai nƣớc liên lạc với nhau. Nhƣng trƣớc khi đi đến Hội Nghị chính thức ấy, ngƣời Pháp mở một Hội Nghị dự bị ở Ðà Lạt để đại biểu hai bên gặp nhau và biết quan điểm của nhau. Vậy khởi đầu ngày 17 tháng Tƣ đến ngày 12 tháng Năm năm 1946, đại biểu hai bên họp ở Ðà Lạt. Song vì quan điểm mỗi bên một khác thành ra Hội Nghị đó không có kết quả gì cả.

Tuy Hội Nghị Ðà Lạt không có kết quả nhƣng cũng làm ngƣời ta biết rõ thái độ và quan điểm của hai bên. Hai bên định tháng Bảy năm ấy sẽ họp Hội Nghị chính thức ở Fontaineblou bên Pháp để giải quyết cho xong vấn đề Pháp Việt. Ðó là cái tình thế gay go giữa nƣớc Pháp và Việt Nam, sau sáu tháng Chính phủ Việt Minh lên cầm quyền.

Dân tình trong nƣớc đối với chính phủ Việt Minh sau khi ký bản hiệp ƣớc ngày mùng 6 tháng Ba và sự thất bại ở Ðà Lạt, ai nấy đều chán nản và lại thấy việc chính trị rối beng, không có trật tự gì cả, thành ra ngƣời ta lại tức giận thêm.

Lúc ấy cái nếp cai trị cũ đã bỏ hết, ở các nơi đều có Nhân Dân Ủy Ban làm việc. Những ủy viên trong những ủy ban ấy phần nhiều là những ngƣời vô học, thƣờng là thợ thuyền hay phu phen, đƣợc khi có quyền trong tay làm điều tàn ngƣợc, bắt ngƣời lấy của, giết hại những ngƣời không theo đảng họ, hay vì tƣ thù hờn oán mà chém giết một cách tàn nhẫn.

Ai có dị nghị điều gì, thì cho là phản động, là Việt gian, bị bắt bớ, đánh đập tàn nhẫn, đâu đâu cũng náo động cả lên. Ai cũng tự hỏi rằng: Nếu nhƣ thế này mãi, thì nhân dân sống

làm sao ? Vậy nên mọi ngƣời đều mong có sự thay đổi để những ngƣời đứng đắn ra làm việc cho dân đỡ khổ. Song trong cái hoàn cảnh ấy ngƣời đứng đắn ra làm việc sao đƣợc. Ông Huỳnh Thúc Kháng làm Bộ Trƣởng Bộ Nội Vụ cũng phải khoanh tay ngồi nhìn, ông Bùi Bằng Ðoàn làm thanh tra chính trị, sang Gia Lâm khám xét việc gì bị ủy ban nhân dân bắt, chính phủ phải phái binh lính sang mới đƣợc tha về. Thành thử lúc ấy ngoài những ngƣời cộng sản ra, không ai làm gì đƣợc.

Một đàng dân ta oán Việt Minh, một đàng sau Hiệp ƣớc sơ bộ ký với chính phủ Việt Minh, quân Pháp vào đóng ở Hải Phòng, Hà Nội, Nam Ðịnh v.v...cái thái độ của quân Pháp lúc ấy, nhất là ở Hà Nội và Hải Phòng tung hoành bạo ngƣợc, rõ rệt là có ý khiêu khích, làm cho ai cũng uất ức tức giận.

Ý ngƣời Pháp là muốn dần dần dùng vũ lực đàn áp Việt Minh để lập lại chủ nghĩa thuộc địa nhƣ trƣớc. Việt Minh cũng biết rõ nhƣ thế, nhƣng chỉ có hai con đƣờng: Một là chịu lép một bề, để cho ngƣời Pháp điều khiển, nhƣ thế lại trái với chủ nghĩa của họ mà dân chúng sẽ không ai theo nữa, tất là rồi cũng đến chỗ tiêu diệt. Hai là tìm cách phòng bị để chống với Pháp, trƣớc là hợp với cái lòng ái quốc của dân chúng, dù cái mục đích cốt yếu của họ không phải là vì quốc gia, nhƣng họ phải lợi dụng hai chữ quốc gia để chống với quân địch mà đứng vào cái địa vị tranh đấu cho nền độc lập nƣớc nhà. Lẽ tất nhiên là họ phải đi vào con đƣờng thứ hai. Bởi vậy, việc điều đình cứ điều đình, việc chiến đấu cứ tiến hành dự bị.

CHƢƠNG IX ĐI SANG TÀU

Hà Nội, tôi trông thấy cách hành động của ngƣời Pháp và của Việt Minh, biết là thế nào cũng có xung đột lớn. Tôi nghĩ: Ở đây rồi trong cuộc binh lửa, ngọc đá đều tan thì ở sao đƣợc. Một bên Việt Minh, một bên quân Pháp, trong cuộc chiến tranh, ai biết là ai. Mà đi thì đi đâu ? Bấy giờ tôi có biết mấy ngƣời Quốc Dân Đảng, họ nói rằng: ‘’Chúng tôi có đủ các cơ quan làm việc bên Tàu, nay nhân có ông Bảo Ðại ở bên ấy và nghe nói ông đang vận động với các nƣớc đồng minh để củng cố địa vị nƣớc Việt Nam. Cụ nên sang bên ấy rồi cùng ông Bảo Ðại làm việc, may ra có ích lợi cho nƣớc. Nếu cụ bằng lòng đi, thì chúng tôi có thể thu xếp mọi việc cho cụ đi’’.

Tôi nói: ‘’Bây giờ tôi già rồi và lại có bệnh tật chẳng làm gì đƣợc nữa, nhƣng tôi cũng muốn đi, để tránh cái họa binh lửa sắp đến đây. Vậy để tôi nghĩ xem thế nào, rồi tôi trả lời’’.

Tôi thấy những ngƣời bên Tàu về nói lại là họ có các cơ quan tổ chức chu đáo ở bên ấy và họ muốn giúp đỡ tôi, nên tôi đã có cái hứng thú muốn đi.

Tôi đem chuyện ấy nói với mấy ngƣời bạn thân, ngƣời thì bảo nên đi, ngƣời lại bảo đi chẳng ích gì, dù sao Việt Minh cũng phải nhƣợng bộ, chắc không đến nỗi có chiến tranh. Song tôi thấy cái không khí không sao tránh khỏi sự chiến tranh đƣợc, và muốn ra ngoài xem những công việc của các nhà cách mạng xƣa nay tuyên truyền rầm rĩ, nếu có thật mà làm đƣợc việc gì càng hay, nếu không cũng là một dịp cho ta ra khỏi cái hoàn cảnh nguy hiểm này. Tôi bèn quyết định đi và nhờ mấy ngƣời Quốc Dân Đảng thu xếp mọi việc cho tôi đi.

Trƣớc tôi còn muốn đem mấy ngƣời bạn thân cùng đi với tôi. Việc đi nhƣ thế là phải giữ kín, nhƣng không ngờ mấy ngƣời lo liệu việc ấy làm lộ chuyện, thành ra không đi đƣợc. Vì vậy mà Việt Minh để ý đến tôi và cho ngƣời rình mò ở gần nhà tôi.

Lúc ấy ông Hồ chí Minh sửa soạn sang Pháp và cử một phái đoàn có ông Nguyễn Tƣờng Tam, Bộ Trƣởng Bộ Ngoại Giao, cũng sang Pháp dự Hội Nghị Fontainebleau để giải quyết vấn đề Việt Nam. Ðến ngày cuối cùng, ông Nguyễn Tƣờng Tam cáo bệnh ở lại và xin từ chức. Chính phủ Việt Minh cử Phạm văn Ðồng lên thay làm Chủ Tịch phái đoàn. Phái đoàn đi thì đi, nhƣng không ai chắc đã thành công đƣợc.

Bấy giờ là cuối tháng 5 năm 1946, quân Tàu đã rút về gần hết, những ngƣời Quốc Dân Đảng đến dục tôi hãy đi trƣớc một mình đã, rồi những ngƣời khác sẽ đi sau. Họ cử một ngƣời Y Sĩ là ông Nguyễn Văn Mão đi với tôi, lấy vé tàu bay sang Côn Minh rồi lên Trùng Khánh. Mọi việc thu xếp đâu đấy, đến ngày mai đi, tối hôm trƣớc tôi tới nhà một ngƣời Quốc Dân Đảng, sáng hôm sau đi lên phi trƣờng bay Gia Lâm, thì đƣợc tin phi công bên Tàu đình công, tàu bay không có, chờ chuyến tàu bay sau. Tôi trở về nhà không tiện, lại phải đến ở nhà một ngƣời Quốc Dân Đảng khác.

Chờ đến sáu bảy ngày mà tàu bay vẫn không có. Mấy ngƣời Quốc Dân Đảng đến bảo tôi rằng: ‘’Cụ đã định đi mà chùng chình mãi không nên. Hay là chúng tôi lấy xe hơi đƣa cụ đi đƣờng bộ lên Lạng Sơn, rồi từ đó đi thẳng sang Nam Ninh. Bên ấy có ông Nguyễn Hải Thần, sẽ trù liệu mọi việc cho cụ đi Nam Kinh gặp ông Bảo Ðại. Lúc ấy ông Nguyễn Hải Thần đã bỏ chính phủ Việt Minh chạy sang ở bên Tàu rồi.

Bấy giờ tôi rất phân vân, đi cũng dở, về cũng dở, sau thấy mấy ngƣời nói mãi, tôi mới thuận. Họ liền đi điều đình với quân đội Tàu, cho một ngƣời trung hiệu Tàu làm thông ngôn đƣa chúng tôi đi. Lúc đi các bạn đƣa cho tôi một vạn bạc Ðông Dƣơng để làm lộ phí, bảo rằng: ‘’Sang bên Tàu đã có trụ sở cung cấp đủ cả, không phải lo ngại gì’’. Ông Mão cũng đem đi độ bốn năm ngàn. Tất cả đổi ra đƣợc hơn tám vạn quan kim tiền Tàu.

Chiều hôm mùng 2 tháng Sáu năm 1946, bốn ngƣời chúng tôi lên chiếc xe hơi của Quốc Dân Đảng đi đến Phủ Lạng Thƣợng thì xe hỏng, phải cho xe trở lại. Ngƣời Sĩ Quan Tàu gặp đoàn sáu chiếc xe vận tải của quân đội Tàu, mới điều đình với quản đoàn xe ấy, cho tôi đi nhờ lên Lạng Sơn, nhƣng phải đợi chữa xong xe mới lên đƣợc. Chờ ở Phủ Lạng Thƣợng mất ba ngày ở khách sạn, đến ngày mùng 6 tháng Sáu mới đi Lạng Sơn.

Thành Lạng Sơn bấy giờ thuộc quyền đội quân Phục Quốc đóng giữ mà chung quanh thì bị quân Việt Minh bao vây. Ðội quân Phục Quốc do một ngƣời thổ hào tên là Nông Quốc Long cai quản. Cả đội quân ấy độ vài trăm ngƣời có đủ súng ống, nhƣng không hòa hợp với các đội quân khác của Quốc Dân Đảng.

Chúng tôi lên đến Lạng Sơn, nghe nói ông Nguyễn Hải Thần ở Nam Kinh đã trở về đấy. Tôi tìm cách gặp ông ấy. Từ trƣớc tôi chƣa gặp ông ấy bao giờ, chỉ biết ông và những ngƣời Quốc Dân Đảng khác theo quân Tàu về nƣớc, tuyên truyền huyên thuyên mà không thấy làm đƣợc việc gì ra trò. Những ngƣời trong đám Phục Quốc quân ở Lạng Sơn vì không có lƣơng thực cũng tìm cách lấy tiền chi dụng cho qua ngày. Tôi biết những ngƣời ấy không làm nỗi việc gì, nhƣng có những ngƣời đi theo ông Nguyễn Hải Thần ở bên Tàu đã lâu quen biết nhiều ngƣời Tàu, tôi muốn gặp ông và rủ ông đi lên Nam Kinh để gặp ông Bảo Ðại, vì lúc ấy mọi ngƣời đều yên chí ông Bảo Ðại đã ở Nam Kinh rồi. Trƣớc là để tụ họp hết các đảng phái làm một cho có tính cách duy nhất trong việc hành động, sau là để khi làm việc gì, có tổ chức chắc chắn, không đến nỗi rời rạc nhƣ mọi ngƣời đã trông thấy.

Tôi gặp ông Nguyễn Hải Thần ở Lạng Sơn cùng với Vũ Kim Thành và mấy ngƣời khác nữa. Ngồi nói chuyện qua loa rồi hẹn đến hôm sau sẽ nói chuyện dài. Sáng hôm sau ông Nguyễn Hải Thần đến thăm tôi ở khách sạn. Mới nói đƣợc vài câu, thì Tƣớng Tiêu Văn cho ngƣời đến mời ông đi. Trƣớc khi đi, ông hẹn sẽ cho xe đến đón chúng tôi đến Ðồng Ðăng để nói chuyện cho tiện.

Chúng tôi chờ đến 2 giờ chiều không thấy xe đến, chúng tôi thuê xe hàng mất 1.500 bạc quan kim lên Ðồng Ðăng, nghĩa là mất hơn 300 bạc Ðông Dƣơng mà chỉ có 15 cây số. Ðến Ðồng Ðăng, nói chuyện với ông Nguyễn Hải Thần thì thấy ông là một ngƣời lão thực, mà tinh thần kém cỏi lắm rồi. Ông có tiếng là ngƣời làm cách mệnh đã lâu năm, mà công việc làm cũng chẳng thấy gì xuất sắc lắm. Tôi ngỏ lời rủ ông đi Nam Kinh. Ông ƣng thuận nhƣng lại nói rằng: ‘’Mấy hôm trƣớc có ngƣời Quốc Dân Đảng lên bàn với tôi về việc ấy. Tôi bảo phải trù liệu cho tôi 120.000 đồng để tôi lập một đoàn đại biểu 9 ngƣời cùng đi với tôi. Vậy ta hãy chờ xem họ trả lời thế nào, rồi cùng đi một thể’’. Ông lại nói: ‘’Vả tôi còn phải điện lên Nam Kinh để lấy xe hơi về đón chúng ta lên’’.

Chúng tôi ở lại Ðồng Ðăng chờ đến chín, mƣời ngày, không thấy tin Hà Nội lên mà cũng không thấy xe ở Nam Kinh xuống đón. Sau cùng ông Nguyễn Hải Thần phải đi điều đình với ngƣời Sĩ Quan coi việc vận tải của quân đội Tàu để đi nhờ xe của họ. Sáng sớm ngày 17 tháng Sáu mới lên đƣờng. Ngƣời Sĩ Quan Tàu để ông Nguyễn, Tô, và cháu ông Nguyễn cùng ngồi với y trên cái xe jeep. Còn bọn ông Vũ Kim Thành, Hƣơng Ký, Nghiêm Xuân Việt đi mấy cái xe cam nhong đi trƣớc. để ông Mão, ngƣời Sĩ Quan và ngƣời thông ngôn đi với chúng tôi ở lại chờ một xe cam nhong sắp đến. Chúng tôi đi từ Ðồng Ðăng đến Nam Kinh chỉ độ hơn 200 cây số mà phải mất hai ngày, tức là đến chiều tối ngày 18 mới tới nơi.

Ðến Nam Kinh tôi vào ở khách sạn, chờ ông Mão mất hai ngày mới thấy ông và hai ngƣời kia đến. Hỏi ra mới biết ra mới biết rằng cả ngày 17, chúng tôi đi rồi không thấy xe cam nhong đã hẹn đến. Chờ hôm sau cũng không thấy, bọn ông Mão phải thuê xe khác mà đi. Dọc đƣờng ông Mão gặp mấy cái nạn rất nguy hiểm, may là thoát khỏi.

Trong khi chờ đợi mấy ngƣời kia, tôi có dịp biết cả ông Nguyễn Thiện Thuật ở gần Nam Kinh.

Ông trƣớc làm Tán Tƣơng Quân Vụ cuối đời Tự Ðức, rồi sau đứng chỉ huy quân Cần Vƣơng chống với quân Pháp ở Bãi Sậy.

Bấy giờ tôi bàn với ông Nguyễn Hải Thần xem đi Nam Kinh thì đi đƣờng nào tiện hơn. Ði lối Côn Minh rất khó và có nhiều trộm cƣớp, lối Liễu Châu rồi cũng không có tàu bay. Nếu không có tàu bay, thì ra Hƣơng Cảng đi tàu thủy lên Thƣợng Hải. Trƣớc sau ông Nguyễn Hải Thần vẫn nói là cùng đi với chúng tôi.

Mấy hôm tôi ở Ðồng Ðăng và ở Nam Kinh, tôi thƣờng nói chuyện với ông Vũ Kim Thành, thấy ông là ngƣời chơn thực và lại nói thạo tiếng Quảng Ðông. Tôi bàn riêng với ông

đi lên Nam Kinh với tôi, vì đến Nam Kinh ngƣời Sĩ Quan Tàu và ngƣời thông ngôn ở lại. Vũ Kim Thành bằng lòng. Chúng tôi nhất định đến ngày 24 tháng Sáu khởi hành.

Sáng ngày 23, ông Nguyễn Hải Thần còn đến bàn tính cách đi, nhƣng đến 6 giờ chiều ông đến khách sạn nói rằng: ‘’Ngày mai tôi sẽ đƣa cụ ra Quảng Châu rồi sẽ thu xếp cho cụ đi Nam Kinh. Tôi còn phải trở về trù tính việc đánh lấy lại Thành Lạng Sơn đã vào tay Việt Minh rồi, sau họ giao lại cho quân Pháp’’.

Tôi biết ý ông Nguyễn Hải Thần không muốn đi với tôi, hoặc là trƣớc ông có ý định đi, nhƣng sau ông bị bọn ngƣời Tàu muốn giữ ông lại để lợi dụng sang cƣớp phá bên biên giới. Ðến 11 giờ đêm, ông lại bảo tôi ông có việc đi gấp, ông không đi Quảng Châu đƣợc, để cho Vũ Kim Thành đƣa chúng tôi đi.

Sáng ngày 24, chúng tôi lên xe hơi chở hành khách đi đến chiều tối tới Quí Huyện. Sáng ngày 26 thuê cái xe con đi Nhung Hí, nhƣng vì gặp mƣa to và đƣờng xấu, phải ngủ ở cái quán dọc đƣờng. Sán ngày 27 đến Nhung Hí rồi xuống đò đi đến Ngô Châu. Ðến nơi xuống thẳng tàu thủy đi Quảng Châu. Ðến 5 giờ chiều tàu mới chạy và đến 10 giờ sáng hôm sau mới tới nơi. Vào khách sạn rồi Vũ Kim Thành đi tìm ngƣời quen để tính việc đi Nam Kinh. Chẳng may lúc ấy những ngƣời quen với Vũ Kim Thành đi vắng cả, tàu bay không lấy đƣợc, chúng tôi định đi Hƣơng Cảng. Rồi đến ngày mùng 4 xuống chiếc tàu của ngƣời Trung Hoa đi Thƣợng Hải.

Khi đi trên tàu, chúng tôi gặp một ngƣời Hạ Sĩ Quan Tàu từ Nam Kinh về Quảng Châu rồi trở lên, ngƣời ấy vui lòng nhập bọn với chúng tôi để chỉ dẫn đƣờng lối. Nhờ có ngƣời bạn ngẫu nhiên gặp đó, chúng tôi đỡ nhiều nỗi khó khăn.

Ngày mùng 7, tàu vào đậu ở cửa sông Hàng Phố. Sáng ngày mùng 8, tàu vào Thƣợng Hải. Chúng tôi lên bờ, đem đồ hành lý ra gửi ở nhà trạm xe lửa, rồi đi ăn cơm, đến chiều xe lửa đi Nam Kinh. Sáng ngày mùng 9 đến nơi, nhờ ngƣời bạn dọc đƣờng chỉ dẫn cho mới thuê đƣợc cái phòng ở khách sạn Ðại Ấn Đƣờng Thái Bình Lộ, giá thuê phòng là 7000 bạc quốc tệ Tàu một ngày. Ngày 11 tôi cùng Vũ Kim Thành đến Hải Ngoại Bộ hỏi thăm tin tức ông Bảo Ðại. Gặp ông Bộ Trƣởng ấy là Trần Khánh Vân, nói rằng: ‘’Ông Bảo Ðại không có ở Nam Kinh. Việc ấy phải sang hỏi ông Bí Thƣ Trƣởng Quốc Dân Đảng là ông Ngô Thiết Thành’’.

Ngày 12, chúng tôi đến gặp ông Ngô nói chuyện đƣợc ông cho biết ý chính phủ Tàu muốn ông Bảo Ðại đến Nam Kinh. Tôi hỏi:

* + Hiện nay ông Bảo Ðại ở đâu ?
  + Nghe nói ông ấy đi từ Trùng Khánh đến Hƣơng Cảng. Ông có thể làm bức điện mời ông ấy về đây, để tôi gửi đi ngay thì chóng hơn.

Tôi bảo Vũ Kim Thành thảo ngay bức điện tín đƣa cho ngƣời Thƣ Ký ở Tổng Bộ Quốc Dân Đảng gửi đi. Thế là bao nhiêu sự mong mỏi trong khi đi khó nhọc vất vả dọc đƣờng đến đó là tiêu tan tất cả.

Nam Kinh lúc đó chẳng có một ngƣời Việt Nam nào khác. May nhờ có ông Ngô Thiết Thành cho ngƣời đƣa giúp cho 500.000 bạc quốc tệ Tàu (5.000 bạc Ðông Dƣơng) mới có tiền ở chờ tin ông Bảo Ðại.

Thành Nam Kinh là một nơi thắng cảnh bên Tàu, vì là một thành đã từng đặt làm Kinh Đô trong thời Lục Triều, tức là Ngô, Tấn, Tống, Tề, Lƣơng, Trần (222-420) rồi đến khoảng đầu thế kỷ XIV, Nhà Minh lúc đó mới dựng nghiệp cũng lập Kinh Đô ở đó và xây thành bao bọc chung quanh dài đến hơn 30 cây số. Thành ấy đến nay hãy còn nguyên, song những cung điện cũ chẳng còn gì cả, chỉ thấy chỗ hoàng thành cũ còn một mẩu đá hình rồng, ngƣời ta nói khi xƣa đó là cái cầu trong các cung điện.

Trong thành có sông có núi, có nhiều chỗ là ruộng đất. Còn các dinh thự và phố xá ở một khu cũng khá rộng. Song sự sinh hoạt và buôn bán không đƣợc náo nhiệt nhƣ ở Thƣợng Hải hay ở Quảng Châu. Phía Đông-Bắc ngoài thành có cái Hồ Huyền Vỏ là một nơi đến mùa nực, ngƣời ta đi du ngoạn rất tấp nập.

Những nơi cổ tích mà những thi nhân đời Ðƣờng nhƣ Lý Thái Bạch, Lƣu Vũ Tích và Ðỗ Mục nói trong thơ văn là Phƣợng Hoàng Ðài, Bạch Lộ Châu, Thạch Ðầu, Ô Ly Hạng, thì nay chỉ còn tên không, chứ không có di tích gì nữa. Sông Tần Hoài chảy từ phía Nam thành rồi vòng qua phía Tây trƣớc khi chảy vào Trƣờng Giang. Phía Nam sông Tần Hoài có một nhánh từ thành chảy ra. Phía hữu ngạn nhánh sông ấy có những phố xá cũ đông đúc và dƣới sông có nhiều thuyền chơi để những khách làng chơi đến đêm đem những ca kỷ xuống hát xƣớng chơi bời.

Sau khi chúng tôi đến Nam Kinh đƣợc mấy ngày, Tổng Bộ Quốc Dân Đảng Tàu có cho ngƣời đem xe đến đƣa chúng tôi đi xem lăng Tôn Dật Tiên ở cách Thành Nam Kinh độ 10 cây số. Ðƣờng đi rất sạch sẽ và ở chỗ gần lăng ngƣời ta trồng rất nhiều cây thông. Lăng ở trên núi, làm theo kiểu mới có vẻ tráng lệ lắm. Những bậc thang lên lăng làm rất rộng lớn và khi đến trên lăng trông xuống phong cảnh rất vĩ đại.

Cách chỗ ấy độ vài ba cây số, có lăng Vua Minh Thái Tổ, làm ở chân núi trong một khoảng đất rộng lớn, sự kiến trúc cũ kỹ và có phần đã đổ nát. Những tƣợng ngƣời cùng voi ngựa và lạc đà bằng đá ở xa xa mé ngoài cũng đã sứt mẻ, không mấy cái còn nguyên vẹn. Trƣớc kia ở Hà Nội, tôi có gặp ông Lƣu Bá Ðạt, là ngƣời Việt Nam sang bên Tàu đã lâu và cố mời tôi sang với ông Bảo Ðại đã về Nam Kinh và đã có cơ sở làm việc. Ðến lúc tôi sang đến nơi, thì chẳng có gì cả, hỏi ra, thì Lƣu Bá Ðạt và Lƣu Ðức Trung ở Thƣợng Hải. Tôi liền điện đi Thƣợng Hải mời Lƣu Ðức Trung lên để bàn tính mọi việc.

Lúc chúng tôi chờ tin Lƣu Ðức Trung chúng tôi ngẫu nhiên gặp một ngƣời đàn bà Việt Nam lấy một ngƣời Thƣợng hiệu Tàu, mới trở về Tàu đƣợc vài tháng và cùng ở chung một khách sạn. Ngƣời ấy gặp chúng tôi mừng rỡ lắm, nói là ngƣời ở Phố Hàng Nón, Hà Nội. Hai ngƣời vợ chồng ấy thƣờng đi lại nói chuyện, sau thấy tôi mắc bệnh đau bụng, lại ngày ngày nấu cháo và làm cơm cho chúng tôi ăn. Nơi xa lạ, gặp đƣợc ngƣời xứ sở thật là quý hóa. Chiều ngày 14 tháng Bảy, Lƣu Ðức Trung và Trần Quang Tuyên ở Thƣợng Hải lên, gặp nhau mừng rỡ quá. Ông Lƣu đi lấy buồng ở khách sạn Tân An thuộc con Đƣờng Trung Sơn Bắc Bộ, rộng rãi và mát mẻ hơn. Hai hôm sau ông Lƣu trở về Thƣợng Hải, để ông Trần Văn Tuyên ở lại với chúng tôi và nói mấy ngày nữa có bốn ngƣời ở Trùng Khánh là Ðinh Xuân Quảng, Phan Huy Ðàn, Ðặng Văn Sung, và Thƣờng sắp đến Nam Kinh vào quãng ngày 20 tháng Bảy. Mấy ngƣời ấy đến, cùng ở một khách sạn với chúng tôi. Ai nấy đều ngong ngóng đƣợc tin ông Bảo Ðại.

Trƣớc khi sang Tàu, tôi biết thế nào rồi Việt Minh và Pháp cũng đánh nhau, nên tôi có dặn nhà tôi và con tôi rằng: Hễ tôi đi rồi, có những ngƣời Quốc Dân Đảng đã hứa sẽ tìm cách đƣa gia quyến tôi sang Tàu, để ở tạm vùng biên giới ít lâu, chờ cho yên ổn rồi hãy về. Vì lúc ấy, theo lời những ngƣời Quốc Dân Đảng nói thì ở biên giới Tàu có các tổ chức sẵn sàng của họ. Ngờ đâu là một chuyện vu vơ, chứ không có một chút gì gọi là có tổ chức. Tôi lên đến Ðồng Ðăng tôi biết là nhỡ việc rồi, chƣa biết tính thế nào mà báo cho vợ con biết để đừng đi nữa. Vả lúc tôi đi con tôi còn đau nặng, tôi chắc là không đi đƣợc. Sau nhân có bọn Hƣơng Ký mà mấy ngƣời nữa chạy từ Móng Cái qua đất Tàu, rồi lên Nam Kinh mà trở về Ðồng Ðăng. Trong bọn đó có con Hƣơng Ký về Hà Nội, tôi viết mấy chữ nhờ đƣa cho nhà tôi, bảo đừng đi đâu cả. Nhƣng ngƣời con Hƣơng Ký về lại không đƣa cái giấy ấy. Thành ra khi tôi đang ở Nam Kinh, thì vợ con tôi đi đƣờng bộ không đƣợc, ra Hải Phòng đi tàu thủy tới Hƣơng Cảng, ấy là không may mà lại hóa may, chứ đi đƣờng bộ thì không biết chết sống thế nào. Khi tôi đi qua Hƣơng Cảng vào ngày mồng 4 tháng Bảy, chính là lúc gia quyến tôi và ông Bảo Ðại đã ở Hƣơng Cảng rồi, mà tôi không biết, cứ đi thẳng lên Thƣợng Hải.

Chúng tôi ở Nam Kinh đến ngày 28 tháng Bảy, có ngƣời Bí Thƣ của Trung Ƣơng Đảng Bộ Quốc Dân Đảng Tàu đem cái điện tín của ông Bảo Ðại gửi cho tôi, nói rằng: ‘’Tôi không có tiền lên Nam Kinh đƣợc, gia quyến của cụ cũng ở Hƣơng Cảng’’. Ðƣợc tin ấy tôi giật mình. Trong cái tình cảnh eo hẹp này, một mình tôi còn chƣa biết xoay xở ra sao để sống đƣợc, nay lại cả gia quyến cùng ra nữa thì làm thế nào ? Thật là lo quá.

Lúc ấy tôi xem lại cái ý những ngƣời trong chính phủ Tàu muốn ông Bảo Ðại cùng ít yếu nhân Việt Nam sang lập một chính phủ Lƣu Vong ở Nam Kinh. Song ông Bảo Ðại thấy rõ tình thế nƣớc Tầu, cho nên ông không đi qua Nam Kinh mà bỏ về Hƣơng Cảng. Tôi biết cái ý của ngƣời Tàu. Tôi đến Trung Ƣơng Đảng Bộ Tàu nói giúp tiền cho tôi đi Hƣơng Cảng để gặp ông Bảo Ðại, rồi nếu thuận tiện, tôi sẽ mời ông ấy đến Nam Kinh.

Quốc Dân Đảng Tàu cho tôi vay 1.000.000 bạc quốc tệ (một vạn bạc Ðông Dƣơng) và tặng tôi thêm 500.000 bạc (5000) để làm lộ phí. Chiều ngày 30 tháng Bảy hồi 4 giờ chiều chúng tôi đi xe lửa qua Thƣợng Hải. Sáng hôm sau đến nơi, chúng tôi đến khách sạn chỗ Lƣu Ðức Trung ở. Tôi nói tình hình cho ông Lƣu nghe và nhờ đi lấy vé tàu bay. Nhờ có giấy của Trung Ƣơng Đảng Bộ giới thiệu, nên việc lấy vé tàu bay cũng nhanh chóng.

Trƣớc chúng tôi định lấy vé tàu bay đi cả ba ngƣời, nhƣng từ đầu tháng Tám trở đi, giá vé tàu bay phải trả gấp đôi, mỗi ngƣời phải trả 270.000 bạc quốc tệ, mà tiền chúng tôi chỉ còn hơn triệu bạc quốc tệ. Tôi bảo lấy hai vé để Vũ Kim Thành đi với tôi, còn ông Mão thì bảo ông chịu khó đi tàu thủy với bọn ông Thƣờng. Ông Mão tỏ ý không bằng lòng, nhƣng vì tình thế bắt buộc không làm sao đƣợc.

Sáng ngày mùng một tháng Tám, Vũ Kim Thành và tôi lên tàu bay, 8 giờ tàu bay cất cánh, bay đƣợc một giờ tự nhiên nghe một tiếng nổ, nhƣng tàu vẫn bay, chỉ thay đổi phƣơng hƣớng. Thì ra tàu bay hỏng, phải quay về Thƣợng Hải nhƣng không ai biết. Khi trở về tới nơi mới có giấy báo tàu bay hỏng phải quay trở lại. Ðến 10 giờ hơn chúng tôi phải quay trở lại nhà khách sạn. Ai cũng lấy làm lạ, vì đã thấy tàu bay rồi, sao lại trở về. Ấy cũng là may, ngƣời cầm lái là ngƣời Mỹ, đã thạo việc, biết máy hỏng mà quay trở lại ngay, nếu không mà cứ đi thì có lẽ chết cả.

Sáng hôm sau, 6 giờ lại ra trƣờng bay đi Hƣơng Cảng. Ðến 1 giờ trƣa đến nơi. Ðem hành lý vào để nhà khách sạn rồi tôi cùng Vũ Kim Thành đến Quốc Dân Đảng Bộ hỏi thăm chỗ ông Bảo Ðại ở. Viên Thƣ Ký Quốc Dân Đảng hết lòng tử tế, đƣa chúng tôi đến khách sạn ông Bảo Ðại và gia quyến tôi ở. Ðến đó gặp vợ con rất là mừng rỡ, nhƣng cái mừng lúc ấy chỉ có đƣợc một lát thôi, vì cái lo đến ngay. Lo về nỗi làm thế nào mà sống ở cái xứ sinh hoạt đắt gấp mƣời lần bên nƣớc nhà.

Hôm sau tôi gặp ông Bảo Ðại, lời đầu tiên ông nói:

* + Chúng mình già trẻ mắc lừa bọn du côn. Tôi đem tình thực trình bày rằng:
  + Ngài không về ở Nam Kinh là phải lắm, vì xem tình thế nƣớc Tàu đang có nạn cộng sản, chính phủ Tàu còn gỡ không ra, họ làm thế nào mà giúp chúng ta. Tuy bề ngoài thì họ đối đãi tử tế và nói những chuyện giúp đỡ nọ kia, nhƣng sự thực thì họ không thể giúp ta đƣợc việc gì ra trò đâu. Vậy chúng ta cứ đứng ở ngoài chờ xem tình thế biến đổi ra sao sẽ liệu, ông Bảo Ðại cũng đồng ý nhƣ vậy.

Ông lại nói thêm:

* + Chƣa biết chừng bọn Tƣởng Giới Thạch cũng phải cuốn gói chạy ngày nào đấy. Ấy là câu chuyện nói đầu tháng 8 năm 1946 mà sau hóa ra đúng thật.

Tôi cùng gia quyến ở tạm khách sạn, mỗi ngày là 15 dollars Hƣơng Cảng, giá mỗi dollars lúc ấy là 7 đồng Ðông Dƣơng, còn tiền ăn không kể, tức là mỗi ngày phải tiêu đến 30 dollars. Vợ con có gì bán đi để tiêu dùng. Ngày ngày đi tìm thuê một gian nhà ở, và để cho con đi kiếm việc làm.

Cách ba hôm sau, bọn ông Mão, Sung và ông Thƣờng về Thƣợng Hải. Ông Mão đòi về Hà Nội. Tôi thấy ông chán nản lắm rồi, tôi cũng nghĩ ông trở về là phải.

Ông Bảo Ðại ở khách sạn đƣợc 10 hôm sau khi tôi đến gặp ông, rồi ông nhờ một ngƣời Tàu thuê cho ông một căn nhà gần trƣờng đua ngựa, ông dọn đến ở đấy. Tôi đi tìm nhà thuê không đƣợc. Một căn nhà rất nhỏ hẹp ở chung với một gia đình ngƣời Tàu mà cũng phải trả bảy tám chục dollars một tháng. Ấy là không kể lúc đến thuê phải trả một thứ tiền gọi là

tiền trả cho ngƣời có nhà, ít ra là bảy tám chục dollars nữa. Nhà thuê không đƣợc, công việc con đi làm cũng không có. Làm thế nào ?

Ðặng Văn Sung và Vũ Kim Thành vào Quảng Châu để tìm việc làm. Chúng tôi bàn định nếu ở bên Việt Nam Quốc Dân Đảng có tiếp tế sang đƣợc, thì vào cả Quảng Châu lập một cơ sở rồi tụ tập hết thảy những thanh niên chạy sang Tàu, và thu xếp cho ai đi học thì đi học, ai làm nghề gì thì tìm việc cho làm, còn ai làm nghề buôn bán thì lo việc buôn bán v.v... Song đó là những điều dự đoán nhƣ vậy mà thôi, trăm việc phải có tiền mới làm đƣợc. Tin tức ở trong nƣớc đợi mãi chẳng thấy gì cả. Sau thấy ông Ðỗ Ðình Ðạo ra Hƣơng Cảng cũng ra tay không, thành ra ai cũng ngong ngóng tƣởng đợi có tiền đƣa ra thì khởi đầu tổ chức mọi việc. Sau thấy Vũ Kim Thành và Ðặng Văn Sung ở Quảng Châu ra bảo tôi vào để gặp Tƣớng Trƣơng Phát Khuê là chủ nhiệm quân sự cả vùng Quảng Ðông và Quảng Tây để xem có thể thực hiện đƣợc cái chƣơng trình của chúng tôi đã dự định không. Hôm 19 tháng Tám, tôi vào Quảng Châu lại bị tƣớng Tiêu Văn ở bên Việt Nam trƣớc, làm mọi điều khó dễ, thành ra tôi lại phải trở ra Hƣơng Cảng không gặp họ Trƣơng.

Lúc ấy ông Bảo Ðại ở cái nhà mới thuê không tiện, ông để cái nhà ấy cho tôi ở, chỉ phải trả mỗi tháng 120 dollars mà không mất tiền trà. Song chủ nhà giao hẹn chỉ đƣợc ở ba tháng thì phải trả lại cho ngƣời thuê cũ.

Cách ít lâu nghe tin ông Nguyễn Tƣờng Tam ở Côn Minh đã lên Nam Kinh, rồi lại thấy ông Nguyễn Hải Thần cũng ra Quảng Châu và cho ngƣời mời tôi ra nói chuyện. Tôi vào gặp ông, mới biết ý ông muốn lên Nam Kinh. Lúc ấy quốc hội Trung Hoa sắp họp để chuẩn bị hiến pháp mới.

Ngồi nói chuyện với ông Nguyễn Hải Thần, tôi nói:

* + Tôi xem nƣớc Tàu không giúp ta về đƣờng thực tế và ngoại giao đâu, cụ đi vô ích. Nhƣng nếu cụ đã định đi, thì nên xin chính phủ Tàu cho chúng ta một cơ sở ở Quảng Châu để tụ tập các thanh niên Việt Nam chạy sang đây đƣợc ở với nhau và nuôi nhau cho khỏi đói khổ.

Khuê.

Ông Nguyễn nhận lời làm việc ấy. Ông lại bảo tôi nên vào gặp Tƣớng Trƣơng Phát

Tôi vào Quảng Châu lần này, có gặp một ngƣời đàn bà nói là cháu ông Tôn Thất

Thuyết. Khi ông chạy sang Tàu đến cƣ trú ở vùng Nam Hùng phía Bắc Tỉnh Quảng Ðông, và mất ở đấy, con cháu thành ra ngƣời Tàu cả.

Tôi trở về Hƣơng Cảng, quanh quẩn đã sắp hết hạn ba tháng thuê nhà. Tìm đâu cũng không thuê đƣợc nhà khác. Con tôi vẫn không tìm đƣợc việc làm. Tình thế rất bối rối, Ðặng Văn Sung định tìm cách về nƣớc xem thế nào. Ðến khi đi chiếc tàu con của ngƣời Tàu Bắc Hải, chiếc tàu ấy chở đồ nặng quá, ra khỏi Hƣơng Cảng đƣợc ít lâu thì tàu đắm. Ông Sung may khỏi chết đuối, lại trở về quần áo mất sạch.

Khi ấy ở Hƣơng Cảng tôi có biết một ngƣời Trung Hoa họ Lý, có nhà buôn bán xuất nhập cảng ở Hà Nội và Hải Phòng, có giúp tôi hai lần, mỗi lần 2.000 dollars, lúc ấy tính vào khoảng hơn ba vạn bạc Ðông Dƣơng. Nhờ có món tiền ấy tôi mới duy trì đƣợc mấy tháng. Sau tôi nghĩ ở Hƣơng Cảng ăn tiêu đắt quá mà nhà không thuê đƣợc, chi bằng dọn vào Quảng Châu ở, cơm gạo còn rẻ hơn. Tôi đem việc ấy bàn với Ðặng Văn Sung và Vũ Kim Thành, hai ngƣời đều đồng ý kiến nhƣ vậy.

Ðến cuối tháng 10 năm 1946, chúng tôi đến Quảng Châu, nhờ ngƣời họ Từ thuê cho đƣợc cái nhà ở khu Hoàng Xá, gần Sa Diện, mất 120.000 bạc quốc tệ (120 dollars) tiền trà và mỗi tháng trả tiền thuê nhà là 60.000 quốc tệ (60 dollars).

Tôi về Quảng Châu ở mấy hôm thì Ðặng Văn Sung và Vũ Kim Thành đi Nam Kinh rồi về Ðông Hƣng bên Móng Cáy, cốt để tìm cách liên lạc với các bạn trong nƣớc, mong lấy đƣợc tiền để đem ra làm những việc đã định.

Trƣớc khi đi Vũ Kim Thành đƣa Nguyễn Dân Thanh đã nói ở trên đến ở với tôi để giúp tôi trong khi có giao thiệp với ngƣời Tàu và khi tôi có đi đâu, thì đi làm thông ngôn cho tôi. Rồi sau lại có ông Ðỗ Ðình Ðạo ở Hƣơng Cảng cũng vào ở với chúng tôi.

Quảng Châu là một Thành Thị lớn lao vào hạng nhì hạng ba ở nƣớc Tàu, dân cƣ trù mật, buôn bán phồn thịnh. Phố xá có nơi đƣờng phố sạch sẽ, nhà cửa rộng lớn, nhƣng có nhiều nơi đƣờng xá còn giữ nguyên vẻ cũ. Giữa đƣờng cứ cách độ trăm thƣớc tây lại có một khải hoàn môn bằng đá đục chạm theo kiểu cổ, đề những khoa thi tiến sĩ đời xƣa, chắc là để mừng những ngƣời thi đỗ về vinh quy. Còn có những đƣờng, những ngõ lát đá tảng, hai bên có cống rãnh bẩn thỉu, nhà cửa lụp sụp và không đƣợc sạch sẽ lắm.

Phía dƣới, giáp bờ sông có một khu đất gọi là Sa Diện, chung quanh có con sông nhỏ bao bọc, ở trong là những Lãnh Sự quán, nhà ngân hàng và nhà buôn bán của ngoại quốc. Ðƣờng xá khu ấy sạch sẽ và không cho xe cộ đi lại.

Ngoài Thành Thị có thể gọi là Phiên Ngung, tức là nơi Triệu Ðà đóng đô ngày xƣa, nay thấy có mấy cái đồi và mấy cái nhà làm theo kiểu mới. Ngƣời ta nói đó là nơi Tôn Dật Tiên đóng trụ sở hồi Quốc Dân Đảng mới khởi lên. Ði xa một đoạn nữa là Hoàng Hoa Cƣơng nơi chôn 72 liệt sĩ trong đảng cách mệnh nổi lên đánh nhà Thanh vào khoảng hơn 40 năm về trƣớc. Nay hàng năm đến ngày 29 tháng Ba dƣơng lịch có lễ kỷ niệm những liệt sĩ ấy ở đó. Bên cạnh Hoàng Hoa Cƣơng, bên kia con đƣờng có cái ngôi mộ một ngƣời Việt Nam tên Phạm Hồng Thái. Ngày 19 tháng Sáu năm 1925 lấy danh hiệu một phóng viên nhà báo, đến ném tạc đạn vào đám tiệc của ngƣời Pháp đãi viên Ðông Dƣơng toàn quyền Merlin, khi viên ấy sang Sa Diện. Phạm Hồng Thái ném xong chạy trốn, nhảy xuống sông, chết đuối. Ngƣời Tàu đem chôn ở chỗ bây giờ, có dựng cái bia do Hồ Hán Dân viết. Đấy đi xuôi một quãng xa, thì đến khu Trƣờng Đại Học nằm trên những ngọn đồi, cây cối sầm uất, đƣờng xá mát mẻ. Nƣớc Tàu thì ai cũng biết là một nƣớc rộng lớn và có rất nhiều ngƣời, nhƣng có đi qua các nơi mới thấy rõ sự rộng lớn của nƣớc ấy và sự trù mật của dân nƣớc ấy. Xe chở hành khách chạy trung bình 25 cây số một giờ mà phải chạy năm sáu giờ mới hết địa hạt một huyện, và có nhiều làng rất trù mật. Những làng bên Tàu không nhƣ bên ta có lũy tre bao bọc chung quanh. Nhà cửa ở các làng làm thành dẫy ở hai bên đƣờng nhƣ ở các Thành Thị, chen chúc giáp mái nhau. Những nhà mái lợp ngói, tƣờng xây bằng gạch sống xếp chồng lên không có vôi hồ, rồi quét ngoài vôi trắng. Nhà làm theo lối một cửa trƣớc và một cửa sau, còn thì không có cửa sổ hay cửa nào khác nữa, trông xa còn khá, nhƣng đến gần thì thấy tiều tụy, vào trong nhà lại thấy tối tăm và gà lợn ở lẫn với ngƣời, thật là bẩn thỉu.

Ngƣời Tàu thƣờng ƣa ở những cái buồng nhỏ hẹp, khi thấy cái buồng nào rộng, thì họ lấy gỗ ngăn thành mấy phòng nhỏ để mấy ngƣời hay mấy gia đình ở chứ không thích những buồng rộng rãi và khoáng đãng. Tôi gặp những ngƣời đã sang ở bên ta, nói ta làm nhà để buồng là phí đất. Xem cách làm nhà cửa và những nghệ thuật về đƣờng trang sức của ngƣời Tàu hình nhƣ nó phản chiếu cái hình tƣợng của nƣớc Tàu. Nhà cửa hay miếu mạo thƣờng làm to lớn vững chắc, có nhiều buồng nhiều ngõ, và có những kiểu trang sức rậm rạp.

Những ngƣời ở thôn quê thì làm ruộng làm vƣờn rất chăm chỉ. Ði qua thấy ở chỗ đồng áng có ngƣời làm ruộng tát nƣớc nhƣ ở bên ta, nhƣng họ không tát nƣớc bằng gầu, mà chỉ tát bằng thứ guồng nhỏ đạp bằng chân. Những ngƣời ấy trông có vẻ đói rách khổ sở. Ðó cũng có lẽ là vì sự chiến tranh và nổi loạn trong mấy chục năm mà gây ra cái hoàn cảnh thê thảm ấy. Những nơi Thành Thị lớn gần mé biển, nhƣ Thƣợng Hải hay Quảng Châu, thì sự sinh hoạt rất náo nhiệt nhƣng xét kỹ ra thì còn kém về đƣờng tổ chức. Còn ở nội địa nhƣ ở Nam Kinh cũng có nhà máy điện song những đèn không sáng hơn ngọn đèn dầu của ta ngày trƣớc. Những cột đèn thì thƣờng làm bằng cây tre nhỏ, tƣởng có gió to thì đổ hết cả. Dân ở đấy thì dùng nƣớc sông đầy bùn. Tôi còn nhớ ở khách sạn Nam Kinh, sáng dậy ngƣời ta cho một chậu nƣớc rửa mặt, để một lát thì bùn đọng ở đáy chậu một lớp khá dầy. Trời nực ai muốn tắm mất độ 300 bạc quốc tệ, mà ngƣời ta chỉ cho vào cái thùng gỗ độ chừng hai ba thau nƣớc. Ngƣời Tàu gọi

tắm là lấy khăn dúng vào nƣớc rồi lau mình, chứ không phải là dúng mình vào nƣớc hay là lấy nƣớc dội lên mình.

Một hôm tôi mới đến Nam Kinh, trời nóng mấy ngƣời rủ nhau đi đến nhà tắm công cộng, mỗi ngƣời phải trả 450 quốc tệ. Ngƣời ta đƣa cho mỗi ngƣời một cái khăn tắm, giống nhƣ cái khăn lau bát của mình. Ðến lúc vào đến buồng tắm, trời ơi, thấy một cái bể tắm nƣớc đục nhƣ nƣớc rửa bát mà có đến năm sau ngƣời đầy những mụn nhọt, ghẻ lở, đang hì hụp trong cái bể ấy. Trông thấy mà rùng mình rồi, còn ai dám tắm nữa. Song ngƣời Tàu quen nhƣ thế rồi, không cho là ghê tởm, dơ bẩn nữa.

Tính ngƣời Tàu rất cẩu thả, không có làm việc gì cho đúng hẹn. Xe hàng hẹn đúng 6 giờ sáng chạy, thì ít ra cũng phải đợi đến 8, 9 giờ mới bắt đầu đi. Khi có việc cần kíp đánh điện tín đi chỗ nào, tƣởng chừng năm ba ngày là chậm, thế mà phải đợi hàng tháng mới tới nơi, có khi lại không bao giờ tới. Lúc đầu tôi mới đến Quảng Châu, liền nhờ một ngƣời bạn của Vũ Kim Thành, trong Chi Bộ Quốc Dân Đảng, đƣa đến Sở Bƣu Điện đánh cái điện tín lên Nam Kinh hỏi một việc, chờ đến mấy ngày không thấy có tin trả lời. Sau tôi đã lên đến Nam Kinh đƣợc hơn hai tuần lễ cái điện ấy mới đến nơi. Xem thế thì mới biết công việc làm ăn ở Sở Bƣu Điện của Tàu hỗn độn và cẩu thả chừng nào.

Thƣợng Hải, tôi thấy một ngƣời làm trong Sở Quan Thuế nói rằng những tiền thu vào đƣợc mƣời phần thì chính phủ chỉ đƣợc có ba phần là cùng, còn thì các công chức trong sở ấy chia nhau mất cả. Một chính phủ mà công chức làm việc nhƣ thế, thì làm gì mà không đổ nát. Việc cá nhân đối với nhau cũng vậy, trừ khi nào ngƣời ta có những việc quan hệ tới quyền lợi hay tiền bạc, còn thì ít khi ngƣời ta giữ đúng lời hẹn. Trƣớc ta thƣờng nghe ngƣời Pháp gọi sự hàm hồ cẩu thả của ngƣời Tàu là ‘’Chinoiserie’’, thật có sang bên Tàu mới hiểu rõ cái tiếng chế nhạo ấy.

Xƣa ta học Đạo Nho, ta tƣởng nƣớc Tàu là nƣớc Đạo gốc ấy, tất ngƣời Tàu dù sao cũng còn giữ đƣợc cái căn bản nhân nghĩa, lễ trí, ngờ đâu cái nền học cũ đã tiêu diệt mất hết cả, chỉ thấy rặt những sự đa trí xảo, lừa dối. Nhất là những nơi Thành Thị lớn gần miền bể, ngƣời ta đắm đuối vào cuộc sống vật chất hèn kém, không thấy gì là lễ nghĩa liêm sỉ cả. Các công chức thì bất cứ việc gì cũng có mánh khóe để ăn hối lộ và những thanh niên phần nhiều xem ra rất xa hoa phù phiếm, và hầu hết đều muốn bắt chƣớc sự hành động, cử chỉ của ngƣời Âu, ngƣời Mỹ. Nhƣng hình nhƣ chỉ có cái vẻ Âu, Mỹ ở bề ngoài, kỳ thực thì Âu Mỹ chẳng phải Âu Mỹ mà Tàu thì thật chẳng phải Tàu nhƣ ta vẫn tƣởng tƣợng. Cái cảnh bề ngoài nƣớc Tàu ngày nay chẳng thấy gì là cảnh tƣợng một nƣớc đã thấm nhuộm lâu đời trong cái đạo học của Nho Giáo. Tôi nói cái cảnh tƣợng bề ngoài mà thôi, vì tôi là ngƣời đi qua đƣờng, thấy thế nào thì nói thế nấy, chứ hoặc giả còn nhiều cái tốt đẹp ẩn nấp ở bề trong nữa, thì không thể biết đƣợc. Dù sao cái cảm tƣởng của một ngƣời ở phƣơng xa đã từng học theo đạo nho và chỉ biết nƣớc Tàu nói trong sách cổ, thì thật là một cái cảm tƣởng rất ngao ngán cho giống ngƣời học một đàng làm một nẻo.

CHƢƠNG X

CUỘC PHÁP VIỆT CHIẾN TRANH

Trong lúc chúng tôi còn ở Hƣơng Cảng, thì ông Hồ chí Minh và phái đoàn Việt Nam đang Hội Nghị ở bên Pháp. Cuộc Hội Nghị ở Fontainebleau khởi đầu vào khoảng giữa tháng Năm, mãi đến tháng Chín mà không xong đƣợc việc gì cả. Khi ngƣời Pháp và ngƣời Việt đang bàn cãi ở bên Pháp, thì ở Ðông Dƣơng, cao cấp ủy viên là Hải Quân Trung Tƣớng D Argenlieu họp Hội Nghị kinh tế ở Ðà Lạt có đại biểu Nam kỳ Cộng Hòa quốc, đại biểu Cao Miên, và đại biểu Ai Lao bàn định mọi việc, coi nhƣ không có nƣớc Việt Nam. Vì vậy mà cuộc Hội Nghị bên Pháp lại càng gay go thêm, rút cuộc Hội Nghị ấy không thành kết quả gì cả. Ðến cuối thƣợng tuần tháng Chín các phái viên Việt Nam xuống tàu thủy về nƣớc. Ông Hồ chí Minh ở lại đến ngày 14 tháng Chín năm 1946, ký thỏa hiệp án (Modus vivendi) với ông Marius Moutet, Bộ Trƣởng Bộ Hải Ngoại Pháp.

Thỏa hiệp án ấy, đại ý nói theo những điều trong hiệp ƣớc sơ bộ trƣớc mà giữ thái độ thân thiện cho đến thánh Giêng năm 1947, là kỳ hạn cuối cùng, hai bên phải họp Hội Nghị để giải quyết các vấn đề cho thành bản điều ƣớc nhất định.

Ông Hồ chí Minh ký bản thỏa hiệp ấy rồi chính phủ Pháp cho chiếc tàu binh đƣa ông về nƣớc. Thế là sau hai kỳ Hội Nghị ở Ðà Lạt và ở Fontainebleau, việc nƣớc Việt Nam không sao giải quyết đƣợc.

Ông Hồ chí Minh về đến Hải Phòng vào quãng tháng Giêng, Việt Minh tổ chức việc đón tiếp rầm rĩ, nhƣng thực tình thì nhiều ngƣời ngậm ngùi vì tình thế mỗi ngày một nguy ngập. Dân khí tức giận, thà chết còn hơn quay trở lại làm nô lệ nhƣ trƣớc.

Quân Pháp ở Bắc Bộ thì sẵn sàng tấn công cho nên mới có sự xung đột ở Hải Phòng vào quãng cuối tháng Một. Vì thế lực không đủ, lẽ tất nhiên là quân Việt Minh thất bại phải lui ra ngoài Hải Phòng. Hai bên đều xuống lệnh đình chiến, nhƣng quân hai bên vẫn cứ đánh nhau.

Việc dai dẳng nhƣ thế đến mấy ngày, trƣớc ngày 19 tháng Chạp dƣơng lịch, thì ngƣời Pháp gửi tối hậu thƣ cho chính phủ Việt Minh bắt phải giao Sở công an cho họ, hẹn đến ngày 20 là hết hạn. Chính phủ Việt Minh biết là không sao tránh khỏi sự tấn công của quân Pháp bèn mƣu sự đánh trƣớc một ngày để mong đƣợc thắng lợi trong khi bất ngờ. Xem nhƣ vậy thì ngƣời Pháp cũng có một phần khá lớn trong cái lỗi đã gây ra cuộc Pháp-Việt chiến tranh kéo dài cho đến ngày nay. Trƣớc ngày 19 tháng Chạp năm 1946, các yếu nhân trong chính phủ, quân chính quy Việt Minh đã rút ra ngoài cả rồi, chỉ có các đội quân tự vệ ở lại để đánh phá và bắt ngƣời Pháp và những ngƣời Việt Nam theo Pháp.

Quân tự vệ chống với quân Pháp trong Thành Hà Nội đƣợc hai tháng mới rút lui. Trong khi hai bên chống cự nhau phần thì quân Pháp bắn phá, nhà cửa phố xá bị đốt rất nhiều. Những phố nhƣ Hàng Hòm, Hàng Thiếc v.v...bị đốt phá gần hết. Những nhà nào chủ nhà bỏ chạy, thì quân Pháp vào lấy đồ đạc, của cải, rồi sau lại cho bọn ngƣời Tàu vào cƣớp phá. Cái nhà của tôi ở Phố Nhà Rƣợu cũng bị quân tự vệ đốt cháy. Thành ra bao nhiêu sách vở của tôi, có lắm quyển rất cổ, rất quí, tích trữ trong mấy chục năm, đều hóa ra tro tất. Tôi vẫn chƣa hiểu vì lẽ gì mà họ đốt nhà tôi, hoặc là vì đốt nhà bên cạnh mà cháy lây sang, hoặc là Việt Minh thấy tôi bỏ đi, họ giữ không đƣợc, họ cho lệnh đốt nhà cho bõ tức.

Cái chiến lƣợc của Việt Minh khi ấy là nếu chiến đấu thắng thì thôi, không thì rút ra ngoài, rồi sẽ dùng phƣơng sách du kích và tiêu thổ, nghĩa là đốt phá hết sạch những nhà cửa dinh thự, chỉ để lại đám đất không.

Ðối với nghĩa quân Việt Minh thì cái phƣơng sách thứ hai có hai chủ đích:

Một là gây sự cản trở cho quân địch, đi đến đâu không có chỗ cƣ trú, tiện lợi cho sự du kích của mình.

Hai là làm cho dân cƣ ở những phố phƣờng trong các Thành Thị mất cả nhà cửa cơ nghiệp, rồi đói khổ điêu đứng, chỉ có theo cộng sản là sống mà không theo là chết. Vì thế cho nên có nơi họ phá hoại từ xƣa tới nay chƣa từng có bao giờ.

Khi việc chiến tranh đã bùng nổ ở Bắc Bộ, chúng tôi ở bên Quảng Châu ai cũng ngơ ngác, không biết nghĩ sao. Một bên ngƣời Pháp cố tình muốn lập lại chủ quyền nhƣ cũ, việc ấy dù muốn che đậy thế nào mặc lòng, ngƣời ta đã trông thấy rõ khi quân Pháp đổ bộ lên Hải Phòng và Hà Nội. Một bên là Việt Minh đã trải bao phen hứa hẹn giữ nền độc lập của nƣớc nhà, không lẽ lại bó tay chịu hàng phục ngƣời Pháp. Thành ra hai bên tuy có Hội Nghị ở Ðà Lạt và ở Fontainebleau, nhƣng kỳ thực là dùng mƣu thuật để lừa nhau, chứ không có cái gì là thành thực thì không sao tránh khỏi chuyện xung đột đƣợc.

Trong cái tình thế ấy, những ngƣời ngay chính vì nƣớc rất khó nghĩ. Việt Minh thì chỉ muốn dùng cách áp chế để củng cố địa vị của mình. Ai theo họ thì họ để yên, ai không theo họ thì bị bắt bớ, chém giết, mà theo họ thì nhiều ngƣời không làm đƣợc những việc họ làm. Pháp thì dùng võ lực mà đàn áp và dùng quyền mƣu để lấy thắng lợi. Ngƣời Việt Nam ai đã có lòng yêu nƣớc thì không sao theo Pháp đƣợc, trừ ra một bọn xu danh trục lợi không kể. Trong cái hoàn cảnh bối rối đau đớn ấy chúng tôi lại thấy những nhà cách mạng ở bên Tàu nhƣ bọn ông Nguyễn Hải Thần tuy có lòng tốt, nhƣng không đủ tài năng mà cáng đáng việc lớn. Chúng tôi quay về mặt nào cũng không thấy có phƣơng pháp nào giúp đƣợc nƣớc.

Một hôm vào khoảng cuối tháng Giêng năm 1947, tức là mấy ngày trƣớc Tết Nguyên Đán năm Ðinh Hợi, ông Bảo Ðại vào Quảng Châu, có gặp tôi nói chuyện về việc nƣớc nhà. Ông rất băn khoăn về việc Bắc Bộ. Tôi nói rằng: ‘’Tuy Việt Minh đã có nhiều điều lầm lỗi, nhƣng nay họ đã đứng về phƣơng diện kháng chiến để dành độc lập, thì họ có cái thế danh chính ngôn thuận, ai làm trái ngƣợc lại là dân chúng không theo. Chúng ta đành phải để thời cơ biến chuyển ra sao rồi sẽ tính. Nay việc chiến tranh đã xảy ra, tức là có bên đƣợc bên thua, chờ đến khi tình thế rõ rệt, ta sẽ liệu có thể làm đƣợc việc gì ích lợi cho nƣớc’’. Ông Bảo Ðại ở Quảng Châu mấy ngày rồi trở ra Hƣơng Cảng.

Lúc ấy tôi đang ở trong cái hoàn cảnh nguy ngập, tiền thì sắp hết, ở trong thì đã đánh nhau, thì không mong có sự tiếp tế đƣợc nữa. Tôi tính chỉ còn đƣờng về Sài Gòn, có bạn bè và bà con có thể tƣ trợ cho đƣợc ít lâu. Tính nhƣ thế nhƣng biết là thế nào mà về đƣợc. Ðột nhiên ông Bảo Ðại cho ngƣời ra Quảng Châu mời tôi ra Hƣơng Cảng có việc cần.

Tôi ra Hƣơng Cảng gặp ông Bảo Ðại, ông nói rằng:

* + Có một ngƣời Pháp bên Ðông Dƣơng sang đây, muốn gặp chúng ta để nói chuyện về việc bên nƣớc ta, cho nên tôi mời cụ qua để bàn tính cho kỹ về việc ấy. Ngƣời Pháp ấy là ông Cousseau, trƣớc có biết cụ’.

Hôm sau ông Bảo Ðại với tôi gặp ông Cousseau, nói chuyện chiến tranh ở Bắc Bộ, ai bị bắt, ai bị giết...Sau ông nói rằng:

* + Cao cấp ủy viên Pháp bên Ðông Dƣơng muốn hết sức điều đình để đem lại cuộc hòa bình, nhƣng vì Việt Minh lừa dối, nên mới có sự chiến tranh, thật là thiệt hại cho cả hai bên.

Tôi nói:

* + Cuộc chiến tranh này, do sự tôi biết, là phần lớn tại các ông gây ra. Nƣớc Việt Nam chúng tôi là một nƣớc từ Nam chí Bắc có tính cách duy nhất, đồng một ngôn ngữ, một phong tục lịch sử, mà các ông đem chia từng mảnh, rồi lại lập ra Nam kỳ Cộng Hòa Quốc và gây những sự trêu chọc, thật rõ rệt là các ông không muốn hòa bình.
  + Ðó là những việc tạm bợ nhất thời mà thôi, vì có nhiều nơi không theo Việt Minh. Nếu có những ngƣời quốc gia đứng đắn ra điều đình thì nƣớc Pháp sẽ sẵn sàng nhƣợng bộ.
  + Việc điều đình bây giờ, muốn cho thành công, thì phải có toàn dân ƣng thuận mới đƣợc. Mà nay số nhiều dân chúng đã theo Việt Minh, đứng vào mặt trận kháng chiến, tất là phải làm sao cho dân vừa ý mới mong có kết quả.
  + Việc ấy là việc của các ông. Các ông là ngƣời yêu nƣớc nên ra sức mà giúp nƣớc các ông. Trong cái tình thế ngày nay, cứ nhƣ ý ông thì nƣớc Pháp phải làm thế nào cho ngƣời Việt Nam vừa ý ?
  + Nƣớc Pháp phải trả cái quyền độc lập cho nƣớc chúng tôi và cho nƣớc chúng tôi thống nhất từ Nam chí Bắc.
  + Việc thống nhất có thể đƣợc, nhƣng sự độc lập thì hiện bây giờ chính phủ Pháp chƣa nghĩ đến tôi không thể nói đƣợc. Các ông nên tìm những điều kiện cho hai bên có thể thỏa thuận đƣợc.
  + Xin để chúng tôi nghĩ kỹ rồi mai chúng tôi xin cho ông biết.

Tôi về bàn với ông Bảo Ðại, rồi kê ra 7 điều sau này để đƣa cho ông Cousseau:

* + Lập lại nền thống nhất của nƣớc Việt Nam, gồm cả ba kỳ và các dân tộc thiểu số nhƣ Mƣờng, Mọi, Thái...Nghĩa là lập lại nền thống nhất nhƣ các triều trƣớc đời Tự Ðức.

Nƣớc Việt Nam chƣa đƣợc độc lập hẳn, thì ít ra cũng đƣợc hoàn toàn tự trị, ngƣời Pháp không can thiệp vào việc cai trị trong nƣớc.

Ðịnh rõ cái địa vị nƣớc Việt Nam trong các nƣớc liên hiệp của Pháp. Việc liên kết với Cao Miên mà Ai Lao là việc riêng của mấy nƣớc lân bang chúng tôi. Chúng tôi xin bỏ cái dự án liên bang ở Ðông Dƣơng, vì đó là một cách lập lại chế độ Ðông Dƣơng toàn quyền. Chúng tôi nhất quyết không muốn ở dƣới quyền một chức toàn quyền nhƣ trƣớc nữa. Nƣớc Pháp nên đổi thái độ mà theo đúng tinh thần thời nay, đừng cho đổi cái tên gọi mà vẫn giữ sự thực nhƣ cũ.

Nƣớc Việt Nam phải có quân đội quốc phòng độc lập.

Nƣớc Việt Nam sẽ có các cơ quan tài chính cho đúng với cái nghĩa một nƣớc tự chủ. Chúng tôi sẽ sẵn sàng xét các quyền lợi về đƣờng kinh tế của nƣớc Pháp và các nƣớc lân bang nhƣ Cao Miên và Ai Lao cho đúng lẽ công bằng.

Nƣớc Pháp nên định một cái hạn trong mấy năm sẽ cho nƣớc Việt đƣợc độc lập hẳn.

Nƣớc Việt Nam sẽ có đại biểu ngoại giao với các nƣớc ở Á Ðông và các nƣớc khác có quyền buôn bán với Việt Nam.

Bảy điều ấy là những điều chúng tôi đƣa cho ngƣời đại biểu Cao Ủy Ðông Dƣơng là ông Cousseau vào khoảng đầu năm 1947. Ông Cousseau xem rồi nói rằng:

* + Nƣớc Pháp sẽ cho nƣớc Việt Nam đƣợc hơn nữa. Chỉ có một điều thứ sáu là hẹn cho hoàn toàn độc lập, thì nay tôi không dám chắc, vì tôi không có phận sự bàn về việc ấy.

Tôi nói:

* + Nƣớc Pháp ƣng thuận những điều ấy, thì phải đảm nhận hẳn hòi, rồi Cựu Hoàng Bảo Ðại sẽ đứng ra điều đình với quân kháng chiến để đem lại hòa bình. Nhƣng cần nhất là phải để cho Cựu Hoàng hành động tự do, ngƣời Pháp đừng ra mặt can thiệp vào việc của ngài làm. Chỉ xin một điều là cho những ngƣời làm việc ra Hƣơng Cảng giúp Cựu Hoàng mà làm việc.

Ông Cousseau nói:

* + Những việc ấy có thể đƣợc cả, nhƣng để tôi điện về Sài Gòn và chờ bên ấy trả lời ra

sao đã.

CHƢƠNG XI VỀ SÀI GÒN

Sau cuộc nói chuyện với ông Cousseau, ông Bảo Ðại bảo tôi rằng:

* + Trong cái tình thế này, cụ nên về tận nơi, trực tiếp với mấy ngƣời cầm quyền của Pháp xem tình ý của họ nhƣ thế nào. Nếu thật làm đƣợc, thì cụ lại trở ra, ta sẽ trù tính mọi việc.

Tôi nói:

* + Ðây là mới gặp ông Cousseau, ta đã tin gì mà về. Một mình tôi về, có bị sao cũng không ngại mấy, nhƣng công việc chƣa ra gì mà đã mắc lừa thì dại quá.

Ông nói:

* + Nƣớc mình đang lâm vào cảnh khổ vì chiến tranh, nay có cơ hội may ra có thể cứu đƣợc nƣớc mà mình do dự không làm gì thì sao cho phải, cụ nên nghĩ kỹ.

Khi ấy ông Cousseau ở lại Hƣơng Cảng để chờ tin bên Ðông Dƣơng, tôi về ăn Tết Nguyên Đán ở Quảng Châu. Trƣớc khi về, ông Bảo Ðại biết tôi không tiền, có đƣa giúp tôi 500 dollars, nhƣng hôm sau ra nhà trạm xe lửa bị kẻ cắp lấy mất. Rõ là vận đen, làm việc gì cũng đen.

Sau Tết Nguyên Đán đƣợc dăm hôm, ông Bảo Ðại cho ngƣời bảo tôi đem cả gia quyến ra Hƣơng Cảng. Chúng tôi đi tàu thủy ra tới nơi, đến gặp ông Bảo Ðại. Ông nói rằng:

* + Cụ về rồi, tôi có nói chuyện thêm với ông Cousseau, tôi tƣởng cụ nên về Sài Gòn và nhân tiện đem cả gia quyến về, chứ để nheo nhóc ở bên này chẳng có ích gì.

Tôi nghĩ: ‘’một mình tôi ở ngoài này đã vậy, lại có vợ con chạy ra đây, thiếu thốn đủ mọi đƣờng. Nay đã có cơ hội đem cả về cho yên chỗ là phải. Còn về việc nƣớc, thì ngƣời Pháp đã muốn điều đình và có ý nhận cho nƣớc Việt Nam thống nhất tự chủ, ngƣời mình có đánh nhau đến cùng cũng không thể đòi hơn đƣợc. Chi bằng ta cứ về cho biết rõ tình thực.

Nếu thuận tiện làm đƣợc gì thì làm mà không thì thôi, cũng không sao’’. Sau tôi gặp ông Cousseau, ông cũng nói:

* + Nếu cụ bằng lòng về thì tôi thu xếp giấy má xong ngay, rồi chờ có chuyến tàu thủy thì chúng ta cùng về cả. Về bên ấy cụ sẽ có nhà ở và không phải lo gì cả.

Tôi nói:

* + Tôi về chỉ cần gặp đƣợc ông cao cấp ủy viên để nói chuyện cho rõ ràng rồi cho tôi trở sang trình bày cho Cựu Hoàng biết, lúc ấy có làm gì mới làm đƣợc. Về bên ấy tôi muốn gặp mấy ngƣời nhƣ ông Hoàng Xuân Hãn, ông Vũ Văn Hiến, để hỏi ý kiến và việc làm.

Ông nói:

* + Việc ấy rất dễ, và lúc nào cụ trở sang cũng đƣợc.

Công việc định nhƣ thế rồi, chờ tàu Champollion ở Thƣợng Hải đến là về cả. Lúc ấy có ông Ðinh Xuân Quảng và Phan Huy Ðán ở Thƣợng Hải mới về Hƣơng Cảng, biết rõ công việc bàn định ấy, đều cùng xin về với chúng tôi.

Trƣớc khi đi, ông Bảo Ðại có dặn cách gửi thƣ cho ông và lại đƣa cho cái thƣ, bảo tôi về gặp bà Didelot, là chị Hoàng Hậu, mà đƣa tận tay cho bà ấy. Tôi hỏi rằng:

* + Về bên ấy rồi, ngƣời Pháp không cho tôi trở sang lại thì sao ? Ông nói rằng:
  + Nếu họ không để cho cụ sang thì tôi còn bên này, cụ đừng lo.

Tôi hỏi nhƣ thế là vì tôi vẫn không tin lời ông Cousseau nói, vả lại có một ngƣời quen của ông ấy nói với tôi rằng: Ông Cousseau nói với ngƣời ta rằng: ‘’Ông Kim đừng mơ tƣởng’’. Tôi mơ tƣởng cái gì ? Tôi về nếu mà ngƣời Pháp thành thực, thì là việc giúp nƣớc trong lúc nguy nan, ngƣợc bằng có ý lừa dối thì thôi, chứ tôi có mƣu cầu danh lợi gì đâu mà bảo đừng mơ tƣởng.

Việc đã định rồi thì cứ về. Sáng ngày mùng 2 tháng hai năm 1947 chúng tôi xuống tàu Champollion, đến ngày mùng 5 đến Sài Gòn, nhƣng đến sáng mùng 6 mới lên bờ.

Trƣớc khi đi ông Cousseau đã giao hẹn về đến Sài Gòn sẽ có nhà ở. Nhƣng từ khi đến nơi xem ra bộ ông lúng túng, tôi bảo ở đây tôi quen ông Trịnh Ðình Thảo, chúng tôi hãy tạm lên ở đấy. Thế là chúng tôi thuê xe về cả nhà ông Thảo.

Ông Trịnh Ðình Thảo từ khi ở Huế về, đóng cửa trong nhà, không làm việc gì cả. Bất thình lình thấy chúng tôi kéo đến, rất lấy làm ngạc nhiên và lo sợ. Lo sợ là không biết chúng tôi về làm gì. Sau khi tôi nói chuyện tình đầu cho ông nghe, ông mới yên bụng.

Ở đấy đƣợc vài hôm, ông Cousseau nói chƣa tìm đƣợc nhà. Ông Quảng và ông Ðán đi tìm chỗ khác ở. Nhà tôi tìm thấy ngƣời anh ruột là ông Cử Bùi Khải rồi cũng về đó ở. Tôi ở lại nhà ông Thảo, vì tôi về Sài Gòn là đã giao hẹn từ trƣớc nên giữ kín đừng cho ai biết, chờ đến khi biết rõ sự thực rồi trở sang Hƣơng Cảng, bấy giờ có làm việc gì mới làm. Thế mà cách mấy hôm đã có ngƣời đến tìm tôi. Tôi phải từ chối không tiếp ai cả.

Mấy hôm sau nữa, ông Pignon lúc ấy làm ủy viên coi việc chính trị, đến gặp tôi ở nhà ông Thảo, ngồi nói chuyện rất ôn hòa và cho tôi biết ông cũng đồng ý về mấy điều tôi đã đƣa cho ông Cousseau khi ở bên Hƣơng Cảng, nhƣng vì cao cấp ủy viên Pháp là Trung Tƣớng D argenlieu phải về Pháp, chờ cho đến khi ông trở sang mới nói chuyện đƣợc. Tôi có nhắc lại chuyện cho tôi đƣợc gặp những ngƣời nhƣ ông Hiến, ông Hãn và ông Khiêm, thì ông Pignon nói rồi sẽ đƣa những ngƣời ấy vào gặp tôi. Nói thế nhƣng rồi sau chẳng thấy ai cả.

Tôi xem cái tình thế trong nƣớc phía bên ngƣời Pháp, thì có mấy phái. Có phái thì muốn lập lại chủ quyền nhƣ trƣớc, chỉ thay đổi có cái tên gọi mà thôi. Có phái thì muốn chủ trƣơng sự lập Ðông Cung mới 11 tuổi lên làm Vua, để bà Hoàng Hậu nhiếp chính. Có phái thì muốn ít ra cũng tách nƣớc Nam Bộ đặt dƣới quyền điều khiển ngấm ngầm của họ. Rồi mỗi phái có một bọn ngƣời Việt Nam, vì quyền lợi riêng cũng phụ họa thêm vào. Song những ngƣời Việt Nam ấy là một thiểu số ít ỏi lắm, mỗi khi họ muốn hội họp để biểu tình gì đó, chỉ thấy có độ vài ba trăm ngƣời là cùng.

Phía bên ngƣời Việt Nam thì có phái Việt Minh, phái quốc gia và cái phái tôn giáo nhƣ Thiên Chúa Giáo, Cao Ðài Giáo và Hòa Hảo Giáo v.v...Song hoạt động hơn cả là phái Việt Minh, nào tuyên truyền, nào thóa mạ, nào ám sát là việc họ thƣờng làm rất táo bạo và hăng hái. Cái phái khác tuy không ƣa Việt Minh, nhƣng cũng vì Việt Minh có cái danh nghĩa chống Pháp để đòi lại nền độc lập, cho nên có nhiều ngƣời khuynh hƣớng về mặt trận kháng chiến. Tôi nghe thấy nhiều ngƣời nói rằng: ‘’Chúng tôi chẳng ƣa gì cộng sản, nhƣng họ đã có cái tổ chức để kháng chiến, thì hãy đi kháng chiến đã, rồi sau nếu mà thành công, thì ta sẽ liệu với nhau, chứ cúi đầu làm nô lệ cho Pháp nhƣ trƣớc, thà chết thì thôi chứ không bao giờ chịu’’. Còn một phần hoặc vì quá ghét Việt Minh hoặc vì Việt Minh áp chế để chuyên giữ độc quyền, cho nên thành ra có phe nọ đảng kia, chia rẽ giết hại lẫn nhau.

Ông Nguyễn Văn Sâm trƣớc là ngƣời đã đƣợc bổ làm Nam Bộ Khâm Sai, thƣờng đến gặp tôi nói chuyện. Tôi nói với ông rằng:

* + Theo cái tình thế này, thì làm thế nào rồi ta cũng phải điều đình với nƣớc Pháp mới xong việc. Xong muốn cho sự điều đình có lợi cho nƣớc nhà thì ngƣời trong nƣớc phải đoàn kết chặt chẻ với nhau mới đƣợc. Nếu không thì chỉ mắc mƣu ngƣời ta lợi dụng rồi chẳng đƣợc gì cả.

Ông Sâm nói:

* + Mình muốn đoàn kết nhƣng Việt Minh đâu có thật lòng đoàn kết! Họ chỉ muốn mình theo họ để làm tay sai cho họ củng cố địa vị mà thi hành cái chủ nghĩa cộng sản của họ, chứ thực ra họ có thiết gì đến quốc gia. Nhƣ vậy thì đoàn kết sao đƣợc.

Tôi thấy thế rất lấy làm buồn và chán nản.

Ngƣời Pháp thì không hiểu cái tâm lý của ngƣời Việt Nam, lại ỷ thế có sức mạnh, muốn làm cho ngƣời ta sợ, nào bắt bớ, nào cƣớp bóc, dâm hiếp, rồi nói ‘’chiến tranh là chiến tranh’’. Làm nhƣ thế, cái lòng phẫn uất của ngƣời ta càng ngày càng tăng thêm lên. Họ không biết rằng sự sợ có giới hạn, khi đã quá lắm, khi ngƣời ta đâm liều, mà đã liều thì không có gì ngăn cản đƣợc nữa.

Một bên thì gian ác, hiểm độc ai cũng biết, nhƣng lại mƣợn đƣợc cái danh nghĩa rõ ràng. Một bên thì quyền mƣu giả dối, mà lại bạo ngƣợc tàn ác, trái với lòng ngƣời. Nhƣ thế làm thế nào mà đem lại hòa bình đƣợc.

Theo cái tƣ tƣởng của ngƣời đời xƣa bên Á Ðông ta, có câu rằng: ‘’Công thành bất nhƣ công tâm’’, nghĩa là đánh thành trì không bằng đánh lấy lòng ngƣời. Ngƣời Pháp chỉ biết lấy võ lực mà đàn áp, chứ không biết cách làm cho ngƣời ta kính phục. Những ngƣời họ đem ra làm việc với họ phần nhiều là những ngƣời xu nịnh, chỉ muốn thừa thời cơ mà làm sang làm giàu, chứ không nghĩ gì đến liêm sỉ, tiết nghĩa. Những ngƣời ấy ngƣời Pháp có thể sai khiến, nhƣng đối với dân chúng trong nƣớc, không những là không có uy tín gì, mà lại gây thêm cái lòng oán ghét. Vì ngƣời Pháp làm những việc thất sách nhƣ thế cho nên cái thế Việt Minh vẫn mạnh và giữ vững đƣợc mặt trận kháng chiến.

Có ngƣời Pháp nói rằng: ‘’Nếu ngƣời Việt Nam không mến ngƣời Pháp, sao những nơi thuộc quyền kiểm soát, dân cƣ càng ngày càng đông hơn trƣớc. Họ lấy thí dụ nhƣ khu Sài Gòn-Chợ Lớn trƣớc khi có sự chiến tranh chỉ có 500.000 ngƣời mà đến năm 1949 có đến

1.500.000 ngƣời. Ðó không phải là cái chứng xác đáng về sự lòng dân mến ngƣời Pháp.

Ngƣời ta về chỗ Thành Thị thuộc ngƣời Pháp kiểm soát cũng bị nhiều sự bắt bớ cực khổ, nhƣng chỉ có bị một bên thôi, còn ở phía thuộc quyền Việt Minh kiểm soát thì đã bị Việt Minh đàn áp, lại bị quân Pháp đến đánh phá, bắn giết, thành một cổ đôi tròng, cho nên ngƣời ta phải tìm đến chỗ hại ít mà lánh mình. Hãy hỏi những ngƣời thƣờng ở những nơi Thành Thị, thì ai cũng nói ở chỗ bị một cái khổ còn hơn ở chỗ bị hai cái khổ. Tựu trung trong những ngƣời về ở chỗ đô hội đó, cũng có một số ngƣời vì quyền lợi muốn theo Pháp, nhƣng không phải là ai cũng mến Pháp mà về.

Khi tôi còn chờ đợi ở nhà ông Thảo, có ngƣời Pháp đến bảo tôi rằng: ‘’Chính phủ ở đây có tiền, có nhà in sẵn sàng, cụ nên ra mặt làm việc đi’’. Tôi nói: ‘’Tôi về đây cốt để biết rõ cái ý định ngƣời Pháp và xem tình hình trong nƣớc thế nào, rồi ra nói cho Cựu Hoàng Bảo Ðại biết, lúc ấy có làm gì hay không mới quyết định đƣợc’’. Ngƣời Pháp thấy tôi không chịu làm gì, bèn nói nọ nói kia. Một hôm tôi thấy trong một tờ báo Sài Gòn, đăng một đoạn rằng: Ngƣời Pháp đem tôi về, là cốt để tôi không mƣu mô bên cạnh ông Bảo Ðại. Cái ý ấy có lẽ đúng sự thực. Vì xem ý ngƣời Pháp lúc ấy là muốn lợi dụng ông Bảo Ðại, mà để tôi gần ông sợ có điều bất tiện, nên mới hứa hẹn đủ mọi điều để đem tôi về. Nếu có lợi dụng đƣợc thì dùng mà không thì để cho xa cách ông Bảo Ðại ra, rồi đƣa những ngƣời thân tín của họ ra làm việc cho dễ. Tôi lại thấy bao nhiêu điều hứa hẹn của ông Cousseau là không có gì cả. Những ngƣời tôi muốn gặp đều không có ai, mà lại thấy những ngƣời nhƣ ông Phan Văn Giáo, ông Trần Ðình Quế, thƣờng muốn đến gặp tôi, tôi không tiếp ai cả. Rồi đến những ngƣời cùng về với tôi nhƣ ông Ðinh Xuân Quảng và ông Phan Huy Ðán đều đi làm việc với ông Quế và ông Giáo.

Khi tôi mới về Sài Gòn, tôi có đến gặp ông Cố Đạo Moreau do ông Bảo Ðại giới thiệu, nói chuyện rất tử tế. Tôi nói:

* Cựu Hoàng Bảo Ðại có cái thƣ riêng, bảo tôi đƣa tận tay cho bà Didelot, nhờ Cố giới thiệu hộ.

Cố nói:

* Bà ấy bây giờ ở Ðà Lạt, độ một tuần lễ nữa mới về. Khi nào bà ấy về, sẽ báo cho ông

biết. nói:

Ðộ hơn một tuần lễ sau, tôi nghe nói bà ấy đã về, tôi cho ngƣời hỏi Cố Moreau, Cố

* Bà ấy đã về nhƣng bận lắm, không biết bà ấy có tiếp đƣợc không. Cố lại thêm rằng:
* Bà ấy chỉ yêu cháu bà ấy thôi.

Khi ấy có ông Phạm Khắc Hòe, nguyên Đổng Lý Văn Phòng của Vua Bảo Ðại trƣớc, đang ở Sài Gòn, tôi nhờ ông Hòe đến hỏi bà ấy xem bà ấy có tiếp thì tôi đến đƣa cái thƣ của ông Bảo Ðại cho bà ấy. Ông Hòe đi rồi về nói rằng:

* + Bà ấy nói không tiếp ngƣời làm việc chính trị, nhƣng ông Kim có muốn gặp thì chỉ tiếp trong năm phút thôi.

Tôi sở dĩ muốn gặp bà Didelot là vì có cái thƣ của ông Bảo Ðại nhờ tôi đƣa tận tay cho bà ấy, chứ có cầu cạnh gì đâu. Tôi thấy thái độ của bà ấy nhƣ thế, tôi không đến và nhờ ông Hòe đem cái thƣ ấy lại cho bà ấy. Tôi kể cái chuyện lặt vặt ấy là vì có một sự gì u ẩn mà tôi chƣa rõ.

Có một điều tôi lấy làm lạ rằng là ở Sài Gòn dƣới quyền kiểm soát của ngƣời Pháp mà lại có nhiều báo chí Việt Nam công nhiên ra mặt bênh vực Việt Minh. Có ngƣời viết trong báo rằng: ‘’Tôi lấy làm hân hạnh đƣợc là ngƣời của Việt Minh’’. Tôi hỏi sao ở đây ngƣời Pháp đối với những báo ấy lại rộng rãi nhƣ thế ? Ngƣời ta chỉ cƣời mà không đáp lại.

Việc làm của ngƣời Pháp thật là ngoắc ngoéo khó hiểu. Họ đánh nhau với Việt Minh mà lại dung túng ngƣời của Việt Minh. Họ nói muốn điều đình với những ngƣời trong phái quốc gia, mà lại cản trở việc làm của phái quốc gia. Trong phái này có ông Nguyễn Văn Sâm ra mặt chống Việt Minh, thì bị ngƣời Pháp ghét và bị Việt Minh hăm dọa. Khi tôi gặp ông, tôi khuyên ông rằng:

* + Tôi xem tình thế khó lắm, ông có làm việc gì phải thận trọng, đừng có khinh xuất mà mắc mƣu gian.

Ông Sâm nói:

* + Tôi cũng biết thế, nhƣng không lẽ vận nƣớc gian nan mà mình ngồi nhìn, thà chúng ta cứ đứng ra thành lập mặt trận quốc gia thống nhất để cho ngƣời ngoài biết trong sự hành động kháng chiến không phải ai cũng là Việt Minh cộng sản hết cả. Rồi đây chúng tôi sẽ tái bản tờ báo Quần Chúng đã bị đóng cửa từ trƣớc, để bày tỏ ý định chúng tôi.

Tôi nói:

* + Việc ấy tùy ông, nhƣng không nên vội vàng nông nổi mà hại cho việc các ông làm. Còn tôi thì đã nhất định không dính dáng đến việc gì cả.

Hải Quân Trung Tƣớng D’Argenlieu về Pháp bị cất chức, chính phủ Pháp cử ông Bollaert sang thay. Khi ông sang đến nơi, thì đổi ông Pignon đi làm ủy viên nƣớc Pháp ở Cao Miên, để ông Didier Michel quyền chức ủy viên coi việc chính trị, tôi thấy ủy viên nƣớc Pháp muốn thay đổi chính sách, tôi nghĩ mình đã định không làm gì nữa, ở lâu nhà ông Thảo vô ích và có điều không tiện, tôi bèn về nhà ông Bùi Khải. Bấy giờ là ngày 29 tháng Tƣ năm 1947. Cao cấp ủy viên Bollaert sang hứa hẹn lờ mờ chƣa rõ là ý định của chính phủ Pháp là thế nào. Sau khi ông đi kinh lý các nơi ông cho ông Paul Mus, Giám Đốc Trƣờng Hải Ngoại nƣớc Pháp, đi gặp ông Hồ chí Minh để thƣơng thuyết, nhƣng hình nhƣ muốn bắt Việt Minh đầu hàng. Thành ra không xong. Cao cấp ủy viên lại về Pháp đƣợc toàn quyền hành động để đem lại cuộc hòa bình ở Ðông Dƣơng. Ông trở sang, định ra Hà Nội đọc bài diễn văn ấy ở Hà Ðông, đại ý nói sẽ cho nƣớc Việt Nam thống nhất và đƣợc độc lập trong Liên Hiệp Pháp theo mấy điều kiện, và cái điều kiện quan trọng nhất là bắt quân Việt Minh phải nộp khí giới mà đầu hàng. Thế là bao nhiêu hy vọng của mấy ngƣời còn tin tƣởng ở cái chính sách mới của ông Bollaert mất hết.

Ngày mùng 8 tháng Năm, mấy hôm trƣớc khi ông Bollaert ra Bắc, ông Didier Michel hẹn đến gặp tôi ở nhà ông Thảo. Hai lần trƣớc tôi gặp ông Pignon, câu chuyện không có gì, nhƣng còn có ý vị, lần này tôi gặp ông Didier Michel thì nhạt nhẽo lắm. Ông nói:

* + Sao ông không ra hành động đi, ông còn đợi gì nữa ? Tôi nói:
  + Hành động gì ? Cái mục đích của tôi về đây là để biết rõ cái ý chính phủ Pháp định đối với Việt Nam thế nào rồi tôi ra nói cho ông Bảo Ðại biết, và đến nay tôi chƣa thấy gì là rõ rệt cả.
  + Ông không đọc những lời diễn văn của ông Ramadier, Thủ Tƣớng nƣớc Pháp, và những lời bố cáo của ông Bollaert đã nói à ?
  + Tôi có đọc, nhƣng đó chỉ là lời diễn văn thôi, chứ chả có gì là thiết thực.
  + Thế thì ông muốn thế nào ?
  + Tôi muốn có sự thành thật rõ ràng rồi mới có thể làm việc đƣợc.
  + Bây giờ tôi vội về có việc, để sau ta sẽ nói chuyện.

Từ đó rồi thôi, tôi không gặp ngƣời Pháp nào nữa, rồi thấy có những ngƣời nhƣ ông Phan Văn Giáo, Trần Ðình Quế và những ngƣời khác, hoặc ở Nam hoặc ở Trung, hay ở Bắc, tấp nập đi lại Sài Gòn-Hƣơng Cảng-Sài Gòn.

Ông Nguyễn Văn Sâm cũng sang Hƣơng Cảng gặp ông Bảo Ðại, đến khi trở về đƣợc mấy ngày thì bị ám sát. Ông vốn là ngƣời ôn hòa trầm tĩnh, ngay chính và hết lòng lo việc nƣớc. Nhƣng vì ông quá tin ngƣời ta xui dục làm việc vội vàng quá thành ra bị tai vạ, thật là đáng thƣơng tiếc.

Qua đầu năm 1948 ở Nam kỳ cộng hòa quốc, Lê Văn Hoạch phải từ chức. Ngƣời Pháp đƣa Thiếu Tƣớng Nguyễn Văn Xuân về thay. Ông Xuân nhận chức Chủ Tịch ít lâu rồi để Trần Văn Hữu lên thay và đứng ra lập Việt Nam Trung Ƣơng lâm thời chính phủ. Ðến ngày mùng 5 tháng Sáu năm 1948 thì có Hội Nghị giữa ông Bollaert và ông Bảo Ðại ở Vịnh Hạ Long, chuẩn định sự hứa hẹn cho nƣớc Việt Nam đƣợc thống nhất và độc lập ở trong khối Liên Hiệp Pháp.

Xong cuộc Hội Nghị ở Vịnh Hạ Long, ông Bảo Ðại về từ biệt Hƣơng Cảng, đi qua nƣớc Anh chữa mắt, rồi về ở Thụy Sĩ. Ðến khi ngƣời Pháp đem Cựu Hoàng Hậu và các con sang Pháp thì về ở nhà riêng ở Thành Cannes gần Nice.

Khi Thiếu Tƣớng Nguyễn Văn Xuân lên làm Chủ Tịch trung ƣơng lâm thời chính phủ, có viết thƣ mời tôi về làm cố vấn, nhƣng vì tôi già yếu và lại có bệnh tật, tự biết không làm đƣợc việc gì ích lợi cho thế cục, nên tôi từ chối. Lúc ấy tôi đã ở Nam Vang đƣợc mấy tháng rồi.

CHƢƠNG XII LÊN NAM VANG

Khi tôi về Sài Gòn, trong lƣng chỉ còn có 20 đồng bạc Ðông Dƣơng. Ông Cousseau thấy vậy có đƣa tiền, nhƣng tôi không lấy. Sau tôi gặp những ngƣời quen biết có giúp đỡ ít nhiều để mua thuốc thang và may vá lặt vặt. Tôi đến nhờ ông Cử Bùi Khải, ông vì tình anh em, tiếp đãi một cách thành thực và tử tế, các cháu đều hết lòng kính mến. Nhƣng vì cả gia quyến bốn năm ngƣời đến ở đấy lâu ngày, ăn không ngồi rồi, nghĩ cũng khó coi. Con gái tôi biết tiếng Anh, có nhiều ngƣời muốn học, định đi thuê nhà để dạy học, nhƣng không thuê đƣợc nhà. Sài Gòn cũng nhƣ ở bên Tàu, cái nạn khan nhà thật là điêu đứng. Muốn thuê một cái nhà nhỏ, ít ra cũng phải trả tiền trà mất một vài vạn bạc, thì lấy tiền đâu ? Sau hai vợ chồng con tôi gặp những ngƣời quen nói ở trên Nam Vang, bên Cao Miên, cơm gạo rẻ và dễ thuê nhà, chúng nó mới xin giấy lên Nam Vang. Lên ở nhà khách sạn đƣợc mấy ngày chẳng may con tôi bị bỏng suýt chết. Nhờ có những ngƣời quen biết trông nom giúp đỡ nên không việc gì.

Nhà ở Nam Vang lại có phần khó thuê hơn ở Sài Gòn, thành ra nhà vẫn chƣa thuê đƣợc, con tôi phải về ở nhà ông Phạm Chí Tùng trong khi chờ đợi có nhà ở.

Ông Phạm Chí Tùng là ngƣời rất hiền hậu, thấy con tôi lên ở nơi xa lạ, hết lòng giúp đỡ, coi nhƣ anh em trong nhà vậy.

Con tôi đi Nam Vang chờ đến ba tháng, nhờ ông Pignon can thiệp mấy lần, hội đồng coi việc nhà cửa mới thuê cho đƣợc một căn nhà, mở lớp dạy học tiếng Anh, lần hồi cũng đủ ăn tiêu.

Tôi ở Sài Gòn, có cóp nhặt những sách của tôi, định tìm nhà xuất bản cho in lại. Lúc ấy tôi gặp ông Trần Văn Văn đến thăm tôi. Khi tôi ở Huế, ông có ra làm việc ở Bộ Kinh Tế với ông Hồ Tá Khanh, cho nên đã quen từ trƣớc. Ông thấy tôi ở trong cái hoàn cảnh rất eo hẹp, ông liền cho tôi vay một món tiền khá lớn và ông nhận việc tìm nhà xuất bản để in những sách của tôi.

Trong lúc nguy nan, gặp đƣợc ngƣời bạn nhƣ ông Trần Văn Văn đến thăm tôi thật là ít có. Ấy cũng là một sự may mắn, nhờ trời dun dủi làm cho đỡ đƣợc bao nỗi đau buồn khổ não. Vào khoảng tháng Chín năm 1947, thì cậu Bùi Nam, anh em nhà tôi ở Hà Nội vào Sài Gòn thăm chúng tôi, biết rõ tin tức ngƣời nhà. Lúc ấy nhạc mẫu tôi đau nặng chƣa biết thế nào, cậu Nam đƣợc tin vội vàng ra ngay, ra đến nơi buổi trƣa, thì buổi chiều mẹ tôi mất. Tình mẹ con, nỗi đau đớn, nhà tôi rất sầu khổ. Cái sầu khổ lúc ấy lại có phần tăng thêm là vì phải khi loạn lạc, mình phiêu lƣu ở đất khách quê ngƣời, không thấy đƣợc mặt mẹ trong phút cuối cùng. Sau tôi nghĩ ở Sài Gòn cũng ngồi không mà con thì ở trên Nam Vang một mình, ngày dạy học vất vả, bỏ cháu không ai trông coi. Nhà tôi muốn lên ở trên ấy, để cha mẹ con cái cùng ở một chỗ. Vậy nên chúng tôi định qua Tết Nguyên Đán năm Mậu Tý (1948) thì lên Nam Vang. Ðến quãng đầu tháng Ba năm 1948, thì rể tôi về đón chúng tôi, rồi đến ngày mùng 6 tháng Ba tức là ngày 26 tháng Giêng năm Mậu Tý, chúng tôi lên xe hơi chở hành khách lên Nam Vang. Lên đến nơi một tuần lễ, tôi đến gặp ông Pignon là ủy viên nƣớc Pháp, xin cái giấy đƣợc lƣu trú ở đất Cao Miên. Vì ở xứ ấy bấy giờ, những ngƣời Việt Nam đi lại rất khó mà ai muốn ở lâu phải có giấy cho ở mới đƣợc. Ông Pignon chuyện trò một cách vui vẻ và cho giấy một cách rất dễ dàng.

Ở Nam Vang đƣợc yên ổn hơn Sài Gòn, ngày đêm tự do, không có cấm đoán gì cả, chỉ phải nóng nực khó chịu. Tôi lên đây nhờ có ông Phạm Chí Tùng và mấy ngƣời khác cho mƣợn sách vở, nhất là những sách vở nói về Đạo Phật và Đạo Ấn Ðộ, tôi xem cũng nguôi đƣợc nhiều điều phiền não. Mỗi khi trời mát mẻ, chiều đến tôi chống cái gậy ra đứng bờ sông trông nƣớc chảy, mà nghĩ cuộc đời cũng xoay vần trôi nổi có khác gì dòng nƣớc chảy xuôi.

Cuộc đời của tôi đi đến đấy đối với ngƣời ngoài cho là thật hiu quạnh, song tự tôi lại thấy có nhiều thú vị hơn là những lúc phải lo toan làm công việc nọ kia, giống nhƣ ngƣời đóng tuồng ra sân khấu, nhảy múa nhọc mệt rồi hết trò, đâu lại vào đấy. Ðàng này ngồi yên

một chỗ, ngắm rõ trò đời và tự mình tỉnh sát để biết cái tâm tình của mình. Tôi nhớ lại câu cổ nhân đã nói: ‘’Hiếu danh bất nhƣ đào danh, đào danh bất nhƣ vô danh’’. Muốn có danh không bằng trốn danh, trốn danh không bằng không có danh.

Ngƣời có trí tuệ mà biết giữ mình ở chỗ vô danh là bậc cao sĩ tuyệt bậc, nhƣng mình đã trót đeo lấy cái danh vào mình, thì phải tìm cách trốn danh vậy.

Danh với lợi ở đời là những cái mồi nó dử mình vào cạm bẫy để hành hạ cái thân mình, chung quy chỉ là một cuộc mộng ảo, chẳng có gì là thực. Khi đã mắc vào thì lắm lúc lại phải đi vào những nơi hôi thối, phải bƣng mắt bịt mũi, thật là khổ.

Tôi nƣơng náu ở đây chờ cho tình thế yên yên, thì thu xếp về Bắc, là nơi có bà con, bạn bè để khi vui buồn có nhau, còn hơn là chỗ xa lạ.

Ðến tháng Ba năm 1949, thấy ông Bảo Ðại đã điều đình với chính phủ Pháp công nhận nƣớc Việt Nam đƣợc thống nhất và độc lập trong khối Liên Hiệp Pháp, đại khái theo cái nguyên tắc ông Bảo Ðại và tôi đã đƣa cho ngƣời Pháp khi chúng tôi còn ở Hƣơng Cảng. Giá hai năm trƣớc, chính phủ Pháp đi hẳn vào con đƣờng ấy, có lẽ đỡ đƣợc bao nhiêu thì giờ và sự tổn hại. Song cái tính con ngƣời ta bao giờ cũng thế, cứ để cho đến khi bất đắc dĩ mới chịu làm những việc phải làm, còn thì cứ muốn bám lấy cái lợi một lúc, rồi cứ xoay quanh mãi thành ra hƣ hỏng việc lớn. Lòng tham của ngƣời ta không có bờ bến, nếu không đem cái lòng công minh chính trực mà ngăn ngừa lòng tƣ dục, thì thƣờng hay có những sự tàn ác, gây ra nhiều nỗi đau buồn.

Việc ông Bảo Ðại điều đình đã đƣợc kết quả, nhƣ thế cũng đã lợi cho nƣớc Việt Nam rồi nhƣng đó mới là phần giao kết, cần phải chờ đợi sự thực hành xem có đúng lời giao kết hay không.

Khi sự độc lập và sự thống nhất đã thực hiện rõ ràng rồi, thì ông Bảo Ðại phải có cái chính sách cƣơng quyết và biết lựa chọn lấy những ngƣời ngay chính đứng đắn ra giúp ông mà làm mọi việc. Nếu lại để cho những ngƣời muốn thừa cơ hội mà làm giàu làm sang, thì khó lòng mà đem lại lòng tín nhiệm của dân chúng. Việc thành bại sau này, là một bên ở cái lòng thành thực của ngƣời Pháp, một bên là cái chính sách ngay thẳng của ông Bảo Ðại. Tôi nay già rồi, không có hăng hái làm đƣợc việc gì nữa. Tôi chỉ mong đƣợc yên ổn, để về nghỉ ngơi cho trọn tuổi già, ấy là cái sở nguyện chân thực của tôi. Vả trong quãng đƣờng tôi vừa đi qua, trải bao những cảnh huống đau buồn khổ sở, may nhƣ Trời Phật cứu giúp, tôi duy trì đƣợc đến bây giờ, mà không trụy lạc vào đâu cả, thật là cái phúc lớn vậy. Cho nên tôi thƣờng nhớ bài thơ của một nhà thi sĩ Ấn Ðộ mà ngƣời ta dịch ra tiếng Pháp nhƣ sau này:

*La barque à la dérive*

*Au millieu du fleuve de vie, Périlleux et fouetté de vent,*

*Ma barque, sans rames, ballotte, Flottait à la dérive,*

*Mais ton invisible main, Secourable dt pitoyable,*

*A giudé la barque sans voiles*

*Parmi les rochers, au milleu des orages, Jusqúau rivage de sécurité*

Tôi lƣợc lấy ý trong bài thơ ấy mà dịch ra bài thơ song thất lục bát sau này:

## *Chiếc thuyền vô trạo*

*Sông nhân thế nước trôi cuồn cuộn, Giữa dòng sông gió cuốn ào ào.*

*Chiếc thuyền vô trạo lao đao, Lênh đênh đây đó biết đâu bến bờ. Tay tế độ trong cơ huyền bí,*

*Thuyền không buồm e lệ ngoài khơi,*

*Ðưa qua sóng gió thác ngòi, Ðến bên bến nọ là nơi yên lành.*

Nhân khi ngồi rồi tôi giở quyển nhật ký ra xem rồi viết thành cuốn sách này để sau ai xem thì biết rõ sự tình và công việc của tôi làm trong mấy năm đây đó.

Bản tâm là tôi viết truyện riêng của tôi, song tôi phải nói đến chính trị của chính phủ Việt Minh và sự hành động của ngƣời Pháp ở Ðông Dƣơng, là vì những việc ấy quan hệ với nhau, không nói không ai hiểu manh mối việc tôi làm thế nào.

Việc ngƣời Pháp làm ở Ðông Dƣơng có nhiều lầm lỗi, ngay từ lúc đầu không chịu thay đổi cái thái độ với ngƣời Việt Nam, cứ tƣởng lấy võ lực mà đàn áp và dùng quyền mƣu mà lừa dối để đem ngƣời ta vào tròng nhƣ ý mình muốn, không biết rằng lòng ngƣời đã thay đổi, nhân trí đã biến thiên, không thể lấy thế lực mà bắt ngƣời ta đi lại con đƣờng cũ đƣợc. Phàm cái quyền mƣu lừa dối là chỉ dùng đƣợc khi ngƣời ta không biết, nhƣng khi ngƣời ta biết rõ cái mƣu thuật của mình thì cái mƣu thuật ấy không có công hiệu nữa.

Ngƣời Pháp lại có cái tính hay cậy sức mạnh của mình rồi có khi có xảy ra việc gì, thì để cho quân lính đi tàn phá giết hại, có ý muốn cho ngƣời ta sợ. Cái phƣơng pháp ấy đối với cái tâm lý của dân tộc khác thể nào tôi không biết, nhƣng đối với dân tộc Việt Nam mà chỉ dùng sức mạnh để tàn phá, thì sự tàn phá càng tàn nhẫn bao nhiêu, sự thù oán ghét giận lại càng tăng thêm bấy nhiêu.

Theo cái tâm lý ngƣời Việt Nam, thì ngƣời ta ƣa cái chính sách trong sạch ngay chính, không có phá bậy giết càn. Hễ ngƣời Pháp không hiểu chỗ ấy, thì bề ngoài thế nào mặc lòng, bề trong không ai phục, thì làm việc gì rồi cũng thất bại. Vì vậy cho nên việc ngƣời Pháp muốn đem lại sự hòa bình ở xứ Ðông Dƣơng, mà cứ ngoắt ngoéo không cho nƣớc Việt Nam độc lập và thống nhất, lại không thành thực thi hành những điều giao kết, thì khó lòng mà giải quyết đƣợc cái tình thế ngày nay.

Về phƣơng diện chính trị của ngƣời Việt Nam thì chính phủ Việt Minh đã thất sách từ lúc đầu, chƣa gì đã đem áp dụng cái chủ nghĩa cộng sản một cách đƣờng đột quá, thành ra ở trong thì dân tình ta thán, mà ở ngoài thì không có ai muốn giúp đỡ. Trƣớc thì họ trông cậy ở nƣớc Nga và ở đảng cộng sản ở bên Pháp, sau thì nƣớc Nga vì xa cách không giúp đƣợc họ việc gì, đảng cộng sản bên Pháp thất thế, thành ra mình cô lập, thế bất đắc dĩ nên phải lập ra mặt trận kháng chiến. Chính phủ Việt Minh tuy biết lợi dụng cái lòng ái quốc của quốc dân và nhờ có sự tổ chức chu đáo và sự tuyên truyền khôn khéo, nhƣng vẫn không đủ sức để ngăn cản đƣợc sự tiến hành của quân địch. Cái chủ nghĩa cộng sản về đƣờng luận thuyết cũng có điều bảo thủ, nhƣ là muốn chữa những điều bất công trong xã hội, nhƣng về đƣờng kinh tế, thì lại áp chế quá, làm lắm điều hà khốc và dùng những thủ đoạn quỷ quyệt giả dối, khiến ngƣời ta mất lòng tin cậy. Ðem cái bất công bình nọ mà phá cái bất công bình kia thì dù có thắng lợi đi nữa, cũng không chắc đã vững bền.

Trong việc làm của Việt Minh cộng sản có hai điều trở ngại. Một là đem cái phƣơng sách hành động ở các nƣớc bạn Tây phƣơng sang thi hành ở Việt Nam, có nhiều điều không thích hợp với hoàn cảnh và tính tình của nhiều ngƣời trong nƣớc cho nên thành ra có nhiều chỗ trái ngƣợc. Ðó là một điều trở ngại khá lớn. Hai là vì cái vị trí nƣớc Việt Nam ở trong cái phạm vi Anh Mỹ theo cái hiện tình bây giờ, thế nào ngƣời ta cũng không để đất này thành cộng hóa. Chỉ trừ khi nào trống mái rõ rệt, thì thiên hạ hoặc là đều bị cộng hóa cả, hoặc là đều sống ở trong cái chế độ tƣ bản cả. Lúc ấy dù muốn hay không cũng chẳng làm gì đƣợc. Trong khi hai cái lý tƣởng còn đối lập, thì mình chƣa sao thoát khỏi cái thế lực của Anh Mỹ. Nhƣ vậy mình cố chấp muốn cộng hóa, thì tất là chỉ có phần thiệt hại mà thôi, chứ khó lòng thành công đƣợc.

Ðã hay rằng đảng cộng sản có cái tính cách tôn giáo, phải mê và tin, tin là chỉ có mình là phải, còn ngƣời ta là sai lầm hết cả, song những ngƣời làm chính trị có quan hệ đến vận mệnh một nƣớc, phải hiểu thời thế mà tùy cơ ứng biến. Theo ý tôi thì đó là chỗ những ngƣời cầm quyền trong đảng Việt Minh phải liệu mà hành động.

Dù hay dở thế nào mặc lòng, đảng Việt Minh đã có cái công lớn tổ chức đƣợc cuộc kháng chiến ấy mà nƣớc Pháp phải cho nƣớc Việt Nam đƣợc độc lập và thống nhất. Song trong cái tình thế quốc tế hiện thời, thì đảng Việt Minh chỉ làm đƣợc đến đấy thôi, không làm hơn đƣợc nữa. Nếu cố chấp muốn làm cho đƣợc nhƣ ý muốn thì chỉ làm khổ dân hại nƣớc mà không chắc đạt đƣợc cái ý của họ. Vả cái mục đích ấy định đi đến đâu ? Tại sao ngƣời mình đã phơi xƣơng đổ máu trong sáu bảy mƣơi năm trời từ khi có cuộc bảo hộ của nƣớc Pháp đến giờ ? Có phải là tại ngƣời mình muốn sống cái đời sống tự chủ của mình, chứ không làm nô lệ ai không ? Lẽ nào ta lại theo một cái lý tƣởng chƣa thực hiện đƣợc mà đem mình làm nô lệ một dân tộc khác. Dù ta có say mê một lý tƣởng nào nữa, thì cũng nên đi từ từ để cho thời gian dũa mòn bớt góc cạnh có thể gây ra nhiều đau khổ. Ðời chƣa đủ khổ hay sao, mà còn muốn gây thêm ra nữa.

Hiện nay đảng Việt Minh có nƣớc cờ đáng rất cao, là tự mình lui bƣớc đi, để cho đảng chân chính quốc gia đứng ra thực hiện sự độc lập và thống nhất của nƣớc nhà, rồi lập thành một chính thể theo đúng cái nghĩa dân chủ đang thịnh hành ngày nay. Cho các đảng phái đƣợc công nhiên lấy nghĩa lý mà tranh đấu trên trƣờng ngôn luận, nhƣng không đƣợc dùng võ lực mà tranh quyền cƣớp thế. Làm đƣợc nhƣ thế, tất nhiên là họ giúp cho nƣớc Việt Nam sẽ có cái địa vị rõ ràng trong quốc tế, không ai xâm phạm đƣợc nữa. Khi ấy mọi ngƣời trong nƣớc phải quả quyết đi vào con đƣờng kiến thiết, ai nấy đem hết tài lực của mình mà học tập và làm việc để đem nƣớc đến cái trình độ cƣờng thịnh nhƣ các nƣớc khác.

Cứ nhƣ thiển kiến của tôi, thì đó là cái phƣơng sách cứu nƣớc rất ngay thẳng và có phần mau chóng hơn cả, không biết các bậc cao minh trong nƣớc nghĩ sao ?

Tôi đem cái ý kiến ấy mà phô bày ra đây, là theo cái tình thế hiện thực mà nói, chứ không phải là một điều mơ tƣởng. Mà cũng không phải là tôi thiên vị chủ nghĩa nào, hay đảng phái nào, tôi đã nhứt quyết không mƣu cầu danh lợi gì hết, chỉ mong ngƣời trong nƣớc bỏ bớt cái lòng tƣ tâm tƣ lợi mà ra sức giúp cho nƣớc nhà chóng đƣợc yên ổn và thịnh vƣợng, để cùng với thế giới đi lên con đƣờng tiến bộ. Cũng bởi tấm lòng vì dân vì nƣớc ấy và thấy khi quốc gia gian nan, không lẽ ngồi nhìn, nên tôi tự biết mình đã già yếu kém cỏi không làm gì đƣợc, nhƣng ít ra cũng theo cái lƣơng tâm mà đem những sự tôi đã biết và đã thấy mà phô bầy ra, để mọi ngƣời suy xét cho đúng sự thực. Dù ai có bảo đó là lời nói của một anh hủ nho, tôi cũng cam tâm mà tự cho mình đối với cái tâm của mình đã làm hết bổn phận làm ngƣời vậy.

PHỤ LỤC

***Năm 1945, Vua Bảo Đại Định Mời Ai Làm Thủ Tướng:***

# *TRẦN TRỌNG KIM*

***hay***

# *NGÔ ĐÌNH DIỆM ?*

## *Trần Đông Phong*

Sau khi ngƣời Nhật lật đổ ngƣời Pháp tại Đông Dƣơng vào ngày 9 tháng 3 năm 1945, Vua Bảo Đại tuyên bố hủy bỏ nhƣợng hiệp ƣớc bất bình đẳng mà Triều Đình Nhà Nguyễn đã bị ép buộc phải ký kết với nƣớc Pháp hồi Thế Kỷ thứ 19 và lần đầu tiên kể từ khi bị ngƣời Pháp đô hộ, một vị Hoàng Đế Việt Nam độc quyền thành lập một chính phủ mà không hề bị sự chi phối hay chỉ thị nào của viên Khâm Sứ ngƣời Pháp tại Huế hoặc viên Toàn Quyền Đông Dƣơng tại Hà Nội.

Hơn một tháng sau ngày Nhật đảo chánh ngƣời Pháp, ngày 17 tháng 4 năm 1945, Hoàng Đế Bảo Đại đã tấn phong một Nội Các gồm tất cả là 11 ngƣời do Học Giả Trần Trọng Kim làm Thủ Tƣớng. Nội Các này là chính phủ độc lập đầu tiên của nƣớc Việt Nam, tuy nhiên lại rất là vắn số vì chỉ hơn 3 tháng sau thì Thủ Tƣớng Trần Trọng Kim từ chức rồi thì sau đó Hoàng Đế Bảo Đại cũng thoái vị.

Ngay từ hồi năm 1945 và cả cho đến sau này, có nhiều dƣ luận nói rằng Hoàng Đế Bảo Đại đã mời ông Ngô Đình Diệm làm Thủ Tƣớng nhƣng ông Diệm từ chối, do đó mà cuối cùng thì Vua Bảo Đại phải mời Cụ Trần Trọng Kim đảm nhiệm chức vụ này.

Trƣớc đây, Cựu Hoàng Bảo Đại không hề chính thức nói gì về vấn đề này và trƣớc năm 1963, khi còn sinh tiền, ông Ngô Đình Diệm cũng không bao giờ đề cập đến chuyện này một cách công khai, do đó mà việc ông Ngô Đình Diệm có từ chối lời mời của Vua Bảo Đại hay không vẫn còn có nhiều khúc mắc.

Vua Bảo Đại có mời ông Ngô Đình Diệm làm Thủ Tƣớng hay không ? Ông Ngô Đình Diệm có từ chối không nhận lời mời này hay không ? Đâu là sự thật ?

## *Bảo Đại: Có Mời Ông Diệm Hai Lần*

Muốn biết rõ sự thật về vấn đề này, thiết tƣởng ngƣời có đủ thẩm quyền hơn hết để trả lời cho câu hỏi này thì không ai khác hơn là chính ông Bảo Đại.

Trong suốt thời gian từ sau ngày tuyên bố thoái vị vào tháng 8 năm 1945 cho đến sau ngày bị Thủ Tƣớng Ngô Đình Diệm tổ chức một cuộc trƣng cầu dân ý để truất phế ông khỏi chức vụ Quốc Trƣởng của Quốc Gia Việt Nam vào ngày 23 tháng 10 năm 1955, ông Bảo Đại không hề tuyên bố điều gì về chuyện này. Tuy nhiên, 35 năm sau ngày bị truất phế, Cựu Hoàng Bảo Đại đã cho xuất bản một cuốn hồi ký mang tên là ‘’Con Rồng Việt Nam’’ vào năm 1990 trong đó ông có kể lại rất nhiều chuyện trong suốt thời gian ông làm Hoàng Đế trƣớc năm 1945 và làm Quốc Trƣởng cho đến năm 1955.

Trong cuốn hồi ký này, Cựu Hoàng Bảo Đại đã cho biết về chuyện có mời ông Ngô Đình Diệm làm Thủ Tƣớng hồi năm 1945 nhƣ sau:

‘’Sau ngày 9 tháng 3 năm 1945, chính phủ Pháp không còn nữa. Lính Nhật chiếm đóng hết các công sở. Không có phƣơng tiện giao thông liên lạc gì hết, tôi trở thành cô lập hoàn toàn với bên ngoài. Thế là tôi bị đặt trong tình trạng trống rỗng ghê gớm.

Những tin tức mà tôi thu lƣợm đƣợc về các nơi trong nƣớc lại còn mơ hồ hơn nữa. Chính viên Đại Sứ Yokoyama báo cho tôi biết sự bắt giam Đô Đốc Decoux và toàn bộ tham mƣu của Đô Đốc ở Sài Gòn.

Một số đồng bào tôi, từ nhiều tháng hay nhiều năm trƣớc, vẫn nhằm vào lá bài Nhựt Bản, bỗng sống trong những giờ phút huy hoàng. Không đếm xỉa đến tình hình quốc tế, vốn dạy ta điều thận trọng hơn, họ lao đầu thục mạng vào sự thâu đoạt đƣợc quốc gia, hoan hô sự giải phóng này do Nhựt đem cho.

‘’Vậy thì cần nhứt là phải nắm lấy số ngƣời này mà lèo lái họ nhƣ điều mà Đại Sứ Nhựt Yokoyama đã nói bóng gió trƣớc đây. Trong óc tôi, ngƣời tiêu biểu nhứt trong số này là Ngô Đình Diệm. Ông ta đang ở Sài Gòn. Tôi biết ông ta đang có liên lạc với ngƣời Nhựt và sự có mặt của ông ta sẽ giúp tôi mọi sự dễ dàng với nhà cầm quyền Nhựt. Tôi liền cho vời Đại Sứ Nhựt tới để nói cho biết ý định của tôi và yêu cầu Đại Sứ Nhựt làm mọi cách để Ngô Đình Diệm có thể tới Kinh Đô Huế gặp tôi ngay. Đại Sứ Yokoyama nhận lời và đoan kết với tôi là sẽ cố gắng tìm gặp ông ta. Ngày 19 tháng 3 năm 1945, tôi báo cho Phạm Quỳnh biết tôi sẽ tự tay đảm trách quyền lãnh đạo quốc gia. Ý thức đƣợc tình thế, Phạm Quỳnh liền đệ đơn xin từ chức tập thể của cả Nội Các.

‘’Ba tuần lễ trôi qua mà chẳng thấy tăm hơi Ngô Đình Diệm ở đâu. Trƣớc thúc giục ngày càng khẩn thiết của tôi, Đại Sứ Yokoyama trả lời là chƣa thể tìm thấy vị Thủ Tƣớng đƣợc chỉ định này. Sự chậm trễ làm tôi suy nghĩ. Ngƣời Nhựt rất thành thạo những sự kiện xảy ra ở Việt Nam. Cơ quan tình báo của họ rất đắc lực và họ biết chỗ và biết cách tìm thấy nhân vật này. Về sau tôi biết, qua lời nói của Đại Sứ Yokoyama là Ngô Đình Diệm không đƣợc cảm tình của chính phủ Nhựt.’’ (1)

Nhƣ vậy thì Cựu Hoàng Bảo Đại cho biết là ông đã nhờ Đại Sứ Yokoyama chuyển lời mời của ông đến ông Ngô Đình Diệm lúc đó đang sống ở Sài Gòn dƣới sự che chở của ngƣời Nhựt và ba tuần lễ sau đó thì lại thúc giục ông Đại Sứ Nhật thêm một lần nữa nhƣng vẫn không thấy tăm hơi ông Diệm. Sau cùng, vì không thể nào chờ đợi lâu hơn một lần nữa cho nên ông Bảo Đại đã mời ông Trần Trọng Kim, lúc đó đang có mặt ở Huế, làm Thủ Tƣớng.

## *Trần Trọng Kim: Nên Mời Ông Diệm*

Cụ Trần Trọng Kim là một Nhà Giáo, đã từng giữ chức vụ Thanh Tra Học Chánh Bắc Kỳ và đã về hƣu trí vào năm 1942. Ngoài công việc dạy học, Cụ Trần Trọng Kim còn là một Học Giả đƣợc nổi tiếng trên khắp nƣớc về đức độ và tài năng, nhất là trong các lãnh vực giáo dục, triết học, văn học và sử học...Những tác phẩm của Cụ còn để lại nhƣ bộ Việt Nam Sử Lƣợc, Nho Giáo, Đƣờng Thi v.v...rất đƣợc nổi tiếng không những trong nƣớc mà còn cả ở hải ngoại, không những từ trƣớc năm 1945 mà cho cả đến ngày nay.

Sau khi về hƣu trí thì vào cuối năm 1943, ngƣời Nhật báo tin cho Cụ biết rằng mật thám của ngƣời Pháp sắp sửa bắt Cụ và họ đã bí mật đƣa Cụ trốn vào Sài Gòn. Sau đó vào tháng Giêng năm 1944, ngƣời Nhật lại đƣa Cụ sang trú ẩn ở Singapore cùng với các Cụ Dƣơng Bá Trạc, Trần Văn Ân. Ít lâu sau đó, ngƣời Nhật đƣa Cụ sang Bangkok và đến cuối tháng 3 năm 1945 thì Cụ đƣợc đƣa về Sài Gòn.

Trần Trọng Kim không phải là một con ngƣời chính trị và cũng không hề đƣợc quen biết gì với Vua Bảo Đại, cho nên Cụ rất ngạc nghiên khi thấy tên Cụ trong số những ngƣời đƣợc Vua Bảo Đại mới về Huế để tham khảo ý kiến, huống hồ đƣợc mời làm Thủ Tƣớng.

Trong cuốn hồi ký **‘’Một Cơn Gió Bụi’’** Cụ Kim cho biết rằng vào cuối tháng 3 năm 1945 thì Cụ đƣợc đƣa bằng phi cơ từ Bangkok về Sài Gòn và đã đƣợc viên Trung Tƣớng Tham Mƣu Trƣởng Bộ Tƣ Lệnh Nhật Bản (chú thích của ngƣời viết: Theo Cụ Trần Quốc Anh, tác giả cuốn *‘’Ký Sự Đềnh Đoàng’’* thì viên Tƣớng này tên là Trung Tƣớng Kawamura) cho biết rằng:

‘’...ông Phạm Quỳnh và các ông Thƣợng Thƣ cũ đã từ chức cả rồi. Vua Bảo Đại điện mời những ngƣời này về Huế để hỏi ý kiến.

‘’Trung Tƣớng đƣa cho tôi xem tờ giấy kê tên những ngƣời ấy là ông Hoàng Trọng Phu, Vũ Ngọc Oánh, Trịnh Bá Bích, Hoàng Xuân Hãn, Cao Xuân Cẩm và tên tôi mà lại không thấy tên ông Ngô Đình Diệm. Tôi lấy làm lạ sao lại có tên tôi đứng vào đấy.

‘’Tôi nói với Trung Tƣớng rằng: Tôi không có hoạt động gì và không có phe, đảng nào cả. Gọi tôi về Huế không có lợi ích gì. Xin cho tôi ra Hà Nội thăm nhà và uống thuốc. Lúc ấy tôi còn đau, ngƣời gầy ốm, chỉ mong về nhà yên nghỉ, dƣỡng bệnh.

‘’Trung Tƣớng nói: Đó là ý của Vua Bảo Đại muốn hỏi ông về việc lập chính phủ mới, ông cứ ra Huế rồi sẽ biết. ’’

‘’Tôi thấy trong những ngƣời đƣợc gọi về Huế có tên ông Hoàng Xuân Hãn, tôi quen lâu, có thể rõ sự tình, vả lại ra Huế ra Hà Nội cũng một con đƣờng. Tôi bèn nhận lời ra Huế...’’

Cụ Trần Trọng Kim cho biết trong khi chờ đợi phƣơng tiện ra Huế bằng xe lửa. Cụ tạm trú tại nhà ông Tùng Hạ là Giám Đốc Dainan Koosi, tức là Đại Nam Công Ty và Cụ đã gặp ông Ngô Đình Diệm tại đó:

‘’Tôi nghĩ bụng ông Ngô Đình Diệm và ông Nguyễn Xuân Chữ là hai ngƣời Tƣ Lệnh Bộ Nhật đã chú ý lâu ngày và các ông ấy lại có tổ chức và đảng phái, sao ngƣời Nhật lại không nói gì hết ? Đang nghĩ ngợi nhƣ thế thì chợt thấy ông Diệm đến. Ấy là lần đầu tôi gặp mặt ông Diệm vì trƣớc tôi chỉ nghe nói thôi chứ không bao giờ gặp.

‘’ Ông Diệm hỏi tôi: Cụ mới về đây à ? Cụ có biết tin gì không ? Tôi đáp: Tôi mới về, chƣa biết gì cả, chắc có tin gì thì ông biết trƣớc tôi. Ngƣời Nhật lạ quá, họ chẳng cho chúng tôi biết gì cả. Tôi vừa thấy trong Tƣ Lệnh Bộ nói ở Huế các Bộ Thƣợng Thƣ đã từ chức rồi. Vua Bảo Đại gọi ông Hoàng Trọng Phu vào bàn việc lập chính phủ mới.

‘’ Ông Diệm nói: Thế à! Sao ngƣời Nhật không cho tôi biết ?

‘’Ngồi nói chuyện qua loa vài câu rồi ông Diệm đứng dậy nói: Tôi phải vào Tƣ Lệnh Bộ có chút việc, sáng sớm mai tôi lại về Vĩnh Long.’’ (2)

Cụ Trần Trọng Kim cho biết sau đó đến ngày 2 tháng 4 năm 1945, Cụ đã đƣợc ngƣời Nhật đƣa ra Huế bằng xe lửa và đã đƣợc yến kiến Vua Bảo Đại.

‘’Từ trƣớc tôi không biết Vua Bảo Đại là ngƣời nhƣ thế nào. Vì trong thời bảo hộ của nƣớc Pháp, hình nhƣ Ngài chán nản không làm gì cả, chỉ săn bắn và tập thể thao. Hôm 7 tháng 4 năm 1945, tôi vào yết kiến, thấy Ngài cò vẻ trang nghiêm và nói những điều rất đứng đắn. Ngài nói:

‘’Trƣớc kia nƣớc Pháp giữ quyền bảo hộ nƣớc ta, nay đã không giữ đƣợc nƣớc cho ta để quân Nhật đánh đổ, vậy những điều trong Hiệp Ƣớc 1884 không có hiệu quả nữa nên Bộ Thƣợng Thƣ đã tuyên hủy hiệp ƣớc ấy. Trẫm phải đứng vai chủ trƣơng việc nƣớc và lập chính phủ để đối phó mọi việc.’’

Tôi tâu rằng: ‘’Việc lập chính phủ, Ngài nên dùng ngƣời đã dự định từ trƣớc, nhƣ Ngô Đình Diệm chẳng hạn, để có tổ chức sẵn sàng. Tôi nay thì già yếu bệnh tật, phần thì không có đảng phái và không hoạt động về chính trị, tôi xin Ngài cho tôi về nghỉ.’’

Ngài nói: ‘’Trẫm có điện gọi cả Ngô Đình Diệm về, sao không thấy về ?’’

Tôi tâu: ‘’Khi tôi qua Sài Gòn, có gặp ông Ngô Đình Diệm và ông ấy bảo không thấy ngƣời Nhật nói gì cả. Vậy hoặc có sự gì sai lạc chăng ? Ngài cho điện lần nữa gọi ông ấy về. Còn tôi thì xin Ngài cho ra Bắc. ’’

Ngài nói: ‘’Vậy ông hãy ở đây nghỉ ít lâu, xem thế nào rồi hãy ra Bắc.’’

‘’Lúc ấy tôi mệt nhọc lắm và có mấy ngƣời nhƣ bọn\* ông Hoàng Xuân Hãn đều bảo tôi ở lại. Tôi chờ đến gần 10 ngày. Cách độ ba bốn hôm tôi lại đi hỏi ông Tối Cao Cố Vấn Nhật (Yokoyama) xem có tin tức gì về ông Diệm chƣa. Trƣớc thì cố vấn Nhật nói chƣa biết ông Diệm ở đâu, sau nói ông Diệm đau chƣa về đƣợc. Đó là lời Tối Cao Cố Vấn chứ tự ông Diệm không có điện riêng xác định lại.

‘’Vua Bảo Đại thấy tình thế kéo dài mãi cũng sốt ruột, triệu tôi vào bảo tôi chịu khó lập chính phủ mới. Ngài nói:

‘’Trƣớc kia ngƣời mình chƣa độc lập. Nay có cơ hội, tuy chƣa phải độc lập hẳn, nhƣng mình cũng phải tỏ ra có đủ tƣ cách để độc lập. Nếu không có chính phủ thì ngƣời Nhật bảo

mình bất lực, tất họ lập cách cai trị theo thể nhà binh (quân phiện) rất có hại cho nƣớc ta. Vậy ông nên vì nghĩa vụ cố lập một chính phủ để lo việc nƣớc.’’

‘’Tôi thấy Vua Bảo Đại thông minh và am hiểu tình thế, liền tâu rằng: Nếu vì quyền lợi riêng, tôi không dám nhận chức vụ gì cả, song Ngài nói vì nghĩa vụ đối với nƣớc, thì dù sao tôi cũng cố hết sức. Vậy tôi xin Ngài cho tôi vài ngày để tôi tìm ngƣời, hễ có thể đƣợc tôi xin tâu lại...’’ (3)

Ngày 17 tháng 4 năm 1945, Cụ Trần Trọng Kim đã trình lên Vua Bảo Đại một Nội Các gồm có 11 ngƣời:

* + Trần Trọng Kim, Giáo Sƣ : Nội Các Tổng Trƣởng (Thủ Tƣớng)
  + Trần Đình Nam, Y Sĩ: Nội Vụ Bộ Trƣởng.
  + Trần Văn Chƣơng, Luật Sƣ: Ngoại Giao Bộ Trƣởng.
  + Trịnh Đình Thảo, Luật Sƣ: Tƣ Pháp Bộ Trƣởng.
  + Hoàng Xuân Hãn, Toán Học Thạc Sĩ: Giáo Dục và Mỹ Nghệ Bộ Trƣởng.
  + Vũ Văn Hiền, Luật Sƣ: Tài Chánh Bộ Trƣởng.
  + Phan Anh, Luật Sƣ: Thanh Niên Bộ Trƣởng.
  + Lƣu Văn Lang, Kỹ Sƣ: Công Chính Bộ Trƣởng.
  + Vũ Ngọc Anh, Y Khoa Bác Sĩ: Y Tế Bộ Trƣởng.
  + Hồ Tá Khanh, Y Khoa Bác Sĩ: Kinh Tế Bộ Trƣởng.
  + Nguyễn Hữu Thi, Cựu Y Sĩ: Tiếp Tế Bộ Trƣởng.

Chính phủ Trần Trọng Kim là chính phủ đầu tiên của nƣớc Việt Nam độc lập và đã quy tụ đƣợc những bậc nhân tài đƣợc xem là nổi tiếng và có nhiều uy tín nhất vào thời đó.

Nhƣ vậy thì theo Cụ Trần Trọng Kim, khi đƣợc Vua Bảo Đại mời làm Thủ Tƣớng, Cụ viện cớ tuổi già sức yếu và không hoạt động về chính trị cho nên đã đề nghị với Nhà Vua nên mời ông Ngô Đình Diệm. Vua Bảo Đại cho biết đã đánh điện mời ông Diệm về Huế và Cố Vấn Tối Cao của Nhật là ông Đại Sứ Masayuki Yokoyama cũng cho biết lần đầu rằng chƣa biết ông Diệm ở đâu và lần thứ nhì thì nói rằng ông Diệm bị đau chƣa về đƣợc. Vì đợi mãi cũng không thấy ông Diệm về cho nên Vua Bảo Đại sốt ruột và một lần nữa lại yêu cầu Cụ đứng ra thành lập chính phủ để lo việc nƣớc và cuối cùng thì vì nghĩa vụ Cụ phải nhận lời đứng ra thành lập chính phủ.

Nhận xét về việc ngƣời Nhật không sốt sắng tìm ông Ngô Đình Diệm để đƣa về Huế thành lập chính phủ, nhƣ đã nói ở đoạn trên, ông Bảo Đại cho biết rằng:

‘’Về sau tôi biết, qua lời nói của Đại Sứ Yokoyama, là Ngô Đình Diệm không đƣợc cảm tình của chính phủ Nhựt.’’

Cụ Trần Trọng Kim thì cũng có nhận xét về chuyện đó nhƣ sau:

‘’Cho đến ngày nay, tôi vẫn chƣa hiểu rõ tại sao bọn ông Diệm là ngƣời của Cƣờng Để ủy quyền cho tổ chức việc lập chính phủ khi có đảo chánh ở Đông Dƣơng và lại có một số ngƣời Nhật Bản ủng hộ mà chính phủ Nhật lại bỏ rơi. Chỉ có một cách giải thích cái thái độ ấy là những ngƣời Nhật cầm quyền lúc đó, sau khi đánh quân Pháp rồi họ sợ đem Cƣờng Để về thì có điều bất tiện, để Vua Bảo Đại thì về đƣờng chính trị lại có lợi hơn. Đã không dùng quân cờ Cƣờng Để thì tất nhiên phải để bọn ông Diệm ra ngoài cuộc. Đó là theo ý tôi hiểu, còn lẽ gì khác nữa thì tôi không biết...’’ (4)

## *Ông Ngô Đình Diệm*

Vào năm 1945, ông Ngô Đình Diệm là một nhân vật nhƣ thế nào mà lại đƣợc Học Giả Trần Trọng Kim mấy lần tiến cử với Vua Bảo Đại để làm Thủ Tƣớng, là một nhân vật nhƣ thế nào mà lại đƣợc Vua Bảo Đại hai lần nhờ ngƣời Nhật đi tìm đƣa về Huế để đảm nhận chức vụ Thủ Tƣớng và là một nhân vật nhƣ thế nào mà ngƣời Nhật lại không muốn đƣa ông về Huế để làm Thủ Tƣớng ?

Ông Ngô Đình Diệm là con của Thƣợng Thƣ Ngô Đình Khả, ngƣời đƣợc dân chúng rất kính trọng vì đã chống lại việc ngƣời Pháp truất phế và đày Vua Thành Thái sang đảo Réinion qua câu vè: ‘’Đày Vua không Khả, đào mả không Bài’’ Theo Sử Gia Phạm Văn Sơn trong cuốn *‘’Việt Sử Toàn Thư’’* xuất bản tại Sài Gòn vào năm 1960 thì ‘’...Màn cuối triều đại Thành Thái đã kết thúc ở việc các Quan vào lạy Nhà Vua và đệ trình một tờ biểu yêu cầu Ngài thoái vị. Tờ biểu này đã có đầy đủ chữ ký của họ. Riêng ông Ngô Đình Khả không chịu ký vào tờ biểu mặc dù có sự đe dọa của Pháp và bè lũ vong nô, cho nên sau này từ cửa miệng Sĩ Phu Trung Phần có câu: ‘’Phế Vua không Khả’’

Ông Ngô Đình Diệm sinh năm 1901 tại Huế, tốt nghiệp Trƣờng Hậu Bổ (tƣơng tự nhƣ Trƣờng Hành Chánh) vào năm 1922, sau đó đƣợc giữ những chức vụ nhƣ Tri Huyện, Tri Phủ (Quận Trƣởng), Quản Đạo Đà Lạt và Tuần Vũ Ninh Thuận (tƣơng đƣơng với chức vụ Tỉnh Trƣởng) và đến năm 1933 đƣợc bổ nhiệm làm Thƣợng Thƣ Bộ Lại, tức là ngƣời đứng đầu Lục Bộ, tƣơng đƣơng với chức vụ Thủ Tƣớng thời đó của Triều Đình Nhà Nguyễn. Nhƣng chỉ có mấy tháng sau ông đã từ chức lui về để phản đối thực dân Pháp đã không chịu thi hành đúng theo tinh thần của bản Hiệp định Patenôtre ký kết với Triều Đình Huế vào năm 1884, nhờ đó ông đã đƣợc cảm tình của đa số quần chúng, nhất là tại Miền Trung và Miền Bắc.

Theo dƣ luận hồi đó thì một thời gian trƣớc ngày ngƣời Nhật đảo chánh, vào khoảng giữa năm 1944, mật thám (công an) của ngƣời Pháp ở Huế dự định bắt giam ông Ngô Đình Diệm, tuy nhiên Hiến Binh (công an) của ngƣời Nhật biết đƣợc tin đó cho nên đã cứu ông Diệm và đƣa ông vào Đà Nẵng bằng xe hơi rồi sau đó bí mật dƣa ông vào ẩn náu tại Sài Gòn và Vĩnh Long (5). Tuy nhiên theo Cụ Trần Quốc Anh, một nhân vật có rất nhiều liên hệ với Vua Bảo Đại, Thƣợng Thƣ Phạm Quỳnh, Hoàng Thân Vĩnh Cẩn, ông Ngô Đình Diệm, Giáo Sƣ Hoàng Xuân Hãn, một số các nhà cách mạng Việt Nam hồi đó nhƣ ông Trần Văn Ân, Cụ Trần Trọng Kim v.v...và cả ngƣời Nhật, sau năm 1945 đi theo kháng chiến chống Pháp, thì chuyện ông Ngô Đình Diệm bị mật thám định bắt giữ lại chỉ là một âm mƣu của ngƣời Nhật:

‘’Tôi theo dõi hoạt động của Lãnh Sự Nhật và Hiến Binh Nhật ở Huế thì hai cơ quan này thúc giục ông Ngô Đình Diệm phải đi ngay vào Sài Gòn để đợi thời cơ, nhƣng hình nhƣ ông Diệm vẫn ngần ngại không dám đi cho nên Hiến Binh Nhật mới giả tạo một vụ Liêm Phóng Pháp vây bắt Diệm.

‘’Hôm ấy, hình nhƣ vào ngày12 hay 13 tháng 7 năm 1944, vào buổi trƣa, mấy tên tình báo của Nhật giả làm nhân viên Liêm Phóng Pháp vây quanh nhà Diệm và bắn vào mấy phát súng sáu, thế là ông Diệm vội vàng quàng áo dài trắng chạy sang nhà Ishida. Sau này ngƣời không biết sự thật cứ cho rằng Liêm Phóng Pháp vây bắt Ngô Đình Diệm chứ thật ra Hiến Binh Nhật giả tạo cuộc vây bắt để ông Diệm sợ mà trốn vào Sài Gòn vì Hiến Binh Nhật sửa soạn lá bài Ngô Đình Diệm thay thế Bảo Đại. Liền xế trƣa hôm ấy, xe Hiến Binh Nhật trùm kín đƣa ông Diệm vào Touranne (Đà Nẵng) rồi sau đƣa vào Sài Gòn. Đến Sài Gòn ở chung phòng với Kuga và Cụ Nguyễn Xuân Chữ. Nhƣng ông Diệm không hề biết việc đƣợc đƣa vào Sài Gòn là để cho cơ quan Ngoại Giao và Hiến Binh Nhật yên trí về lá bài Ngô Đình Diệm.

‘’Nhật muốn dùng Ngô Đình Diệm nhƣ Uông Tinh Vệ bên Trung Hoa và Vua Pu Yi (Phổ Nghi) bên Mãn Châu làm bù nhìn cho chính sách cai trị của Nhật...

‘’Ngô Đình Diệm ở đó cho đến sau ngày 9 tháng 3 năm 1945 để đợi điện văn mời ra lãnh đạo và mãi cho đến khi Nội Các Trần Trọng Kim thành lập xong thì Bộ Tổng Tƣ Lệnh Nhật mới để cho ông Diệm đƣợc tự do muốn đi đâu thì đi...’’ (6)

Sau khi Nhật Bản đảo chánh ngƣời Pháp vào ngày 9 tháng 3 năm 1945, Vua Bảo Đại dự định mời ông Ngô Đình Diệm làm Thủ Tƣớng nhƣng lúc bấy giờ ông Diệm đang bị kẹt ở Sài Gòn. Lúc bấy giờ tình thế đang ở vào giai đoạn cuối cùng của trận Đệ Nhị Thế Chiến, Hoa Kỳ đang gia tăng các hoạt động quân sự chống lại quân Nhật tại Á Châu nhất là dùng phi cơ oanh tạc các nơi đồn trú cũng nhƣ là các trục lộ và phƣơng tiện giao thông trong đó có cả Đông Dƣơng do ngƣời Nhật chiếm đóng, vì vậy sự liên lạc bằng đƣờng bộ giữa Hà Nội, Huế và Sài Gòn vô cùng khó khăn, ngay đến cả Vua Bảo Đại cũng không có đủ phƣơng tiện để

liên lạc với các địa phƣơng, do đó mà Nhà Vua đã phải nhờ đến Đại Sứ Nhật Yokoyama chuyển thƣ mời ông Ngô Đình Diệm về Huế để làm Thủ Tƣớng vì chỉ có ngƣời Nhật mới có máy bay và máy vô tuyến điện để liên lạc mà thôi.

Đại Sứ Yokoyama đã nhận lời nhƣng hai lần Vua Bảo Đại yêu cầu mà ông Ngô Đình Diệm, lúc đó đang ở Sài Gòn, lúc đó vẫn thƣờng lui tới thƣờng xuyên tại văn phòng của ông Tùng Hạ, Giám Đốc Công Ty Dainan Koosi mà ai cũng đều biết đó là cơ sở của tình báo Hải Quân Hoàng Gia Nhật tại Việt Nam, lại không hề nhận đƣợc lời mời của ông Bảo Đại.

Đại Sứ Yokoyama có tìm cách chuyển thƣ của Vua Bảo Đại mời ông Ngô Đình Diệm hay không ? Sau này, Giáo Sƣ Hoàng Xuân Hãn cho biết ông Đại Sứ Nhật Jean Marie Yokoyama tuy là ngƣời Nhật nhƣng nói tiếng Pháp nhƣ là ngƣời Pháp và có vợ là ngƣời Thụy Sĩ, ông là một Nhà Ngoại Giao chuyên nghiệp và rất trọng chữ tín, tuy nhiên vào thời gian đó thì quyền hành thực sự lại nằm trong tay viên Tƣớng Tổng Tƣ Lệnh Quân Đội Nhật ở Đông Dƣơng cho nên dù ông Yokoyama có thật tâm muốn chuyển thƣ cho ông Diệm nhƣng mà ông lại phải nhờ đến quân đội để làm việc đó, do đó việc bức thơ này có đƣợc chuyển đi hay không đều do quân đội Nhật quyết định.

Theo ông Nguyễn Trân, một đồng chí của ông Ngô Đình Diệm vào thời đó, thì không những Vua Bảo Đại chỉ mới ông Ngô Đình Diệm hai lần mà đến những ba lần:

‘’Với việc ông trả ấn từ quan, ông Ngô Đình Diệm gây một tiếng vang lớn trong giới Sĩ Phu trong nƣớc, khi mà các bậc tiền bối cách mạng nhƣ hai Cụ Phan Chu Trinh và Phan Bội Châu lần lƣợt khuất bóng. Nhiều ngƣời theo ông Ngô Đình Diệm và bị Pháp bắt...

‘’Sau cuộc đảo chánh (ngày 9 tháng 3 năm 1945), Bảo Đại ba lần đánh điện vào Sài Gòn mời ‘’Chí Sĩ Ngô Đình Diệm’’ về Huế lập Nội Các, hai lần trƣớc khi Nội Các Trần Trọng Kim đƣợc thành lập và một lần sau khi Nội Các ấy từ chức vào cuối tháng 7 năm 1945. Nhƣng các điện tín ấy không đƣợc ngƣời Nhật trao lại cho ông Diệm.’’ (7)

Tại sao ngƣời Nhật lại cố tính không muốn chuyển lời mời của Vua Bảo Đại và không chịu đƣa ông Ngô Đình Diệm từ Sài Gòn về Huế để đảm nhận chức vụ Thủ Tƣớng ?

Hồi đó chƣa có ai tìm đƣợc câu trả lời, tuy nhiên mấy chục năm sau thì mới có ngƣời nói rõ về chuyện này, đó là Giáo Sƣ Hoàng Xuân Hãm, Cựu Bộ Trƣởng Giáo Dục và Mỹ Thuật trong Nội Các Trần Trọng Kim.

## *Thạc Sĩ Hoàng Xuân Hãn*

Giáo Sƣ Hoàng Xuân Hãn là một nhà đại trí thức, một bậc đại nhân tài của nƣớc Việt Nam thời tiền bán thế kỷ thứ 20 và có thể nói tất cả những thế hệ ngƣời Việt Nam sinh từ năm 1930 trở về sau đều không ít thì nhiều chịu ảnh hƣởng của Nhà Học Giả này vì tất cả những ngƣời đó đều theo học những chƣơng trình bậc Trung Học phát xuất từ *‘’Chương Trình Hoàng Xuân Hãn’’*. Chƣơng trình này đã đƣợc soạn thảo dƣới sự hƣớng dẫn của Giáo Sƣ Thạc Sĩ Hoàng Xuân Hãn, Bộ Trƣởng Bộ Giáo Dục và Mỹ Thuật kiêm Chủ Tịch Hội Đồng Cải Cách Giáo Dục trong Nội Các Trần Trọng Kim vào năm 1945 cùng với một nhóm các nhà trí thức và giáo dục thời đó nhƣ các Giáo Sƣ Phạm Đình Ái, Nguyễn Thúc Hào, Nguyễn Dƣơng Đôn (Toán), Nguyễn Huy Bảo, Linh Mục Nguyễn Văn Hiền (Triết Học), Tạ Quang Bửu (Vật Lý), Ƣng Quả (Pháp Văn), Hà Thúc Chính (Anh Văn), Ngô Đình Nhu (Sử Địa), Hoài Thanh, Đào Duy Anh (Việt Văn), Lê Văn Căn, Nguyễn Hữu Quán (Vạn Vật) v.v...

Đặc điểm của Chƣơng Trình Hoàng Xuân Hãn là đã dùng tiếng Việt làm chuyển ngữ thay cho tiếng Pháp từ hơn nửa thế kỷ qua và đồng thời cũng thêm vào một số môn học mới nhƣ Kinh Tế Học, Triết Học, Hán Tự và nhất là Lịch Sử Việt Nam...

Ngay cả sau khi chính phủ Trần Trọng Kim không còn tồn tại nữa, Chƣơng Trình Hoàng Xuân Hãn vẫn còn đƣợc áp dụng trong toàn quốc. Giáo Sƣ Phạm Đình Ái, sau này là Thƣợng Nghị Sĩ dƣới thời Đệ Nhị Cộng Hòa và hồi năm 1946 cũng là Giám Đốc Học Chánh Trung Bộ thời kháng chiến của Việt Minh, cho biết rằng vào thời đó, tất cả các Trƣờng Trung Học trong vùng kháng chiến đều đƣợc dạy theo Chƣơng Trình Hoàng Xuân Hãn.

Trong vùng do Chính Phủ Quốc Gia Việt Nam kiểm soát thì cũng áp dụng chƣơng trình đó. Ngƣời viết có một thời đƣợc may mắn phục vụ dƣới quyền Bác Sĩ Phan Huy Quát, vào năm 1949 ông là vị Tổng Trƣởng Bộ Quốc Gia Giáo Dục trong chính phủ Nguyễn Văn Xuân. Có lần ngƣời viết đã hỏi Bác Sĩ Quát về chính sách giáo dục hồi đó thì đƣợc ông cho biết rằng khi nhận lời mời làm Tổng Trƣởng Bộ Giáo Dục, ông đã đƣợc Quốc Trƣởng Bảo Đại chỉ thị phải *‘’Việt Nam hóa chương trình giáo dục’’* và do đó ông đã lấy đƣợc chƣơng trình Hoàng Xuân Hãn làm căn bản cho chƣơng trình giảng dạy bậc Trung Học. Tuy chƣơng trình này về sau cũng có một vài thay đổi tại Miền Nam Việt Nam, nhƣng trên căn bản thì những nguyên tắc và yếu tố chính thì vẫn không có gì thay đổi mấy.

Theo Nguyễn Q. Thắng, tác giả cuốn sách ‘’Khoa Cử và Giáo Dục Việt Nam’’ do Văn Hóa xuất bản tại Hà Nội vào năm 1994 thì ‘’Điều này cũng đƣợc Bác Sĩ Phan Huy Quát (Cựu Bộ Trƣởng Giáo Dục chế độ Sài Gòn) khẳng định: ‘’Chƣơng Trình Trung Học năm 1949 vẫn còn giữ căn bản khoa học nhƣ chƣơng trình Hoàng Xuân Hãn. Phần Toán, Lý Hóa đƣợc giảm nhẹ để thêm phần Công Dân Giáo Dục và Ngoại Ngữ... (Thƣ riêng của Bác Sĩ Phan huy Quát)’’*.*

Ông Hoàng Xuân Hãn sinh năm 1908 tại Làng Yên Hồ, Huyện La Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh, cùng quê với Cụ Nguyễn Thiếp tức La Sơn Phu Tử, do đó ông đã lấy tên hiệu là *‘’La Sơn Yên Hồ’’*. Lúc thiếu thời, ông Hoàng Xuân Hãn học chữ Hán và chữ Quốc Ngữ trong gia đình, sau đó theo học Trƣờng Trung Học Vinh rồi Trƣờng Bƣởi ở Hà Nội. Ông đậu bằng Tú Tài 2 Ban Toán của ngƣời Pháp vào năm 1928 rồi sang Pháp và thi đậu vào cả hai trƣờng đƣợc xem nhƣ là ƣu tú nhất của nƣớc Pháp là Trƣờng Cao Đẳng Sƣ Phạm (École Normale Supèrieure, rue d’Ulm) và Trƣờng Bách Khoa (École Polytechnique.) Ông chọn theo học Trƣờng Polytechnique và là sinh viên ngƣời Việt Nam thứ nhì đƣợc trúng tuyển vào học Trƣờng này, ngƣời thứ nhất là ông Nguyễn Văn Xuân, tốt nghiệp Trƣờng Polytechnique khoảng thập niên 1910, sau này là vị Thủ Tƣớng của Chính Phủ Quốc Gia Việt Nam đầu tiên thời Quốc Trƣởng Bảo Đại.

Năm 1932, ông thi vào Trƣờng Kỹ Sƣ Cầu Cống (École des Ponts et Chaussées) và đậu bằng Kỹ Sƣ vào năm 1934. Năm 1935, ông lại học thêm về Toán và đậu Cử Nhân rồi đến năm 1936 thì đậu bằng Thạc Sĩ Toán Học và sau đó về nƣớc dạy học tại Trƣờng Bƣởi tức là Trƣờng Trung Học Chu Văn An sau này tại Hà Nội...

Năm 1945, ông tham gia vào Chính Phủ Trần Trọng Kim với chức vụ Bộ Trƣởng Giáo Dục và Mỹ Thuật tuy nhiên sang năm 1946 thì tuy có đƣợc mời tham gia chính phủ liên hiệp của Hồ chí Minh nhƣng ông từ chối. Đến năm 1951, vì nghe tin ngƣời Pháp tại Hà Nội dự định bắt giam, ông đã sang Pháp làm việc về nghiên cứu trong các Ngành Khoa Học, Văn Hóa, Văn Chƣơng và nhất là Sử Học cho đến khi qua đời tại Paris vào năm 1996, ông đã để lại trên 50 tác phẩm vô cùng giá trị.

Giáo Sƣ Hoàng Xuân Hãn là ngƣời duy nhất trong Chính Phủ Trần Trọng Kim có quen biết rất thân thiết với Vua Bảo Đại, đã có mặt tại Huế trƣớc ngày Cụ Trần Trọng Kim nhận lời thành lập chính phủ, có quen biết với các ông Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu và Ngô Đình Luyện, lại cũng có tiếp xúc nhiều với ngƣời Nhật cho nên ông là một trong những nhân chứng sống thời sau ngày 9 tháng 3 năm 1945.

Giáo Sƣ Hoàng Xuân Hãn là một Nhà Giáo Dục, một Nhà Khoa Học và cũng là một Nhà Sử Học, do đó ông có quan niệm rất khách quan trong việc diễn giải cũng nhƣ là phê bình về các nhân vật lịch sử, Trong bài Tựa viết cho cuốn sách ***‘’Những Hoạt Động của Phan Chu Trinh tại Pháp 1911-1925’’*** của Tiến Sĩ Sử Học Thu Trang, Giáo Sƣ Hoàng Xuân Hãn đã viết: ‘’Muốn phê bình một cách vô tƣ một nhân vật vì công tâm mà hành động, thì phải xét họ trong bối cảnh đƣơng thời và so kiến thức họ với kiến thức chung quanh, rồi đoán trong hoàn cảnh và với kiến thức ấy, hành động nhƣ họ có thể thành công hay không, hay là với tƣ tƣởng khác đƣơng thời có thể làm hơn thế chăng?’’ (8)

Là một nhân chứng, một Nhà Khoa Học, một Nhà Văn Hóa, một Nhà Sử Học, Giáo Sƣ Hoàng Xuân Hãn là một ngƣời rất đáng đƣợc tin cậy khi ông kể lại một vài sự kiện lịch sử thời 1945 và một trong những sự kiện đó là chuyện Vua Bảo Đại có mời ông Ngô Đình Diệm làm Thủ Tƣớng hay không.

## *Giáo Sư Hoàng Xuân Hãn: Người Nhật Không Muốn Ông Diệm Làm Thủ Tướng*

Tuy ngƣời Nhật ủng hộ ông Diệm, tuy tình báo Nhật giúp cho ông Diệm tránh khỏi bị ngƣời Pháp bắt giữ, tuy ông Diệm là ngƣời ủng hộ Kỳ Ngoại Hầu Cƣờng Để là ngƣời đang sống ở Nhật Bản, nhƣng dƣờng nhƣ ngƣời Nhật ở Đông Dƣơng lại có ý e ngại về ông Diệm, cho nên họ đã đƣa Cụ Trần Trọng Kim đang tỵ nạn ở Singapore qua Bangkok, về Sài Gòn rồi về Huế để giữ chức vụ Thủ Tƣớng đầu tiên của nƣớc Việt Nam sau khi Nhật đảo chánh ngƣời Pháp vào ngày 9 tháng 3 năm 1945.

Trong cuốn ***‘’Nói Chuyện Với Hoàng Xuân Hãn Và Tạ Trọng Hiệp’’*** của Thụy Khuê do Nhà xuất bản Văn Nghệ ấn hành năm 2002, Giáo Sƣ Hoàng Xuân Hãn, Cựu Bộ Trƣởng Giáo Dục trong Nội Các Trần Trọng Kim năm 1945, có tiết lộ nhiều chi tiết liên quan đến việc này.

Giáo Sƣ Hoàng Xuân Hãn cho biết ông là bạn của Vua Bảo Đại hồi cả hai ngƣời còn học ở bên Pháp và có quen biết với cả Cụ Trần Trọng Kim lẫn ông Ngô Đình Diệm. Vào tháng 3 năm 1945, sau khi ngƣời nhật đảo chánh ngƣời Pháp thì ông Hoàng Xuân Hãn đƣợc Vua Bảo Đại mời từ Hà Nội vào Huế để Nhà Vua tham khảo ý kiến và ông đã đƣợc mời ở lại ngay trong Hoàng Cung.

Giáo Sƣ Hoàng Xuân Hãn nói rằng khi đƣợc mời về Huế để hỏi ý kiến thì dƣờng nhƣ tất cả mọi ngƣời, kể cả ông Hãn, ai cũng đều khuyên Vua Bảo Đại nên mời ông Ngô Đình Diệm:

‘’Cái vai trò thì lúc mà làm chính phủ, chúng tôi cũng đã bàn với nhau nhiều lắm, bởi vì tôi nói thực, Cụ Kim lúc mà nhận lời rồi. Đầu hết Cụ không nhận đâu. Ai cũng khuyên Bảo Đại là mời Ngô Đình Diệm vào. Ngô Đình Diệm đƣợc Nhật nó che chở từ trƣớc, mà cũng nhiều ngƣời ở Huế họ theo. Hai nữa là làm việc lúc bấy giờ mà có Nhật nó bằng lòng thì mới làm việc đƣợc. Chứ không, nếu mà nó phá thì cũng khó lắm. Cho nên Cụ Kim nói với ông Bảo Đại rằng là Cụ không có thể nhận đƣợc. ‘’Đối với tôi, đối với Hãn này, Cụ vào nói với ông Bảo Đại thế, cứ đƣa Ngô Đình Diệm về rồi thì Ngô Đình Diệm lấy ngƣời của ông ta để làm việc.’’ Nhƣng sau ông Diệm không về...’’

Theo Giáo Sƣ Hoàng Xuân Hãn thì Vua Bảo Đại cũng có ý muốn mời ông Ngô Đình Diệm làm Thủ Tƣớng và đã có viết thƣ mời ông Diệm về Huế, tuy nhiên Cụ Trần Trọng Kim lại nói cho ông Hãn biết rằng Cụ mới gặp ông Diệm ở văn phòng Đại Nam Công Ty (Dainan Koosi: Tình báo của Hải Quân Nhật) tại Sài Gòn trƣớc khi Cụ ra Huế: ‘’Cụ Kim nói rằng ông Ngô Đình Diệm hỏi ‘’Cụ đi đâu đấy ?’’ thì Cụ trả lời rằng: ‘’Tôi về Huế vì có giấy của ông Bảo Đại mời về để hỏi ý kiến.’’ Rồi Cụ Kim hỏi lại ông Diệm ‘’ Ông không nhận đƣợc giấy của ông Bảo Đại mời sao ?’’ thì ông Diệm trả lời ‘’Không. Không ai mời cả!’’ Ông Hoàng Xuân Hãn nói rằng ông Diệm không nhận đƣợc giấy mời ‘’chứ không phải mới mà ông ấy không về. Ông lấy làm ngạc nhiên và có ý không bằng lòng: Sao mới Cụ Kim và các ngƣời khác mà không mới ông ấy!’’

Cụ Trần Trọng Kim cũng lấy làm ngạc nhiên vì Vua Bảo Đại mời nhiều ngƣời mà lại không mời ông Diệm và ông Hoàng Xuân Hãn thì lại càng ngạc nhiên hơn vì Vua Bảo Đại nói với ông rằng Nhà Vua đã gởi thƣ mời ông Diệm.

Lúc bấy giờ ngƣời Nhật đã cử ông Jean Marie Yokoyama Masayuki làm Conseiller Supérieur (Cố Vấn Tối Cao), nhƣ là Đại Sứ, với chức vụ là Cố Vấn của Bảo Đại, thực ra thì chức vụ của ông Yokoyama chỉ là một thứ ‘’khâm sứ’’ mới của ngƣời Nhật thay cho viên khâm sứ ngƣời Pháp trƣớc đây mà thôi.

Sau khi nghe ông Hoàng Xuân Hãn kể lại việc ông Ngô Đình Diệm nói là không hề nhận đƣợc giấy mời của Vua Bảo Đại thì ông Bảo Đại rất ngạc nhiên vì Nhà Vua đã nhờ ông Yokoyama chuyển thƣ mới đến ông Ngô Đình Diệm, lúc đó đang đƣợc ngƣời Nhật bảo vệ. Khi Vua Bảo Đại hỏi ông Yokoyama về việc đó thì ông Yokoyama trả lời rằng ông ấy đã nhờ Quân Đội Nhật chuyển thƣ cho ông Diệm đang ở Sài Gòn. Sau đó, Vua Bảo Đại lại nhờ ông Yokoyama lại nhờ Quân Đội Nhật để chuyển thƣ này. Hai ngày sau thì đại diện của Quân Đội Nhật đến gặp Vua Bảo Đại và nói với Nhà Vua là ông Ngô Đình Diệm nhờ họ trả lời rằng ‘’*ông bị bệnh, không thể về Huế được’’*

Giáo Sƣ Hoàng Xuân Hãn cho biết về việc Vua Bảo Đại nhờ Đại Sứ Yokoyama chuyển thƣ mời ông Ngô Đình Diệm nhƣ sau: ‘’Ông Bảo Đại hỏi ông Yokoyama việc ấy nhƣ thế nào. Ông Yokoyama nói có chuyển thƣ cho ông Diệm, nhờ binh đội Nhật chuyển cho ông Diệm, nhƣng không thể biết gì hơn nữa.

‘’Rồi đến cái thƣ thứ hai mời về làm Thủ Tƣớng, chúng tôi cũng đƣa cho bộ đội Nhật nhờ họ chuyển cho. Không biết ông Diệm trả lời thế nào. Nhƣng đƣợc hai ngày thì có thƣ trả lời. Nhà binh Nhật đến nói: ‘’Ông Diệm nhờ họ trả lời rằng ông ốm, ông đau không về đƣợc. Thế thôi.’’

Giáo Sƣ Hoàng Xuân Hãn nói thêm rằng Vua Bảo Đại cuống lên và vì Cụ Trần Trọng Kim đang ở Huế cho nên ông đã ‘’níu lấy Cụ Kim: Bây giờ có Cụ ở đây và Cụ là ngƣời nhiều tuổi hơn cả. Cụ lại có tiếng từ trƣớc tới giờ, ai cũng trọng Cụ, vậy thì Cụ tạm lập cho cái Nội Các.’’ Cụ Kim do dự sau rồi Cụ hỏi ý tôi. Lúc ấy các anh kia đi vắng cả, chỉ có mình tôi và Cụ ở Huế. Tôi khuyên Cụ: ‘’Cái chuyện bất đắc dĩ thì Cụ cũng phải nhận chứ không thể bỏ rơi nhƣ thế. Hai nữa, ông Bảo Đại có nói Cụ cũng nhƣ mấy ngƣời quốc gia, các anh cứ đòi độc lập, bây giờ Nhật nó cho các anh độc lập thì cứ tuyên bố độc lập, rồi sau này nó ủng hộ. Mình không làm cái gì thì rồi nó coi mình ra cái gì, ra sao ?’’ Đến lúc đó thì Cụ nể và hai nữa là cái thế không thể từ chối đƣợc cho nên Cụ đành phải lập Nội Các.’’ (9)

Sau này, Giáo Sƣ Hoàng Xuân Hãn đã cho biết rằng vào lúc đó, cũng nhƣ là một trong những ngƣời đồng ý tham gia Nội Các của Cụ Trần Trọng Kim.

Giáo Sƣ Hoàng Xuân Hãn là ngƣời đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong việc thành lập Nội Các Trần Trọng Kim. Trong tập hồi ký *‘’Ký Sự Đềng Đoàng’’* Cụ Trần Quốc Anh cho biết nhƣ sau:

‘’Trƣớc ngày Nội Các Trần Trọng Kim đƣợc thành lập, Ngài (Hoàng Đế Bảo Đại) có bảo với anh Hoàng Xuân Hãn hãy gặp tôi để hiểu rõ tình hình, cho nên thỉnh thoảng anh Hãn với tôi gặp nhau ở Bến Phu Văn Lâu. Tôi nói cho anh Hãn về tƣ cách ngƣời Nhật và những việc gì thuộc về tình hình dân chúng để anh lập kế hoạch trong Nội Các, chứ thật ra Nội Các Trần Trọng Kim là Nội Các Hoàng Xuân Hãn, cho nên bất cứ vấn đề gì đƣa ra Hội Đồng Nội Các thì đều do anh Hãn lập kế hoạch...’’

‘’Vào đầu tháng 6 năm 1945, tôi biết nhóm ông Diệm thấy chủ không đƣợc triệu về làm Thủ Tƣớng thì từ sau khi Nội Các Trần Trọng Kim thành lập xong, họ cho điều tra xem vì đâu mà mấy lần Yokoyama bên cố vấn can thiệp cũng không đắc lực. Khi họ biết là Bộ Tổng Tƣ Lệnh Quân Đội Nhật ghìm chân ông Ngô Đình Diệm ở Trại Pétrus Ký (Sài Gòn) cho đến khi Nội Các Trần Trọng Kim lập xong mới để ông Diệm đƣợc tự do đi đâu thì đi...’’ (10)

Giáo Sƣ Hoàng Xuân Hãn nói rõ hơn về sự thật đằng sau nguyên nhân khiến cho giới lãnh đạo quân sự Nhật ở Việt Nam đã nhiều lần chống lại ý định của Vua Bảo Đại mời ông Ngô Đình Diệm làm Thủ Tƣớng vào năm 1945 nhƣ sau:

‘’Nhƣng sau này lúc Nhật thua rồi, Pháp trở lại, ông Tƣớng cựu Tổng Tƣ Lệnh Quân Đội Nhật ở Việt Nam là Tƣớng Tsuchi Hashi Yuitsu, ngƣời Việt gọi là Thổ Kiều, đƣợc tụi Tây đƣa về Đông Dƣơng để xử phạm nhân chiến tranh. Ông gặp tôi nhiều lần ở Hà Nội, ông kể chuyện từ trƣớc về chính trị của ngƣời Nhật, ông có cho tôi biết là hồi đó chính ông ta phản đối việc đƣa Cƣờng Để về Việt Nam. Bởi vì ông có trách nhiệm giữ ở bên Đông Dƣơng

cho yên ổn. Nếu ngƣời Mỹ đổ bộ vào thì để cho binh đội Nhật rảnh tay chống lại quân Mỹ, chứ họ không muốn có chuyện lôi thôi gì cả. Cho nên họ sợ ông Cƣờng Để về thì sẽ chống lại Pháp, sẽ gây khó khăn cho Nhật Bổn. Nhật Bổn giải giáp ngƣời Pháp nhƣng không muốn kiếm chuyện gì với ngƣời Pháp cả.

‘’Cho nên chuyện Cƣờng Để không về là thế. Ngô Đình Diệm không lên là thế. Sau Tsuchi Haschi cho tôi biết thế.’’ (11)

Nhƣ vậy thì sự thật rõ ràng là Vua Bảo Đại đã có ý định mời ông Ngô Đình Diệm làm Thủ Tƣớng và đã hai lần Nhà Vua nhờ Đại Sứ Nhật Yokoyama tại Huế chuyển thƣ mời của ông đến ông Diệm đang sống trong sự che chở của ngƣời Nhật tại Sài Gòn. Tuy nhiên các Tƣớng lãnh Nhật tại Đông Dƣơng đã chống đối việc ông Ngô Đình Diệm làm Thủ Tƣớng vì ông Diệm là ngƣời cầm đầu phong trào ủng hộ Kỳ Ngoại Hầu Cƣờng Để cho nên dù rằng ông Ngô Đình Diệm là ngƣời đƣợc chính quyền quân sự Nhật ủng hộ và che chở nhƣng họ e ngại nếu ông Diệm làm Thủ Tƣớng thì sẽ gây ra nhiều xáo trộn về chính trị và đó là điều mà họ không muốn. Do đó, tuy ông Ngô Đình Diệm đang sống tại Trại Pétrus Ký ở Sài Gòn tức là (Bộ Tƣ Lệnh Cảnh Sát Quốc Gia thời Việt Nam Cộng Hòa) do quân đội Nhật trú đóng nhƣng ngƣời Nhật không bao giờ giao thƣ mời của Vua Bảo Đại gửi cho ông Diệm hai lần qua Đại Sứ Yokoyama.

## *Ông Ngô Đình Diệm là Người Chống Nhật ?*

Sau này có nhiều ngƣời cho rằng ông Ngô Đình Diệm đã không nhận lời của Vua Bảo Đại mời làm Thủ Tƣớng vào năm 1945 vì ông Diệm chống lại ngƣời Nhật, do đó mà ông Bảo Đại phải mời Cụ Trần Trọng Kim thành lập Nội Các.

Ông Ngô Đình Diệm có thật sự chống ngƣời Nhật hay không ?

Quân đội Nhật vào Việt Nam từ năm 1940 khi Toàn Quyền Georges Catrox bị áp lực của chính phủ Nhật phải đóng cửa biên giới Việt Nam-Trung Hoa cũng nhƣ là đóng cửa Hải Cảng Hải Phòng và đƣờng xe lửa Hải Phòng-Hà Nội-Vân Nam để ngăn chận không cho Đồng Minh tiếp tế cho các lự lƣợng Trung Hoa Quốc Dân Đảng dƣới quyền Thống Chế Tƣởng Giới Thạch. Cùng nới quyết định này, Tƣớng Catroux còn phải chấp nhận cho một phái đoàn khoảng 40 Sĩ Quan Quân đội Nhật vào Đông Dƣơng để thanh tra các phi trƣờng tại Bắc Việt. Chỉ ít lâu sau đó, Tƣớng Catroux bị chính phủ thân Đức Quốc Xã Vichy cách chức và Đô Đốc Jean Decoux đƣợc bổ nhiệm làm Toàn Quyền Đông Dƣơng vào tháng 7 năm 1940.

Sau khi Đức Quốc Xã chiếm đóng nƣớc Pháp, phe chủ trƣơng*‘’Nanshin’’* tức là Nam Chinh tại Nhật đã cổ võ cho việc xua quân Nhật từ Hoa Nam vào Đông Dƣơng dù rằng lúc đó chính phủ Vichy vẫn còn có liên lạc ngoại giao với Nhật. Ngày 6 tháng 9 năm 1940, một tiểu đoàn bộ binh thuộc Lộ Quân thứ 22 của Nhật Bản trú đóng tại Nam Ninh, Hoa Nam tiến qua biên giới Việt Nam vào Thị Xã Đồng Đăng. Sau đó thì cả hai phe Nhật và Pháp ngồi vào bàn thƣơng thuyết và vào ngày 21 tháng 9 thì Pháp đồng ý cho phép ngƣời Nhật đƣa 6.000 quân vào trấn đóng ở phía Bắc sông Hồng Hà và đƣợc quyền sử dụng 4 phi trƣờng tại Bắc Kỳ, đồng thời Nhật Bản cũng đƣợc quyền di chuyển một số quân khoảng 25.000 ngƣời qua Hải Cảng Hải Phòng và lãnh thổ Bắc Kỳ để sang Trung Hoa. Tuy nhiên khi quân Nhật đƣa Sƣ Đoàn 5 Bộ Binh vào Đồng Đăng và Lạng Sơn thì có một sự hiểu lầm sao đó mà cả hai bên đều nổ súng và sau đó thì quân Pháp ở Lạng Sơn phải treo cờ trắng đầu hàng, hàng trăm binh sĩ Đông Dƣơng bỏ chạy khỏi hàng ngũ Quân đội Pháp. Cùng thời gian đó quân Nhật đổ bộ xuống Hải Cảng Hải Phòng sau khi 9 chiếc phi cơ của Không Quân Nhật oanh tạc vào Thành Phố này gây cho 37 thƣờng dân bị chết.

Sau những biến cố này, cả hai phe Nhật và Pháp mở lại những cuộc thƣơng thuyết, sau đó chính phủ Nhật bèn xin lỗi chính phủ Pháp và Tƣớng Nishihara Issaku, đại diện quân đội Nhật tại Đông Dƣơng bị Tƣớng Tojo Hideki, Bộ Trƣởng Quốc Phòng Nhật ép buộc phải từ chức. Tuy nhiên ngƣời Nhật đã đạt đƣợc mục tiêu chiến lƣợc của họ là đã nắm đƣợc quyền kiểm soát ngƣời Pháp tại Đông Dƣơng để một năm sau, sau khi tấn công Trân Châu Cảng,

dùng Đông Dƣơng làm bàn đạp tấn công Mã Lai, Singapore, Borneo, Miến Điện và Phi Luật Tân sau khi bất ngờ tấn công Trân Châu Cảng của Hoa Kỳ vào đầu tháng 12 năm 1941. Ngƣời Nhật đã sử dụng 88 phi cơ oanh tạc cất cánh từ phi trƣờng Tân Sơn Nhứt ở Sài Gòn để tiêu diệt Hạm Đội Thái Bình Dƣơng của Anh trong đó có hai Thiết Giáp Hạm *Prince of Wales và Repulse*, đƣợc mệnh danh là ‘’unsinkable’’ (không thể đánh chìm đƣợc) ngoài khơi Tân Gia Ba vào năm 1941, đó là một điều mà giới tình báo Anh và Hoa Kỳ lúc đó đã nghĩ rằng ‘’không thể nào thực hiện đƣợc’’ (impossible). Ngƣời Nhật đã dùng Hải Cảng Cam Ranh để làm bàn đạp cho các cuộc hành quân của Hải Quân Nhật nhằm khống chế toàn thể vùng Tây- Nam Thái Bình Dƣơng và Ấn Độ Dƣơng. Sài Gòn đã đƣợc dùng làm đại bản doanh của Bộ Tƣ Lệnh Vùng Nam Á của quân đội Nhật kiểm soát tất cả các đơn vị của Nhật Bản trong vùng Nam Thái Bình Dƣơng và Đông Nam Á... (12)

Trên bình diện chính trị, Lộ Quân Hoa Nam (South China Army) của ngƣời Nhật đã tuyển mộ, huấn luyện và trang bị cho một số đoàn viên của *Việt Nam Phục Quốc Đồng Minh Hội* do Hoàng Thân Kỳ Ngoại Hầu Cƣờng Để thành lập tại Thƣợng Hải vào năm 1939. Nhóm này còn đƣợc gọi là *Phục Quốc Quân* đã theo chân Quân đội Nhật tiến vào Đồng Đăng và Lạng Sơn vào tháng 9 năm 1940, đã đƣợc ngƣời Việt Nam vùng biên giới cũng nhƣ là các binh sĩ ngƣời Việt rời bỏ hàng ngũ quân đội Pháp tham gia và ủng hộ nhiệt liệt.

Theo tài liệu của Trung Hoa thì ‘’phái thân Nhật (ở Trung Hoa) đã lấy Việt Nam Phục Quốc Đồng Minh Hội do ông Cƣờng Để tổ chức làm trung tâm. Hội này cũng có tổ chức vũ trang do Nhật giúp đỡ gọi là ‘’Phục Quốc Quân’’ Cƣờng Để nguyên là lãnh tụ của Việt Nam Quang Phục Hội, là một vị thủ lãnh nổi tiếng của phe thân Nhật. Ông sống ở Nhật đã lâu năm, rất ít liên lạc với quốc nội...Bản bộ của Phục Quốc Đồng Minh Hội đƣợc đặt tại Tokyo.

‘’Con nuôi của Cƣờng Để là Nguyễn Phúc An (lại có tên là Trần Văn An) đƣợc sự giúp đỡ của Nhật, đã trở về Việt Nam hô hào chống Pháp. Ngày 22 tháng 9 năm 1940, khi quân Nhật tiến vào Lạng Sơn đánh nhau với quân Pháp, Nguyễn Phúc An đƣợc sự chi viện của Nhật đã dùng cán bộ của Phục Quốc Đồng Minh Hội là Trần Trung Lập và của Đảng Độc Lập là Hoàng Lƣơng để tổ chức Phục Quốc Quân tập kích quân Pháp. Khẩu hiệu của họ là ‘’Kháng Pháp’’ Các thanh niên nam nữ tại địa phƣơng đƣợc khích động bởi khẩu hiệu này, ùn ùn kéo nhau tham gia chiến đấu chống Pháp, các binh sĩ Việt Nam trong quân đội Pháp cũng đƣợc kêu gọi chống lại ngƣời Pháp và đã có rất nhiều binh lính Việt Nam phản lại ngƣời Pháp. Quân Nhật còn mở cửa các trại tù của Pháp phóng thích hết tội nhân làm cho ngƣời Việt rất vui lòng...Bởi vậy, cuộc vận động kháng Pháp của ngƣời Việt (Phục Quốc Quân) tại Lạng Sơn, thật ra chỉ là công trình đạo diễn của ngƣời Nhật...’’ (13)

Trong cuốn hồi ký ‘’Giọt nƣớc mắt trong biển cả’’ Hoàng văn Hoan có cho biết rằng: ‘’Ở Long Châu lúc bấy giờ có một nhóm Phục Quốc Quân bị Pháp đánh và bị Nhật bỏ rơi nên chạy qua đây, do đƣơng cục Trung Quốc thu dụng. Nhóm này có khoảng 500 ngƣời tập trung ở Huyện Thƣợng Kim do Hoàng Lƣơng và Một Ý chỉ huy, còn một nhóm nữa độ hơn 40 ngƣời tập trung ở Lũng Già gần Thị Trấn Bắc Kiều do một ngƣời Việt Nam vận động đƣa từ Thất Khê ra, cũng đƣợc quân bộ thu dụng, đãi ngộ nhƣ là một trung đội của Phục Quốc Quân’’ (14) Trong phần chú thích, Hoàng văn Hoan cho biết rằng *Một Ý* tức là *Thiếu Úy (Quan Một) Lương Văn Ý*. Thiếu Úy Lƣơng Văn Ý là Sĩ Quan của quân đội Pháp đã dẫn một số binh sĩ dƣới quyền ông đào ngũ theo Phục Quốc Quân rồi trốn sang Trung Hoa. Về sau dƣờng nhƣ ông bị Việt Minh thủ tiêu khi trên đƣờng trở về Việt Nam.

Tuy nhiên sau khi đạt đƣợc những mục tiêu chiến lƣợc, ngƣời Nhật đã thỏa hiệp với ngƣời Pháp cho nên phản bội lại Phục Quốc Quân và họ đã để cho quân Pháp dùng quân đội và cả phi cơ đại pháo tàn sát nhóm cách mạng này. Theo *Tảo Đảng Báo* tại Quế Lâm ngày 21 tháng 12 năm Dân Quốc thứ 29 (1940) thì ‘’trong tháng 12 năm 1940 quân Pháp đã không ngừng tiếp viện cho Lạng Sơn, tận diệt nghĩa quân Việt Nam ở khu vực Đông-Nam Lạng Sơn. Ba nghìn nghĩa quân do thủ lãnh Phục Quốc Quân là Trần Trung Lập chỉ huy đã không kháng cự nổi với máy bay, đại pháo và vũ khí tối tân của quân Pháp nên đành thất bại. Sau

khi Trần Trung Lập bị bắt, một thủ lãnh khác là Hoàng Lƣơng dẫn đƣợc hơn một ngàn tàn quân chạy sang Quảng Tây. Ngƣời Pháp yêu cầu dẫn độ nhƣng Tƣớng Trƣơng Phát Khuê, Tƣ Lệnh Đệ Tứ Khu Chiến tại Hoa Nam đã từ chối và cho phép nhóm nghĩa quân này đƣợc tỵ nạn tại Quảng Đông’’ (15)

Sau cuộc tấn công vào Trân Châu Cảng, trong những năm kế tiếp, chính sách của ngƣời Nhật tại Đông Dƣơng là vẫn duy trì chính quyền của ngƣời Pháp để cai trị ngƣời Việt Nam, Cao Mên và Lào. Nhƣ vậy thì ngƣời dân Đông Dƣơng phải chịu cảnh *‘’một cổ hai tròng’’* Ngƣời Pháp là ngƣời cai trị và mọi oán hận thì ngƣời dân Đông Dƣơng trút lên đầu bọn thực dân ngƣời da trắng, trong khi đó thì quân phiện Nhật mới chính là chủ nhân ông của ngƣời Pháp, nhƣng họ lại không bị ác cảm vì họ tuyên truyền rằng chủ nghĩa Đại Đông Á của Nhật là nhắm vào việc giải phóng cho các dân tộc Á Châu thoát khỏi ách nô lệ của ngƣời Âu Châu. Vào năm 1943, chính Thủ Tƣớng Nhật Tojo Hideki đã đến chủ tọa một *Hội Nghị Khu Vực Thịnh Vượng Chung Đại Đông Á* (Greater East Asia Assembly) tại Thủ Đô Tokyo gồm đại biểu của nhiều quốc gia Á Châu nhƣ Hoàng Thân Wan Watthayakom của Thái Lan, ông Jose Laurel của Phi Luật Tân, Bác Sĩ Ba Maw của Miến Điện v.v...tuy nhiên điều đáng chú ý là trong Hội Nghị này ngƣời Nhật không hề nhắc nhở gì về Đông Dƣơng nói chung và Việt Nam nói riêng, cũng không mời đại diện Việt Nam tham dự dù rằng lúc đó Kỳ Ngoại Hầu Cƣờng Để đang sống tại Nhật Bản. (16)

Tuy vậy, tại Việt Nam thì tình báo của Nhật lại dùng chiêu bài ủng hộ Kỳ Ngoại Hầu Cƣờng Để trong công cuộc đấu tranh chống lại ngƣời Pháp nhằm giành lại độc lập cho Việt Nam để lôi kéo ngƣời Việt Nam ủng hộ ngƣời Nhật. Một Sĩ Quan cao cấp của Kempetai (Hiến Binh tức là tình báo của Nhật) là *Trung Tá Hayashi Hidezumi* đã đƣợc giao cho nhiệm vụ nghiên cứu kế hoạch đầy đủ mọi chi tiết về việc sử dụng ngƣời Việt Nam sau khi ngƣời Nhật lật đổ ngƣời Pháp.

Tại Nam kỳ, nơi mà các lực lƣợng quần chúng đƣợc tổ chức chặt chẽ dƣới hình thức tổ chức tôn giáo, ngƣời Nhật đã tích cực ủng hộ Giáo Hội Cao Đài, khuyến khích Cao Đài tổ chức một lực lƣợng lên tới trên ba vạn thanh niên và ngƣời Nhật đã huấn luyện về quân sự cho nhóm này, tuy nhiên họ không vũ trang cho lực lƣợng đó. Cố Trung Tƣớng Trình Minh Thế là một trong những thanh niên Cao Đài đã đƣợc ngƣời Nhật huấn luyện trong giai đoạn này. Về phƣơng diện chính trị, ngƣời Nhật ủng hộ Việt Nam Phục Quốc Hội của Cao Đài vì đảng này ủng hộ Kỳ Ngoại Hầu Cƣờng Để đang sống tại Nhật. Tháng 8 năm 1940, ngƣời Pháp nghi ngờ các hoạt động của Cao Đài cho nên đã đƣa lính mật thám đến ‘’bố ráp’’ Tòa Thánh Tây Ninh. Sang năm 1941, ngƣời Pháp đã bắt giam Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc cùng 5 vị chức sắc cao cấp trong Giáo Hội Cao Đài rồi đƣa họ lên chiến hạm *Dumont d’Urville* đày sang quần đảo *Comoros* ở gần *Madagascar* trong 5 năm trời.

Ngƣời Nhật cũng ủng hộ Phật Giáo Hòa Hảo, ngƣời Pháp bắt giam Giáo Chủ Huỳnh Phú Sổ tại Bạc Liêu nhƣng đến tháng 10 năm 1942 thì Huỳnh Giáo Chủ đã trốn thoát đƣợc và trốn về Sài Gòn nhờ sự giúp đỡ của ngƣời Nhật. Ông Lâm Ngọc Thạch, một tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo đã kể lại câu chuyện này có đoạn nhƣ sau:

‘’Trong thời gian bị đày ở Bạc Liêu, khoảng tháng 9 năm 1942, Đức Thầy nói riêng với ông Biện Hùm biết Pháp có ý định đƣa Ngài đi đấy xa, ở ngoại quốc, giống nhƣ đã đầy Hộ Pháp Cao Đài đi Madagascar. Biệm Hùm về gặp cha tôi (Lâm Thu Cƣu) bàn tính kế hoạch đƣa Đức Thầy đi nơi khác trƣớc khi Pháp thực hiện ý định. Cha tôi liền đến Sở Hiến Binh Nhựt tại Sài Gòn, nhờ họ giúp đỡ thực hiện kế hoạch bằng cách cho mƣợn một chiếc xe của Sở Hiến Binh chạy xuống Bạc Liêu bất thần chở Đức Thầy đi nơi khác thoát khỏi tay ngƣời Pháp.

Nhƣng Kampetai không cho mƣợn xe của Hiến Binh, họ tìm giùm đƣợc chiếc xe hơi dân sự, giao cho viên Thƣợng Sĩ Hiến Binh Nhựt Kishi cùng đi với cha tôi và tài xế Ba Xạ trực chỉ Bạc Liêu. Khi đến Tỉnh này ngày 12 tháng 12 năm 1942, xe đến thẳng nhà ông Võ Văn Giỏi, nơi Đức Thầy đang cƣ ngụ. Đức Thầy lên xe ngay. Rủi ro xảy ra là tài xế chạy xe

lạc hƣớng, thay vì đi hƣớng Bắc về Sài Gòn lại chạy về hƣớng Nam xuống Cà Mau. Dọc đƣờng xe hƣ tại Tắc Vân. Viên Thƣợng Sĩ Kampetai phải đến nhà ông Bang Trƣởng Triều Châu tại đây mƣợn xe hơi ông đang đậu trƣớc nhà rồi trở lại Bạc Liêu để tiếp tục chạy về Sài Gòn. Do sự trễ nãi này, nhà cầm quyền Pháp kịp thời bố trí chận bắt giữa đƣờng.

Xe vừa tới Trung Lƣơng, mật thám Pháp giàn sẵn, chận đƣờng. Tài xế liều mạng lái lách qua bên lề đƣờng để tránh nhƣng không lọt, xe bị lăn xuống ruộng. Cha tôi bị thƣơng ở xƣơng sống mũi, Đức Thầy bị thƣơng ở tay và viên Thƣợng Sĩ Nhật cũng bị thƣơng sơ sơ. Mật thám Pháp điệu tất cả về Sài Gòn. Viên Thƣợng Sĩ Hiến Binh Nhật cự nự nên bị còng tay luôn.

Tới Sài Gòn, viên Thƣợng Sĩ đòi phải có mặt Đại Sứ Nhựt để giải quyết vấn đề. Khi đại diện Đại Sứ Nhựt đến nơi, Thƣợng Sĩ Nhựt hét lên một tiếng, xô nguyên chồng hồ sơ của Pháp từ trên bàn xuống đất và nằng nặc đòi mổ bụng ‘’harakiri’’ tự sát vì bị ngƣời Pháp làm nhục. Sau khi đại diện Đại Sứ Nhựt là Kimura nói chuyện thì mật thám Pháp đến mở còng cho Kishi nhƣng ông ta hất tay ngƣời Pháp không cho mở và chìa tay đợi vị đại diện Nhựt mở còng.

Viên Thƣợng Sĩ Hiến Binh sau đó liền cặp tay Đức Thầy và cha tôi ra xe, chạy thẳng về trụ sở Hiến Binh tại Đƣờng Lefèvre trong vòng cao ốc Phòng Thƣơng Mại Sài Gòn (sau này là Hội Trƣờng Diên Hồng) (17)

Qua câu chuyện tình báo Nhật trợ giúp cho việc giải cứu Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ vào năm 1942 tức là 3 năm trƣớc ngày ngƣời Nhật đảo chánh ngƣời Pháp thì cũng đủ chứng tỏ rằng ngƣời Nhật muốn tranh thủ cảm tình của ngƣời dân miền Nam Việt Nam dù rằng lúc đó ngƣời Pháp vẫn còn làm chủ nhân ông của xứ thuộc địa này. Nhờ sự che chở của ngƣời Nhật cho nên từ đó về sau ngƣời Pháp không dám gây khó dễ gì với Đức Thầy nữa.

Tại miền Bắc và miền Trung, tình báo Nhật cũng tích cực giúp đỡ các nhóm chính trị chống Pháp nhƣng đặc biệt nhất là ủng hộ, nâng đỡ và che chở cho những nhân vật chính trị có khuynh hƣớng ủng hộ Đức Kỳ Ngoại Hầu Cƣờng Để lúc bấy giờ đang sinh sống tại Nhật Bản. Nhóm này không phải là một đảng chính trị nhƣng bao gồm những nhân vật có hoạt động về chính trị tại hai miền Bắc và Trung Kỳ, đƣợc nhiều ngƣời mệnh danh là *‘’đảng Cường Để’’* Một trong những nhân vật đó là ông Ngô Đình Diệm, cựu Thƣợng Thƣ Bộ Lại của Chính Phủ Nam Triều nhƣng đã treo ấn từ Quan từ năm 1933.

Cụ Trần Quốc Anh cho biết rằng vào khoảng tháng 10 năm 1943, khi đƣợc biết Cụ từ Sài Gòn sắp ra Huế, ông Trần Văn Ân có dặn Cụ:

‘’Nếu anh ra Huế thì anh nên đến gặp anh Ngô (Ngô Đình Diệm) để xem tổ chức của anh ấy ra thế nào ? Theo tin tức cho biết thì Nhật có đƣa cho anh ấy một số tiền để tổ chức, hình nhƣ gần 40 ngàn đồng, anh ấy cho biết số đảng viên ở Trung lên tới 200.000 ngƣời.’’

‘’Tôi rất lấy làm ngạc nhiên vì con số ấy quá sức tƣởng tƣợng của tôi là một ngƣời dân miền Trung.’’ (18)

Giáo Sƣ Hoàng Xuân Hãn cũng cho biết về mối liên hệ giữa ông Ngô Đình Diệm và nhóm Cƣờng Để nhƣ sau:

‘’Sau khi vào làm Nội Các đƣợc 2 tháng, lúc ấy khoảng tháng 6 năm 1945, có tin là ông Vũ Văn An ở bên Nhật Bổn gặp ông Cƣờng Để, về qua Huế, muốn tới thăm Cụ Kim và chúng tôi. Vũ Văn An sau này không ai biết nữa chứ ngày xƣa là một nhân vật lớn ở Hà Nội, là một ngƣời tân tiến, Tây học, giàu có, muốn làm Viện Trƣởng Viện Dân Biểu nhƣ Phạm Lê Bổng, hạng nhƣ thế ‘’intriguant’’ (mƣu mô) lắm, thân Tây lắm. Nhƣng ông ấy xoay chiều thì cũng chóng lắm. Lúc Nhật sang, ông thân Nhật rồi ông liên lạc với Cƣờng Để. Lúc ông sắp sửa tới Huế, một ngƣời consul (Lãnh Sự) Nhật quen tôi, họ sang gặp và dặn tôi: ‘’ông Vũ Văn An về thì binh đội Nhật ở đây không bằng lòng đâu. Nếu ông có nói chuyện gì cũng đừng để ý lắm.’’

‘’Đến lúc Vũ Văn An về gặp chúng tôi, ông ấy lại đƣa một các giấy ra cho chúng tôi xem, nói rằng ông Diệm, vì có một sự giao kết với ông Cƣờng Để cho nên đã không thể nào

giúp ông Bảo Đại lúc trƣớc đƣợc. Cái giấy ấy, tôi có xem. Tôi biết rõ ràng lắm. Trong cái giấy ký ‘’chúng tôi cam đoan ủng hộ Đức Cƣờng Để’’ dƣới có chữ ký tên 5 ngƣời, đứng đầu là ông Ngô Đình Diệm. Tức là ông Ngô Đình Diệm đứng đầu đảng Cƣờng Để hồi ấy. Thứ hai là ông Vũ Văn An, thứ ba là ông Đốc Chữ (Bác Sĩ Nguyễn Xuân Chữ), thứ tƣ là ông Đốc Toàn. Ngày trƣớc là những ngƣời này có tiếng lắm. Ngƣời thứ năm là một ông (tôi ngạc nhiên hơn) ông này là ngƣời hơi mác xít, tôi quên tên (trong phần chú thích bà Thụy Khuê cho biết trong cuốn hồi ký của Nguyễn Xuân Chữ với lời đề tựa của Giáo Sƣ Pierre Huard xuất bản vào năm 1996 thì ngƣời thứ năm này mà Giáo Sƣ Hoàng Xuân Hãn quên tên là ông Vũ Đình Dy, bị giết năm 1945), hồi trƣớc có viết báo Le Travail (Lao Động) ở Hà Nội, một tờ báo gọi là socialiste (Xã Hội) nhƣng thực ra là ‘’communiste clandestin’’ (cộng sản bí mật), ông Võ nguyên Giáp, ông Đặng thái Mai có viết. Lúc ấy chúng tôi mới hiểu tại sao ông Diệm, khi trƣớc đƣợc mời, Nhật nó không chuyển thƣ vì nó biết ông Diệm ủng hộ ông Cƣờng Để và nếu ông về (làm Thủ Tƣớng) thì sợ ông ấy với ông Bảo Đại không ăn ý với nhau. ’’

Ông Vũ Văn An này là thân phụ của ông Vũ Văn Thái, dƣới thời Đệ Nhất Cộng Hòa đƣợc Tổng Thống Ngô Đình Diệm cử làm Tổng Giám Đốc Ngân Sách và Ngoại Viện.

Ông Vũ Đình Dy là một trong những ngƣời lãnh đạo của Việt Nam Phục Quốc Đồng Minh Hội tại Bắc Kỳ và đã có sang Nhật gặp Kỳ Ngoại Hầu Cƣờng Để:

‘’Vào năm 1943, ngƣời ta cảm thấy dƣờng nhƣ ngƣời Nhật có vẻ làm áp lực để mở màn cho những sự thay đổi về chính trị có lợi cho nhóm ngƣời Việt Nam thân Nhật. Tổ chức Việt Nam Phục Quốc Đồng Minh Hội đã đƣợc tái hoạt động và mở rộng cơ sở. Trong nhiều trƣờng hợp, ngƣời Nhật đã cho phép một số ngƣời lãnh đạo tổ chức này mang giấy căn cƣớc chứng nhận là nhân viên của Nhật hay là đƣợc phép mặc quân phục Nhật do Kampetai cung cấp để đƣợc tự do đi lại và tổ chức các buổi hội họp mà mật thám Pháp không dám bắt giữ. Một tổ chức đƣợc ngƣời Nhật tin cậy nhất là ‘’Việt Nam Ái Quốc Đảng’’ một tổ chức ngoại vi của Phục Quốc Đồng Minh Hội. Một trong những ngƣời lãnh đạo đảng này là ông Vũ Đình Dy đã đƣợc ngƣời Nhật đƣa sang Tokyo để yết kiến Kỳ Ngoại Hầu Cƣờng Để và thảo luận về việc thành lập một chính phủ lƣu vong...’’ (19)

Nhƣ vậy thì trong số 5 ngƣời lãnh đạo Phong Trào Cƣờng Để do Giáo Sƣ Hoàng Xuân Hãn tiết lộ, có hai ngƣời đã đƣợc phép sang tận Nhật Bản để tiếp xúc với Hoàng Thân Cƣờng Để.

Còn ngƣời cầm đầu phong trào này là ông Ngô Đình Diệm thì lúc đó có liên hệ nhƣ thế nào với ngƣời Nhật ?

Nhân vật có thể nói rằng biết rõ ông Ngô Đình Diệm nhất trong giai đoạn này là vị *‘’phó lãnh tụ’’* trong nhóm Cƣờng Để và cũng là ngƣời đƣợc ngƣời Nhật đƣa từ Hà Nội vào Sài Gòn sống chung với ông Diệm tại một bệnh viện do ngƣời Nhật trƣng dụng trong một thời gian trƣớc ngày Nhật đảo chánh, đó là Bác Sĩ Nguyễn Xuân Chữ, ngƣời mà Giáo Sƣ Hoàng Xuân Hãn gọi là *‘’Đốc Chữ’’* trong đoạn trên.

Trong một cuốn hồi ký đƣợc xuất bản tại Hoa Kỳ vào năm 1996, Cụ Nguyễn Xuân Chữ cho biết rằng sau khi đã mời đƣợc hai Cụ Trần Trọng Kim và Dƣơng Bá Trạc vào Sài Gòn rồi đƣa sang Tân Gia Ba để tránh ngƣời Pháp, ngƣời Nhật đã có ý mời Cụ và một ngƣời bạn là Bác Sĩ Lê Toàn, (ngƣời mà Giáo Sƣ Hoàng Xuân Hãn gọi là *‘’Đốc Toàn’’*), vào trú ẩn nơi quân Nhật trấn đóng. Ban đầu Cụ từ chối, tuy nhiên về sau thì Bác Sĩ Lê Toàn nhận đƣợc thƣ của Kỳ Ngoại Hầu Cƣờng Để triệu sang Tokyo cho nên Cụ phải nhận lời của ngƣời Nhật đƣa vào Sài Gòn để tránh ngƣời Pháp theo dõi tại Hà Nội. Sau khi đến Sài Gòn bằng phi cơ, Bác Sĩ Nguyễn Xuân Chữ cho biết:

‘’Chúng tôi đƣợc đƣa đến một trƣờng học là Trƣờng Pétrus Ký mà chính quyền Pháp đã trƣng dụng cũng nhƣ Trƣờng Bƣởi ở Bắc nhƣờng cho quân đội Nhật làm căn cứ quân sự. Tối ngày ấy, kẻ viết đƣợc đƣa đến gặp Vũ Đình Dy, trú ngụ trong Sở Hiến Binh Nhật ở trại mà ngày nay là trụ sở của Ủy Hội Quốc Tế ở Đƣờng Cống Quỳnh. Vũ Đình Dy cho hay tin tức về Kỳ Ngoại Hầu và các đồng bào ở Nhật tập họp dƣới cờ của vị lãnh đạo tôn quý, giải

bầy quan niệm về tình hình hiện tại và tƣơng lai. Bạn cũng kể những hoạt động riêng trong chính giới và trong dân chúng Nhật để nƣớc và dân tộc Việt đƣợc biết hơn lên.

‘’Ngày hôm sau có sự gặp gỡ của ba hành khách từ Bắc mới vào với Ngô Đình Diệm, trú ẩn ở một bệnh viện cũng bị trƣng dụng nhƣờng cho quân đội Nhật ở Đƣờng Hồng Bàng. Sau cuộc gặp gỡ, họ Ngô đƣợc tôn làm lãnh tụ chung, mỗ Y Sĩ (tôi) là phó lãnh tụ. Về công việc thì Tổng Tƣ Lệnh Nhật ngỏ ý muốn giữ hai lãnh tụ ở Sài Gòn để tiện đàm luận và hoạt động về chính trị, còn ba ngƣời thì một nhân vật thứ ba, vốn đã là đồng chí trong đoàn thể của họ Ngô (ông Vũ Văn An) sẽ sang Đông Kinh đại diện Ngô lãnh tụ bên cạnh Kỳ Ngoại Hầu, còn hai anh em Vũ Đình Dy và Bác Sĩ Lê Toàn là đại diện cho lãnh tụ Việt Nam Ái Quốc Đoàn.

‘’Các bạn đi rồi, kẻ viết đƣợc đƣa lại cùng ở với Ngô lãnh tụ ở bệnh viện. Mỗi ngƣời ở một phòng. Trong một phòng khác có một Hạ Sĩ Quan Nhật và một thƣờng dân Nhật biết nói tiếng Việt để giúp hai chính khách về mọi công việc thƣờng...’’

‘’Còn có một vài cuộc tiếp xúc với các Tƣớng lãnh trong Tổng Tƣ Lệnh Nhật và các nhân vật trong phái bộ Nhật...Các Tƣớng lãnh úp mở nói ra là Triều Đình Huế là bƣớc đầu nền cai trị ở Việt Nam. Sau này còn có thể đề cập đến một nền cai trị chung cho cả ba nƣớc Đông Dƣơng và khi ấy, thủ lĩnh chung của Liên Hiệp Việt-Miên-Lào sẽ là Kỳ Ngoại Hầu Cƣờng Để...’’ (20)

Ông Hồ Sĩ Khuê là bạn thân của ông Ngô Đình Cẩn và là một ngƣời cộng sự rất mật thiết với ông Ngô Đình Diệm tại Sài Gòn từ 1947 đến 1950 về sau có đƣợc chính ông Diệm cho biết về kế hoạch Cƣờng Để hồi đó cũng tƣơng tự nhƣ lời của Bác Sĩ Nguyễn Xuân Chữ: ‘’Tôi nhắc đến lá bài Cƣờng Để, hỏi ông Diệm về các hoạt động và đƣờng lối của tổ chức Kỳ Ngoại Hầu, về chế độ chính trị ông dự kiến thực hiện nếu tranh thủ đƣợc chính quyền. Ông cho tôi biết nhƣ sau: Một chế độ thay thế cho chế độ toàn quyền Pháp. Ba quốc gia Đông Dƣơng sẽ đƣợc tổ chức thành liên bang, Cƣờng Để giữ địa vị quốc trƣởng liên bang. Bảo tồn địa vị quốc vƣơng cho Bảo Đại tại Huế, Sihanouk ở Nam Vang, Sisavang Vong ở Vạn Tƣợng. Ông Diệm sẽ cầm đầu chính phủ, làm toàn quyền liên bang thay cho toàn quyền Pháp ở Đông Dƣơng.’’ (21)

Nhƣ trên đã nói, ngƣời đƣợc giao nhiệm vụ soạn thảo kế hoạch về chính trị của Nhật sau khi lật đổ chính quyền của Pháp tại Đông Dƣơng là Trung Tá tình báo Hayashi. Trung Tá Hayashi chỉ là một Sĩ Quan trung cấp cho nên không đƣợc biết rõ mục tiêu chiến lƣợc về chính trị của các tƣớng lãnh Nhật nắm quyền tại Đông Dƣơng:

‘’Trong chiều hƣớng đó, Trung Tá Hayashi tin rằng sau cuộc đảo chánh thì Kỳ Ngoại Hầu Cƣờng Để sẽ thay thế Bảo Đại làm Vua ở Huế. Hayashi đã nuôi dƣỡng và huấn luyện ông Ngô Đình Diệm, một nhân vật quan lại theo ‘’Thiên Chúa Giáo cứng đầu’’ (a stiff-necked Catholic mandarin) để thay thế vai trò của vị Thủ Tƣớng thân Pháp là Phạm Quỳnh.’’ (22)

Có lẽ kế hoạch mà Bác Sĩ Nguyễn Xuân Chữ cũng nhƣ ông Ngô Đình Diệm đề cập đến là do Hayashi soạn thảo. Tuy nhiên Hayashi và ngay cả Kỳ Ngoại Hầu Cƣờng Để cũng đều không đƣợc biết gì chính sách của chính phủ và Bộ Tổng Tƣ Lệnh Quân Đội Nhật Bản tại Nam Á Châu về Đông Dƣơng nói chung và Việt Nam nói riêng, nhất là sự tranh chấp ảnh hƣởng giữa hai phe Ngoại Giao và Quân đội Nhật tại Việt Nam. Dựa vào những cuộc phỏng vấn các nhân vật Nhật Bản vào năm 1967, tác giả David Marr cho biết:

‘’Trong giới những viên chức ngƣời Nhật thì họ vẫn tiếp tục không đồng ý kiến với nhau về việc sẽ thành lập một chế độ nhƣ thế nào tại Việt Nam một khi mà Nhật Bản thấy rằng đã đến lúc cần phải ra tối hậu thƣ cho Toàn Quyền Decoux tức là lật đổ quyền cai trị của ngƣời Pháp tại Đông Dƣơng. Những ngƣời của Bộ Thịnh Vƣợng Chung Đại Đông Á thì nghĩ rằng muốn cho ngƣời Việt Nam cộng tác với ngƣời Việt đƣợc hƣởng nền độc lập dƣới một hình thức nào đó và ý kiến này cũng đƣợc các giới chức trong Bộ Ngoại Giao tán thành. Tuy nhiên cũng có một số ngƣời cảm thấy rằng ngƣời Nhật đang trên đà thua trận, nếu mà ngƣời Nhật trao trả độc lập cho Việt Nam thì điều đó là một việc điên rồ vì sẽ chọc giận phe De

Gaulle đã bị mất hết chủ quyền tại Đông Dƣơng. Về phía phe quân sự thì họ nghiêng về chủ trƣơng tiếp tục thi hành thỏa ƣớc Pháp-Nhật tức là vẫn để cho ngƣời Pháp đƣợc quyền cai trị về hành chánh và điều đó không có nghĩa là ủng hộ quyền tự chủ của ngƣời Việt Nam. Hầu hết các Tƣớng lãnh cao cấp Nhật đều đồng ý rằng thay vì trao lại chủ quyền cho ngƣời Việt, ngƣời Nhật nên giữ nguyên tình trạng chế độ thuộc địa của ngƣời Pháp chừng nào còn có thể đƣợc và đến lúc tối cần thiết thì ngƣời Nhật mới phải lật đổ ngƣời Pháp để thiết lập một chế độ thiết quân luật do quân đội Nhật trực tiếp nắm quyền cai trị.

‘’Vào ngày 1 tháng 2 năm 1945, Hội Đồng Lãnh Đạo Chiến Tranh Tối Cao (Supreme War Leadership Council) tại Tokyo đã quyết định cần phải chấm dứt vai trò cai trị của ngƣời Pháp tại Đông Dƣơng, tuy nhiên quyết định này không hề nhắc nhở gì đến vấn đề trả lại độc lập cho Việt Nam. Để dung hòa vai trò của quân đội và phe ngoại giao, sau ngày 9 tháng 3 năm 1945, Đại Tƣớng Tsuchihashi đƣợc bổ nhiệm giữ vai trò toàn quyền tại Đông Dƣơng thay thế cho toàn quyền Pháp Decoux trong khi đó thì những chức vụ khác của ngƣời Pháp thì lại do các Nhà Ngoại Giao Nhật nắm giữ. Trong vai trò tân toàn quyền Đông Dƣơng này, Tƣớng Tsuchihashi đã quyết định giữ Hoàng Đế Bảo Đại ở lại ngai vàng vì quyền lợi của ‘’trật tự xã hội’’ và vào cuối tháng 2 năm 1945, tức là chỉ hơn một tuần lễ trƣớc ngày đảo chánh ngƣời Pháp, chính ông đã bác bỏ đề nghị của Trung Tá Tình Báo Hayashi nhằm đƣa Cƣờng Để từ Nhật Bản trở về Việt Nam và đƣa ông Ngô Đình Diệm lên làm Thủ Tƣớng trong chính phủ mới của Vua Bảo Đại.’’ (23)

Trong phần phụ chú tác giả David Marr có nói rõ thêm về những tin đồn về việc ông Ngô Đình Diệm không tham gia chính phủ do Nhật ủng hộ nhƣ sau:

‘’Có nhiều tin đồn đại về việc Cƣờng Để và Ngô Đình Diệm không tham gia vào chính phủ sau khi ngƣời Nhật đảo chánh ngƣời Pháp vào ngày 9 tháng 3 năm 1945. Khi đƣợc hỏi về vấn đề này thì một số viên chức có thẩm quyền Nhật Bản đã tỏ ra tránh né trả lời một cách trực tiếp, tuy nhiên họ thƣờng nói một cách mơ hồ rằng lúc đó Cƣờng Để đã ‘’quá già và suy nhƣợc’’ (too old and infirm), hoặc họ nói rằng ông Bảo Đại có gửi thƣ vào Sài Gòn mời nhƣng ông Diệm không trả lời. Một số ngƣời Việt Nam tin vào lời đồn đại cho rằng ông Ngô Đình Diệm có nhận đƣợc thƣ mời nhƣng đã bác bỏ (declined) vì ông nghĩ rằng ngƣời Nhật sẽ không cho ông có đầy đủ quyền hành.

‘’Nếu căn cứ vào những vận động chính trị đầy tích cực (energetic political maneuvering) của cả toàn thể gia đình họ Ngô vào lúc đó thì tôi không thể tin đƣợc vào những sự giải thích này cũng nhƣ là những sự giải thích của ngƣời Nhật. Rõ ràng là Tƣớng Tsuchihashi đã cố tình loại bỏ cả hai ông Cƣờng Để và Ngô Đình Diệm ra khỏi những chức vụ then chốt trong những kế hạch hậu đảo chánh mà Trung Tá Hayashi đã soạn thảo. Vào cuối tháng 7 năm 1945, Kỳ Ngoại Hầu Cƣờng Để đã tổ chức một bữa dạ tiệc từ biệt (farewell banquet) tại khách sạn Imperial Hotel tại Tokyo, tuy nhiên sau đó ông Cƣờng Để đã không xin đƣợc một chỗ nào trên các chuyến bay từ Tokyo đi Sài Gòn. Tại Sài Gòn, ngƣời ta đã thông báo cho các giới chức Cao Đài biết về sự hồi hƣơng của Cƣờng Để và nhóm Cao Đài đã dựng một khải hoàn môn để chào đón ông Cƣờng Để hồi hƣơng, tuy nhiên sau đó thì khải hoàn môn này đã phải hạ xuống một cách kín đáo trong đêm khuya...

‘’Gần đây nhất, ngƣời ta có thể đọc thấy chuyện kỳ cục này trong cuốn sách ‘’Vietnamese Revolution’’ của tác giả Stein Tonesson khi ông ta trích dẫn bản dịch một trang nhật ký viết bằng tiếng Nhật của ông Hayashi. Trang nhật ký này đƣợc dịch từ tiếng Nhật sang tiếng Anh rồi đƣợc dịch lại từ tiếng Anh sang tiếng Pháp và đang đƣợc lƣu trữ tại Trung Tâm Văn Khố Hải Ngoại Pháp (AOM) tại Aix-en-Provence. Tài liệu này đƣợc tác giả ngƣời Nhật Shiraishi trong chƣơng ‘’Backround’’ (trang 137-139) ghi chú rằng ‘’vào khoảng cuối tháng 3 năm 1945, sau khi đàm đạo với Trung Tá Hayashi, ông Ngô Đình Diệm hiểu rằng các kế hoạch quân sự (military plans) của ngƣời Nhật đã thay đổi, ông ta đã viết thƣ phúc đáp cho Vua Bảo Đại từ chối bất cứ lời mời nào (any invitation) vì lý do sức khỏe...’’ (24)

## *Kỳ Ngoại Hầu Cường Để*

Vào năm 1903, Cụ Phan Bội Châu vào Quảng Nam gặp Cụ Tiểu La Nguyễn Thành lần đầu tiên và trong dịp này hai Cụ đã cùng đồng ý nên tìm một vị *‘’hội chủ’’* để lãnh đạo việc tiếp tục công cuộc cách mạng chống Pháp của Phong Trào Cần Vƣơng hồi Thế Kỷ thứ

19. Cụ Tiểu La đề nghị nên chọn một ngƣời dòng dõi chính thống của Vua Gia Long vì đa số ngƣời Nam kỳ vốn còn có rất nhiều cảm tình với Chúa Nguyễn Ánh và ngƣời Nam kỳ thì nhiều ngƣời giàu có cho nên họ sẽ có phƣơng tiện để giúp cho Phong Trào về mặt tài chánh. Cụ Tiểu La đề nghị ông Tôn Thất Toại, một ngƣời quen biết của Cụ, tuy nhiên sau khi tiếp xúc với nhân vật này thì Cụ Phan thấy ông ta chẳng có gì xuất sắc cho nên Cụ đã không chọn ông Toại. Sau đó Cụ Phan về Huế và vào khoảng tháng 3 hay tháng 4 năm 1903 thì Cụ Phan đã tìm đƣợc một nhân vật lý tƣởng, đó là Hoàng Thân Cƣờng Để, hậu duệ của Hoàng Tử Cảnh, trƣởng nam của Vua Gia Long bị chết vì bệnh đậu mùa vào năm 1801. Cƣờng Để sinh khoảng 1881.

Chuyện ông Ngô Đình Diệm đƣợc ngƣời Nhật ủng hộ và che chở thì rất đƣợc nhiều ngƣời biết đến, nhất là sau vụ ông Diệm đƣợc ngƣời Nhật cứu khỏi tay ngƣời Pháp ở Huế rồi bí mật đƣa vào Sài Gòn bằng phi cơ. Chính những ngƣời ủng hộ ông Diệm đã loan truyền câu chuyện này không những ngay từ hồi đó mà mãi cho đến về sau họ cũng còn nhắc nhở đến huyền thoại đó để đề cao uy tín của ông Diệm về thành tích chống Pháp.

Cụ Trần Trọng Kim có kể lại khi Cụ về Sài Gòn thì đƣợc gặp ông Ngô Đình Diệm tại văn phòng của Dainan Koosi mà ai cũng đều biết đó là cơ sở trá hình của Tình Báo Hải Quân Hoàng Gia Nhật Bản tại khắp các nƣớc Á Châu thời trƣớc năm 1945. Cụ Trần Quốc Anh có nhận xét nhƣ sau về ý đồ của ngƣời Nhật đối với ông Diệm:

‘’Ngƣời Nhật muốn dùng Ngô Đình Diệm nhƣ Uông Tinh Vệ bên Trung Hoa và Vua Pu Yi (Phổ Nghi) bên Mãn Châu làm bù nhìn cho chính sách của Nhật. Sau này tôi đƣợc Kuga nói lại cho biết ngƣời Nhật giữ ông Diệm ở đó (Dainan Koosi) cho đến sau ngày 9.3.1945 để đợi điện văn mời ra lãnh đạo và mãi cho đến khi Nội Các Trần Trọng Kim thành lập xong thì Bộ Tổng Tƣ Lệnh Nhật mới để ông Diệm tự do muốn đi đâu thì đi...’’ (25)

Sau này khi Sử Gia David Marr hỏi Giáo Sƣ Hoàng Xuân Hãn về những nguồn tin liên quan đến vai trò của Kỳ Ngoại Hầu Cƣờng Để và ông Ngô Đình Diệm trong giai đoạn đó thì Giáo Sƣ Hoàng Xuân Hãn nói rằng:‘’vào khoảng giữa năm 1944 thì những tin đồn về chuyện đó xảy ra rất thông thƣờng trong giới trí thức ngƣời Việt Nam và do đó mà đã khiến cho ông Diệm phải yêu cầu ngƣời Nhật bảo vệ để chống lại mật thám Pháp.’’ (26)

## *Nếu Ông Diệm Làm Thủ Tướng Thì Liệu Tình Thế Có Gì Thay Đổi ?*

Sau năm 1945, có nhiều ngƣời thắc mắc về việc tại sao ông Ngô Đình Diệm không đƣợc mời làm Thủ Tƣớng năm 1945, có ngƣời lại cho rằng Vua Bảo Đại không ƣa và không tin ông Ngô Đình Diệm, do đó ông đã không mời ông Diệm vì vậy mà ông Diệm hận ông Bảo Đại và sau này ông Diệm đã truất phế ông Bảo Đại vào năm 1955. Sự tiết lộ của Giáo Sƣ Hoàng Xuân Hãn đã đánh tan phần nào cái dƣ luận này vì chính ngƣời Nhật đã không muốn cho ông Diệm làm Thủ Tƣớng chứ không phải Vua Bảo Đại. Có một điều vô cùng đáng tiếc là ngƣời biết rất rõ nhất về chuyện này lại là ông Ngô Đình Huân, con của ông Ngô Đình Khôi và cháu gọi ông Ngô Đình Diệm là chú ruột, hồi năm 1945 làm Bí Thƣ kiêm Thông Ngôn cho ông Đại Sứ Nhật Yokoyama tại Huế, nhƣng ông Huân đã bị Việt Minh thủ tiêu cùng với thân phụ của ông ở Huế vào tháng 9 năm 1945, do đó đã không gặp đƣợc ông Diệm lúc đó đang ở Sài Gòn để cho ông Diệm biết chuyện Vua Bảo Đại đã hai lần nhờ ngƣời Nhật mời ông Ngô Đình Diệm về Huế làm Thủ Tƣớng.

Sự tiết lộ của Giáo Sƣ Hoàng Xuân Hãn đã làm sáng tỏ một nghi vấn thời 1945, đó là việc chính ngƣời Nhật đã không muốn cho ông Ngô Đình Diệm làm Thủ Tƣớng và sau này có nhiều ngƣời đã đặt câu hỏi: ‘’nếu ông Ngô Đình Diệm nhận đƣợc lời mời của Vua Bảo Đại và

về Huế làm Thủ Tƣớng thay vì Cụ Trần Trọng Kim thì liệu tình hình ‘’có thể’’ đổi khác hay không?’’

Trong cuốn hồi ký *Một Cơn Gió Bụi*, Cụ Trần Trọng Kim cho biết hồi đầu tháng 8 năm 1945, Cụ cùng với một vài vị Bộ Trƣởng nhƣ Hoàng Xuân Hãn, Phan Anh, Vũ Văn Hiền ra Bắc gặp Tƣớng Tsuchi Hashi Yuitsu, Tổng Tƣ Lệnh Nhật tại Đông Dƣơng và đã đƣợc ngƣời Nhật hứa trả lại ngay 3 Thành Phố Hà Nội, Hải Phòng và Đà Nẵng cho chính phủ Việt Nam còn Nam Bộ thì sẽ trả lại sau khi Cụ vào Sài Gòn vào khoảng giữa tháng 8 năm đó. Sau đó Cụ về Huế và tâu với Vua Bảo Đại xin từ chức nhƣng ông Bảo Đại đã yêu cầu Cụ lập một *‘’lâm thời chính phủ’’* để chờ xem tình thế biến đổi nhƣ thế nào.

Nói về ảnh hƣởng của nhóm Việt Minh, Cụ Kim cho biết:

‘’...Đảng Việt Minh lúc ấy rất hoạt động, đánh Huyện này, phá Phủ kia, lính Bảo An ở các nơi phần nhiều bị Việt Minh tuyên truyền, tuy chƣa theo hẳn nhƣng không chống cự nữa. Dân gian lúc bấy giờ rất hoang mang, một đƣờng có chính phủ quốc gia, nhƣng vì thời gian eo hẹp chƣa kịp sắp đặt gì cả, công việc thấy có nhiều sự khốn khó mà thƣờng nghe sự tuyên truyền của Việt Minh nói rằng họ đã có các nƣớc Đồng Minh giúp đỡ cho nƣớc Việt Nam đƣợc hoàn toàn độc lập. Dân ta từ khi bị ngƣời Pháp sang cai trị cứ khao khát độc lập, nay nghe Việt Minh nói nhƣ thế, lại nghe nói đảng Việt Minh lên cầm quyền thì dân không phải đóng thuế nữa, đƣợc hoàn toàn tự do và có nhiều hạnh phúc, thành ra ai cũng tin theo. Ngay cả những đạo Thanh Niên Tiền Tuyến do Bộ Thanh Niên lập ra cũng có ý ngã về Việt Minh...’’ (27)

Nói về ngày 19 tháng 8 năm 1945 tại Hà Nội, Cụ Trần Trọng Kim cho biết thêm:

‘’Lâm thời chính phủ vừa làm việc mấy ngày, ông Phan Kế Toại điện vào xin từ chức. Lúc ấy bọn ông Nguyễn Xuân Chữ, Trần Văn Lai xin lập Ủy Ban Cứu Quốc. Chính phủ nhận lời. Cách hai ngày hôm sau, ngày 19 tháng 8 năm 1945, các công chức ở Hà Nội nghe bọn Việt Minh xúi tổ chức cuộc biểu tình. Đảng Việt Minh nhân cơ hội ấy chiếm lấy Bắc Bộ (28). Đƣợc mấy ngày ông Hồ chí Minh về làm Chủ Tịch chính phủ lâm thời. Các đoàn thể thanh niên và các ngƣời trí thức ở Bắc Bộ điện vào Huế xin Vua Bảo Đại thoái vị và nhƣờng cho Hồ chí Minh...

‘’Trong tình thế nguy ngập nhƣ thế, ở Huế còn có ngƣời bàn sự chống cự. Tôi muốn biết rõ sự thực, liền gọi Trung Úy Phan Tử Lăng, ngƣời đứng coi đoàn Thanh Niên Tiền Tuyến ở Huế, hỏi xem có thể trông cậy bọn ấy đƣợc không. Trung Úy Phan Tử Lăng nói: ‘’Tôi có thể nói riêng về phần tôi thì đƣợc. Còn về các thanh niên tôi không giám chắc.’’

‘’Bọn Thanh Niên Tiền Tuyến trƣớc rất nhiệt thành nay còn thế, huống chi những lính Bảo An và lính Hộ Thành, tất cả độ vài trăm ngƣời, những lính để canh giữ công sở súng ống không ra gì, đạn dƣợc không đủ thì còn làm gì đƣợc. Họ cũng bị Việt Minh tuyên truyền nên xiêu lòng hết cả rồi. Lúc ấy chỉ có cách lui đi là phải hơn cả.’’

Cụ Trần Trọng Kim cho biết rằng sau đó, Cụ đã tâu lên Vua Bảo Đại rằng ‘’vì dân ta đã bị bọn Việt Minh tuyên truyền và đang hăng hái về việt cách mạng nhƣ nƣớc đang lên mạnh, mình ngăn lại thì vỡ lỡ hết cả. Mình thế lực đã không có, bọn Việt Minh lại có dân chúng ủng hộ, nên để cho họ nhận lấy trách nhiệm bảo vệ nền độc lập của nƣớc...’’

‘’Vua Bảo Đại là ông Vua thông minh nên hiểu ngay và nói: Trẫm có thiết gì ngôi Vua đâu, miễn là bọn Việt Minh giữ đƣợc nền tự chủ của nƣớc nhà là đủ.

‘’Trẫm muốn là ngƣời dân một nƣớc độc lập còn hơn là làm Vua một nƣớc nô lệ.’’ ‘’Nhờ Ngài có tƣ tƣởng quảng đại nên có tờ chiếu thoái vị. Khi tờ chiếu ấy tuyên bố

ra, nhân dân có nhiều ngƣời ngậm ngùi cảm động, nhƣng lúc ấy phần tình thế nguy ngập, phần sợ hãi, còn ai dám nói năng gì nữa. Đến bọn Thanh Niên Tiền Tuyến, những ngƣời mà chính phủ tin cậy, cũng bỏ theo Việt Minh, bọn lính Hộ Thành của Nhà Vua cũng không nghĩ đến nữa. Còn các Quan cũ lẩn nấp đâu mất cả. Thật là tình cảnh rất tiều tụy. Nếu không mau tay lui đi, tính mệnh Nhà Vua và Hoàng Gia chƣa biết ra thế nào...’’ (29)

Cụ Trần Trọng Kim đã trình bày rất rõ ràng về những ngày cuối cùng của Triều Đình Bảo Đại và nguyên nhân đƣa đến chỗ Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị là vì nhân dân cũng nhƣ là Thanh Niên Tiền Tuyến, lính Bảo An và lính Hộ Thành đã nghe theo lời tuyên truyền cho nên đều theo Việt Minh còn các Quan lại của Nhà Vua thì cũng đều ‘’lẩn nấp’’ đâu mấy cả cho nên ông Bảo Đại chung quanh chẳng còn ai nữa. Ông Bảo Đại là ngƣời thông minh cho nên ông đã không muốn ông và cả gia đình đều bị trở thành nạn nhân nhƣ gia đình Vua Louis XVI của Pháp và Nga Hoàng Nicolas II của Nga, do đó mà ông Bảo Đại đã thoái vị.

Tuy nhiên về sau thì cũng có một số dƣ luận cho rằng Cụ Trần Trọng Kim là ngƣời không có tinh thần tranh đấu vì khi Cụ đƣợc mời làm Thủ Tƣớng thì Cụ đã ngoài 60 tuổi, đã về hƣu trí từ hơn 4 năm về trƣớc và không hề có kinh nghiệm gì trong việc cai trị. Họ cho rằng nếu ông Ngô Đình Diệm làm Thủ Tƣớng lúc đó thì ông trẻ tuổi hơn, mới 45 tuổi, ông Ngô Đình Diệm không thích cộng sản và có kinh nghiệm đối đầu với cộng sản trong suốt thời gian ông làm Quan, từ cấp Phủ Huyện lên đến cấp Tỉnh và sau cùng làm Thƣợng Thƣ đứng đầu Lục Bộ, do đó cái chính phủ mà ông Ngô Đình Diệm sẽ thành lập hồi đó*‘’có thể’’* đã không quá tiêu cựu nhƣ chính phủ của Cụ Trần Trọng Kim sau khi Nhật đầu hàng,*‘’có thể’’* cái chính phủ của ông Ngô Đình Diệm đã không khuyên Vua Bảo Đại thoái vị,*‘’có thể’’* cái chính phủ của ông Ngô Đình Diệm sẽ nhận lời yêu cầu của quân đội Nhật bảo vệ cho chính quyền của Vua Bảo Đại và cũng*‘’rất có thể’’* với một chính phủ nhƣ vậy, Việt Minh cũng khó mà cƣớp đƣợc chính quyền một cách quá dễ dàng nhƣ đã xảy ra...

Vào năm 1945, Bác Sĩ Phan Huy Quát giữ chức Đổng Lý Văn Phòng cho Thủ Tƣớng Trần Trọng Kim tại Huế. Ngƣời viết có hỏi Bác Sĩ Phan Huy Quát về điểm này thì đƣợc ông Quát trả lời nhƣ sau:

‘’Nếu vào tháng 3 năm 1945 mà ông Ngô Đình Diệm về đƣợc Huế thì chắc chắn ông Diệm sẽ làm Thủ Tƣớng theo lời mời của Vua Bảo Đại chứ không phải là Cụ Trần Trọng Kim. Tuy nhiên nếu ông Diệm có làm Thủ Tƣớng đi nữa thì tôi nghĩ rằng những thành phần mà ông Diệm sẽ chọn vào Nội Các cũng chẳng có gì thay đổi mấy vì ông ta cũng phải chọn lựa những ngƣời mà Vua Bảo Đại đã gửi thƣ mời về Huế để tham khảo ý kiến. Trong chính phủ Trần Trọng Kim, hầu nhƣ tất cả các vị Bộ Trƣởng đều là những ngƣời đã đƣợc Vua Bảo Đại mới về Huế, chỉ có Kỹ Sƣ Lƣu Văn Lang, Bộ Trƣởng Công Chánh, là đang ở Sài Gòn và vì vậy mà về sau thì ông ta không về nhận chức...’’

Cụ Trần Quốc Anh, một nhận vật có nhiều liên hệ với Hoàng Đế Bảo Đại, Cụ Trần Trọng Kim, Giáo Sƣ Hoàng Xuân Hãn, ông Phạm Quỳnh, Hoàng Thân Vĩnh Cẩn...từ thời trƣớc năm 1945, cũng đã có tiết lộ về chuyện nhân sự trong Nội Các Trần Trọng Kim trong một tập hồi ký do Cụ viết trên giƣờng bệnh vào năm 1966 nhƣ sau:

‘’Tối hôm 17 tháng 3 năm 1945, ông Vĩnh Cẩn đến nhà tôi. Tôi đã biết ông Cẩn đến có việc gì. Tôi mời ông ngồi, rồi ông hỏi tôi:

* Ngài (Bảo Đại) ban ra trƣớc hết anh có nhận đƣợc trọng trách lập Nội Các không ?

Tôi trả lời ngay lập tức:

* Đức Ông tâu với Ngài:

1.- Tôi không đủ tài và cũng không và cũng không có đức tính để lập một Nội Các trong lúc giao thời này.

2.- Là tôi đang còn trẻ và cũng không có bằng cấp gì để gây tín nghiệm trong giới trí thức hiện đại.

Ông Cẩn hỏi tiếp:

* Ngài có ban, nếu anh không nhận đƣợc thì anh đề nghị những ngƣời đủ tƣ các để lập Nội Các.

Tôi nghĩ ngay đến Cụ Trần Trọng Kim vừa mới ở Singapore về Bangkok, tôi liền viết ngay bản danh sách từng nhân vật một, vị nào ở địa vị nào. Sở dĩ tôi đề nghị Cụ Kim ra lập Nội Các để Cụ biết rõ sự thông minh của Hoàng Đế vì từ bao nhiêu năm nay Cụ cũng nhƣ

nhiều ngƣời khác coi rẻ Hoàng Đế cho Hoàng Đế là một thanh niên ngốc (xin lỗi Ngài) Vậy tôi viết danh sách:

Thủ Tƣớng: Trần Trọng Kim kiêm Ngoại Giao. Bộ Nội Vụ: Một trong ba vị Đƣờng Quan là Hoàng Trọng Phu, Vi Văn Định và Trần Văn Thông. Tuy tôi chƣa biết chắc ba vị này ai đã chịu nhận nhƣng vì cấp bách nên đợi giờ phút cuối cùng sẽ liệu. Bộ Giáo Dục: Hoàng Xuân Hãn. Bộ Công Chánh: Kỹ Sƣ Lƣu Văn Lang. Bộ Tài Chánh: Vũ Văn Hiền hay Trịnh Bá Bích (tôi không biết Cụ Bích đã chết rồi) Bộ Kinh Tế & Tiếp Tế: Hồ Tá Khanh. Bộ Y Tế: Bác Sĩ Vũ Ngọc Anh. Bộ Quốc Phòng: Đại Tá Nguyễn Văn Xuân. Bộ Tƣ Pháp: Trịnh Đình Thảo. Thanh Niên & Thể Thao: Phan Anh.

Những ngƣời này không ai biết tôi và tôi cũng không quen ai. Tôi chỉ biết họ qua nhận xét của tôi về đức tính và tài năng. Khi ông Cẩn cầm danh sách về cho Hoàng Đế thì Ngài thỉnh danh sách ấy và yêu cầu cố vấn phủ mới những vị này đến Huế...’’ (30)

Sự tiết lộ của Cụ Trần Quốc Anh cho thấy danh sách mà Cụ đề nghị đã đƣợc trình cho Hoàng Đế Bảo Đại đúng một tháng trƣớc ngày Nội Các Trần Trọng Kim ra mắt và chỉ có ba ngƣời không có tên trong danh sách này mà lại có tên trong Nội Các là Luật Sƣ Trần Văn Chƣơng, Bộ Trƣởng Ngoại Giao, Bác Sĩ Trần Đình Nam, Bộ Trƣởng Nội Vụ và Nguyễn Hữu Thi, Bộ Trƣởng Tiếp Tế. Sự tiết lộ này đã cho thấy rằng nhận xét của Bác Sĩ Phan Huy Quát là đúng khi ông nói rằng dù ông Ngô Đình Diệm có đƣợc làm Thủ Tƣớng hồi đó thì thành phần nhân sự trong Nội Các của ông cũng chẳng có gì thay đổi nhiều cho lắm.

Bác Sĩ Phan Huy Quát còn cho biết thêm về chƣơng trình hành động của Hoàng Đế Bảo Đại:

*‘*’Một trong những vấn đề ƣu tiên hàng đầu mà Vua Bảo Đại muốn chính phủ phải thực hiện ngay lúc đó là đòi lại ba Thành Phố Hà Nội, Hải Phòng và Đà Nẵng cùng với Nam Bộ trong tay ngƣời Nhật để dành lại nền độc lập và chủ quyền toàn vẹn cho đất nƣớc. Những việc đó thì cho đến đầu tháng 8 năm 1945 Cụ Trần Trọng Kim mới thực hiện đƣợc nhƣng chỉ vài ngày sau thì Nhật Bản bị bom nguyên tử và phải đầu hàng khoảng một tuần sau đó. Tôi nghĩ rằng nếu ông Diệm có làm Thủ Tƣớng thì cũng phải tuân theo chỉ thị của Vua Bảo Đại mà dành mọi ƣu tiên cho những việc này nhƣ Cụ Trần Trọng Kim đã làm.

‘’Trong Nội Các Trần Trọng Kim không hề có Bộ Quốc Phòng mà hồi trƣớc gọi là Bộ Binh vì lúc đó Việt Nam chƣa có quân đội. Vua Bảo Đại có ý muốn thành lập quân đội nhƣng Nhà Vua lại giao việc đó cho Bộ Thanh Niên do Luật Sƣ Phan Anh làm Bộ Trƣởng. Luật Sƣ Phan Anh và Giáo Sƣ Tạ Quang Bửu đã thành lập Trƣờng Thanh Niên Tiền Tuyến ở Huế với nhiệm vụ đào tạo các cấp chỉ huy cho quân đội và ngƣời đƣợc họ giao cho chức vụ chỉ huy lớp huấn luyện này cũng nhƣ là các lực lƣợng Bảo An chừng khoảng chƣa tới hai trăm ngƣời là Trung Úy Phan Tử Lăng. Có thể nói Trung Úy Phan Tử Lăng là vị Sĩ Quan ngƣời Việt Nam cao cấp nhất giữ chức vụ chỉ huy tất cả các lực lƣợng quân sự trong chính quyền của Vua Bảo Đại hồi đó. Vào tháng 8 năm 1945 thì đại đa số trong nhóm các Thanh Niên Tiền Tuyến cũng nhƣ là lính Bảo An đến theo Việt Minh và sau này thì chính ông Phan Tử Lăng cũng theo Việt Minh luôn.

‘’Tôi nghĩ rằng nếu đƣợc nằm giữ vai trò Thủ Tƣớng thì có lẽ ông Ngô Đình Diệm cũng có thể làm đƣợc nhiều điều khác, tuy nhiên với sự thiếu phƣơng tiện để liên lạc với các Tỉnh ở khắp ba miền Nam Trung Bắc nhƣ hồi đó, nhất là với một lực lƣợng quân sự hồi đó nhƣ thế, liệu ông Diệm có thể làm đƣợc điều gì khác hơn để giữ cho ông Bảo Đại không thoái vị và chống lại đƣợc cuộc ‘’tổng khởi nghĩa’’ của Việt Minh hay không ?’’

Tƣởng cũng nên nhắc lại là Bác Sĩ Phan Huy Quát, cựu Đổng Lý Văn Phòng của Thủ Tƣớng Trần Trọng Kim về sau trở thành Tổng Trƣởng Quốc Gia Giáo Dục và Tổng Trƣởng Quốc Phòng dƣới thời Quốc Trƣởng Bảo Đại và sau đó làm Tổng Ngoại Giao vào năm 1964 và Thủ Tƣớng Chính Phủ vào năm 1965. Vào năm 1950, chính Bác Sĩ Phan Huy Quát đã nhận đƣợc lệnh của Quốc Trƣởng Bảo Đại thành lập Quân Đội Quốc Gia Việt Nam và ông chính là ngƣời đã ký nghị định thành lập Trƣờng *‘’Võ Bị Liên Quân Đà Lạt’’* để huấn luyện

Sĩ Quan Hiện Dịch và hai Trƣờng *‘’Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức’’* và *‘’Sĩ Quan Trừ Bị Nam Định’’* để huấn luyện các Sĩ Quan Trừ Bị cho Quân Đội Quốc Gia sau này trở thành Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Luật Sƣ Phan Anh, cựu Bộ Trƣởng Thanh Niên trong chính phủ Trần Trọng Kim về sau trở thành Bộ Trƣởng Kinh Tế và Giáo Sƣ Tạ quang Bửu trở thành Thứ Trƣởng Quốc Phòng trong chính phủ của Hồ chí Minh vào năm 1946. Ông Phan Anh là một trong những đoàn viên trong phái đoàn Việt Minh tham dự Hội Nghị Genève do Phạm văn Đồng cầm đầu, ông Tạ quang Bửu đại diện cho Việt Minh cùng với Thiếu Tƣớng Delthei đại diện cho quân đội Pháp ký kết vào bản Hiệp định Genève về Đông Dƣơng vào năm 1954. Về phần các thanh niên tham gia vào Thanh Niên Tiền Tuyến dƣới thời chính phủ Trần Trọng Kim hồi năm 1945 tại Huế, đa số là những ngƣời đã là những ngƣời đã đậu bằng Tú Tài phần 1 hay phần 2 hồi đó, sau này họ đều trở thành Sĩ Quan cao cấp kể cả cấp tƣớng lãnh trong quân đội nhân dân việt nam của cộng sản Bắc Việt.

Về nhân vật Phan Tử Lăng, Cụ Trần Quốc anh có cho biết thêm một vài chi tiết nhƣ

sau:

‘’Pháp biết Nhật sắp lật mình nhƣng không biết ngày giờ nào để đề phòng. Trái lại,

Nhật biết ngày nào Pháp sẽ đánh Nhật. Hợp tác viên có lợi nhất cho Nhật ở Huế là Trung Úy Phan Tử Lăng, (sau này làm Phó Tổng Tham Mƣu Kháng Chiến) đã cung cấp cho Nhật một bản đồ có chi tiết tỉ mỉ về vị trí Đồn Mang Cá. Cách đó ít lâu, Pháp biết có sự mật giao giữa Nhật và Trung Úy Lăng, Pháp đã phái ông này đi thanh tra ở Nghệ An và ông này đã bị thƣơng ở bả vai hôm 9.3.1945 vì ngƣời Nhật ở Vinh không biết ông.’’ (31)

Trong một cuốn sách dày trên 600 trang nói về năm 1945, Tiến Sĩ David Marr, một Sử Gia ngƣời Mỹ đã cho biết thêm một vài chi tiết về Trung Úy Phan Tử Lăng:

‘’Khi đã đến lúc mà sự đối nghịch (giữa Việt Minh và chính quyền của Vua Bảo Đại) đã cần kề thì mọi ngƣời đều chú ý đến Trung Úy Phan Tử Lăng, Chỉ Huy Trƣởng các đơn vị Bảo An Binh trong vùng Thừa Thiên-Huế, một vị Sĩ Quan có tài và đƣợc nhiều ngƣời kính trọng. Trong những ngày trƣớc đó, Tôn quang Phiệt đã giới thiệu Lê tự Đồng, một đảng viên cộng sản đóng vai trò quan trọng trong Ủy Ban Khởi Nghĩa ở Huế với Trung Úy Phan Tử Lăng. Trong cuộc hội kiến này, Trung Úy Lăng đã đặt rất nhiều câu hỏi về những chính sách đối nội cũng nhƣ là đối ngoại của Việt Minh với Lê tự Đồng. Vào ngày 17 tháng 8 năm 1945, Hoàng Anh, bí thƣ tỉnh ủy Thừa Thiên đã đến gặp Phan Tử Lăng tại tƣ gia của ông khi ông đang ở trần bửa củi trong sân. Sau đó, Phan Tử Lăng đã đồng ý để cho tức là cho phép một cách gián tiếp ngƣời đại diện của mặt trận Việt Minh nói chuyện với các đơn vị Bảo An Binh. Phan Tử Lăng cũng còn cố vấn cho Hoàng Anh biết rõ trong những đơn vị đó những ngƣời nào là chống lại Việt Minh, những ngƣời nào còn đứng giữa không theo ai và những ngƣời nào là chống lại Việt Minh. Tuy vậy nhƣng nói chung thì Phan Tử Lăng lúc đó chƣa tỏ ra có thái độ bất tuân những lệnh của Vua Bảo Đại hay chính phủ của ông ban ra.

‘’Ngày 22 tháng 8, khi Cụ Trần Trọng Kim cho ngƣời mời Trung Úy Phan Tử Lăng đến hỏi xem các đơn vị Thanh Niên Tiền Tuyến và Bảo An Binh dƣới quyền chỉ huy của ông ta còn có thể tin cậy đƣợc hay không thì ông Phan Tử Lăng đã trả lời một cách mơ hồ. Khi kiểm soát lại thì Cụ Trần Trọng Kim mới biết rằng ngay cả đơn vị lính Hộ Thành tức là lính gác của Nhà Vua với quân số lên tới mấy trăm ngƣời cũng đã bị Việt Minh xâm nhập và đã mất hết tinh thần. Do đó ông đã đề nghị Vua Bảo Đại thoái vị đề tránh khỏi bị giết nhƣ trƣờng hợp Pháp Hoàng Louis XVI và Nga Hoàng Nicolas II...’’ (32)

Trung Úy Phan Tử Lăng thì về sau cũng có tham gia Việt Minh, sau năm 1975 ông Phan Tử Lăng vẫn còn sống và làm thanh tra ngành kỹ nghệ kim khí tại Sài Gòn. Một trong những ngƣời con của ông về sau đƣợc đi du học tại Liên xô, đó là Tiến Sĩ Phan lƣơng Cầm. Bà Phan lƣơng Cầm hiện nay là phu nhân của ông Võ văn Kiệt, cựu ủy viên bộ chính trị của đảng cộng sản Việt Nam và cựu Thủ Tƣớng của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa.

Ngoài một số ngƣời Việt Nam, cũng có một vài sử gia ngoại quốc đã nghĩ rằng nếu ông Ngô Đình Diệm đƣợc làm Thủ Tƣớng vào năm 1945 thì tình thế*‘’có thể’’* thay đổi. Trong một cuốn sách đƣợc xuất bản vào năm 1997, Giáo Sƣ Sử Học *Robert D. Schulzinger*, Giám Đốc Chƣơng Trình Các Vấn Đề Quốc Tế tại Viện Đại Học Colorado tại Boulder cũng có đồng quan điểm nhƣ vậy:

‘’Trần Trọng Kim, một Sử Gia có tinh thần quốc gia, trở thành Thủ Tƣớng và đã chọn Quốc Hiệu là Việt Nam, chọn lá cờ vàng làm Quốc Kỳ và một bài Quốc Ca. Tuy nhiên ông là một nhà lãnh đạo yếu ớt, phải đi giây giữa ngƣời Nhật đang nắm quyền và sự tạo lập một chính phủ độc lập thật sự, ông đã đƣợc ngƣời đƣơng thời gọi là ‘’Kerensky Việt Nam’’ để so sánh với ông Alexander Kerensky, vị Thủ Tƣớng chính phủ lâm thời tại Nga trƣớc khi từ chức nhƣờng quyền lại cho phe cộng sản bolchevik vào năm 1917. Thực ra thì Bảo Đại muốn mời ông Ngô Đình Diệm làm Thủ Tƣớng thay vì ông Trần Trọng Kim vì ông Diệm là ngƣời đã chống lại sự hợp tác với ngƣời Nhật, do đó ông ta có nhiều uy tín hơn nếu đứng đầu một chính phủ. Nhƣng ngƣời Nhật đã chống lại việc mời ông Diệm vì họ sợ rằng ông ta có tinh thần độc lập quá cao.

‘’Lịch sử nƣớc Việt Nam có thể đã có thể đã có nhiều thay đổi nếu mà ông Ngô Đình Diệm đƣợc làm Thủ Tƣớng chính phủ Việt Nam sau khi ngƣời Nhật lật đổ ngƣời Pháp vào tháng 3 năm 1945.’’ (33)

Có thay đổi hay không, điều đó cũng chỉ là một trong những cái *‘’nếu’’* một trong cái

*‘’có thể’’* trong lịch sử mà thôi.

## *Trần Đông Phong*

**Chú Thích:**

1.- Bảo Đại: ‘***’Con Rồng Việt Nam’’*** Nguyễn Phức Tộc xuất bản, California, 1990.

Trang 164-165.

2.- Trần Trọng Kim: ***‘’Một Cơn Gió Bụi’’*** Vĩnh Sơn tái bản, Sài Gòn 1969. Trang 42-

45.

3.- Trần Trọng Kim: Sách đã dẫn, trang 49-51.

\* Ghi chú của ngƣời viết: Vào thời 1945, ngƣời Việt Nam dùng chữ ‘’bọn’’ để chỉ một

nhóm ngƣời nhƣ Cụ Trần Trọng Kim đã dùng ‘’bọn ông Hoàng Xuân Hãn, bọn ông Diệm’’ v.v...và chữ ‘’bọn’’ này hoàn toàn không hề có mang ý nghĩ xem thƣờng, vô lễ hay bất kính nhƣ hiện nay.

4.- Trần Trọng Kim: Sách đã dẫn, trang 45.

5.- David Marr: ***‘’Vietnam 1945, the Quest for Power’’*** University of California Press, Berkeley. Los Angeles. London, 1995. Trang 89, trích lại Nitz: ‘’Independence’’ trang

117. Phỏng vấn Ishida Masao, (Phó Tổng Lãnh Sự Nhật tại Huế vào năm 1943-1945) tại Tokyo năm 1962 và Komatsu Kiyoshi ‘’Betonamu’’ (Vietnam) Tokyo 1955. Trang 238.

6.- Trần Quốc Anh: ***‘’Ký Sự Đềnh Đoàng’’*** Trần gia xuất bản, California 2005. Trang

15-16.

7.- Nguyễn Trân: ***‘’Công Và Tội, Những Sự Thật Lịch Sử’’*** Xuân Thu, California

1992. Trang 145.

8.- Hữu Ngọc-Nguyễn đức Hiền: ‘’La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn, Tập I’’ Nhà xuất bản giáo dục. Hà Nội 1998. Trang 303: ***‘’Nhà Học Giả Để Lại Cho Hậu Thế Những Bài Học Quý Giá’’*** của Thu Trang, Tiến Sĩ Sử Học Pháp.

9.- Thụy Khuê: ***‘’Nói Chuyện Với Hoàng Xuân Và Tạ Trọng Hiệp’’*** Nhà xuất bản Văn Nghệ 2002, Trang 134-135.

10.- Trần Quốc Anh: ***‘’Ký Sự Đềnh Đoàng’’*** trang 32. 11.- Thụy Khuê: Sách đã dẫn, trang 142-145

12.- David Marr: Sách đã dẫn. Trang 27-28.

13.- Chiang Yung Ching (Tƣởng Vĩnh Kính):***‘’Hồ chí Minh tại Trung Quốc’’*** Văn Nghệ, California, 1986.

14.- Hoàng văn Hoan *‘’Giọt nước mắt trong biển cả’’*Nhà xuất bản Tin Việt Nam, tháng 7 năm 1986. Bản điện tử Talawas, phần 7 ngày 19. 10. 2005.

15.- Tƣởng Vĩnh Kính: ‘’Trƣơng Phát Khuê trả lời cuộc phỏng vấn của Tƣởng Vĩnh Kính và Julie How tại Hongkong ngày 6 tháng 9 năm 1966’’ Sách đã dẫn, trang 190-191.

16.- Nguyễn Kỳ Nam: ***‘’Hồi Ký, 1925-1964’’*** Dân Chủ Mới, Sài Gòn 1964. Trang 176-180.

17.- Nguyễn Long Thành Nam: ***‘’Phật Giáo Hòa Hảo Trong Dòng Lịch Sử Dân Tộc’’*** Đuốc Từ Bi, California, 1991. Trang 207-208.

18.- Trần Quốc Anh: Tài liệu đã dẫn, trang 7. 19.- David Marr: Sách đã dẫn, trang 86.

20.- Nguyễn Xuân Chữ: ***‘’Hồi Ký’’*** Văn Hóa, Texas, 1996. Trang 236-251.

21.- Hồ Sĩ Khuê: ***‘’Hồ chí Minh, Ngô Đình Diệm và mặt trận giải phóng’’*** Văn Nghệ, 1992. Trang 159.

22.- David Marr: Sách đã dẫn, trang 89.

23.- David Marr: Sách đã dẫn, trang 87-90. Trích dẫn trong ‘’Tsuchiyashi Nikki’’ (Hồi Ký của Tsushiyashi).

24.- David Marr: Sách đã dẫn, Notes #175, trang 116. 25.- Trần Quốc Anh: Tài liệu đã dẫn, trang 16.

26.- David Marr: Sách đã dẫn, trang 89.

27.- Trần Trọng Kim: Sách đã dẫn, trang 85-86.

28.- Ghi chú: Có nhiều ngƣời cho rằng các danh từ ‘’Bắc Bộ’’, ‘’Trung Bộ’’, ‘’Nam Bộ’’ là do Việt Minh đặt ra và hiện vẫn đang đƣợc dùng tại Việt Nam. Tuy nhiên ở đây Cụ Trần Trọng Kim đã dùng danh từ Bắc Bộ thì điều này chứng tỏ rằng những danh từ này đã có từ thời chính phủ Trần Trọng Kim. Ngoài ra, ngƣời viết cũng tìm ra đƣợc một tài liệu khác: Theo ông Đào Văn Hội, tác giả cuốn *‘’Lịch Trình Hành Chánh Nam Phần’’* do tác giả xuất bản tại Sài Gòn vào năm 1969, ở trang 50 có ghi rõ về chuyện ông Nguyễn Văn Sâm đƣợc bổ nhiệm làm Khâm Sai nhƣ sau: ‘’Dụ số 108 của Hoàng Đế Bảo Đại sung chức ***‘’Khâm Sai Nam Bộ’’*** cho ông Nguyễn Văn Sâm ký ngày 15 tháng 8 năm 1945...’’ Nhƣ vậy thì Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ đã đƣợc chính phủ Trần Trọng Kim đặt ra trƣớc khi Việt Minh cƣớp chính quyền chứ không phải do Việt Minh đặt ra sau ngày 19 tháng 8 năm 1945.

29.- Trần Trọng Kim: Sách đã dẫn, trang 91-93.

30.- Trần Quốc Anh: Hồi Ký Đềnh Đoàng, trang 26-27. 31.- Trần Quốc Anh: Tài liệu đã dẫn, trang 19.

32.- David Marr: Sách đã dẫn. Trang 442-443. Những chi tiết nói trên đƣợc trích dẫn trong cuốn *‘’Bình Trị Thiên’’* của Hoàng Anh và Lê tự Đồng’

33.- Robert D. Schulzinger: ***‘’A Time for War: The United States and Vietnam, 1945-1975’’*** Oxford University Press, New York 1997. Trang 17.